

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình đào tạo: **Sư phạm Lịch sử chất lượng cao**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Sư phạm Lịch sử**

Mã số:

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

(Ban hành theo Quyết định số 1794/QĐ-ĐHHD ngày 25/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử chất lượng cao có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cơ bản, sâu rộng, vững chắc về khoa học Lịch sử, khoa học giáo dục, nhất là phương pháp dạy học lịch sử, có kỹ năng nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử ở bậc phổ thông bằng tiếng Việt và tiếng Anh, đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp dạy học ở trường phổ thông hiện nay; có khả năng tiếp tục tự học, tự bồi dưỡng, hoàn thiện năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp ở trình độ cao hơn. Có đủ khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ thạc sĩ và tiến sĩ ở trong và ngoài nước.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

1.1.2.1. Về kiến thức

- Vận dụng tốt kiến thức giáo dục đại cương vào việc dạy học Lịch sử các bậc học theo chương trình đào tạo.

- Sử dụng tốt các kiến thức cơ bản của khoa học Lịch sử phục vụ dạy học Lịch sử trong chương trình giáo dục Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và nghiên cứu khoa học phục vụ dạy học.

- Vận dụng tốt kiến thức về tâm Lịch sử học, giáo dục học và phương pháp giảng dạy bộ môn trong các hoạt động giảng dạy môn Lịch sử và thành công trong nghề nghiệp;

- Có kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục.

- Có trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh) bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT và có trình độ tiếng Anh chuyên ngành để giảng dạy Lịch sử THPT, THCS bằng tiếng Anh; có trình độ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định hiện hành của Bộ Thông tin và Truyền thông trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông.

1.1.2.2. Về kỹ năng

- Có kỹ năng sư phạm cao để đảm bảo yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, hiệu quả của sự nghiệp giáo dục. Có kỹ năng đổi mới, tự bổ túc, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

- Kỹ năng nghiên cứu, biên soạn lịch sử ở trình độ đại học.

- Có kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình tốt.

- Có kỹ năng thích ứng nhanh, khả năng tìm kiếm, thay đổi nghề nghiệp.

- Có các kĩ năng đánh giá chất lượng dạy học Lịch sử cơ bản và nâng cao, có khả năng sư phạm để tổ chức dạy học môn Lịch sử bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh và áp dụng các phương pháp dạy học tiên tiến.

- Có khả năng giảng dạy tốt Lịch sử theo chương trình mới đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung và phương pháp dạy và học theo hướng phát huy năng lực của học sinh ở trường trung học phổ thông, giảng dạy tốt Lịch sử chuyên cấp đội tuyển tỉnh, quốc gia, CĐ và ĐH.

1.1.2.3. Về thái độ

Yêu nước, yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người giáo viên, có nhu cầu tự học nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp thích ứng với sự biến đổi không ngừng của môi trường giáo dục trong các tình huống thực tế, quan tâm tới sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

1.1.2.4. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Đáp ứng các tiêu chuẩn nghề nghiệp dạy học Lịch sử ở bậc học Trung học cơ sở, Trung học phổ thông; có khả năng tự định hướng, thích nghi với nhu cầu đổi mới của môi trường giáo dục; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong dạy học; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động dạy học Lịch sử trong phạm vi nhất định.

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong dạy học Lịch sử ở bậc trung học phổ thông, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu Lịch sử và quản lý giáo dục; có năng lực tự học, tự nghiên cứu để tích lũy kiến thức, kinh nghiệm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm; có năng lực tự cập nhật thông tin, kiến thức mới về chuyên ngành và khoa học giáo dục, có khả năng thích ứng với các yêu cầu đổi mới giáo dục; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động dạy học Lịch sử, đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và chịu trách nhiệm về tính trung thực, khoa học của các kết luận đó.

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến Lịch sử thông thường và một số vấn đề phức tạp về Lịch sử và dạy học Lịch sử hiện đại; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể (trong nhà trường và trong lớp học); có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động giáo dục.

1.2. Chuẩn đầu vào

- Điều kiện xét tuyển là những học sinh tốt nghiệp THPT đạt các tiêu chí sau:
 - + Hạnh kiểm 3 năm ở THPT đạt loại tốt;
 - + Xếp loại học lực 3 năm ở THPT đạt loại khá trở lên;
 - + Có tổng điểm thi THPT quốc gia 3 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển đạt từ 24.0 điểm trở lên (*điểm từng môn chưa nhân hệ số và không có môn nào dưới 5,0 điểm*) và môn chủ chốt của ngành đào tạo đạt từ 8.0 điểm trở.
 - + Điểm xét tuyển là tổng điểm của 3 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển cộng với điểm khu vực, ưu tiên (nếu có).
 - + Ưu tiên tuyển thẳng đối với đối với học sinh đạt giải Quốc tế, Quốc gia (giải Nhất, giải Nhì và giải Ba) các môn văn hóa tương ứng với ngành đăng ký xét tuyển;
- Xét tuyển từ thí sinh có điểm xét tuyển cao nhất đến hết chỉ tiêu được giao.
- Về tổ hợp xét tuyển: Văn - Sử - Địa; Văn - Toán - Tiếng Anh, Văn - Hóa - Sử, Văn - Sinh - Sử.

1.3. Chuẩn đầu ra

- Mã ngành đào tạo:
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Giới thiệu tóm tắt về chương trình đào tạo:

Đào tạo giáo viên Trung học phổ thông ngành Sư phạm Lịch sử có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; Có kiến thức nền tảng bổ trợ cần thiết của khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, ngoại ngữ, tin học, pháp luật; Có kiến thức chuyên sâu về Lịch sử, khoa học giáo dục và khoa học phương pháp dạy học Lịch sử; Có năng lực sư phạm thành thạo đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu, quản lý giáo dục ở trường phổ thông và các cơ sở giáo dục trong cả nước; Có khả năng tự học, tự nghiên cứu để phát triển ở trình độ đào tạo cao hơn.

1.3.1. Chuẩn năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp

1.3.1.1. Kiến thức

- Nắm vững kiến thức giáo dục đại cương, bao gồm: các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, có chứng chỉ Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng. Nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo.
- Nắm vững kiến thức cơ sở, nâng cao và *chuyên sâu* về Lịch sử dân tộc và Lịch sử thế giới.
- Nắm được *sâu sắc* các nguyên Lý lịch sử cơ bản và nâng cao trong Lịch sử dân tộc và Lịch sử thế giới.
- Nắm vững phương pháp nghiên cứu chuyên sâu trong Lịch sử dân tộc và Lịch sử thế giới và khoa học giáo dục; nắm vững nguyên Lý lịch sử vận dụng kiến thức Lịch sử vào giải quyết một số vấn đề thực tiễn.
- Nắm *sâu sắc* kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, bao gồm: Tâm lý học, Giáo dục học, Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử để thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh.

- Có trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh) *bậc 4/6 Khung* năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

- *Nắm sâu sắc* kiến thức và có kỹ năng *thành thạo* sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và *nâng cao* theo Quy định hiện hành của Bộ Thông tin và Truyền thông trong dạy Lịch sử ở trường phổ thông và *trong nghiên cứu khoa học*.

1.3.1.2. Kỹ năng

Kỹ năng cứng

- Có kỹ năng sư phạm *giỏi*, có khả năng vận dụng tri thức *nhuần nhuyễn* và kỹ năng nghiệp vụ *thành thạo* trong dạy học môn Lịch sử ở các trường THPT, *các lớp chuyên sử, TCCN, Cao đẳng* đáp ứng mục tiêu giáo dục.

- Có khả năng giám sát và đánh giá khách quan, chính xác kết quả học tập của học sinh, hơn nữa có khả năng thay đổi linh hoạt các phương pháp đánh giá khách quan phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện giảng dạy; có khả năng phân loại và lựa chọn học sinh có năng lực thi THPT quốc gia và thành lập đội tuyển thi học sinh giỏi. Có khả năng bồi dưỡng đội tuyển thi học sinh giỏi môn Lịch sử các cấp.

- Có khả năng vận dụng những thành tựu mới trong lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ của mình vào thực tiễn dạy học ở trường phổ thông;

- Có khả năng nghiên cứu *chuyên sâu* về Lịch sử và khoa học giáo dục.

- Có khả năng tìm hiểu đối tượng giáo dục và môi trường giáo dục; Lập và triển khai kế hoạch dạy học, tổ chức tốt mọi hoạt động trong công tác dạy học, xây dựng và quản Lý sử hồ sơ sổ sách, làm công tác giáo viên chủ nhiệm lớp.

- Có khả năng tự học, nghiên cứu khoa học *độc lập* và làm việc theo nhóm, thể hiện ở khả năng phối hợp thực hiện các đề tài, dự án, sáng kiến kinh nghiệm; có kỹ năng thuyết trình, viết báo cáo, trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu, sáng kiến kinh nghiệm bằng tiếng Việt và *tiếng Anh*.

- *Hướng dẫn học sinh tra cứu tài liệu quốc tế về chuyên môn Lịch sử bằng tiếng Anh và tìm kiếm những thông tin mới*.

Kỹ năng mềm

- Kỹ năng tự học, tư duy sáng tạo, phân tích tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học ở *mức khá* để giải quyết vấn đề gặp phải.

- Kỹ năng phân tích tổng hợp và đánh giá một *cách toàn diện* các vấn đề giáo dục ở tầm vĩ mô và vi mô.

- Kỹ năng giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác *lưu loát*.

- Có kỹ năng *làm chủ nhóm*, làm việc nhóm và làm việc độc lập để hoàn thành công việc.

- Có kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đưa ra nhận xét phù hợp về thông tin cần tìm.

- *Có kỹ năng trao đổi học thuật chuyên môn với các chuyên gia*.

1.3.1.3. Thái độ

Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy chế giáo dục đào tạo; Có thái độ cầu thị, chủ động học tập rèn luyện nâng cao trình độ lý luận chính trị vận dụng vào hoạt động giảng dạy, hoạt động giáo dục đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của người giáo viên; Tham gia tích cực các hoạt động chính trị xã

hội, các lớp học tập nghiên cứu các Nghị quyết của Đảng, chủ trương quan điểm đổi mới của ngành giáo dục; Sẵn sàng thích ứng với những biến đổi của môi trường nghề nghiệp, cuộc sống lao động, sáng tạo trong nền kinh tế thị trường và xu thế hội nhập toàn cầu.

1.3.1.4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Có năng lực định hướng *cao* trong quá trình dạy và học Lịch sử; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi *cao* với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến Lịch sử thông thường và một số vấn đề phức tạp về Lịch sử và dạy học Lịch sử hiện đại; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể (trong nhà trường và trong lớp học); có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động giáo dục ở quy mô trung bình.

1.3.1.5. Tiếng Anh

- Có thể giao tiếp bằng tiếng Anh hầu hết các tình huống về Lịch sử thông thường; có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một báo cáo về ngành Lịch sử hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành Lịch sử; có thể viết báo cáo liên quan đến chuyên môn Lịch sử; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phân biệt một vấn đề Lịch sử bằng Tiếng Anh; Đạt bậc 4 (B2) trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

- Có khả năng giảng dạy và giải bài tập Lịch sử bằng tiếng Anh.

1.3.1.6. Công nghệ thông tin

- Sử dụng công nghệ thông tin *thành thạo* trong khai thác Internet; các phần mềm tin học cơ bản trong soạn thảo văn bản, thiết kế bài giảng điện tử phục vụ công tác, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Khả năng nghiên cứu *tốt*, sử dụng *thành thạo* có hiệu quả các phương tiện dạy học.

- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

- Vận dụng linh hoạt công nghệ thông tin vào bài giảng để nâng cấp chất lượng giờ dạy.

1.3.2. Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp (của người tốt nghiệp)

Sau khi học xong chương trình này, người học có khả năng:

- Giảng dạy Lịch sử ở các cấp THCS, THPT, *THPT song ngữ, THPT Chuyên, TCCN, cao đẳng.*

- Làm việc ở các cơ quan khoa học, nghiên cứu liên quan đến Lịch sử.

- Làm cán bộ quản lý giáo dục ở các Sở, Ban ngành.

1.3.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp ra trường người học có thể:

- Tiếp tục tự học tập hoàn thiện kiến thức, kỹ năng để trở thành giáo viên giỏi, cán bộ giỏi, *tiếp tục học tập ở các trường đại học nước ngoài.*

- Tham gia nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao năng lực làm việc.

- Tiếp tục tham gia học tập nâng cao trình độ lên thạc sỹ, tiến sỹ các chuyên ngành Lịch sử và các chuyên ngành gần khác.

- Học văn bằng hai ở các ngành phù hợp.

- *Tiếp tục học tập rèn luyện để có thể giảng dạy tốt Lịch sử ở các nước sử dụng tiếng Anh.*

2. Thời gian đào tạo: 4 năm (48 tháng)

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ (chưa tính các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành.

5. Kiểm tra, đánh giá và thang điểm: theo Quy chế đào tạo và quy định hiện hành.

6. Nội dung chương trình: 136 TC

7.1	Kiến thức giáo dục đại cương	42 TC
7.1.1	Lý luận chính trị	12
7.1.2	Ngoại ngữ	12
7.1.3	Kiến thức chung trong khối ngành	8
7.1.4	Kiến thức chung trong nhóm ngành	10
	+ <i>Bắt buộc</i>	0
	+ <i>Tự chọn</i>	10
7.1.5.	Giáo dục thể chất	4
7.1.6.	Giáo dục quốc phòng	165 t
7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	94 TC
7.2.1.	Kiến thức cơ sở ngành	10
7.2.2.	Kiến thức ngành	67
	+ <i>Bắt buộc</i>	51
	+ <i>Tự chọn</i>	16
7.2.3	Thực tế	4
7.2.4	Thực tập, khóa luận/HP thay thế	13
	Kiến tập sư phạm	2
	Thực tập sư phạm	5
	Khoá luận tốt nghiệp/học phần thay thế	6
	<i>Bắt buộc</i>	0
	<i>Tự chọn</i>	6

7. Kế hoạch dạy học

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số ĐVHT	Loại giờ					Học ở học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Đơn vị giảng dạy
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học				
A	KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG		42								
I	Lý luận chính trị, luật		12								
1	196045	Những NLCB của Mác-Lênin 1	2	21	18		90	1	0	BM Nguyên lý	
2	196046	Những NLCB của Mác-Lênin 2	3	32	26		135	2	1	BM Nguyên lý	
3	198025	Đường lối CM của ĐCSVN	3	32	26		135	4	2	BM Đường lối	
4	197035	Tư tưởng HCM	2	21	18		90	3	2	BM Tư tưởng-PL	

5	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	1 2	90	3	2	BM Tư tưởng-PL
II	Ngoại ngữ		12							
6	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180	1	0	BM NN KC
7		Tiếng Anh 2	4	27	18	18	135	2	6	BM NN KC
8		Tiếng Anh 3	4	27	18	18	135	3	7	BM NN KC
III	Kiến thức chung trong khối ngành đào tạo		8							
9	173080	Tin học	2	10	0	4 0	90	1	0	Tin ứng dụng
10	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	18	20	4	90	2	0	BM VN học- du lịch
11	125105	Môi trường và con người	2	18	20	4	90	1	0	BM Thực vật
12	125125	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	18	18	6	90	3	0	BM Lịch sử
IV	Giáo dục thể chất		4TC							LLPPDH GDTC
1	191004	Giáo dục thể chất1	2	10	0	40		1		
2		Giáo dục thể chất2	2	0	0	6 0		2		
	<i>Chọn 1 trong 5 nội dung</i>									
A	191031	Bóng chuyền	2	0	0	60		2		Điền kinh- TD
B	191032	Thể dục Aerobic	2	0	0	60		2		Điền kinh- TD
C	191033	Bóng đá	2	0	0	60		2		Bóng
D	191034	Bóng rổ	2	0	0	60		2		Bóng
E	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2	0	0	60		2		Bóng
V	Giáo dục quốc phòng									
		GD quốc phòng	165							TT GDQP
VI	Khối kiến thức chung trong nhóm ngành đào tạo		10							
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
13	124195	Lịch sử văn minh thế giới	2	18	20	4	90	2	0	BM Lịch sử
	124115	Kiến thức địa phương Thanh Hóa	2	18	18	6	90	2	0	Lịch sử
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									

14	125085	Kinh tế và phát triển	2	18	18	6	90	5	0	Địa lý KTXH &PPDHDL
	125070	Kinh tế Việt Nam	2	18	18	6	90	5	0	Địa lý KTXH &PPDHDL
Chọn 1 trong 2 học phần										
15	121041	Hán nôm cơ sở	2	18	18	6	90	2	0	VH Việt Nam
		Hán nôm đại cương	2	18	18	6	90	2	0	VH Việt Nam
Chọn 1 trong 2 học phần										
16	123050	Kỹ thuật soạn thảo VB	2	18	18	6	90	2	0	LLVH & PPDHNV
		Kỹ năng giao tiếp	2	18	18	6	90	2	0	Ngôn ngữ
Chọn 1 trong 2 học phần										
17	125016	Thống kê xã hội	2	18	18	6	90	2	0	Địa lý KT – XH
	123240	Xã hội học đại cương	2	18	18	6	90	2	0	Xã hội học
B	KIẾN THỨC GD CHUYÊN NGHIỆP		94							
I	Kiến thức cơ sở ngành		10							
18	181080	Tâm lý học	4	36	40	8	180	3	1	Tâm lý học
19	182005	Giáo dục học	4	36	39	9	180	4	19	Giáo dục học
20	198000	Quản lý HCNN và Quản lý GD	2	18	24	4	90	7	19, 20, 33	Giáo dục học
II	Kiến thức chuyên ngành		84							
21	124030	Cơ sở khảo cổ học	2	18	24	4	90	6	0	BM Lịch sử
22	124 050	Các dân tộc Việt Nam	2	18	24	4	90	6	0	BM Lịch sử
Chọn 1 trong 2 học phần										
23	127070	Nhân học đại cương	2	18	24	4	90	2	0	BM Lịch sử
	124250	Nhập môn khu vực học	2	18	24	4	90	2	0	BM Lịch sử
Chọn 1 trong 2 học phần										
24	124330	Tổng quan di sản văn hóa thế giới	2	18	24	4	90	5	0	BM Lịch sử
	124105	Khái lược văn hóa	2	18	24	4	90	5	0	BM Lịch sử

		<i>Đông Nam Á</i>								
25		LS VN từ nguyên thủy đến TK X	3	27	24	12	135	3	36	BM Lịch sử
26		LS VN từ TK X đến năm 1858	3	36	32	16	180	4	26	BM Lịch sử
27	124155	Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến năm 1945	4	36	32	16	180	5	25	BM Lịch sử
28	124041	LS VN từ 1945 đến nay	4	36	32	16	180	6	26	BM Lịch sử
29		Thực tế CM 1	2	10		60	135	4	25	BM Lịch sử
30		Lịch sử thế giới cổ đại	3	27	24	12	135	3	36	BM Lịch sử
31		Lịch sử thế giới trung đại	3	36	32	16	180	4		BM Lịch sử
32	124170	Lịch sử thế giới cận đại	4	36	32	16	180	5	29	BM Lịch sử
33	124550	Lịch sử thế giới hiện đại	4	36	32	16	180	6	30	BM Lịch sử
34	124058	Thực tế CM 2	2	10		60	135	7	27	BM Lịch sử
35	124106	LLDH môn Lịch sử ở trường PT	4	36	32	16	180	5	36	BM Lịch sử
36	124107	Hệ thống PPDH Lịch sử ở trường PT	4	36	32	16	180	6	33	BM Lịch sử
37	124108	Bài học LS ở trường PT	4	36	32	16	180	7	34	BM Lịch sử
38		Nhập môn sử học và Phương pháp luận sử học	3	27	24	12	135	4	10	BM Lịch sử
39		Tiếng Anh chuyên ngành Lịch sử	4	36	24	24	180	6		BM Lịch sử
	Chọn 4/8 HP		12							
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
40-43		Các BP nâng cao hiệu quả dạy học LS ở trường PT	3	27	24	12	135	7	36	BM Lịch sử
		Các tôn giáo lớn trên thế giới	3	27	24	12	135	7	31	BM Lịch sử
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
		Đông Nam Á- LS và hiện tại	3	27	24	12	135	7	31	BM Lịch sử
		Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ	3	27	24	12	135	7	31	BM Lịch sử

		từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay								
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
		Cách mạng Tháng Tám năm 1945	3	27	24	12	135	7	27	BM Lịch sử
		ASEAN và quan hệ Việt Nam ASEAN	3	27	24	12	135	7	27	BM Lịch sử
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
		Các cuộc cải cách trong LS VN	3	27	24	12	135	8	27	BM Lịch sử
		Một số vấn đề về ruộng đất trong lịch sử Việt Nam	3	27	24	12	135	8	31	BM Lịch sử
III	Kiến tập và Thực tập su phạm		7							
44	124021	Kiến tập su phạm	2			90	135	5	33	
45	124057	Thực tập su phạm	5			180	270	8	35	
IV	Khóa luận TN		6					8		
46	Khóa luận TN		6						41	
	<i>HP thay thế (chọn 3/6 HP)</i>		6					8		
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
	124088	Cách mạng DTDCND ở VN	2	27	24	12	135	8	27	BM Lịch sử
	124089	Làng xã Việt Nam	2	27	24	12	135	8	27	BM Lịch sử
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
	124083	Một số vấn đề về CNTB hiện đại	2	27	24	12	135	8	31	BM Lịch sử
	124385	Đặc điểm QHQT từ sau CTTG thứ 2 (1945) đến nay	2	27	24	12	135	8	31	BM Lịch sử
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
	124205	PP nghiên cứu và BS lịch sử ĐP	2	27	24	12	135	8	34	BM Lịch sử
	124086	Các hoạt động trải nghiệm sang tạo trong dạy học Lịch sử	2	27	24	12	135	8	35	BM Lịch sử
		Tổng	136							

8. Kế hoạch giảng dạy

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
Học kỳ 1			10
Học phần bắt buộc			10
1	196045	Những NLCB của Mác-Lênin 1	2
2	133031	Tiếng Anh 1	4
3	173080	Tin học	2
4	125105	Môi trường và con người	2
Học kỳ 2			19
Học phần bắt buộc			9
7	196046	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3
8	133032	Tiếng Anh 2	4
9	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
Học phần tự chọn (chọn 5/10 học phần)			10
10 - 13	124195	Lịch sử văn minh thế giới	2
	124115	Kiến trúc địa phương Thanh Hóa	2
	121041	Hán nôm cơ sở	2
		Hán nôm đại cương	2
	123050	Kỹ thuật soạn thảo VB	2
		Kỹ năng giao tiếp	2
	125016	Thống kê xã hội	2
	123240	Xã hội học đại cương	2
	127070	Nhân học đại cương	2
	124250	Nhập môn khu vực học	2
Học kỳ 3			20
Học phần bắt buộc			20
14	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
15	197030	Pháp luật đại cương	2
16	133033	Tiếng Anh 3	4

17	125125	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
18	182005	Tâm lý học	4
19	124420	LS VN từ nguyên thủy đến TK X	3
20	124165	Lịch sử thế giới cổ đại	3
Học kỳ 4			18
Học phần bắt buộc			18
21	198025	Đường lối của ĐCS Việt Nam	3
22	182005	Giáo dục học	4
23		LS VN từ TK X đến năm 1858	3
24		Lịch sử thế giới trung đại	3
25		Thực tế chuyên môn 1	2
26		Nhập môn sử học và Phương pháp luận sử học	3
Học kỳ 5			18
Học phần bắt buộc			14
27	124155	Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến năm 1945	4
28	124170	Lịch sử thế giới cận đại	4
29	124106	LLDH môn Lịch sử ở trường PT	4
30	1240021	Kiến tập sư phạm	2
Học phần tự chọn (chọn 2/4 học phần)			4
31	125085	Kinh tế và phát triển	2
	125070	Kinh tế Việt Nam	2
	124330	Tổng quan di sản văn hóa thế giới	2
	124105	Khái lược văn hóa Đông Nam Á	2
Học kỳ 6			20
Học phần bắt buộc			20
32		Tiếng Anh chuyên ngành Lịch sử	4
33	124030	Cơ sở khảo cổ học	2
34	124 050	Các dân tộc Việt Nam	2
35	124041	LS VN từ 1945 đến nay	4
36	124550	Lịch sử thế giới hiện đại	4
37	124107	Hệ thống PPDH Lịch sử ở trường PT	4
Học kỳ 7			17
Học phần bắt buộc			8
38	198000	Quản lý HCNN và Quản lý GD	2
39	124058	Thực tế CM 2	2
40	124108	Bài học LS ở trường PT	4
Học phần tự chọn (Chọn 3/ 6 học phần)			9
41-43		Các BP nâng cao hiệu quả dạy học LS ở trường PT	3
		Các tôn giáo lớn trên thế giới	3

		Đông Nam Á- LS và hiện tại	3
		CS đối ngoại của Hoa Kỳ từ sau CTTG II đến nay	3
		Cách mạng Tháng Tám năm 1945	3
		ASEAN và quan hệ Việt Nam ASEAN	3
Học kỳ 8			14
Học phần bắt buộc			8
44	124057	Thực tập sư phạm	5
Học phần tự chọn (chọn ½ học phần)			
45		Cách mạng Tháng Tám năm 1945	3
		ASEAN và quan hệ Việt Nam ASEAN	3
Học phần tự chọn thay khóa luận tốt nghiệp			6
46-48	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		
	124088	Cách mạng DTDCND ở VN	2
	124089	Làng xã Việt Nam	2
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		
	124083	Một số vấn đề về CNTB hiện đại	2
	124385	Đặc điểm QHQT từ sau CTTG thứ 2 (1945) đến nay	2
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		
	124205	PP nghiên cứu và BS lịch sử ĐP	2
	124086	Các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học Lịch sử	2
Tổng 8 học kỳ			136

9. Nội dung chi tiết các học phần

9.1. NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN 1

- Mã học phần: 196045
- Số tín chỉ: 2 (21, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, khoa lý luận chính trị, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Sự hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin; quan điểm duy vật biện chứng về bản chất của thế giới, bản chất của nhận thức; bản chất của con người; các nguyên lý, các quy luật cơ bản của sự tồn tại, vận động và phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy.

- Năng lực đạt được: Sinh viên nắm được những quan điểm, những nguyên lý, những quy luật cơ bản của triết học duy vật biện chứng; hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học để giải thích đúng đắn các hiện tượng, các vấn đề đang đặt ra trong tự nhiên, xã hội và tư

duy; sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học vào hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân, giúp cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân hiệu quả hơn.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) những vấn đề chung và các khái niệm, phạm trù cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin thuộc lĩnh vực triết học.

- Hiểu được (phân tích, giải thích, lấy ví dụ) về các quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy cũng như những quy luật vận động, phát triển của xã hội loài người.

- Nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) những vấn đề chung và các khái niệm, phạm trù cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin thuộc lĩnh vực triết học.

- Hiểu được (phân tích, giải thích, lấy ví dụ) về các quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy cũng như những quy luật vận động, phát triển của xã hội loài người.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Trên cơ sở trang bị những kiến thức về mặt lý luận, người học từng bước xác lập thế giới quan khoa học, nhân sinh quan tích cực và phương pháp luận đúng đắn để nhận thức và cải tạo thế giới.

- Biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo.

- Biết vận dụng những vấn đề lý luận để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Hình thành ý thức chủ động, tích cực trong việc tự học tập của bản thân.

- Hình thành động cơ đúng đắn trong học tập.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với các hoạt động của nhóm.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG MỞ ĐẦU: NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN (3, 3)

I. Khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin

1. Chủ nghĩa Mác-Lênin và ba bộ phận cấu thành

2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin

II. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin

1. Đối tượng và phạm vi học tập, nghiên cứu

2. Mục đích và yêu cầu về mặt phương pháp học tập, nghiên cứu

PHẦN THỨ 1. THẾ GIỚI QUAN VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TRIẾT HỌC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

Chương 1: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG (6, 5)

I. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng

1. Vấn đề cơ bản của triết học và sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học.

2. Các hình thức phát triển của chủ nghĩa duy vật trong lịch sử.

II. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.

1. Vật chất.

2. ý thức

3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

Chương 2: PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT (6, 5)

I. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật

1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng

2. Phép biện chứng duy vật

II. Các nguyên Lý lịch sử cơ bản của phép biện chứng duy vật

1. Nguyên Lý lịch sử về mối liên hệ phổ biến

2. Nguyên Lý lịch sử về sự phát triển

III. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật

1. Cái chung và cái riêng

2. Bản chất và hiện tượng

3. Tất nhiên và ngẫu nhiên

4. Nguyên nhân và kết quả

5. Nội dung và hình thức

6. Khả năng và hiện thực

IV. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

1. Quy luật chuyển hoá từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại

2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập

3. Quy luật phủ định của phủ định

V. Lịch sử luận nhận thức duy vật biện chứng vật

1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức

2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân Lý lịch sử

Chương 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ (6, 5)

I. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó

2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

II. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

2. Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

III. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội
2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

IV. Hình thành kinh tế- xã hội và quá trình lịch sử, xã hội của sự phát triển các hình thái kinh tế xã hội

1. Khái niệm, kết cấu hình thái kinh tế - xã hội
2. Quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội.

V. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có giai cấp đối kháng

1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp
2. Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp.

VI. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân

1. Con người và bản chất của con người
2. Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và cá nhân

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Những nguyên Lịch sử cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2009.

2. Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2007.

9.2. Sách tham khảo:

1. *C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, tập 20; tập 42*; Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 2000.

2. *Lênin toàn tập, tập 23; tập 25; tập 26; tập 29; tập 32; tập 41*;Nxb Tiên bộ Matxcova, 1980.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011.

9.2. NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN 2

- Mã học phần: 196046
- Số tín chỉ: 3 (32, 26)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac - Lênin, khoa lý luận chính trị, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac - Lênin1

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Phần 1 gồm các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mac – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thông qua các học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Phần 2 là quan điểm của chủ nghĩa Mac-Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về dân chủ, văn hóa, dân tộc, tôn giáo trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và triển vọng của chủ nghĩa xã hội hiện thực.

- Năng lực đạt được: Sinh viên nắm được các phạm trù, các quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản trong từng giai đoạn phát triển của nó; tính tất yếu của việc ra đời chủ nghĩa xã hội; những vấn đề có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để hiểu và giải thích đúng những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế hiện nay; thêm tin tưởng vào sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Hiểu được một cách hệ thống những học thuyết kinh tế cơ bản nhất của chủ nghĩa Mac-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

- Hiểu được sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, tính tất yếu và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa, quá trình hình thành và các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa, những vấn đề chính trị xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và triển vọng của chủ nghĩa xã hội.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Trên cơ sở trang bị những kiến thức về mặt lý luận, người học mở rộng và nâng cao nhận thức khoa học về các vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội hiện nay.

- Biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Nâng cao nhận thức khoa học về các vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội hiện nay.

- Hình thành ý thức chủ động, tích cực trong việc tự học tập của bản thân.

- Hình thành động cơ đúng đắn trong học tập.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với các hoạt động của nhóm.

3. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN THỨ 2

HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VỀ PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

Chương 4: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ (5, 4)

I. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá

1. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá
2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá

II. Hàng hoá

1. Hàng hoá và hai thuộc tính của hàng hoá
2. Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá
3. Lượng giá trị hàng hoá và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá.

III. Tiền tệ

1. Lịch sử phát triển của hình thái giá trị và bản chất của tiền tệ
2. Chức năng của tiền tệ

IV. Quy luật giá trị

1. Nội dung của quy luật giá trị
2. Tác động của quy luật giá trị

Chương 5: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ (5, 4)

I. Sự chuyển hoá của tiền tệ thành tư bản

1. Công thức chung của tư bản
2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản
3. Hàng hoá sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản

II. Sự sản xuất ra giá trị thặng dư

1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư
2. Khái niệm tư bản, tư bản bất biến và tư bản khả biến
3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư
4. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch
5. Sản xuất giá trị thặng dư - quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản.
6. Tuần hoàn và chu chuyển tư bản. Tư bản cố định và tư bản lưu động

III. Sự chuyển hoá của giá trị thặng dư thành tư bản - tích lũy tư bản

1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản
2. Tích tụ và tập trung tư bản
3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản

IV. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư

1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận
2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất
3. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các tập đoàn tư bản

Chương 6: HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC (5, 4)

I. Chủ nghĩa tư bản độc quyền

1. Sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền

2. Năm đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền
3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền

II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

1. Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước
2. Những biểu hiện mới của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

III. Đánh giá chung về vai trò và giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản

1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội
2. Giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản

PHẦN THỨ 3

LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Chương 7: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (5, 4)

I. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó
2. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
3. Vai trò của đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

II. Cách mạng xã hội chủ nghĩa

1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó
2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa
3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

III. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

1. Xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.
2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Chương 8: NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (6, 5)

I. Xây dựng nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN

1. Xây dựng nền dân chủ XHCN
2. Xây dựng nhà nước XHCN

II. Xây dựng nền văn hoá XHCN

1. Khái niệm nền văn hoá XHCN
2. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hoá XHCN

III. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo

1. Vấn đề dân tộc và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc
2. Vấn đề tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo

Chương 9: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG (6, 5)

I. Chủ nghĩa xã hội hiện thực

1. Cách mạng tháng Mười Nga và mô hình CNXH hiện thực đầu tiên trên thế giới.
2. Sự ra đời của hệ thống các nước XHCN và những thành tựu của nó

II. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình CNXH Xô viết và nguyên nhân của nó

1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình CNXH Xô viết
2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình CNXH Xô Viết

III. Triển vọng của CNXH

1. Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người
2. CNXH - tương lai của loài người

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Bộ GD&ĐT, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.
2. Bộ GD&ĐT, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin Mác-Lênin* (dùng cho khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh), Nxb CTQG, Hà Nội, năm 2008.
3. Bộ GD&ĐT, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2006.

9.2. Sách tham khảo:

1. Bộ GD&ĐT, *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Hà nội, 2008.
2. ĐH Quốc gia Hà Nội, *Một số chuyên đề về Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, NXB lý luận chính trị, Hà Nội, 2008.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X*, Nxb Chính trị Quốc gia, HN 1986, 1991, 1996, 2001, 2006.

9.3. ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

- Mã học phần: 198025
- Số tín chỉ: 3 (32, 26)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Đường lối cách mạng của ĐCSVN, Khoa lý luận chính trị, trường Đại học Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin1 & 2

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Sự ra đời của ĐCSVN, đường lối chủ trương của Đảng trong hai cuộc cách mạng, CMDTDCND và CMXHCN, đường lối của ĐCSVN trong thời kỳ đổi mới đất nước.

- Năng lực đạt được: Sinh viên nhận thức đầy đủ, sâu sắc quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; SV có cơ sở để vận dụng kiến thức chuyên ngành giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề do thực tiễn đặt ra; Có được niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu lý tưởng của Đảng, góp phần vào quá trình xây dựng; phát triển nhân cách của SV đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên nắm vững những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ cách mạng DTDCND đến cách mạng XHCN, đặc biệt là đường lối đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Từ đó, sinh viên nhận thức được đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố đầu tiên quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam: từ cách mạng tháng Tám năm 1945 đến kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ và nhất là thành tựu bước đầu trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề do thực tiễn cuộc sống đặt ra trong từng lĩnh vực cụ thể theo đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Nhận thức được đường lối đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam
- Hình thành ý thức chủ động, tích cực trong việc tự học tập của bản thân.
- Hình thành động cơ đúng đắn trong học tập.
- Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với các hoạt động của nhóm.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG MỞ ĐẦU: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (2, 2)

I. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu

1. Đối tượng nghiên cứu

- a) Khái niệm đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
 - b) Đối tượng nghiên cứu môn học
2. Nhiệm vụ nghiên cứu

II. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học

1. Phương pháp nghiên cứu

- a) Cơ sở phương pháp luận
- b) Phương pháp nghiên cứu

2. Ý nghĩa của học tập môn học.

Chương 1: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG (4, 3)

I. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Đảng cộng sản Việt Nam

1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

- a) Sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản và hậu quả của nó.
- b) Chủ nghĩa Mác-Lênin
- c) Cách mạng Tháng Mười Nga và Quốc tế Cộng sản

2. Hoàn cảnh trong nước

- a) Xã hội Việt Nam dưới sự thống trị của thực dân Pháp
- b) Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

- c) Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản

II. Hội nghị thành lập Đảng và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

1. Hội nghị thành lập Đảng

- a) Hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam
- b) Thảo luận xác định và thông qua các văn kiện của Đảng

2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (gồm các văn kiện: Chánh cương vắn tắt của Đảng; Sách lược vắn tắt của Đảng; Chương trình tóm tắt của Đảng)

- a) Phương hướng chiến lược và nhiệm vụ cách mạng Việt Nam
- b) Lực lượng cách mạng
- c) Lãnh đạo cách mạng
- d) Quan hệ với phong trào cách mạng thế giới

3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Chương 2: ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945) (4, 3)

I. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939

1. Trong những năm 1930-1935

- a) Luận cương Chính trị tháng 10-1930
- b) Chủ trương khôi phục tổ chức Đảng và phong trào cách mạng

2. Trong những năm 1936-1939

- a) Hoàn cảnh lịch sử
- b) Chủ trương và nhận thức mới của Đảng

II. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945

1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng

- a) Tình hình thế giới và trong nước
- b) Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược
- c) Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược
- 2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền
 - a) Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước và đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần
 - b) Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa.
- c) Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc Cách mạng Tháng Tám.

Chương 3: ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945-1975) (5, 4)

I. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống thực dân pháp xâm lược (1945-1954)

- 1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)
 - a) Hoàn cảnh lịch sử nước ta sau Cách mạng Tháng Tám
 - b) Chủ trương “kháng chiến kiến quốc” của Đảng
 - c) Kết quả, ý nghĩa nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm
- 2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954)

- a) Hoàn cảnh lịch sử
- b) Quá trình hình thành và nội dung đường lối
- 3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm
 - a) Kết quả và ý nghĩa thắng lợi của việc thực hiện đường lối
 - b) Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

II. Đường lối kháng chiến chống mỹ, thống nhất đất nước (1954-1975)

- 1. Giai đoạn 1954-1964
 - a) Hoàn cảnh lịch sử cách mạng Việt Nam sau tháng 7- 1954
 - b) Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối
- 2. Giai đoạn 1965-1975
 - a) Hoàn cảnh lịch sử
 - b) Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối
 - 3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.
 - a) Kết quả và ý nghĩa thắng lợi
 - b) Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

Chương 4: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HOÁ (5, 4)

I. Công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới

- 1. Chủ trương của Đảng về công nghiệp hoá
 - a) Mục tiêu và phương hướng của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa
 - b) Đặc trưng chủ yếu của công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới
- 2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
 - a) Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa
 - b) Hạn chế và nguyên nhân

II. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá thời kỳ đổi mới

- 1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá

a) Đại hội VI của Đảng phê phán sai lầm trong nhận thức và chủ trương công nghiệp hoá thời kỳ 1960-1986

b) Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá từ Đại hội VI đến Đại hội X

2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá

a) Mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá

b) Quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá

3. Nội dung và định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức

a) Nội dung

b) Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức

4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a) Kết quả thực hiện đường lối và ý nghĩa

b) Hạn chế và nguyên nhân

Chương 5: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN (4, 3)

I. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường

1. Cơ chế quản lý sử dụng kinh tế Việt Nam thời kỳ trước đổi mới

a) Cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp.

b) Nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý sử dụng kinh tế

2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới

a) Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội VI đến Đại hội VIII

b) Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội IX đến Đại hội X

II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta

1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản

a) Thể chế kinh tế và thể chế kinh tế thị trường

b) Mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

c) Quan điểm về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a) Kết quả và ý nghĩa

b) Hạn chế và nguyên nhân

Chương 6: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ (4, 3)

I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1945-1985)

1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị

a) Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân

b) Hệ thống chuyên chính vô sản

2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a) Kết quả và ý nghĩa

b) Hạn chế và nguyên nhân

II. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới

1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị
 - a) Cơ sở hình thành đường lối
 - b) Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng hệ thống chính trị
2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới.
 - a) Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị
 - b) Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị
3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
 - a) Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa
 - b) Hạn chế và nguyên nhân

**Chương 7: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ;
GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI (4, 4)**

I. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng và phát triển nền văn hoá

1. Thời kỳ trước đổi mới
 - a) Quan điểm, chủ trương về xây dựng nền văn hoá mới
 - b) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
2. Trong thời kỳ đổi mới
 - a) Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển nền văn hoá
 - b) Quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển nền văn hoá
 - c) Chủ trương xây dựng và phát triển nền văn hoá
 - d) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

II. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội

1. Thời kỳ trước đổi mới
 - a) Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội
 - b) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
2. Trong thời kỳ đổi mới
 - a) Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội
 - b) Quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội
 - c) Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội
 - d) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

Chương 8: ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI (4, 4)

I. Đường lối đối ngoại thời kỳ trước đổi mới (1975-1985)

1. Hoàn cảnh lịch sử
 - a) Tình hình thế giới
 - b) Tình hình trong nước
2. Chủ trương đối ngoại của Đảng
 - a) Nhiệm vụ đối ngoại
 - b) Chủ trương đối ngoại với các nước
3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
 - a) Kết quả và ý nghĩa
 - b) Hạn chế và nguyên nhân

II. Đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới.

1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối
 - a) Hoàn cảnh lịch sử

- b) Các giai đoạn hình thành, phát triển đường lối
- 2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế
 - a) Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo
 - b) Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế
- 3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
 - a) Thành tựu và ý nghĩa
 - b) Hạn chế và nguyên nhân

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. BGD&ĐT, 2009, *Giáo trình Đường lối cách mạng của ĐCSVN*, NXB chính trị - quốc gia.

2. BGD&ĐT, 2006, *Giáo trình Lịch sử Đảng CSVN*, NXB chính trị - quốc gia

9.2. Sách tham khảo:

1. BGD&ĐT, 2008, *Đường lối cách mạng của ĐCSVN*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

2. Đảng Cộng Sản Việt Nam, 2001, *Văn kiện Đảng toàn tập*, NXB chính trị - quốc gia.

9.4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

- Mã học phần: 197035
- Số tín chỉ: 2 (21, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Pháp luật
- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 & 2

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh, bản chất, đặc điểm, đối tượng và ý nghĩa của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh; quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; các nội dung chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản VN; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

- Năng lực đạt được: Sinh viên nâng cao được tư duy lý luận, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn; vận dụng được kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội và các vấn đề đặt ra trong cuộc sống; biết vận dụng lý luận vào thực tiễn để rèn luyện và hoàn thiện bản thân theo phong cách Hồ Chí Minh.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

+ Cung cấp những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

+ Cung cấp những kiến thức có tính hệ thống về những vấn đề cơ bản của đường lối cách mạng Việt Nam: Về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, về xây dựng Đảng, Nhà nước, về CNXH, và quá độ lên CNXH, về đoàn kết dân tộc và quốc tế, về dân chủ.

+ Cung cấp những kiến thức về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; xây dựng nền tảng đạo đức con người mới XHCN.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

+ Giúp người học nâng cao tư duy lý luận, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn, khả năng vận dụng vào thực tiễn, giải quyết tốt những vấn đề biến đổi trong thực tiễn đặt ra. Luôn biết gắn Lịch sử luận với thực tiễn, học đi đôi với hành.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Xây dựng nền tảng đạo đức con người mới XHCN, theo phong cách Hồ Chí Minh.

- Hình thành ý thức chủ động, tích cực trong việc tự học tập của bản thân.

- Hình thành động cơ đúng đắn trong học tập.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương mở đầu: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập
Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh (2, 2)

I. Đối tượng nghiên cứu

1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Mối quan hệ của môn học này với môn học Những nguyên Lý sử cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

II. Phương pháp nghiên cứu:

1. Cơ sở phương pháp luận.
2. Các phương pháp cụ thể.

III. ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên

1. Nâng cao năng lực tư duy Lịch sử luận và phương pháp học tập, công tác.
2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị.

Chương 1: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

(3, 2)

I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Cơ sở khách quan
2. Nhân tố chủ quan

II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước.
2. Thời kỳ từ năm 1911 - 1920: Tìm thấy con đường cứu nước giải phóng dân tộc.
3. Thời kỳ từ năm 1921-1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng VN.
4. Thời kỳ từ 1930 - 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường CM.
5. Thời kỳ từ 1945 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện.

III. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc.
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới.

Chương 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc (3, 2)

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc

1. Vấn đề dân tộc thuộc địa.
2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc

1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc.
2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.
3. Cách mạng giải phóng DT trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc.
5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.
6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực.

Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (3, 2)

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
2. Đặc trưng của CNXH ở Việt Nam.

3. Quan điểm Hồ Chí Minh về động lực của CNXH ở Việt Nam.

II. Con đường, biện pháp quá độ lên CNXH ở Việt Nam

1. Con đường.

2. Biện pháp.

Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam (3, 2)

I. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng CSVN

1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam.

4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng CSVN trong sạch, vững mạnh

1. Xây dựng Đảng - Quy luật tồn tại và phát triển của Đảng.

2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và quốc tế (3, 2)

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng.

2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc.

3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế.

1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế.

2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế.

3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế.

Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân (2, 2)

I. Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ

2. Dân chủ trong các lĩnh vực đời sống xã hội.

3. Thực hành dân chủ.

II. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân

1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân.

2. Quan điểm Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước.

3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp Lịch sử mạnh mẽ.

4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả.

Chương 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới (2, 2)

I. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa

1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa.

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức.

2. Sinh viên học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh.

III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới

1. Quan niệm Hồ Chí Minh về con người.
2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người”.

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2009.

9.2. Sách tham khảo:

1. Hội đồng Trung ương biên soạn, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội 2003
2. “Tư tưởng Hồ Chí Minh” Tài liệu phục vụ dạy và học, Nxb ĐHKQT, Hà Nội 2008.
3. “Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh”, Nxb Lịch sử luận chính trị, Hà Nội 2008.
4. “Học tập tám gương đạo đức Bác Hồ”, Nxb Thanh niên 2007.
5. “Dạy và học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh”, Nxb Chính trị quốc gia 2005.
6. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2002.
7. Đĩa CDROM Hồ Chí Minh toàn tập
8. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ III, Nxb ST HN 1960.
9. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI, Nxb ST HN 1986.
10. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ VII, Nxb ST HN 1991.

11. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ VIII, Nxb ST HN 1996.
12. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ IX, Nxb ST HN 2001.
13. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn Quốc của ĐCSVN lần thứ X, Nxb ST HN 1996.

9.5. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

- Mã học phần: 197030
- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Pháp luật
- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 & 2

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Nắm được những kiến thức cơ bản về Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đồng thời những quy định pháp luật chung, phổ biến trong đời sống của xã hội Việt Nam như Luật Lao động, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Hình sự...

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Kỹ năng vận dụng một số quy định của pháp luật vào thực tế cuộc sống, giải quyết được một số tình huống cơ bản trên cơ sở áp dụng quy định pháp luật.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Hình thành niềm say mê học tập, nghiên cứu môn học.
- Hình thành ý thức chủ động, tích cực trong việc tự học tập của bản thân.
- Hình thành động cơ đúng đắn trong học tập, trong cuộc sống.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC (2, 3)

1.1. Nguồn gốc nhà nước.

1.1.1. Một số quan điểm phi Mác-xít về nguồn gốc nhà nước.

1.1.2. Quan điểm của học thuyết Mác-Lênin về nguồn gốc nhà nước.

1.2. Bản chất, các dấu hiệu cơ bản và chức năng của nhà nước.

- 1.2.1. Bản chất của nhà nước.
- 1.2.2. Khái niệm và các dấu hiệu cơ bản của nhà nước.
- 1.2.3. Chức năng của nhà nước.
- 1.3. Nhà nước CHXHCN Việt Nam.
- 1.3.1. Bản chất nhà nước CHXHCN việt Nam.
- 1.3.2. Chức năng của nhà nước ta.
- Chương 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT (2, 3)
- 2.1. Nguồn gốc, bản chất của pháp luật.
- 2.3. Hình thức pháp luật.
- 2.4. Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật xhcn.
- 2.5. Quan hệ pháp luật.
- 2.6. Thực hiện pháp luật.Vi phạm pháp luật.Trách nhiệm pháp Lịch sử.
- 2.7. Pháp chế XHCN.
- Chương 3: LUẬT HIẾN PHÁP (2, 3)
- 3.1. Khái quát chung về luật hiến pháp.
- 3.1.1. Định nghĩa Luật hiến pháp.
- 3.1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh
- 3.2. Tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.
- 3.2.1. Khái quát về bộ máy nhà nước chxhcn việt Nam
- 3.2.2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta
- 3.2.3. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước
- 3.3. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- 3.3.1. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về kinh tế - xã hội
- 3.3.2. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về chính trị
- 3.3.3. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về văn hóa, giáo dục
- 3.3.4. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về tự do dân chủ và tự do cá nhân
- Chương 4: LUẬT HÀNH CHÍNH (2, 3)
- 4.1. Khái quát chung về luật hành chính.
- 4.1.1. Định nghĩa Luật hành chính
- 4.1.2.Đối tượng điều chỉnh phương pháp điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh
- 4.2. Quan hệ pháp luật hành chính, trách nhiệm hành chính
- 4.2.1. Quan hệ pháp luật hành chính
- 4.2.2. Trách nhiệm hành chính
- 4.3. Vi phạm hành chính và xử Lịch sử vi phạm hành chính
- 4.3.1. Định nghĩa vi phạm hành chính
- 4.3.2. Xử Lịch sử vi phạm hành chính
- 4.4. Cán bộ, công chức.Nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ công chức.
- 4.4.1. Khái niệm cán bộ, công chức
- 4.4.2. Nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ, công chức.
- Chương 5: LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (2, 3)
- 5.1. Khái niệm, đặc điểm của tham nhũng
- 5.1.1. Khái niệm tham nhũng
- 5.1.2. Đặc điểm của tham nhũng

- 5.1.3. Những hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật hiện hành
- 5.2. Nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tham nhũng
 - 5.2.1. Nguyên nhân khách quan
 - 5.2.2. Nguyên nhân chủ quan
- 5.3. Tác hại của tham nhũng
 - 5.3.1. Chính trị
 - 5.3.2. Kinh tế
 - 5.3.3. Xã hội
- 5.4. Các biện pháp phòng chống tham nhũng
 - 5.4.1. Nhóm các biện pháp phòng ngừa tham nhũng
 - 5.4.2. Nhóm các biện pháp phòng chống tham nhũng

Chương 6: LUẬT DÂN SỰ - LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH (3, 3)

A. Luật dân sự.

- 6.1. Khái quát chung về luật dân sự.
 - 6.1.1. Định nghĩa luật dân sự
 - 6.1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh
- 6.2. Nội dung cơ bản của luật dân sự.
 - 6.2.1. Quyền sở hữu
 - 6.2.2. Thừa kế.
 - 6.2.3. Hợp đồng và trách nhiệm dân sự.
- B. Luật hôn nhân và gia đình
- 6.3. Khái quát chung về luật hôn nhân và gia đình.
 - 6.3.1. Định nghĩa luật hôn nhân gia đình
 - 6.3.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh
- 6.4. Nội dung cơ bản.
 - 6.4.1. Kết hôn.
 - 6.4.2. Quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, cha mẹ và con.
 - 6.4.3. Chấm dứt hôn nhân.

Chương 7: LUẬT HÌNH SỰ (2, 3)

- 7.1. Khái quát chung về luật hình sự.
 - 7.1.1. Định nghĩa Luật hình sự
 - 7.1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh
- 7.2. Tội phạm.
 - 7.2.1. Khái niệm, đặc điểm của tội phạm.
 - 7.2.2. Phân loại tội phạm.
- 7.3. Hình phạt và các biện pháp tư pháp.
 - 7.3.1. Hình phạt.
 - 7.3.2. Các biện pháp tư pháp khác

Chương 8: LUẬT LAO ĐỘNG (3, 3)

- 8.1. Khái quát chung về luật lao động.
 - 8.1.1. Định nghĩa luật lao động
 - 8.1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh
- 8.2. Những nội dung cơ bản.

8.2.1. Hợp đồng lao động.

8.2.2. Quyền, nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động.

8.2.3. Công đoàn.

8.2.4. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.

8.2.5. Tiền lương và phụ cấp

8.2.6. Kỷ luật lao động. Trách nhiệm vật chất.

4. Phương pháp giảng dạy: Thuyết giảng; giới thiệu tình huống thực tế cho sinh viên phân tích và giải quyết; cho sinh viên làm việc, thảo luận theo nhóm.

5. Đánh giá:

- Chuyên cần: 10 %

- Kiểm tra giữa kỳ: 40 %

- Kiểm tra cuối kỳ: 50 %

6. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

7. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

8. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Lê Minh Tâm, Giáo trình Nhà nước và Pháp luật. NXB CAND. 2010

2. Lê Minh Toàn, Giáo trình pháp luật đại cương. NXB Chính trị Quốc Gia, 2010.

3. Hoàng Thị Kim Quế, Giáo trình Nhà nước và Pháp luật, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2009.

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Hoàng Thị Kim Quế (chủ biên) (2009). Giáo trình Nhà nước và Pháp luật. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

9.6. TIẾNG ANH 1

- Mã học phần: 133031

- Số tín chỉ: 4 (36, 24, 24)

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn ngoại ngữ không chuyên – khoa Ngoại ngữ

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản.

- Năng lực đạt được: Sinh viên đạt năng lực Bậc 2.2 theo KNLNNVN; có khả năng hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp với những chủ đề đơn giản, quen thuộc hàng ngày (như thông tin về gia đình, bản thân, hỏi đường, việc làm ...); có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu; có khả năng tự học, xây dựng kế hoạch và làm việc nhóm; biết khai thác thông tin trên Internet để phục vụ công việc học tập.

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu kiến thức:

- Nắm vững được kiến thức về ngữ pháp tiếng Anh cơ bản: Các thì, thể của động từ; Các trợ động từ; Các cấu trúc câu; Câu bị động; câu bị động; điều kiện...

- Giải thích và trình bày được một lượng từ vựng cần thiết dùng trong giao tiếp hàng ngày ở môi trường sống và làm việc: Những từ mà các doanh nhân thường dùng trong văn bản hợp đồng, tiếp thị, quảng cáo, triển khai kế hoạch hội nghị, sử dụng máy tính, viết thư giao dịch, kiểm toán...

2.2 Mục tiêu kỹ năng:

- Nghe hiểu được ngôn ngữ nói ở mức độ chậm và đã được đơn giản hoá về những nhu cầu thiết yếu.

- Có khả năng vận dụng và thể hiện những thông tin đã học thuộc. Song, diễn đạt ngôn ngữ ở mức độ còn rời rạc nhưng có phần tự nhiên và linh hoạt.

- Đọc hiểu được những yết thị và ký hiệu, những bài viết ngắn và đơn giản về những chủ đề quen thuộc trong sinh hoạt, lao động hàng ngày.

- Có khả năng viết thông báo, kể lại sự kiện đơn giản, miêu tả người, địa điểm, các vật thể

- Có khả năng làm việc theo nhóm và tự học.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung học phần

Nội dung của học phần giúp người học củng cố, luyện tập và thiết lập các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh, đồng thời người học còn có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực, tham gia các hoạt động tự học ở nhà như làm bài tập nhóm, bài tập Portfolio, thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Chẳng hạn, người học có thể học thuộc bài đối thoại ngắn theo từng cặp hoặc viết một đoạn văn tả về bức tranh nào đó trong phần nghe rồi học thuộc lòng... thông qua đó, giảng viên sẽ thực hiện việc kiểm tra- đánh giá thường xuyên quá trình tự học của họ được dễ dàng hơn.

Chương 1: (1, 2, 2)

1.1. Course Introduction

1.2. Orientation

1.3. Diagnostic test

- 1.4. Basic grammar review
- Chương 2: Unit 1 - works and leisure** (2, 2,
- 2)
- 2.1. Grammar: auxiliary verbs, *so* and *neither*
- 2.2. Listening: grammar focus on auxiliary verbs
- 2.3. Reading: grammar focus on auxiliary verbs
- 2.4. Speaking: making small talks, comparing stages of life
- 2.5. Writing: describing a stage of life
- Chương 3: Unit 2 - Language and senses** (3, 2, 2)
- 3.1. Grammar: Tenses, stative verbs,
- 3.2. Listening: grammar focus on tenses
- 3.3. Reading: grammar focus on tenses
- 3.4. Speaking: talking about favorite words, talking about sensations
- 3.5. Writing: describing one of the senses
- Chương 4: Unit 3 - movies and television** (3, 2, 2)
- 4.1. Grammar: Infinitives and gerunds
- 4.2. Listening: grammar focus on infinitives and gerunds
- 4.3. Reading: grammar focus on infinitives and gerunds
- 4.4. Speaking: a survey on movies, opinions about TV
- 4.5. Writing: a movie review
- Chương 5: Unit 4 - memory (3, 3)**
- 5.1. Grammar: participle and participle clauses
- 5.2. Listening: grammar focus on participle and participle clauses
- 5.3. Reading: grammar focus on participle and participle clauses
- 5.4. Speaking: describing your earliest memory
- Chương 6: Unit 5 - favorite objects and how things work** (3, 2,
- 2)
- 6.1. Grammar: negation and parallel structures
- 6.2. Listening: grammar focus on negation and parallel structures
- 6.3. Reading: grammar focus on negation and parallel structures
- 6.4. Speaking: describing favorite things, discussing useful inventions
- 6.5. Writing: describing a new invention
- Chương 7: Unit 6 - friends and other interesting people** (3, 2, 2)
- 7.1. Grammar: comparisons
- 7.2. Listening: grammar focus on comparisons
- 7.3. Reading: grammar focus on comparisons
- 7.4. Speaking: describing types of friends
- 7.5. Writing: describing an interesting or unusual perso
- Chương 8: Unit 7 - using money and exchanging services** (3, 2, 1)
- 8.1. Grammar: tag questions, agreement
- 8.2. Listening: grammar focus on agreement
- 8.3. Reading: grammar focus on agreement
- 8.4. Speaking: sayings about money

8.5. Writing: barter notices

Chương 9: Unit 8 - agriculture and industry, food preparation (3, 2,

1)

9.1. Grammar: relative clauses

9.2. Listening: grammar focus on relative clauses

9.3. Reading: grammar focus on relative clauses

9.4. Speaking: discussing local products

9.5. Writing: a cooking show script

Chương 10: Unit 9 - travel and exploration (3, 2, 1)

10.1. Grammar: modification and word order

10.2. Listening: grammar focus on modification and word order

10.3. Reading: grammar focus on modification and word order

10.4. Speaking: discussing views on travelling

10.5. Writing: a personal travel story

Chương 11: Unit 10 Belief and first expressions (3, 2, 1)

11.1. Grammar: First conditional, indefinite pronouns

11.2. Listening: grammar focus on indefinite pronouns

11.3. Reading: grammar focus on indefinite pronouns

11.4. Speaking: discussing first impressions

11.5. Writing: personal stories of first impressions

Chương 12: Unit 11 - physical and animal worlds, geography (3, 2,

1)

12.1. Grammar: Voice, reported requests with ask, tell, want

12.2. Listening & Reading : grammar focus on Voice

12.3. Speaking: comparing landscapes, choosing an appropriate pet

12.4. Writing: A story about a special characteristic of an animal

Chương 13: Unit 12 - office life and social customs (3, 2,

1)

13.1. Grammar: second condition, making indirect questions, conjunctions and prepositions

13.2. Listening & Reading : grammar focus on conjunctions and prepositions

13.3. Speaking: “The *if* ...game”; -Writing: asking for and giving advice

Chương 14: Closing the course (0, 0,

6)

14.1. Submission of assignments

14.2. Grammar revision

14.3. Listening skills revision

14.4. Reading skills revision

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).

- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm....

- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

1. Therese Naber, Angela Blackwell, David McKeegan (2004). *Know how 2*. Oxford University Press
2. Anne Taylor. *Target TOEIC (second edition)*. Nhà xuất bản trẻ.

9.7. TIẾNG ANH 2

- Mã học phần: 133032
- Số tín chỉ: 4 (36, 24, 24)
- Bộ môn phụ trách: Môn ngoại ngữ không chuyên – khoa Ngoại ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng anh 1

1. Mô tả học phần

Chương trình tiếng Anh học phần 2 là chương trình thứ hai trong bốn chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho tiếng Anh không chuyên bậc đại học và cao đẳng hệ chính quy. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ đề quen thuộc như gia đình, sở thích, lĩnh vực quan tâm, công việc, du lịch, sự kiện đang diễn ra; Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học cách cấu tạo và sử dụng các loại từ vựng như tính từ, trạng từ, đại từ, động từ tình thái, cụm động từ, cách kết hợp từ, quy tắc cấu tạo từ;

- Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp.

Năng lực đạt được: Sinh viên hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; xử lý được một số tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; viết được đoạn văn đơn giản với các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; khả năng tổ chức và tham gia các hoạt động nhóm; thực hiện được các bài thuyết trình đơn giản; xây dựng được kế hoạch, khai thác và sử dụng được hiệu quả thông tin trên Internet bằng tiếng Anh cho học tập.

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu kiến thức:

- Trình bày được những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh cơ bản đã học ở học phần Tiếng Anh 1 như: các thì, thể của động từ; trợ động từ; câu bị động; câu điều kiện... đồng thời người học tiếp thu được các kiến thức ngữ pháp mới như: mệnh đề quan hệ xác định - không xác định, lời nói trực tiếp, gián tiếp, câu hỏi đuôi, đảo ngữ...

- Nêu được một lượng từ vựng cần thiết dùng trong giao tiếp hàng ngày ở môi trường làm việc như văn bản hợp đồng, tiếp thị, quảng cáo, triển khai kế hoạch hội nghị, sử dụng máy tính, viết thư giao dịch, kiểm toán...

2.2 Mục tiêu kỹ năng:

Kết thúc học phần này, người học cần đạt được những kỹ năng giao tiếp sau :

- Xây dựng được những câu hỏi cần thiết trong giao tiếp; có khả năng tạo ra và duy trì được những cuộc hội thoại đơn giản về các chủ đề đã học trong công việc và cuộc sống thường nhật ở môi trường thường xuyên giao tiếp với người nước ngoài. Ở trình độ này, người học còn mắc lỗi ngữ pháp, phát âm và sử dụng từ, nhưng không cản trở nhiều đến nội dung thông điệp.

- Nghe hiểu được những cuộc hội thoại đơn giản về những chủ đề đã học; hiểu được những thông báo đơn giản.

- Có thể đọc hiểu được những bài viết đơn giản phục vụ cho mục đích nắm bắt thông tin hoặc mở rộng kiến thức: những sự kiện xã hội, quảng cáo, những tiêu đề trên báo và những bài báo viết về những chủ đề quen thuộc; Có khả năng phán đoán nghĩa từ, câu trong văn cảnh cụ thể.

- Có khả năng viết một đoạn văn khoảng 80-100 từ về những chủ đề quen thuộc: mô tả địa điểm, kể về một kỳ nghỉ... (về những chủ đề đã học); có khả năng viết một lá thư ngắn, không nghi thức: ví dụ, viết thư cho bạn... hoặc viết một bưu thiếp...

- Có khả năng làm việc theo nhóm và tự học.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung học phần

Chương 1: Unit 1 - From me to you

(3, 2, 1)

1.1. Introduction

1.2. Course Introduction

1.3. Unit 1: From me to you

Chương 2: Unit 2 - From me to you (continued)

(2, 1,

1)

2.1. Grammar: tag questions

2.2. Listening: A sociologist talks about gossip, an informal phone conversation

2.3. Reading: "In Touch"

2.4. Speaking: Conversation strategies

2.5. ToEIC Listening strategies: Part 1: Photos

Chương 3: Unit 3 - In the limelight

(3, 2, 1)

3.1. Topics: The performing arts

3.2. Grammar: review of present perfect continuous/present perfect simple

- 3.3. Listening: An opera singer
 3.4. Reading: “*Prince Eyang*”
 3.5. Speaking: Talking about musicians
Chương 4: Unit 4 - In the limelight (Continued) (2, 1,
 1)
 4.1. Grammar: questions with prepositions
 4.2. Listening: A TV game show
 4.3. Reading: “*The Writing Life*”
 4.4. Speaking: Talking about hobbies and working styles
 4.5. ToEIC Listening strategies: Part 2: Question-response
Chương 5: Unit 5 - By coincidence (3, 2,
 1)
 5.1. Topics: coincidence and connections
 5.2. Grammar: Past perfect
 5.3. Listening: “*Table for Two*”
 5.4. Reading: The story of Deborah and Josep/“*Six Degrees of Separation*”
 5.5. Speaking: Telling a story about a coincidence
 5.6. Writing: a story about a coincidence
Chương 6: Unit 6 - By coincidence (Continued) (2, 1,
 1)
 6.1. Grammar: Relative clauses (object)
 6.2. Listening: Confirmation/Song
 6.3. Speaking: Sending a package to people, Confirmation
 6.4. ToEIC Listening strategies: Part 3: Conversations
Chương 7: Unit 7- A day’s work (2, 2,
 1)
 7.1. Topics: Job and work experience
 7.2. Grammar: Gerunds and infinitive
 7.3. Listening: People talking about their job/Dangerous job
 7.4. Reading: Extract from a book – “*Tis*”
 7.5. Speaking: Discussing important features in a job
Chương 8: Unit 8 - A day’s work (Continued) (2, 1,
 1)
 8.1. Grammar: It...+infinitive
 8.2. Reading: Extract from a book – “*Tis*”
 8.3. Speaking: Talking about workplace problems
 8.4. ToEIC Listening strategies: Part 4: Talks
Chương 9: Unit 9 - The nature of things (2, 2,
 1)
 9.1. Topics: Ecology and natural phenomena
 9.2. Grammar: passive: continuous and perfect form
 9.3. Listening: A park ranger
 9.4. Reading: “*Best-dressed penguins are wearing wool this year*”

9.5. Speaking: Debating an environmental issue

9.6. Writing: A letter to a newspaper

Chương 10: Unit 10- The nature of things (Continued) (2, 1,

1)

10.1. Grammar: Time clauses (future)

10.2. Listening: A news report about the weather

10.3. Reading: *Volcano*

10.4. Speaking: Discussing places to live

10.5. ToEIC Reading Strategies: Part 5: Incomplete Sentences

Chương 11: Unit 11 - Make your mark (2, 2,

1)

11.1. Topics: Heroes and fame

11.2. Grammar: Ability: *Could and able to*

11.3. Listening: Who do you admire

11.4. Reading: An article about folk tales

11.5. Speaking: describing someone you admire /Telling a folk tale

11.6. Writing: A folk tale

11.7. ToEIC Reading Strategies: Part 6: Text completion

Chương 12: Unit 12 - Make your mark (Continued) (2, 1,

1)

12.1. Grammar: First and second conditional

12.2. Listening: A survey about fame

12.3. ToEIC Reading Strategies: Part 7: Reading comprehension

Chương 13: (0, 0, 6)

13.1. Review of ToEIC listening Skills

13.2. Review of ToEIC Reading Skills

13.3. A real actual TOEIC test

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).

- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....

- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, loa đài và tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu bắt buộc (TLBB)

1. Angela Blackwell, Therese Naber, Gregory J. Manin (2004). *English KnowHow*
2. Oxford University Press. Longman Ltd.

9.8. TIẾNG ANH 3

- Mã học phần: 133033

- Số tín chỉ: 4 (36, 24, 24)

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn ngoại ngữ không chuyên – khoa Ngoại ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng anh 2

1. Mô tả học phần

Trong học phần này, người học được cung cấp kiến thức về ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc. Người học có khả năng sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống của cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc. Với kiến thức đã học, người học có thể tự học và nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn của mình, phục vụ cho công việc sau này.

Năng lực đạt được: Sinh viên hiểu được các ý chính của một đoạn văn hoặc bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; xử lý được hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; viết đoạn được văn mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện ...; xây dựng được kế hoạch tự học và làm việc nhóm tốt hơn; thực hiện được các bài thuyết trình đơn giản rõ ràng và chuẩn mực hơn; độc lập và sáng tạo trong tư duy.

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu kiến thức

- Trình bày được những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh đã học ở học phần Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2, đồng thời mở rộng kiến thức ngữ pháp nâng cao.

- Nêu được vốn từ vựng cần thiết dùng trong giao tiếp hàng ngày ở môi trường làm việc như văn bản hợp đồng, tiếp thị, quảng cáo, triển khai kế hoạch hội nghị, sử dụng máy tính, viết thư giao dịch, kiểm toán...

2.2 Mục tiêu kỹ năng

- Có khả năng giao tiếp trong những tình huống thông thường của cuộc sống cũng như trong môi trường làm việc.

- Có khả năng nghe hiểu những cuộc hội thoại thông thường về những chủ đề đã học; hiểu được những thông báo trong công việc.

- Có khả năng đọc hiểu những bài viết phục vụ cho mục đích nắm bắt thông tin hoặc mở rộng kiến thức: những sự kiện xã hội, quảng cáo, những tiêu đề trên báo và những bài báo viết về những chủ đề quen thuộc; Có khả năng phán đoán nghĩa từ, câu trong văn cảnh cụ thể, có khả năng suy luận.

- Có khả năng viết một đoạn văn khoảng 80 -100 từ về những chủ đề thông thường trong cuộc sống. Có khả năng viết một lá thư ngắn, theo nghi thức.

- Có khả năng nâng cao vai trò làm việc theo nhóm và tự học.

2.3 Mục tiêu thái độ người học: Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung học phần

Chương 1: Unit 7 – By design (3, 2, 1)

- 1.1. Introduction
- 1.2. Course Introduction
- 1.3. Unit 7: By design

Chương 2: Unit 7 – By design (continued) (2, 1, 1)

- 2.1. Grammar: so/such...that
- 2.2. Listening: Features of cars
- 2.3. Reading: Read the description of Plaza Olavide
- 2.4. Speaking: Planning a public park, Role-play: Buying/selling a car
- 2.5. Writing: Describing a public place

Chương 3: Unit 8 - Special offer (3, 2, 1)

- 3.1. Topics: Services and advertising
- 3.2. Grammar: have/get st done
- 3.3. Listening: An errand-running service
- 3.4. Vocabulary: damaged goods
- 3.5. Speaking: Creating a service
- 3.6. Writing: A formal letter

Chương 4: Unit 8 - Special offer (2, 1, 1)

- 4.1. Grammar: Verb + object + infinitive
- 4.2. Listening: Radio commercials
- 4.3. Reading: “*Motion Ads may make commute seem faster*”
- 4.4. Speaking: planning a radio commercial
- 4.5. Writing: Write a radio commercial for a product

Chương 5: Unit 9 - Mysteries and science (3, 2, 1)

- 5.1. Topics: Unsolved mysteries and scientific explanation
- 5.2. Grammar: Possibilities
- 5.3. Listening: A surprising story
- 5.4. Reading: “*Mysteries of the Southwest*”
- 5.5. Speaking: Talking about a frightening or surprising experience

Chương 6: Unit 9 - Mysteries and science (continued) (2,1,

1)

- 6.1. Grammar: Noun clauses
- 6.2. Listening: A radio program about science
- 6.3. Reading: “*Unraveling the mysteries of fossils*”
- 6.4. Speaking: “*How much do you know about science*”
- 6.5. Pronunciation: Vowel sounds

Chương 7: Unit 10 - Mind your manners (2, 2, 1)

- 7.1. Topics: Misunderstanding and manners
- 7.2. Grammar: Reported speech

7.3. Listening: Soap operas

7.4. Vocabulary: speaking verbs

7.5. Speaking: Language in action: Misunderstandings

Chương 8: Unit 10 - Mind your manners (continued)

(2, 1,

1)

8.1. Grammar: would have, should have

8.2. Listening: Are manners going out of styles?

8.3. Reading: “*The power of poetry*”

8.4. Speaking: Discussing good and bad manners

8.5. Writing: writing a haiku

Chương 9: Unit 11 - Make or bread

(2, 2, 1)

9.1. Topics: Justice and life decisions, crimes

9.2. Grammar: Third conditional

9.3. Listening: Unusual punishments

9.4. Reading: An article about a robbery

9.5. Speaking: Choosing and appropriate punishment

Chương 10: Unit 11 - Make or bread (continued)

(2, 1, 1)

10.1. Grammar: whatever, wherever, whoever...

10.2. Listening: Good advice

10.3. Reading: “*Point of view*”

10.4. Speaking: Gratitude

10.5. Writing: Describing a life-changing experience

Chương 11: Unit 12 - A laugh a day

(2, 2, 1)

11.1. Topics: Health and laughter, sickness and health

11.2. Grammar: Structure with there+be

11.3. Listening: A laughter club

11.4. Reading : “*Musician on call*”

11.5. Speaking: Discussing how lifestyle affects health

Chương 12: Unit 12 - A laugh a day (continued)

(2, 1, 1)

12.1. Grammar: Connectors

12.2. Listening: Jokes

12.3. Reading : “*Why do we laugh?*”

12.4. Speaking: Practice telling jokes

12.5. Writing: Learning English outside the classroom

Chương 13:

(0, 0, 6)

13.1. Review of ToEIC listening Skills

13.2. Review of ToEIC Reading Skills

13.3. A real actual TOEIC test

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).

- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm....

- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phân bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của SV.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu

1. Angela Blackwell, Therese Naber, Gregory J. Manin (2004). *English Know How 3 (Units 7-12)*. Oxford University Press.

2. Keil J. Anderson (1996). *Active Skills for Reading/ Book 2 (second edition)*.

9.9. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

- Mã học phần: 173080
- Số tín chỉ: 2 (10, 0, 40)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tin học ứng dụng, khoa Công nghệ thông tin & Truyền thông, trường Đại học Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về khai thác và sử dụng máy tính: tổng quan về tin học, máy tính, hệ điều hành Windows, mạng máy tính, Internet, các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính và trình chiếu.

- Năng lực đạt được: Sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản nhất về công nghệ thông tin (CNTT), máy tính; sử dụng máy tính với hệ điều hành Windows; các khái niệm cơ bản về mạng máy tính và Internet; các phần mềm tiện ích thông dụng; các phần mềm soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản và xử lý bảng tính.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sinh viên phải rèn luyện được các kỹ năng sử dụng máy tính với hệ điều hành Windows; kỹ năng sử dụng thư điện tử, Website, cách tìm kiếm, xử Lý sử thông tin trên Internet; kỹ năng sử dụng các phần mềm tiện ích thông dụng, thiết thực; kỹ năng sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản và xử Lý sử bảng tính để làm việc, học tập và nghiên cứu.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Mô đun A1: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ CNTT (2, 0)

1.1. Thông tin và dữ liệu

- 1.1.1. Khái niệm thông tin, dữ liệu
- 1.1.2. Xử Lý sử thông tin bằng máy tính
- 1.1.3. Khái niệm phần cứng, phần mềm

1.2. Biểu diễn thông tin trong máy tính

- 1.2.1. Biểu diễn số trong các hệ đếm
- 1.2.2. Chuyển đổi số giữa các hệ đếm
- 1.2.3. Các phép toán đối với số nhị phân
- 1.2.4. Biểu diễn thông tin trong máy tính

1.3. Hệ thống máy tính

- 1.3.1. Các bộ phận cơ bản của máy tính
- 1.3.2. Bộ xử Lý sử trung tâm - CPU
- 1.3.3. Bộ nhớ
- 1.3.4. Các thiết bị nhập, xuất
- 1.3.5. Cấu hình cần biết khi mua máy tính

1.4. Phần mềm và thuật toán

- 1.4.1. Phần mềm
- 1.4.2. Thuật toán

Mô đun A2: MÁY TÍNH VÀ HỆ ĐIỀU HÀNH (2, 0, 3)

2.1. Các thao tác cơ bản

- 2.1.1. Khởi động máy tính
- 2.1.2. Màn hình nền (desktop) và nút Start
- 2.1.3. Sử dụng bàn phím và chuột
- 2.1.4. Cửa sổ và các thao tác với cửa sổ
- 2.1.5. Tắt máy đúng kiểu

2.2. Quản Lý sử và khai thác máy tính

- 2.2.1. Tổ chức dữ liệu trên máy tính
- 2.2.2. Khai thác và sử dụng My Computer
- 2.2.3. Biểu tượng tệp tin, thư mục
- 2.2.4. Các thao tác cơ bản với tệp tin và thư mục
- 2.2.5. Sử dụng chương trình Windows Explorer
- 2.2.6. Chạy một chương trình ứng dụng

2.3. Sử dụng máy tính

- 2.3.1. Cài đặt máy in và in tài liệu
- 2.3.2. Tìm kiếm tệp tin, thư mục
- 2.3.3. Nén dữ liệu
- 2.3.4. Xem thông tin về máy tính
- 2.3.5. Thiết lập Control Panel
- 2.3.6. Cài đặt, cập nhật, gỡ bỏ các chương trình ứng dụng
- 2.3.7. Một số phím tắt

2.4. Tiếng Việt trên máy tính

- 2.4.1. Vấn đề mã hóa tiếng Việt
- 2.4.2. Kiểu gõ Telex
- 2.4.3. Các bộ gõ thông dụng
- 2.4.4. Chuyển đổi mã tiếng Việt
- 2.4.5. Cài đặt Unikey

2.5. Một số phần mềm tiện ích

Mô đun A3: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

(1, 0, 2)

3.1. Khái niệm mạng máy tính và Internet

3.2. Một số thuật ngữ tiếng Anh khi sử dụng Internet

3.3. Thư điện tử - Email

- 3.3.1. Khái niệm
- 3.3.2. Tên hộp thư điện tử
- 3.3.3. Thiết lập và sử dụng thư điện tử: gmail, yahoo

3.4. Website, Blog, diễn đàn

- 3.4.1. Khái niệm WWW, Website, Blog, diễn đàn
- 3.4.2. Tên miền URL
- 3.4.3. Trang chủ (Home page)
- 3.4.4. Một số Website, Blog, diễn đàn thông dụng

3.5. Tìm kiếm thông tin trên Internet

- 3.5.1. Vai trò của thông tin và tìm kiếm thông tin
- 3.5.2. Kỹ năng tìm kiếm thông tin với Google Search

3.6. Các văn bản pháp luật quy định về sử dụng Internet

3.7. Thuê bao kết nối Internet

Mô đun A4: PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN

(2, 0, 15)

4.1. Giới thiệu

- 4.1.1. Khởi động
- 4.1.2. Cửa sổ làm việc
- 4.1.3. Hệ thống trình đơn và các công cụ
- 4.1.4. Thoát khỏi

4.2. Các thao tác cơ bản

- 4.2.1. Nhập và điều chỉnh văn bản
- 4.2.2. Thao tác trên một khối văn bản
- 4.2.3. Các thao tác cơ bản với file văn bản

4.3. Định dạng và in ấn văn bản

- 4.3.1. Định dạng ký tự

- 4.3.2. Định dạng đoạn văn bản
- 4.3.3. Một số định dạng khác
 - 4.3.3.1. Định dạng cột báo
 - 4.3.3.2. Định dạng chữ cái to đầu đoạn
 - 4.3.3.3. Định dạng đường viền
 - 4.3.3.4. Định dạng ký tự đầu dòng
- 4.3.4. Định dạng trang in và in văn bản

4.4. Chèn đối tượng vào văn bản

- 4.4.1. Chèn ký tự đặc biệt
- 4.4.2. Chèn chữ nghệ thuật
- 4.4.3. Chèn tranh
- 4.4.4. Chèn các hình ảnh đồ họa
- 4.4.5. Chèn công thức toán học
- 4.4.6. Chèn biểu đồ

4.5. Bảng biểu

- 4.5.1. Tạo bảng mới
- 4.5.2. Hiệu chỉnh và định dạng bảng
- 4.5.3. Sắp xếp dữ liệu trong bảng

4.6. Một số xử Lịch sử khác

- 4.6.1. Tìm kiếm và thay thế văn bản
- 4.6.2. Tạo và sử dụng AutoCorrect
- 4.6.3. Chèn số trang
- 4.6.4. Chèn Header and Footer
- 4.6.5. Trộn văn bản

Mô đun A5: PHẦN MỀM TRÌNH DIỄN VĂN BẢN

(1, 0, 5)

5.1. Giới thiệu

- 5.1.1. Khởi động
- 5.1.2. Cửa sổ làm việc
- 5.1.3. Hệ thống trình đơn và các công cụ
- 5.1.4. Các kiểu hiển thị một trình chiếu
- 5.1.5. Các hướng dẫn thực hiện từng bước một
- 5.1.6. Các bước tạo một minh họa
- 5.1.7. Thoát khỏi

5.2. Các thao tác với file trình diễn và với Slide

- 5.2.1. Các khái niệm cơ bản
- 5.2.2. Quy trình soạn thảo trình diễn
- 5.2.3. Các thao tác với file trình diễn

5.3. Các thao tác với slide

- 5.3.1. Định dạng slide
- 5.3.2. Các thao tác với slide: chèn, sao chép, di chuyển, xóa
- 5.3.3. Trình bày slide
- 5.4. Tạo hiệu ứng
 - 5.4.1. Thiết lập template

- 5.4.2. Thiết lập hiệu ứng cho slide
- 5.4.3. Thiết lập hiệu ứng cho từng đối tượng

5.5. Trình chiếu slide và in ấn

- 5.5.1. Trình chiếu slide
- 5.5.2. Định dạng trang in và in file trình diễn

Mô đun A6: PHẦN MỀM XỬ LÝ CHỮ BẢNG TÍNH

(2, 0, 15)

6.1 Giới thiệu

- 6.1.1. Khởi động
- 6.1.2. Cửa sổ làm việc
- 6.1.3. Hệ thống trình đơn và các công cụ
- 6.1.5. Các thao tác với file bảng tính
- 6.1.6. Một số khái niệm cơ bản
- 6.1.7. Thoát khỏi

6.2. Các thao tác với bảng tính

- 6.2.1. Nhập, sửa dữ liệu
- 6.2.2. Các thao tác với vùng dữ liệu

6.3. Định dạng bảng tính và in bảng tính

- 6.3.1. Định dạng dữ liệu
 - 6.3.1.1. Các kiểu dữ liệu
 - 6.3.1.2. Định dạng các kiểu dữ liệu
 - 6.3.1.3. Căn chỉnh dữ liệu
 - 6.3.1.4. Kẻ khung cho vùng dữ liệu
- 6.3.2. Định dạng trang in và in bảng tính

6.4. Các hàm thông dụng

- 6.4.1. Nguyên tắc sử dụng hàm
- 6.4.2. Một số hàm thông dụng: sum, average, round, %, max, min, rank, and, or, left, right, if, day 360, datevalue, vlookup, hlookup, countif, Dcount, sumif, Dsum, averageif, Daverage, ...

6.5. Biểu đồ

- 6.5.1. Các bước xây dựng biểu đồ
- 6.5.2. Hiệu chỉnh biểu đồ

6.6. Quản trị dữ liệu bảng tính

- 6.6.1. Các khái niệm cơ bản
- 6.6.2. Sắp xếp dữ liệu
- 6.6.3. Trích lọc dữ liệu: AutoFilter, Advanced Filter
- 6.6.4. Tổng hợp dữ liệu: Subtotal

6.7. Tính toán trên nhiều bảng tính

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Giờ Lịch sử thuyết thực hiện tại phòng chức năng có các thiết bị: máy tính, máy chiếu Projector, loa, Micro. Giờ thực hành chia nhóm, mỗi nhóm thực hành không quá 25 người được thực hiện tại phòng máy tính, mỗi người học được sử dụng một máy và mỗi phòng thực hành có tối thiểu 25 máy sẵn sàng hoạt động, có đầy đủ phần mềm cần thiết phục vụ cho nội dung thực hành. Bố trí lịch học đúng theo lịch trình cụ thể.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Hồ Sĩ Đàm, Đào Kiến Quốc, Hồ Đắc Phương, 2010, *Giáo trình tin học cơ sở*, NXB ĐHSP.

2. Bùi Thế Tâm, 2010, *Giáo trình tin học văn phòng*, NXB Giao thông vận tải.

9.2. Giáo trình, sách tham khảo:

3. Phạm Công Anh, *Tin học cơ bản Microsoft Word, Excel, Powerpoint 2003, 2005*, NXB Văn hóa thông tin.

4. Bộ khoa học và công nghệ, 2008, *Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm nguồn mở*.

9.10. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

- Mã học phần: 121005
- Số tín chỉ: 02 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn xã hội học – Khoa xã hội
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Một số khái niệm về văn hoá, các thành tố của văn hóa Việt Nam, bản sắc văn hóa Việt Nam và những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; nhận diện các vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại và các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.

- Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày, giảng giải được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam, những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng để phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay, nhận thức bản lĩnh của dân tộc, tin tưởng vào sự phát triển, sự trường tồn của văn hoá dân tộc.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

-Nắm được một số khái niệm về văn hoá và những kiến thức cơ bản làm nền cho việc tiếp nhận những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam.

-Trình bày được những vấn đề mấu chốt liên quan đến tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Xây dựng được những kiến thức chung nhất về văn hoá Việt Nam, những tiền đề cơ bản của văn hoá cũng như bản sắc văn hoá.

- Vận dụng được những vấn đề về Lịch sử thuyết và phương pháp luận để tiếp cận nghiên cứu văn hoá Việt Nam,

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên nhận thức rõ bản sắc văn hoá dân tộc, bản lĩnh của dân tộc, tin tưởng vào sự phát triển và sự trường tồn của văn hoá Việt Nam. Góp phần vào việc bảo tồn và kế thừa các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

3. Nội dung học phần

3.1. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: VĂN HOÁ - NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN (4, 4)

1.1. Văn hoá học với tư cách là một chuyên ngành khoa học

1.1.1.Khoa học về văn hoá có nhiều ngành

1.1.2. Văn hoá học ra đời phân ra các ngành: Lịch sử văn hoá, Lịch sử luận văn hoá, Địa Lịch sử văn hoá, Cơ sở văn hoá, Văn hoá ứng dụng và phát triển...

1.1.3.Những thuật ngữ thường dùng trong bộ môn văn hoá học

1.2. Văn hoá

1.2.1. Vấn đề thuật ngữ văn hoá

1.2.2. Con người - chủ thể sáng tạo văn hoá

1.2.3. Phân biệt văn hoá với văn minh, văn hiến, văn vật.

1.2.4. Văn hoá với biểu tượng

1.3. Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá

1.3.1. Cấu trúc

1.3.2. Đặc trưng và chức năng của văn hoá

1.4Định vị văn hoá Việt Nam

1.4.1. Không gian văn hoá Việt Nam

1.4.2. Thời gian văn hoá Việt Nam

1.4.3. Nguồn gốc dân tộc Việt - chủ thể văn hoá Việt Nam

Chương 2: TIẾN TRÌNH VĂN HOÁ VIỆT NAM (2, 2)

2.1.Tiến trình văn hoá Việt Nam

2.1.1. Văn hoá Việt Nam thời tiền sử

2.1.2. Văn hoá Việt Nam thời sơ sử

2.1.3. Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc

2.1.4. Thời kỳ phong kiến to lớn (Đại Việt)

2.1.5.Văn hoá Việt Nam thời Pháp thuộc và chống Pháp thuộc

2.1.6. Văn hoá Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945

2.2. Các đặc điểm của văn hóa Việt Nam khi giao lưu tiếp xúc với văn hóa nhân loại thời hiện đại?

Chương 3: CÁC VÙNG VĂN HOÁ VIỆT NAM

(2, 2)

3.1. Các vùng văn hóa Việt Nam

3.1.1. Vấn đề phân vùng văn hoá và khái niệm vùng văn hoá

3.1.2. Vấn đề phân vùng văn hoá ở Việt Nam

3.2. Khái niệm vùng văn hoá

3.2.1. Đặc trưng các vùng văn hoá Việt Nam

3.2.2. Vùng văn hoá Đồng bằng Bắc bộ

3.2.3. Vùng văn hoá Việt Bắc

3.3. Vùng văn hoá Tây Bắc và miền núi Bắc bộ

3.4. Vùng văn hoá duyên hải Bắc Trung bộ

3.5. Vùng văn hoá duyên hải Trung và Nam Trung bộ

3.6. Vùng văn hoá Trường Sơn - Tây Nguyên

3.7. Vùng văn hoá Nam bộ

Chương 4: VĂN HOÁ NHẬN THỨC

(2, 2)

4.1. Văn hoá Việt Nam với Đông Nam Á

4.2. Triết lí âm dương

4.2.1. Nguyên Lịch sử âm dương

4.2.1. Sự thâm thấu của triết Lịch sử âm dương trong văn hoá Việt Nam

4.3. Tam tài - ngũ hành

4.4. Lịch âm dương và hệ đếm can chi

Chương 5: VĂN HOÁ TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG

(2, 2)

5.1. Tổ chức nông thôn

5.1.1. Các hình thức tổ chức nông thôn

5.1.2. Đặc điểm của làng Việt

5.2. Tổ chức quốc gia

5.2.1. Từ làng đến nước và việc quản Lịch sử xã hội

5.2.2. Bộ máy nhà nước phong kiến Việt Nam và luật nước

5.2.3. Các tầng lớp trong xã hội Việt Nam truyền thống

5.3. Tổ chức đô thị

5.3.1. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với quốc gia

5.3.2. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với nông thôn

5.3.3. Quy luật chung của tổ chức xã hội Việt Nam truyền thống

Chương 6: VĂN HOÁ TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO

(2, 2, 2)

6.1. Vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo

6.2. Tín ngưỡng

6.2.1. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên

6.2.2. Tín ngưỡng thờ thần

6.2.3. Tín ngưỡng thờ Mẫu hay nguyên lí mẹ của văn hoá Việt Nam

6.2.4. Tín ngưỡng phồn thực

6.3. Tôn giáo.

6.3.1. Phật giáo và văn hoá Việt Nam

6.3.2. Nho giáo và văn hoá Việt Nam

6.3.3. Đạo giáo và văn hoá Việt Nam

6.3.4. Thiên chúa giáo với văn hoá Việt Nam

6.4.Đặc trưng tín ngưỡng Việt Nam

Chương 7: VĂN HOÁ ĂM THỰC, VĂN HOÁ MẶC, Ở VÀ ĐI LẠI (2, 2,

2)

7.1. Văn hoá ẩm thực

7.1.1.Cơ cấu bữa ăn

7.1.2. Cách chế biến món ăn

7.1.3. Cách ăn

7.1.4. Uống, hút

7.2.Văn hoá mặc

7.2.1. Chất liệu may mặc

7.2.2. Trang phục qua các thời đại và đặc trưng trong cách mặc

7.3. Văn hoá ở và đi lại

7.3.1. Đặc điểm ngôi nhà Việt Nam

7.3.2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tâm Lịch sử đi lại, phương tiện đi lại

Chương 8: VĂN HOÁ GIÁO TIẾP, NGHỆ THUẬT VÀ PHONG TỤC CỔ

TRUYỀN (2, 2, 2)

8.1. Văn hoá giao tiếp

8.1.1. Cơ tầng văn hoá nông nghiệp bản địa và sự thâm thấu trong văn hoá giao tiếp

8.1.2. Đặc điểm, cách thức giao tiếp

8.1.3. Nghệ thuật ngôn từ

8.2. Văn hoá nghệ thuật

8.2.1. Nghệ thuật trình diễn

8.2.2. Nghệ thuật sân khấu

8.2.3. Nghệ thuật tạo hình

8.2.4. Nghệ thuật kiến trúc

8.3. Phong tục

8.3.1. Phong tục hôn nhân

8.3.2. Phong tục tang ma.

8.3.3. Phong tục lễ tết, lễ hội.

Chương 9 : TỔNG KẾT

(2, 2)

9.1. Các biểu tượng văn hoá Việt Nam

9.2. Bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc trong xu thế hội nhập và phát triển.

9.3. Vấn đề nguồn lực con người

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Cơ sở văn hoá Việt Nam- Trần Ngọc Thêm, Nxb GD tái bản, 2006
2. Cơ sở văn hoá Việt Nam - Trần Quốc Vượng, Nxb GD, tái bản, 2005

9.1 Sách tham khảo

1. Bản sắc văn hoá Việt Nam - Phan Ngọc, Nxb VH TT, tái bản 2006 .
2. Việt Nam văn hoá sử cương - Đào Duy Anh, NXBVH TT, HN 2000
3. Việt Nam phong tục - Phan Kế Bính, Nxb VH TT, HN, 1985
4. Văn minh Việt Nam – Nguyễn Văn Huyền, Nxb Hội nhà văn, 2005
5. Trần Ngọc Thêm. 1997. Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam. NxbTPHCM

9.11. MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI

- Mã học phần: 125105
- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Địa Lịch sử tự nhiên & Môi trường
- Khoa Khoa học Xã hội, trường đại học Hồng Đức.

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Khái niệm, phân loại môi trường; Các vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; Vị trí của con người trong hệ sinh thái; Mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; Tác động của con người đến môi trường; Thực trạng, nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước,... trên thế giới cũng như ở Việt Nam; Các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; Các vấn đề về an toàn lao động trong sản xuất và cuộc sống.

- Năng lực đạt được: Sinh viên biết phát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; Tính toán, phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT; Xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Học xong học phần này, người học nắm vững các khái niệm cơ bản về môi trường & con người; mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi trường; các vấn đề toàn cầu; Chiến lược phát triển bền vững và Mục tiêu Thiên niên kỷ; nắm vững thực trạng môi trường và tài nguyên Việt Nam; hiểu và thực hiện Luật và chính sách môi trường của Nhà nước ta, ...

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Kết thúc học phần này, người học cần đạt được những kỹ năng sau:

-Có kỹ năng tính toán và phân tích các chỉ tiêu và môi trường, tài nguyên, dân số và các nhu cầu và đáp ứng nhu cầu của con người; kỹ năng phân tích và đánh giá ô nhiễm và các giải pháp phòng chống ô nhiễm môi trường.

-Có khả năng nâng cao vai trò làm việc theo nhóm và tự học.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1. Khoa học môi trường và con người. Đối tượng môn học và nhiệm vụ môn học. Một số khái niệm cơ bản về khoa học môi trường. Nhận thức vấn đề môi trường trên thế giới và ở Việt Nam. (2, 3)

1. Sơ lược về khoa học môi trường và con người.
2. Đối tượng môn học và nhiệm vụ môn học.
3. Mối quan hệ giữa khoa học Môi trường và con người với các khoa học khác.
4. Một số khái niệm cơ bản.
5. Nhận thức vấn đề môi trường trên thế giới và ở Việt Nam.

Nội dung 2. Các nguyên Lý lịch sử sinh thái học ứng dụng trong khoa học môi trường (3, 4)

1. Nhân tố sinh thái.
 - 1.1. Khái niệm chung.
 - 1.2. Các định luật có liên quan.
2. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái.
 - 2.1. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái vô sinh lên đời sống sinh vật.
 - 2.2. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái hữu sinh lên đời sống sinh vật.
3. Sự thích nghi của sinh vật.
 - 3.1. Thích nghi sinh Lịch sử học.
 - 3.2. Thích nghi kiểu hình.
 - 3.3. Thích nghi kiểu di truyền.
 - 3.4. Chọn lọc tự nhiên và thích nghi sinh thái học.
4. Quần thể và quần xã sinh vật.
 - 4.1. Khái niệm về quần thể và những đặc trưng của quần thể.
 - 4.2. Quần xã sinh vật và những đặc trưng của quần xã.
5. Hệ sinh thái.
 - 5.1. Định nghĩa và cấu trúc của hệ sinh thái.
 - 5.2. Đặc trưng của hệ sinh thái.
6. Hệ sinh thái và con người.

- 6.1. Vị trí của của con người trong hệ sinh thái.
- 6.2. Ảnh hưởng của thức ăn lên con người.
- 6.3. Tác động của con người lên hệ sinh thái qua các thời kỳ lịch sử.

Nội dung 3. Tác động của gia tăng dân số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và tài nguyên - môi trường (2, 3)

1. Số dân và sự gia tăng dân số
 - 1.1. Tỷ lệ gia tăng tự nhiên.
 - 1.2. Gia tăng cơ học
 - 1.3. Tỷ lệ gia tăng dân số
- 1.2 Cấu trúc dân số
2. Lịch sử gia tăng dân số của nhân loại
 - 2.1. Số dân trên Trái Đất
 - 2.2. Các giai đoạn phát triển dân số.
3. Sự phân bố dân cư và di cư.
 - 3.1. Sự phân bố dân cư.
 - 3.2. Sự di cư.
4. Đặc điểm phát triển dân số Việt Nam.
 - 4.1. Số dân Việt Nam trong lịch sử.
 - 4.2. Gia tăng dân số.
 - 4.3. Sự phân bố dân cư.
 - 4.4. Kết cấu theo tuổi và theo giới.
 - 4.5. Tỷ lệ phụ thuộc.
5. Quan hệ giữa dân số – tài nguyên – môi trường.
 - 5.1. Dân số đối với sự phát triển kinh tế xã hội.
 - 5.2. Dân số đối với các loại tài nguyên và môi trường.

Nội dung 4. Các nhu cầu và hoạt động thỏa mãn các nhu cầu con người (2, 2)

1. Nhu cầu lương thực – thực phẩm.
 - 1.1. Nhu cầu dinh dưỡng và năng suất sinh học.
 - 1.2. Những loại lương thực – thực phẩm chủ yếu của nhân loại.
 - 1.3. Thực trạng vấn đề dinh dưỡng trên thế giới và ở Việt Nam.
 - 1.4. Hệ thống nông nghiệp trong lịch sử phát triển của xã hội loài người.
2. Nhà ở của con người, quần áo và đi lại.
 - 2.1. Nhu cầu nhà ở con người.
 - 2.2. Quần áo.
 - 2.3. Nhu cầu đi lại.
3. Nhu cầu về văn hóa, tín ngưỡng, xã hội, thể thao và du lịch.
 - 3.1. Diễn trình lịch sử văn hóa thế giới.
 - 3.2. Tiến trình văn hóa Việt Nam.
 - 3.3. Nhu cầu về đời sống xã hội, văn hóa, văn minh.
 - 3.4. Nhu cầu về du lịch, giải trí, thể thao của con người.
 - 3.5. Nhu cầu về đời sống tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo.
4. Công nghiệp hóa và đô thị hóa.
 - 4.1. Nguồn gốc của công nghiệp hóa và đô thị hóa.

- 4.2. Đô thị hóa ở thế kỷ XX và hiện nay.
- 4.3. Đặc trưng của công nghiệp hóa.
- 4.4. Các siêu đô thị hiện nay và vấn đề môi trường.
- 4.5. Sự phát triển đô thị, khu công nghiệp ở nước ta.

Nội dung 5. Thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên (3, 2, 2)

- 1. Khái niệm và phân loại tài nguyên thiên nhiên,
 - 1.1. Khái niệm tài nguyên thiên nhiên.
 - 1.2. Phân loại tài nguyên thiên nhiên.
- 2. Tài nguyên khí hậu.
- 3. Tài nguyên rừng.
- 4. Tài nguyên đất.
- 5. Tài nguyên nước.
- 6. Tài nguyên biển và ven biển.
- 7. Tài nguyên khoáng sản.
- 8. Tài nguyên năng lượng.
- 9 Sự đa dạng sinh học.

Nội dung 6. Vấn đề ô nhiễm môi trường (3, 2, 2)

- 1. Ô nhiễm môi trường không khí.
 - 1.1. Nguyên nhân gây ra ô nhiễm.
 - 1.2. Các tác nhân gây ra ô nhiễm.
 - 1.3. Hậu quả của ô nhiễm môi trường không khí.
 - 1.4. Lan truyền ô nhiễm và biện pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí.
- 2. Ô nhiễm đất.
 - 2.1. Khái niệm ô nhiễm đất.
 - 2.2. Những tác nhân gây ô nhiễm môi trường đất.
 - 2.3. Hậu quả và những biện pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường đất.
- 3. Ô nhiễm môi trường nước.
 - 3.1. Khái niệm ô nhiễm môi trường nước.
 - 3.2. Hiện trạng ô nhiễm môi trường nước.
 - 3.3. Tình hình ô nhiễm môi trường nước tại Việt Nam.
- 4. Những hình thức ô nhiễm môi trường khác.

Nội dung 7. Bảo vệ môi trường (3, 2, 2)

- 1. Những vấn đề toàn cầu.
 - 1.1. Vấn đề dân số.
 - 1.2. Sự nóng lên của Trái đất và lỗ thủng tầng ozon.
 - 1.3. Vấn đề lương thực và phát triển nông nghiệp.
 - 1.4. Vấn đề năng lượng.
 - 1.5. Vấn đề phát triển công nghiệp.
 - 1.6. Sức khỏe và định cư.
 - 1.7. Các đại dương và biển.
 - 1.8. Bảo vệ sự đa dạng sinh học.
 - 1.9. Những vấn đề khác.
- 2. Hiện trạng tài nguyên, môi trường Việt Nam.

2.1. Thực trạng môi trường Việt Nam trong những năm gần đây.

2.2. Những thách thức đối với môi trường trong thời gian tới.

2.3. Các nhiệm vụ và giải pháp cơ bản.

3. Chiến lược phát triển bền vững.

3.1. Chương trình hành động về bảo vệ môi trường.

3.2. Sự phát triển bền vững.

3.3. Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ.

4. Luật và chính sách môi trường Việt Nam.

4.1. Chính sách về tài nguyên môi trường.

4.2. Cơ sở thực hiện và nguyên tắc xây dựng Luật bảo vệ môi trường Việt Nam.

4.3. Nội dung cơ bản của Luật bảo vệ môi trường Việt Nam.

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

1. Trần Quốc Huy, Mai Duy Lục (Tập bài giảng). *Môi trường và con người* (154 trang). Tài liệu lưu hành nội bộ Trường Đại học Hồng Đức, 2011.

2. Lê Văn Khoa (chủ biên): *Khoa học môi trường*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001

3. Lê Văn Trường, Nguyễn Kim Tiến (đồng chủ biên): *Giáo dục môi trường*, NXB Giáo dục. Hà Nội, 2006.

4. Lê Thạc Cán: *Cơ sở khoa học về môi trường*. Chương trình quốc gia nghiên cứu bảo vệ môi trường. Hà Nội, 1995

5. Douvigneud- M.Tanghe: *Sinh quyển và vị trí con người*. NXB Khoa học – Kỹ thuật. Hà Nội, 1978.

9.12. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- Mã học phần: 125125

- Số tín chỉ: 02 (18, 24)

- Bộ môn phụ trách: Lịch sử
- Học phần tiên quyết: Không.

1. Mô tả học phần

- Môn học trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quan về khoa học và nghiên cứu khoa học, từ đó xác định và mô tả được vấn đề nghiên cứu. Trang bị cho sinh viên phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập, xử lý Lịch sử và phân tích thông tin thu thập được. Từ đó trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên nghiên cứu độc lập một vấn đề khoa học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội; xây dựng, chứng minh và trình bày được các quan điểm khoa học; trình bày được một báo cáo khoa học hoặc viết được một đề tài khoa học; vận dụng được kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở bậc đại học.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức :

- Sinh viên hiểu và vận dụng được kiến thức cần thiết để nhận dạng một vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế. Hiểu và áp dụng được các phương pháp trong phân tích vấn đề nghiên cứu.

- Sinh viên biết trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Có kỹ năng phát hiện, thiết lập vấn đề nghiên cứu kinh tế xã hội.

- Có kỹ năng thu thập, phân tích, xử lý Lịch sử thông tin kinh tế và thuyết trình.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Sinh viên có thể chủ động đề xuất đề tài nghiên cứu khoa học, viết được đề cương chi tiết (báo cáo thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học, ...). Chủ động tìm kiếm và thiết lập các vấn đề nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế liên quan đến chuyên ngành học tập.

- Khơi gợi cho sinh viên hứng thú nghiên cứu khoa học.

2.4. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực kinh tế xã hội.

3. Nội dung học phần

Phần I. Nội dung về Lịch sử thuyết và thảo luận

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ KHOA HỌC VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (2, 2)

- 1.1. Các khái niệm cơ bản về nghiên cứu khoa học
- 1.2. Các loại hình nghiên cứu khoa học
- 1.3. Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế
- 1.4. Nghiên cứu định lượng, nghiên cứu định tính và phối hợp
- 1.5. Các hình thức tổ chức nghiên cứu
- 1.6. Quy trình nghiên cứu

Chương 2: XÁC ĐỊNH VÀ MÔ TẢ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU (2, 1)

2.1. Xác định vấn đề nghiên cứu

2. 2. Xác định mục tiêu nghiên cứu
2. 3. Xác lập câu hỏi nghiên cứu
2. 4. Xác lập giả thuyết nghiên cứu
2. 5. Đặt tên đề tài nghiên cứu

Chương 3: TỔNG QUAN TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU VÀ XÂY DỰNG KHUNG LỊCH SỬ THUYẾT (2, 2)

3. 1. Tổng quan tài liệu nghiên cứu
3. 2. Xây dựng khung Lịch sử thuyết, khung phân tích của đề tài

Chương 4: PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN (3, 3)

4. 1. Nguồn thông tin
4. 2. Phương pháp thu thập thông tin sơ cấp
4. 3. Phương pháp điều tra chọn mẫu
4. 2. Phương pháp xây dựng bảng câu hỏi

Chương 5: PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ THÔNG TIN (3, 3)

5. 1. Phương pháp tổng hợp số liệu điều tra
5. 2. Phương pháp phân tích thống kê mô tả
5. 3. Phương pháp phân tích định tính
5. 4. Phương pháp phân tích định lượng
5. 5. Kiểm định giả thuyết

Chương 6: TRÌNH BÀY BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (6, 3)

6. 1. Cấu trúc một số báo cáo khoa học
6. 2. Cách viết nội dung
6. 3. Cách viết trích dẫn và ghi tài liệu tham khảo

Phần II. Nội dung bài tập lớn, tiểu luận (0, 10)

Lựa chọn một vấn đề nghiên cứu khoa học liên quan đến chuyên ngành được đào tạo, xây dựng đề cương chi tiết, trình bày và bảo vệ quan điểm.

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Trần Văn Dũng (2012), *Bài giảng Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Thái Nguyên, Thái Nguyên.

2. Vũ Cao Đàm (2006), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.

9.2. Sách tham khảo

1. Trần Tiến Khai (2014), *Phương pháp nghiên cứu kinh tế*, NXB Lao động Xã hội, Hà Nội.

2. Vũ Cao Đàm (2005), *Đánh giá nghiên cứu khoa học*, NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.

3. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2001), *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

4. Đỗ Văn Thắng, Phan Thành Huân (2003), *Giáo trình SPSS (dành cho sinh viên khối ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn)*, NXB Đại học Quốc gia, Tp. Hồ Chí Minh.

9.13. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

- Mã học phần: 124195
- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Hệ thống về những nền văn minh cổ, trung đại ở phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa, Đông Nam Á) và phương Tây (Hi Lạp, La Mã, các nước Tây Âu) và nền văn minh công nghiệp thời cận, hiện đại.

- Năng lực đạt được: Phân tích và bước đầu đánh giá được ảnh hưởng của các nền văn minh cổ, trung đại ở phương Đông và nền văn minh công nghiệp thời cận, hiện đại; xây dựng quan điểm và phẩm chất nhân văn, khơi dậy khát vọng tìm hiểu nghiên cứu các nền văn minh, giáo dục thái độ trân trọng, giữ gìn những thành tựu và di sản vô giá của văn minh nhân loại.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Trình bày kiến thức cơ bản về văn minh phương Đông và phương Tây
- Vận dụng và lĩnh hội được kiến thức về các nền văn minh lớn trên thế giới.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Phát triển khả năng tự nghiên cứu, thao tác tư duy độc lập, sáng tạo trong việc học tập, nghiên cứu Lịch sử và công tác giảng dạy Lịch sử sau này.

- Phát triển tư duy phê phán, năng lực phân tích, tổng hợp một vấn đề tộc người trong quá trình phát triển của các nền văn minh.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

Thông qua những hoạt động học tập trong học phần, sinh viên sẽ:

- Có ý thức trong việc gìn giữ những giá trị văn minh Việt Nam và nhân loại
- Có ý thức trong việc phát triển khả năng hợp tác trong làm việc tập thể.
- Yêu nghề, tận tụy với sự nghiệp giáo dục, có ý chí đấu tranh vì sự tiến bộ của khoa học và giáo dục.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Văn minh phương Đông (3, 4)

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Các cách tiếp cận văn minh

Chương 2. Văn minh Ai Cập (3, 5)

- 2.1. Cơ sở của nền văn minh
- 2.2. Những thành tựu chủ yếu

Chương 3. Văn minh Ấn Độ (4, 3, 2)

- 3.1. Cơ sở của nền văn minh
- 3.2. Những thành tựu chủ yếu

Chương 4. Văn minh Trung Quốc (4, 3, 2)

- 4.1. Cơ sở hình thành
- 4.2. Những thành tựu chủ yếu

Chương 5. Văn minh phương Tây (4, 3, 2)

- 5.1 Văn minh Hy Lạp- La Mã
- 5.2 Văn minh phương Tây thời Trung đại
- 5.3 Văn minh công nghiệp
- 5.4 Văn minh thế kỷ XX

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy:Sử dụng giáo án điện tử kết hợp thuyết giảng, trao đổi, thảo luận.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

- [1] Đặng Đức An, Những mẩu chuyện Lịch sử văn minh thế giới, 2001.
- [2] Phạm Cao Dương, Nhập môn Lịch sử các nền văn minh thế giới (tập 1), từ sách phổ thông sử học Sài Gòn, 1972.

[3] Lê Phụng Hoàng, Hà Bích Liên, Trần hồng Ngọc, Các công trình kiến trúc nổi tiếng trong Lịch sử thế giới cổ trung đại, NXB GD, 2001.

[4] Lê Phụng Hoàng, Lịch sử văn minh thế giới, NXB Giáo dục, 2005.

[5] Lương Ninh, Lịch sử văn hóa thế giới, NXB Giáo dục, 2008.

B. KIẾN THỨC ĐỊA PHƯƠNG (TỈNH THANH HÓA)

- Mã học phần: 124115

- Số tín chỉ: 2 (15, 0, 30)

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Lịch sử, khoa KHXH, trường đại học Hồng Đức

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần: Học phần giới thiệu khái quát về vị trí địa Lịch sử, đặc điểm về địa Lịch sử tự nhiên, dân cư, lịch sử, các di tích lịch sử - văn hoá, các nhân vật lịch sử tiêu biểu, các làng nghề thủ công truyền thống tiêu biểu, đặc điểm nền văn hoá vật chất và tinh thần của xứ Thanh...; những định hướng phát triển kinh tế, những thách thức trên bước đường hiện đại hoá, công nghiệp hoá của Thanh Hoá.

- Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích, đánh giá được những kiến thức chung nhất của Thanh Hóa về lịch sử, địa Lịch sử, văn hóa...; giảng giải, thuyết trình được những kiến thức đại cương về Thanh Hóa.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Giải thích rõ ý nghĩa của việc nghiên cứu, tìm hiểu các kiến thức địa phương Thanh Hoá; Những nội dung kiến thức địa phương Thanh Hoá cần tìm hiểu đối với ngành học và đối với công tác sau này

- Nêu được đặc điểm địa Lịch sử tự nhiên, dân cư của Thanh Hóa, so sánh với các tỉnh khác

- Thống kê được lịch sử hình thành, sự phân chia hành chính và tên gọi của Thanh Hoá qua các thời kỳ lịch sử

- Giải thích rõ điều kiện hình thành, đặc điểm nền văn hóa vật thể và phi vật thể của Thanh Hóa

- Thống kê được các nghề và làng nghề truyền thống tiêu biểu của Thanh Hoá

- Mô tả được các vùng kinh tế, trung tâm kinh tế, các khu công nghiệp hiện nay của Thanh Hóa.

- Phân tích rõ những đóng góp to lớn của Thanh Hóa trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược của dân tộc.

- Thống kê và mô tả khái quát các di tích lịch sử-văn hoá tiêu biểu của Thanh Hoá

- Thống kê và mô tả khái quát các danh thắng tiêu biểu của Thanh Hoá.

- Thống kê và nêu khái quát công trạng của các nhân vật lịch sử tiêu biểu của Thanh Hoá

- Thống kê và nêu khái quát công trạng các Danh nhân văn hóa tiêu biểu của Thanh Hoá

- Mô tả được các làng khoa bảng nổi tiếng của Thanh Hoá

- Lịch sử giải rõ những vấn đề đương đại của Thanh Hoá trong giai đoạn phát triển tới

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Rèn luyện năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá các tư liệu
- Bổ sung các kỹ năng trình bày một vấn đề, kỹ năng sưu tầm các nguồn tư liệu, kỹ năng sử dụng bản đồ, sơ đồ, lập bảng biểu
- Bước đầu biết vận dụng các PPNC liên ngành, PPNC khu vực học trong nghiên cứu, tìm hiểu các kiến thức địa phương Thanh Hóa

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

- Có tình yêu, niềm tự hào về quê hương; nêu cao trách nhiệm trong việc xây dựng quê hương, đất nước.
- Biết ơn đối với những người có công với quê hương, đất nước.
- Có ý thức gìn giữ các di sản lịch sử, văn hoá

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Một số vấn đề chung (1, 0)

1. ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu Kiến thức địa phương Thanh Hoá

1.1. Đối với chương trình đào tạo

1.2. Đối với sau khi tốt nghiệp

2. Khái niệm Địa phương học, Khu vực học

2.1. Khái niệm địa phương học

2.2. Khái niệm khu vực học

3. Cơ sở phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu.

3.1. Cơ sở phương pháp luận

3.2. Phương pháp nghiên cứu

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Chương 2. Khái quát địa Lịch sử- lịch sử Thanh Hoá (2, 0, 4)

1. Khái quát địa Lịch sử tự nhiên Thanh Hoá

1.1. Vị trí địa Lịch sử

1.2. Diện tích

1.3. Địa hình (đất đai)

1.4. Sông suối, hồ

1.5. Biển

1.6. Khí hậu, nắng, mưa, độ ẩm

1.7. Khoáng sản, hệ sinh thái.

2. Đặc điểm về địa Lịch sử dân cư.

2.1. Cơ cấu dân cư

2.2. Cơ cấu dân tộc

3. Lịch sử hình thành, sự phân chia hành chính và tên gọi của Thanh Hoá qua các thời kỳ lịch sử.

3.1. Lịch sử hình thành

3.2. Sự phân chia hành chính và tên gọi của Thanh Hoá qua các thời kỳ lịch sử.

Chương 3. Đặc điểm văn hoá của Thanh Hoá. (2, 0, 4)

1. Điều kiện hình thành và phát triển nền văn hoá Thanh Hoá
 - 1.1. Điều kiện tự nhiên
 - 1.2. Điều kiện lịch sử, chính trị-xã hội
2. Đặc điểm hình thành và phát triển của văn hoá Thanh Hoá
 - 2.1. Thanh Hoá là một trong những cái nôi của người nguyên thủy ở Việt Nam
 - 2.2. Sự phát triển của văn hoá Thanh Hoá gắn liền với sự phát triển của văn hoá dân tộc nhưng có những nét riêng
3. Đặc điểm văn hoá vật chất
 - 3.1. Về kiến trúc
 - 3.2. Về ẩm thực
 - 3.3. Về sản xuất nông nghiệp
 - 3.4. Về ngành nghề thủ công nghiệp
 - 3.5. Về tổ chức làng xã
 - 3.6. Về chợ làng, chợ huyện...
4. Đặc điểm nền văn hoá phi vật thể
 - 4.1. Lễ hội
 - 4.2. Phong tục, tập quán
 - 4.3. Tôn giáo, tín ngưỡng
 - 4.4. Giáo dục, khoa cử
 - 4.5. Văn hoá dân gian

Chương 4. Sự phát triển kinh tế của Thanh Hoá qua các thời kỳ lịch sử (2, 0, 4)

1. Các nghề truyền thống và làng nghề truyền thống tiêu biểu của Thanh Hoá.
 - 1.1. Các nghề truyền thống tiêu biểu.
 - 1.2. Các làng nghề truyền thống tiêu biểu:
2. Các vùng kinh tế, trung tâm kinh tế, khu công nghiệp chủ yếu của Thanh Hoá hiện nay.
 - 2.1. Các vùng kinh tế.
 - 2.2. Các khu công nghiệp
 - 2.3. Khu kinh tế tổng hợp Nghi Sơn.
 - 2.4. Năm chương trình kinh tế trọng điểm của Thanh Hoá từ 2006-2010.

Chương 5. Những đóng góp to lớn của Thanh Hoá trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược của dân tộc. (2, 0, 4)

1. Thời kỳ Bắc thuộc
2. Thời kỳ phong kiến tự chủ
3. Thời kỳ Pháp thuộc
4. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp
5. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ

Chương 6. Các di tích lịch sử-văn hoá và danh thắng tiêu biểu của Thanh Hoá. (2, 0, 5)

1. Di tích khảo cổ học
2. Di tích kiến trúc, mỹ thuật

3. Di tích tôn giáo
4. Di tích lịch sử cách mạng
5. Thắng cảnh thiên nhiên

Chương 7. Các nhân vật lịch sử và Danh nhân văn hóa tiêu biểu của Thanh Hoá (2, 0, 5)

1. Các nhân vật lịch sử có công trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước
2. Danh nhân văn hoá
3. Các làng khoa bảng nổi tiếng

Chương 8. Những vấn đề đương đại của Thanh Hoá (2,0, 4)

1. Dân số Thanh Hoá: Tốc độ tăng dân số cao, tỷ lệ nam-nữ
2. Phát triển, hợp tác của Thanh Hoá
3. Tiềm năng và hạn chế của Thanh Hoá
 - 3.1. Tiềm năng:
 - 3.2. Hạn chế, thách thức:
4. Định hướng phát triển của Thanh Hoá.

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Sở Văn hoá Thông tin Thanh Hoá, *Thanh Hoá, quê hương, đất nước, con người*, NXB Thanh Hoá, 1996.

9.2. Sách tham khảo

1. Ban NC&BS lịch sử Thanh Hoá, *Lịch sử Thanh Hoá*, Tập 1, 2, 3, 4, 5 NXB KHXH, HN, 1990, 1994, 1996, 2002,

2. Hoàng Thanh Hải- Vũ Quý Thu, *Lịch sử Thanh Hoá- Dừng trong các trường CĐSP và PT Thanh Hoá*, NXB Thanh Hoá, 1996.

3. Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Thanh Hoá, *Địa chí Thanh Hoá, Tập 1: Địa Lịch sử và Lịch sử*, NXB Văn hoá thông tin, HN, 2000

4. Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Thanh Hoá, *Địa chí Thanh Hoá, Tập 2: Văn hoá*, NXB Văn hoá thông tin, HN, 2002.

5. Lê Văn Trường, *Địa Lịch sử Thanh Hoá*, Trường Đại học Hồng Đức, 2002.

9.14. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN

- Mã học phần: 125085
- Số tín chỉ: 2 (18, 24)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Địa Lịch sử KT-XH & PPDH Địa Lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần: Khái niệm về tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế, phát triển bền vững; Các chỉ số quan trọng đo lường sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của quốc gia; Các nhân tố, điều kiện đảm bảo sự tăng trưởng, phát triển; Nội dung của các mô hình phát triển kinh tế, khả năng áp dụng các mô hình này ở các nước đang phát triển và ở Việt Nam; Các nguồn lực và việc khai thác sử dụng hiệu quả các nguồn lực để tạo điều kiện cho nền kinh tế có sự tăng trưởng cao, ổn định và bền vững; sự vận động và phát triển của các ngành và các lĩnh vực kinh tế và mối quan hệ của chúng trong cơ cấu nền kinh tế quốc dân; Chiến lược phát triển của chính phủ và địa phương (trong trường hợp là kinh doanh thì dự báo xu hướng phát triển của nền kinh tế trong bối cảnh thế giới).

- Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích được bảng số liệu thống kê và các biểu đồ, các mô hình kinh tế; Vận dụng được kiến thức đã học vào phân tích các vấn đề kinh tế xã hội cụ thể của đất nước và địa phương.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Học xong học phần này, người học có được hệ thống kiến thức về: tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế, phát triển bền vững. Nắm vững các chỉ số quan trọng đo lường sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của quốc gia. Phân tích được các nhân tố, điều kiện đảm bảo sự tăng trưởng, phát triển. Vận dụng được các mô hình phát triển kinh tế vào lãnh thổ cụ thể, đánh giá được khả năng áp dụng các mô hình này ở các nước đang phát triển và ở Việt Nam. Người học tiếp cận các vấn đề về khai thác sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm tạo điều kiện cho nền kinh tế có sự tăng trưởng cao, ổn định và bền vững. Hiểu được sự vận động và phát triển của các ngành và các lĩnh vực kinh tế và mối quan hệ trong cơ cấu nền kinh tế quốc dân. Đồng thời, có khả năng đánh giá các chiến lược phát triển của chính phủ và địa phương, dự báo xu hướng phát triển của nền kinh tế trong bối cảnh mới.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sau khi học xong học phần này, người học đạt được các kỹ năng cơ bản sau:

- Có khả năng phân tích, đánh giá tổng hợp các vấn đề kinh tế xã hội, vận dụng cụ thể ở Việt Nam và ở địa phương
- Có thể xử Lý lịch sử dữ liệu thống kê, tính toán các chỉ số tăng trưởng, phát triển kinh tế, phân tích các mô hình tăng trưởng kinh tế
- Có khả năng viết và trình bày báo cáo ngắn gọn về một vấn đề đã được lựa chọn liên quan đến nội dung học phần

- Sinh viên được nâng cao năng lực làm việc làm theo nhóm và tự học

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ (3,3)

I. Tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế

1. Tăng trưởng kinh tế

- 1.1. Khái niệm tăng trưởng kinh tế
- 1.2. Các nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế
- 1.3. Các chỉ tiêu đo lường tăng trưởng kinh tế

2. Phát triển kinh tế

- 2.1. Khái niệm và nội dung phát triển kinh tế
- 2.2. Phát triển bền vững
- 2.3. Các chỉ số phản ánh sự phát triển kinh tế
- 2.4. Mối quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển kinh tế.

II. Các mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế

1. Mô hình cổ điển về tăng trưởng kinh tế
2. Mô hình tân cổ điển về tăng trưởng kinh tế
3. Mô hình của J.M. Keynes về tăng trưởng kinh tế
4. Lịch sử thuyết tăng trưởng kinh tế hiện đại

Nội dung 2. CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ (2,3)

I. Khái niệm và xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế

1. Khái niệm cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế
2. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế
3. Một số mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế

II. Các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế

1. Nhóm nhân tố thị trường
2. Nhóm nhân tố xã hội
3. Nhóm nhân tố tự nhiên
4. Nhóm nhân tố khoa học và công nghệ
5. Nhóm nhân tố về sự phát triển của các ngành có liên quan,...
6. Nhóm nhân tố về sự tác động của hội nhập kinh tế quốc tế
7. Nhóm nhân tố về vai trò của Nhà Nước

Nội dung 3. CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ (6,9)

I. Tài nguyên và môi trường

1. Khái niệm và phân loại tài nguyên thiên nhiên
2. Vai trò của tài nguyên thiên nhiên với phát triển kinh tế
3. Tài nguyên thiên nhiên ở nước ta hiện nay
4. Những vấn đề đặt ra trong việc khai thác và sử dụng TNTN

II. Nguồn lao động với phát triển kinh tế

1. Nguồn lao động và vai trò của nó đối với phát triển kinh tế
2. Vai trò của nguồn lao động với phát triển kinh tế
3. Đặc điểm của nguồn lao động và thị trường lao động ở Việt Nam
4. Những vấn đề cần quan tâm đối với lao động Việt Nam

III. Khoa học và công nghệ với phát triển kinh tế

1. Khái niệm khoa học và công nghệ
2. Vai trò của khoa học và công nghệ đối với phát triển kinh tế
3. Định hướng và giải pháp phát triển khoa học và công nghệ

IV. Vốn với phát triển kinh tế

1. Vốn và vai trò của vốn đối với phát triển kinh tế
2. Các nguồn vốn đầu tư
3. Các giải pháp chủ yếu để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả

Nội dung 4. CÔNG BẰNG XÃ HỘI VÀ NGHÈO, ĐÓI (2,2)

I. Công bằng xã hội

1. Quan niệm về công bằng xã hội
2. Công bằng xã hội trong phân phối thu nhập
3. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội

II. Nghèo, đói

1. Khái niệm nghèo
2. Phương pháp đánh giá nghèo tuyệt đối
3. Nguyên nhân và các yếu tố chính ảnh hưởng đến nghèo, đói.
4. Các giải pháp nhằm giảm tăng trưởng kinh tế với xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam

Nội dung 5. NÔNG NGHIỆP VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ (2,3)

I. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp

II. Vai trò của nông nghiệp đối với phát triển kinh tế

III. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

IV. Giải pháp chủ yếu phát triển nông nghiệp

Nội dung 6. CÔNG NGHIỆP VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ (2,2)

I. Đặc điểm của sản xuất công nghiệp

II. Vai trò của công nghiệp đối với phát triển kinh tế

III. Xây dựng chiến lược phát triển công nghiệp và lựa chọn cơ cấu công nghiệp hợp Lịch sử.

IV. Giải pháp chủ yếu phát triển công nghiệp

Nội dung 7. DỊCH VỤ VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ (1,2)

I. Đặc điểm của dịch vụ

1. Khái niệm dịch vụ

2. Đặc điểm của dịch vụ

II. Vai trò của dịch vụ đối với phát triển kinh tế

III. Ngoại thương với phát triển kinh tế

1. Các học thuyết về thương mại quốc tế

2. Các hình thức và chính sách kinh tế đối ngoại của các nước đang phát triển

3. Xuất nhập khẩu các nước phát triển và đang phát triển.

4. Chính sách thương mại và định hướng của ngoại thương Việt Nam

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Đình Hợi, *Giáo trình Kinh tế phát triển*, Nxb Tài chính, Hà Nội - 2008
2. Vũ Thị Ngọc Phùng, *Giáo trình Kinh tế phát triển*, Nxb Lao động – Xã hội, Hà Nội – 2005.

9.2. Sách tham khảo:

1. Ngô Doãn Vịnh, *Bàn về phát triển kinh tế*, NXB Chính trị Quốc gia, 2005
2. Trần Thọ Đạt, *Các mô hình tăng trưởng kinh tế*, NXB Thống kê, 2005
3. Nguyễn Trọng Hoài, *Giáo trình kinh tế phát triển*, Đại học Kinh tế TP.HCM, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, 2007.
4. Trần Văn Chử (chủ biên), *Giáo trình Kinh tế học phát triển*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 2002.
5. Nguyễn Văn Thường (chủ biên), *Kinh tế Việt Nam*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội – 2010.
6. Lê Thông (chủ biên), *Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2001.

9.15. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. HÁN NÔM CƠ SỞ

- Mã học phần: 121041
- Số tín chỉ: 02 (18, 0, 24)
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Văn học Việt Nam
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Các kiến thức cơ bản về chữ Hán, sự du nhập, sử dụng chữ Hán ở Việt Nam.

- Năng lực đạt được: SV có kỹ năng phiên âm, chú thích, dịch nghĩa các văn bản Hán văn tiêu biểu; khả năng phân loại, giải thích nghĩa của chữ Hán, kỹ năng phân tích các kiểu mô thức cấu trúc của chữ Hán để vận dụng trong việc đọc các loại văn bản Hán nôm..

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày được kiến thức cơ bản về chữ Hán, chữ Nôm: nguồn gốc, sự hình thành, quá trình phát triển; kết cấu, hình thể; cách thể hiện; bộ thủ; những kiến thức về tự, từ và câu trong Hán Văn cổ.

- Trình bày được kiến thức chung về các loại hình Hán Nôm du lịch: tên di tích, hoành phi, câu đối, văn bia....

- Nhận biết được đặc trưng của mỗi thể loại văn học: (chiếu, truyện, kí); Văn bản Hán Nôm du lịch (Hoành phi, câu đối, văn bia)

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Sinh viên biết viết chữ Hán đúng nét, đủ nét, theo quy tắc bút thuận.

- Đọc và phiên âm, dịch nghĩa được các văn bản Hán Văn; hệ thống các hoành phi, câu đối, văn bia được học.

- Đọc và dịch các thư tịch cổ, các tác phẩm văn chương, hệ thống văn bia, câu đối ở đình chùa, miếu mạo..v.v...

- Phân tích được các hiện tượng ngữ pháp xuất hiện trong các văn bản Hán văn được học.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Sinh viên có quan điểm khoa học trong học tập và nghiên cứu Hán Nôm; biết trân trọng, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống.

3. Nội dung học phần

- Phần 1. Đại cương về chữ Hán

Bài 1. Văn tự Hán – Nguồn gốc, hình thể, kết cấu (1, 0, 1)

1. Nguồn gốc
2. Hình thể
2. Kết cấu

Bài 2. Văn tự Hán – Cách thể hiện cấu (1,0, 2)

1. Các nét cơ bản
2. Quy tắc bút thuận
3. Tính cân đối của chữ

Bài 3. Bộ thủ cấu (1, 0, 1)

1. Vai trò của bộ thủ với việc học chữ Hán
2. Phân biệt một số bộ thủ có hình thể giống nhau và các bộ có nhiều hình thể.

Bài 4. Tự, từ và câu trong Hán văn cổ cấu (1, 0, 2)

1. Từ tự đến từ
2. Nghĩa của từ trong Hán văn cổ
3. Từ từ đến câu

- Phần 2: Tiếp cận văn bản Hán

Bài 5. Nhóm văn bản Cổ học tinh hoa cấu (1,0, 2)

1. Tu thân, tề gia, trị quốc
2. Tam nhân hành
3. Bất hiếu giả ngu

Bài 6. Nhóm văn bản khắc tại di tích cấu (1, 0, 2)

1. Trưng Nữ Vương miếu bi
2. Quán Sứ tự công đức bi kí
3. Ngọc Sơn Đế Quân từ kí

Bài 7. Lưu đề ở các di tích lịch sử - văn hóa cấu (2, 0, 2)

1. Lưu đề của Trần Nhân Tông
2. Lưu đề của Nguyễn Sưởng
3. Lưu đề của Phạm Sư Mạnh
4. Lưu đề ở chùa Đọi của Lê Thánh Tông
5. Lưu đề ở núi Dục Thúy
6. Lưu đề ở động Tam Thanh
7. Lưu đề ở chùa Hương

- Phần 3. Di tích và các thể loại văn bản tại di tích

Bài 8. Tên di tích câu (2, 0, 2)

1. Tên di tích, cách viết tên di tích và vị trí ghi tên di tích
2. Các loại hình di tích
3. Kết cấu cú pháp tên di tích
4. Yếu tố chung và yếu tố hạn định trong tên di tích.

Bài 9. Hoành phi - đại tự câu (2, 0, 2)

1. Khái niệm và cách bố trí Hoành phi – đại tự
2. Các nội dung thường gặp trong hoành phi – đại tự
3. Phân loại hoành phi – đại tự theo số lượng từ

Bài 10. Câu đối câu (1, 0, 2)

1. Những vấn đề chung về câu đối
2. Phân loại câu đối theo chủ đề

Bài 11. Văn bia và cách đọc văn bia câu (2, 0, 2)

1. Văn bia
 - Vai trò của bia và văn bia
 - Các bộ phận của một tấm bia
2. Hướng dẫn cách đọc văn bia
 - Tên của bia
 - Nội dung của bia
 - Tác giả của bia
 - Niên đại dựng bia

- Phần 4. Đại cương về chữ Nôm

Bài 12. Các vấn đề trong chữ Nôm câu (1, 0, 2)

1. Cách đọc Hán Việt Việt hóa
 - Âm tiền Hán Việt
 - Âm Hán Việt Việt hóa
 - Âm Hán Việt Việt hóa
2. Cách đọc chỉnh âm

Bài 13: Cấu trúc của chữ Nôm (2, 0, 2)

1. Loại chữ Nôm vay mượn chữ Hán
 - Loại A1: đọc theo âm Hán Việt và mượn nghĩa
 - Loại A2: đọc theo âm Tiền Hán Việt và Hán Việt Việt hóa và mượn nghĩa
 - Loại A3: đọc âm Hán Việt bỏ nghĩa
 - Loại A4: đọc chệch âm Hán Việt
 2. Loại chữ Nôm tự tạo
 - Loại B1: Chữ Nôm và ký hiệu phụ
 - Loại B2: Dùng ký hiệu chỉnh âm đầu
 - Loại B3: chữ Hán và bộ thủ chỉ ý
 - Loại B4: Chữ Hán chỉ âm và chữ Hán
 3. Loại chữ Nôm đặc biệt
 4. Chữ Nôm viết tắt
- 4. Yêu cầu của môn học:**

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Đặng Đức Siêu, *Ngữ văn Hán Nôm T1, T2*, Nxb. ĐH. Sư Phạm Hà Nội, 2007

9.2. Sách tham khảo

1. Phạm Văn Khoái, *Giáo trình Hán Nôm dành cho du lịch*, Nxb. ĐH. Quốc Gia Hà Nội, 2007
2. Trương Thìn, *Mẫu Hoàn phi, câu đối thường dùng*, Nxb. Thời Đại Hà Nội, 2010
3. Nguyễn Ngọc San, *Lịch sử thuyết chữ Nôm, văn Nôm*, Nxb. ĐH. Sư Phạm Hà Nội, 2003.

9.16. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

- Mã học phần: 123050
- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Bộ môn phụ trách: Lý luận văn học và PPDHNV
- Học phần tiên quyết: Không.

1. Mô tả học phần

Môn học giới thiệu khái niệm và chức năng của văn bản quản lý; thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản, bản sao văn bản; phong cách ngôn ngữ hành chính – công vụ; kỹ thuật sử dụng tiếng Việt trong văn bản hành chính – công vụ; quy trình soạn thảo và ban hành các loại văn bản hành chính thông dụng như quyết định, báo cáo, công văn, tờ trình, biên bản và hợp đồng,...

Năng lực đạt được: Sinh viên soạn thảo, hướng dẫn soạn thảo được các loại văn bản thông dụng trong hoạt động xã hội; đánh giá được các loại văn bản theo quy định của pháp luật hiện hành; đánh giá được tầm quan trọng của việc soạn thảo và ban hành văn bản.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Nêu được khái niệm, chức năng, các loại hình văn bản và giá trị thông tin trong văn bản. Trình bày được quy trình soạn thảo, ban hành, quản lý và những nguyên tắc trong việc khai thác thông tin văn bản.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Nhận diện được các loại văn bản hiện đang được sử dụng trong hoạt động quản lý của các cơ quan, tổ chức ở Việt Nam và giá trị thông tin của các văn bản đó.

- Lập được cách tổ chức và bảo quản các văn bản, giấy tờ của cơ quan một cách khoa học, nhằm cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết cho hoạt động quản lý.

- Soạn thảo được một số văn bản quản lý thông dụng cho cơ quan và lãnh đạo.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

- Có thái độ học tập nghiêm túc và tham gia tích cực các hoạt động trao đổi, thảo luận, thực hành trên lớp.

- Nhận thức được tầm quan trọng của thông tin văn bản với ý nghĩa là nguồn thông tin cơ bản, quan trọng và có độ tin cậy cao nhất, được khai thác và sử dụng thường xuyên trong hoạt động quản lý của các cơ quan, tổ chức.

3. Nội dung học phần

Chương 1: KHÁI NIỆM, CHỨC NĂNG CỦA VĂN BẢN VÀ VĂN BẢN QUẢN LÝ (4, 5)

1.1. Khái niệm

1.1.1. Khái niệm văn bản

1.1.2. Khái niệm văn bản quản lý

1.2. Chức năng của văn bản quản lý

1.2.1. Chức năng thông tin

1.2.2. Chức năng pháp lý

1.2.3. Chức năng quản lý

Chương 2: HỆ THỐNG VĂN BẢN QUẢN LÝ Ở VIỆT NAM (4, 5)

2.1. Khái niệm và cách phân loại

2.1.1. Khái niệm hệ thống văn bản quản lý nhà nước

2.1.2. Phân loại văn bản quản lý

2.2. Văn bản quy phạm pháp luật

2.2.1. Khái niệm

2.2.1. Vai trò của văn bản quy phạm pháp luật đối với quản lý nhà nước và quản lý XH

2.2.2. Đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật 339

2.2.3. Công dụng và thẩm quyền ban hành các loại văn bản quy phạm pháp luật

2.3. Văn bản hành chính

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Vai trò của văn bản hành chính đối với quản lý nhà nước và quản lý XH

2.3.3. Công dụng của các loại văn bản hành chính

Chương 3: NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN QUẢN LÝ (5, 7)

3.1. Quy định về thẩm quyền ban hành văn bản

- 3.1.1. Thẩm quyền về hình thức (thể loại) văn bản
- 3.1.2. Thẩm quyền về nội dung văn bản
- 3.2. Quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản
 - 3.2.1. Khái niệm, ý nghĩa, tác dụng của thể thức văn bản
 - 3.2.2. Cách thể hiện các thành phần thể thức của văn bản quản lý
- 3.3. Quy định về việc thể hiện nội dung của văn bản
 - 3.3.1. Nội dung văn bản phải được trình bày có tính khoa học
 - 3.3.2. Nội dung văn bản không trái pháp luật hiện hành
 - 3.3.3. Nội dung văn bản phải được thể hiện bằng văn phong hành chính.
- 3.4. Quy định về quy trình soạn thảo và ban hành văn bản
 - 3.4.1. Khái niệm
 - 3.4.2. Nội dung và yêu cầu của quy trình

Chương 4. NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC THÔNG

TIN

TRONG VĂN BẢN

(5, 7)

- 4.1. Những quy định về quản lý văn bản
 - 4.1.1. Quản lý văn bản đi và đến ở bộ phận văn thư cơ quan
 - 4.1.2. Quản lý văn bản tại các bộ phận chuyên môn
 - 4.1.3. Quản lý văn bản tại bộ phận lưu trữ của cơ quan
- 4.2. Những quy định về khai thác thông tin trong văn bản
 - 4.2.1. Đối tượng khai thác và sử dụng thông tin văn bản
 - 4.2.2. Thủ tục và thẩm quyền khai thác thông tin văn bản
 - 4.2.3. Quy định về trách nhiệm bảo mật thông tin văn bản

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Vũ Thị Phụng : Lý luận và kỹ thuật soạn thảo văn bản (Tập bài giảng). Khoa Luật, Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1995.

9.2. Sách tham khảo

1. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002), NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.

2. Vương Thị Kim Thanh, Kỹ thuật soạn thảo văn bản, NXB Thống kê, 2007

3. Lưu Kiếm Thanh Giáo trình kỹ thuật xây dựng và ban hành văn bản, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.

B. KỸ NĂNG GIAO TIẾP

- Mã học phần:

- Số tín chỉ: 2 (21, 18)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngôn ngữ học, khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: gồm khái niệm giao tiếp, các thành tố của quá trình giao tiếp, nguyên tắc giao tiếp, yếu tố ngôn ngữ và văn hoá trong giao tiếp, phong cách giao tiếp, ... và các vấn đề lý thuyết về các kỹ năng giao tiếp: kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp sư phạm,...

- Năng lực đạt được: SV có các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong tạo lập các loại văn bản; rèn luyện kỹ năng lắng nghe có hiệu quả, kỹ năng đặt câu hỏi phù hợp với các tình huống giao tiếp, thuyết trình được những vấn đề phổ biến quen thuộc trong công việc và trong cuộc sống. Xử lý được các tình huống sư phạm thường gặp.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) những vấn đề chung cơ bản nhất về giao tiếp: khái niệm, chức năng giao tiếp; các nguyên tắc giao tiếp; mối quan hệ giữa người nói và người nghe;

- Hiểu được (phân tích, giải thích, lấy ví dụ) những nguyên nhân và trở ngại trong giao tiếp, cách khắc phục những khó khăn trong giao tiếp.

- Nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) về các phương tiện, các chỉ dẫn giao tiếp, các đặc trưng văn hóa tộc người chi phối giao tiếp.

- Hiểu được (phân tích, giải thích, lấy ví dụ) các vấn đề Lịch sử thuyết về các kỹ năng giao tiếp cơ bản và giao tiếp sư phạm.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Trên cơ sở trang bị những kiến thức về mặt Lịch sử thuyết, người học nhận thức được tầm quan trọng của giao tiếp trong cuộc sống và công việc.

- Biết vận dụng kiến thức Lịch sử thuyết của môn học để sử dụng thành thạo và linh hoạt các kỹ năng trong giao tiếp nói chung và trong giao tiếp sư phạm một cách năng động và sáng tạo.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

- Có thái độ học tập nghiêm túc và tham gia tích cực các hoạt động trao đổi, thảo luận, thực hành trên lớp.

- Nhận thức được tầm quan trọng của giao tiếp, các nguyên tắc giao tiếp; mối quan hệ giữa người nói và người nghe;

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIAO TIẾP

1. Bản chất của giao tiếp
 - 1.1. Giao tiếp là gì?
 - 1.2. Các nhân tố giao tiếp
 - 1.3. Các mô hình giao tiếp
2. Các loại hình giao tiếp
 - 2.1. Phân loại theo tính chất tiếp xúc của giao tiếp
 - 2.2. Phân loại theo quy cách giao tiếp
 - 2.3. Phân loại theo vị thế giao tiếp
 - 2.4. Phân loại theo số lượng người tham gia và tính chất của mối quan hệ
3. Một số đặc điểm tâm Lịch sử của con người trong giao tiếp
 - 3.1. Muốn được giao tiếp với người khác
 - 3.2. Muốn được người khác khen và quan tâm đến mình
 - 3.3. Luôn hướng đến cái đẹp
 - 3.4. Luôn đặt niềm tin vào những gì họ đang đeo đuổi
 - 3.5. Hướng tới những biểu tượng, những kỷ niệm
 - 3.6. Muốn tự khẳng định mình
 - 3.7. Luôn mâu thuẫn với chính mình
4. Những trở ngại trong quá trình giao tiếp
 - 4.1. Yếu tố gây nhiễu
 - 4.2. Thiếu thông tin phản hồi
 - 4.3. Nhận thức khác nhau qua các giác quan
 - 4.4. Suy xét, đánh giá giá trị vội vàng
 - 4.5. Sự dụng quá nhiều từ đa nghĩa, ẩn ý
 - 4.6. Không thông nhất giữa ngôn ngữ và điệu bộ
 - 4.7. Chọn kênh thông tin không hợp Lịch sử
 - 4.8. Thiếu lòng tin, thiếu sự quan tâm, hứng thú
 - 4.9. Bất đồng ngôn ngữ và văn hoá
 - 4.10. Khó khăn trong cách diễn đạt

CHƯƠNG 2: CÁC PHƯƠNG TIỆN GIAO TIẾP

1. Giao tiếp bằng ngôn ngữ
 - 1.1. Khái niệm
 - 1.2. Các yêu cầu về sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp
 - 1.2.1. Lời nói phải đúng vai xã hội
 - 1.2.2. Lời nói phải phù hợp với trình độ của người nghe
 - 1.2.3. Cách nói cơ giới và cách nói tình thái
2. Giao tiếp phi ngôn ngữ
 - 2.1. Khái quát về phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ
 - 2.2. Các kênh giao tiếp phi ngôn ngữ
 - 2.2.1. Kênh nét mặt, ánh mắt, nụ cười
 - 2.2.2. Trang phục, trang điểm, trang sức
 - 2.2.3. Tư thế, động tác
 - 2.2.4. Khoảng cách, vị trí
 - 2.2.5. Giao tiếp bằng đồ vật (quà tặng)

CHƯƠNG 3: CÁC QUY TẮC GIAO TIẾP, CHỈ DẪN VỀ GIAO TIẾP

1. Các quy tắc giao tiếp
 - 1.1. Tạo ấn tượng ban đầu tốt đẹp
 - 1.2. Thể hiện sự quan tâm đến con người
2. Chỉ dẫn về giao tiếp
 - 2.1. Nói lời khen tặng
 - 2.2. Dè dặt khi chỉ trích và tránh dùng những lời chỉ trích cay độc
 - 2.3. Phê bình cấp dưới
 - 2.4. Chỉ trích cấp trên
 - 2.5. Phép định vị trong khi góp ý với người khác
 - 2.6. Lịch sử và tình trong giao tiếp, ứng xử
 - 2.7. Chân – Thiện – Mỹ trong giao tiếp
 - 2.8. Quan tâm đến các nhu cầu chính đáng của con người
 - 2.9. Quy tắc phản hồi trong giao tiếp

CHƯƠNG 4: RÈN LUYỆN MỘT SỐ KỸ NĂNG GIAO TIẾP CƠ BẢN

1. Kỹ năng lắng nghe
 - 1.1. Vai trò của lắng nghe trong giao tiếp
 - 1.2. Những trở ngại trong ảnh hưởng đến hiệu quả của việc lắng nghe.
 - 1.3. Các mức độ lắng nghe
 - 1.4. Rèn luyện kỹ năng lắng nghe đạt hiệu quả
2. Kỹ năng đặt câu hỏi
 - 2.1. Mục đích của việc đặt câu hỏi
 - 2.2. Các loại câu hỏi
3. Kỹ năng thuyết trình
 - 3.1. Khái niệm
 - 3.2. Các bước thuyết trình
4. Kỹ năng giao tiếp bằng thư tín
 - 4.1. Khái niệm, phân loại, bố cục của thư tín
 - 4.2. Nguyên tắc, cách viết thư
 - 4.3. Rèn luyện kỹ năng viết một số loại thư thông dụng
5. Kỹ năng giao tiếp qua điện thoại
 - 5.1. Nghe điện thoại
 - 5.2. Gọi điện thoại

CHƯƠNG 5: KỸ NĂNG GIAO TIẾP SỰ PHẠM

1. Những vấn đề chung về giao tiếp sự phạm
 - 1.1. Khái niệm giao tiếp sự phạm
 - 1.2. Đặc trưng của giao tiếp sự phạm
 - 1.3. Các hình thức giao tiếp sự phạm
2. Các nguyên tắc trong giao tiếp sự phạm
 - 2.1. Nhân cách mẫu mực trong giao tiếp
 - 2.2. Tôn trọng nhân cách đối tượng trong giao tiếp
 - 2.3. Nguyên tắc có thiện chí trong giao tiếp
 - 2.4. Nguyên tắc đồng cảm trong giao tiếp
3. Những kỹ năng giao tiếp sự phạm
 - 3.1. Nhóm các kỹ năng định hướng giao tiếp sự phạm

- 3.2. Nhóm các kỹ năng nhận biết về dấu hiệu bên ngoài của học sinh
- 3.3. Nhóm kỹ năng định vị
- 3.4. Nhóm kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp
- 3.5. Nhóm kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp
 - 3.5.1. Phương tiện ngôn ngữ
 - 3.5.2. Phương tiện phi ngôn ngữ
- 4. Phong cách giao tiếp sư phạm
 - 4.1. Khái niệm chung
 - 4.2. Các loại phong cách giao tiếp sư phạm

CHƯƠNG 6: VĂN HOÁ GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI VIỆT NAM VÀ CỦA MỘT SỐ NƯỚC KHÁC TRÊN THẾ GIỚI

- 1. Văn hoá giao tiếp của người Việt Nam
 - 1.1. Thái độ giao tiếp
 - 1.2. Quan hệ giao tiếp
 - 1.3. Đối tượng giao tiếp
 - 1.4. Chủ thể giao tiếp
 - 1.5. Cách thức giao tiếp
 - 1.6. Hệ thống nghi thức lời nói
- 2. Văn hoá giao tiếp của một số nước trên thế giới
 - 2.1. Các nước Đông Nam Á:
 - 2.2. Các nước châu Âu và người Mỹ
 - 2.3. Các nước châu Á

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

- 1. Nguyễn Sinh Huy (2006), *Nhập môn khoa học giao tiếp*, Nxb Giáo dục, H.
- 2. Nguyễn Văn Lê (2005), *Nhập môn khoa học giao tiếp*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
- 3. Nguyễn Văn Lê (2006), *Giao tiếp sư phạm*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

9.2. Sách tham khảo:

- 1. Đinh Xuân Dũng - Đinh Văn Đáng (2004), *Kỹ năng giao tiếp*, Nxb Văn hoá - Thông tin

2. Chu Sĩ Chiêu (2009), *Nghệ thuật giao tiếp*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh
3. Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu (2006), *300 tình huống giao tiếp sư phạm*, Nxb Giáo dục, H

9.17. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. THỐNG KÊ XÃ HỘI

- Mã học phần: 125016
- Số tín chỉ: 02 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Kinh tế - xã hội và Phương pháp dạy học Địa lý
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần: gồm các thang đo trong xã hội học, mẫu ngẫu nhiên đơn giản và các bài toán xác định cỡ mẫu tối thiểu, quan hệ giữa hai biến định lượng, quan hệ giữa hai biến định tính và các độ đo sự liên thuộc, một số phương pháp thống kê trong Xã hội học.

- Năng lực đạt được: SV tính toán, phân tích, thống kê, tổng hợp, khái quát hóa được các mẫu đo cơ bản; vận dụng chúng vào giải quyết các vấn đề học tập và đời sống, xã hội.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Về kiến thức: Sau khi học xong học phần, sinh viên trình bày được nội dung các thuật ngữ cơ bản của thống kê, quá trình nghiên cứu thống kê và giải thích cách tính các mức độ thường dùng trong thống kê để phản ánh các hiện tượng kinh tế xã hội; sinh viên cũng có thể giải thích được những nội dung thống kê trong một số lĩnh vực xã hội chủ yếu như mức sống, dân số, lao động, giáo dục, y tế.

2.2. Về kỹ năng: Có thể xây dựng được phiếu điều tra xã hội (bảng hỏi) đơn giản, tính toán được một số mức độ thường dùng trong thống kê, các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian; có thể xây dựng và phân tích ảnh hưởng của các nhân tố cấu thành GDP, năng suất lao động, tiền lương. Trong một số lĩnh vực thống kê xã hội, sinh viên có thể phân tích được biến động dân số, phân tích nghèo đói và bất bình đẳng và tính toán được một số chỉ tiêu thống kê xã hội phổ biến.

2.3. Về thái độ người học: Có ý thức trong việc áp dụng các lý thuyết thống kê trong công việc, nhất là trong nghiên cứu khoa học, điều hành doanh nghiệp.

- Nội dung học phần:

Nội dung giảng dạy	Lí thuyết	Thảo luận (TL), Bài tập (BT)	Tài liệu đọc trước
Chương 1. Những vấn đề chung về thống kê xã hội 1. Đối tượng, nhiệm vụ, nội dung môn học 1.1. Đối tượng 1.2. Nhiệm vụ 1.3. Mục tiêu môn học 1.4. Phương pháp học tập 2. Khái quát các giai đoạn phát triển khoa học thống kê 2.1. Thời kì Cổ đại 2.2. Thời Trung Cổ	2	2 TL	Đọc TL số 1, 2

<p>2.3. Thời kì cận đại 2.4. Thời kì hiện đại 3. Đặc điểm của khoa học thống kê hiện đại 4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 5. Những quy định của Nhà nước về thống kê</p>			
<p>Chương 2. Khái niệm cơ bản về thống kê 1. Một số vấn đề lý thuyết thống kê 2. Dữ liệu, số liệu 3. Những đơn vị thống kê 4. Lập bảng biểu và biểu diễn dữ liệu thống kê 5. Những số liệu thống kê 5.1. Số tuyệt đối 5.2. Số tương đối 5.3. Số bình quân 5.4. Số trung vị 5.5. Dãy số thời gian 6. Chỉ số và phương pháp phân tích chỉ số</p>	4	6 BT	Đọc TL số 2, 3
<p>Chương 3. Quá trình nghiên cứu thống kê 1. Khái niệm về quá trình nghiên cứu thống kê 2. Xác định đối tượng và xây dựng hệ thống khái niệm, chỉ tiêu thống kê 3. Điều tra thống kê 3.1. Khái niệm điều tra thống kê 3.2. Phân loại và điều tra thống kê 3.3. Thu thập dữ liệu thống kê 3.4. Xây dựng kế hoạch điều tra thống kê 3.5. Sai số thống kê và xử lý sai số trong thống kê 4. Xử lý thống kê 5. Dự báo thống kê</p>	4	2TL + 4BT	Đọc TL số 2, 3
<p>Chương 4. Thống kê dân số, lao động 1. Thống kê dân số 1.1. Tỷ suất sinh 1.2. Tỷ suất tử 1.3. Gia tăng tự nhiên 1.4. Gia tăng cơ giới 1.5. Tỷ suất gia tăng dân số, dự báo dân số 1.6. Kết cấu sinh học của dân cư 1.7. Tỷ suất hôn nhân 2. Thống kê nguồn lao động 3. Thống kê lực lượng lao động 4. Thống kê lao động trong doanh nghiệp</p>	4	2TL + 3BT	Đọc TL số 2, 3
<p>Chương 5. Thống kê một số vấn đề xã hội 1. Thống kê về chất lượng cuộc sống 1.1. Chỉ số bất bình đẳng thu nhập 1.2. Chất lượng cuộc sống và những chỉ tiêu thống kê 1.3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê về thu nhập</p>	4	2TL + 3BT	Đọc TL số 2, 3

<p>2. Thống kê bảo hiểm xã hội</p> <p>2.1. Khái quát thống kê các vấn đề xã hội</p> <p>2.2. Phân loại các chỉ tiêu thống kê bảo hiểm xã hội</p> <p>2.3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê bảo hiểm xã hội</p> <p>3. Thống kê bảo trợ xã hội và cứu trợ xã hội</p> <p>3.1. Các chỉ tiêu về bảo trợ xã hội</p> <p>3.2. Thống kê về ưu đãi xã hội</p> <p>3.3. Thống kê phòng chống tệ nạn xã hội</p> <p>3.4. Một số thống kê xã hội khác</p>			
--	--	--	--

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Học liệu bắt buộc

1. PGS.TS Trần Thị Kim Thu (2012), Giáo trình Lý thuyết thống kê, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Ngọc Cương, *Thống kê Xã hội học*, NXBGD 2002.

9.2. Tài liệu tham khảo

3. PGS.TS Bùi Xuân Phong (2002), *Thống kê và ứng dụng*. Nxb Thống kê

B. XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG

- Mã học phần: 123240
- Số tín chỉ: 2 (18, 24)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Xã hội học (Công tác xã hội) khoa Khoa học xã hội, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Đối tượng, chức năng, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học, một số khái niệm quan trọng trong xã hội học: tương tác xã hội, hành động xã

hội, thiết chế xã hội, nhóm xã hội, xã hội hóa, di động xã hội, phân tầng xã hội, biến đổi xã hội..., phương pháp nghiên cứu cơ bản của xã hội học, mối quan hệ của xã hội học với các ngành khoa học khác.

- Năng lực đạt được: Sinh viên nhận diện, phân tích được các quy luật của sự nảy sinh, biến đổi và phát triển của các sự kiện, hiện tượng xã hội, hành vi con người trong mối quan hệ với xã hội.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên ghi nhớ và phân tích được những tri thức cơ bản nhất về xã hội học gồm: đối tượng nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ của Xã hội học; sự ra đời của Xã hội học, một số nội dung và khái niệm cơ bản của Xã hội học, phương pháp nghiên cứu của Xã hội học, các lĩnh vực nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu Xã hội học

2.1 Mục tiêu về kỹ năng

- Kỹ năng vận dụng các phạm trù và khái niệm để nhận diện, phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội

- Rèn luyện các kỹ năng cụ thể: thuyết trình, nhận diện vấn đề, phân tích vấn đề, phân tích tài liệu, quan sát, phỏng vấn, viết báo cáo khoa học.

2.2 Mục tiêu về thái độ:

Có thái độ, quan điểm khách quan, khoa học, biết vận dụng kiến thức vào thực tế đời sống một cách hiệu quả

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Xã hội học là một khoa học

1.1. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học

1.1.1. Xã hội là gì?

1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học

1.2. Chức năng, nhiệm vụ của xã hội học

1.2.1. Chức năng của xã hội học

1.2.2. Nhiệm vụ của xã hội học

1.3. Cơ cấu của xã hội học

1.3.1. Xã hội học đại cương

1.3.2. Xã hội học chuyên ngành

1.3.3. Xã hội học thực nghiệm

1.4. Phương pháp nghiên cứu của xã hội học.

1.5. Một số lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học

1.6. Mối quan hệ giữa xã hội học với các môn khoa học khác

Chương 2: Sự hình thành và phát triển của xã hội học

2.1. Tính tất yếu khách quan của sự ra đời xã hội học

2.2. Những điều kiện tiền đề thực tiễn ra đời của xã hội học

2.2.1. Biến đổi kinh tế - xã hội và nhu cầu thực tiễn

2.2.2. Biến đổi chính trị xã hội và tư tưởng

2.2.3. Biến đổi về Lịch sử luận và phương pháp nghiên cứu

2.3.. Các tư tưởng Xã hội học

2.3.1. A. Comte (1798 – 1857)

2.3.2. K.Marx (1818 -1883)

2.3.3. H. Spencer(1820 – 1903)

2.3.4.E. Durkheim (1858 – 1917)

2.3.5. M. Weber (1864 – 1920)

Chương 3: Hành động xã hội, tương tác xã hội, tổ chức xã hội và cơ cấu xã hội.

3.1. Hành động xã hội

- 3.1.2. Hành vi
- 3.1.2. Hành động xã hội

3.2. Tương tác xã hội

- 3.2.1. Khái niệm tương tác xã hội
- 3.2.2. Tương tác xã hội với Lịch sử thuyết tương tác biểu tượng
- 3.2.3. Tương tác xã hội với Lịch sử thuyết trao đổi
- 3.2.4. Các loại hình tương tác xã hội

3.3. Tổ chức xã hội

- 3.3.1. Nhóm xã hội
- 3.3.2. Tổ chức xã hội

3.4. Thiết chế xã hội

3.5. Cơ cấu xã hội

- 3.4.1. Khái niệm cơ cấu xã hội
- 3.4.2. Các thành tố chủ yếu của cơ cấu xã hội
- 3.4.3. Một số Lịch sử thuyết về cơ cấu xã hội
- 3.4.4. Các cơ cấu xã hội cơ bản
- 3.4.5. Bất bình đẳng xã hội
- 3.4.6. Phân tầng xã hội
- 3.4.7. Giai cấp xã hội
- 3.4.8. Di động xã hội

Chương 4: Văn hóa, xã hội hóa và biến đổi xã hội

4.1. Văn hóa

- 4.1.1. Khái niệm văn hóa
- 4.1.2. Đặc điểm, chức năng của văn hóa
- 4.1.3. Các thành tố của văn hóa
- 4.1.4. Các loại hình văn hóa
- 4.1.5. Một số khái niệm liên qua

4.2. Xã hội hóa

- 4.2.1. Khái niệm xã hội hóa
- 4.2.2. Đặc điểm của quá trình xã hội hóa
- 4.2.3. Môi trường xã hội hóa
- 4.2.4. Các giai đoạn của quá trình xã hội hóa
- 4.2.5. Sự hình thành cái tôi

4.3. Biến đổi xã hội

- 4.3.1. Khái niệm biến đổi xã hội
- 4.3.2. Đặc điểm của biến đổi xã hội
- 4.3.3. Các nhân tố biến đổi xã hội
- 4.3.4. Biến đổi xã hội và các khái niệm liên quan

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng..Xã hội học-NXBĐHQG HN -2001.
2. Nhập môn xã hội học – Trần Thị Kim Xuyên ...NXB Thống Kê - 2002

9.2 Sách tham khảo:

1. Lê Ngọc Hùng - Lịch sử thuyết và lịch sử xã hội học- NXBĐHQG – 2001
2. Xã hội học đại cương - Nguyễn Sinh Huy – NXBĐHQG - 1998
3. G. Endruwei.... Từ điển Xã hội học – NXB Thế giới – 2001
4. Các Website: [http:// www.Wikipedia.org](http://www.Wikipedia.org), [www my. opera.com](http://www.my.opera.com), Vista.org, vnn.vn,vnexpress.net, fr.blog.360.yahoo.com

9.18. TÂM LÝ HỌC

- Mã học phần: 181080
- Số tín chỉ học tập: 04 (36,40,8)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tâm lý- Giáo dục.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần: Bản chất, chức năng của Tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý ý thức; Hoạt động nhận thức (nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính); Nhân cách và sự phát triển nhân cách; Lý luận về sự phát triển trẻ em; Tâm lý học lứa tuổi học sinh THCS và THPT ; Hoạt động dạy học; Hành vi đạo đức; Nhân cách của người thầy giáo...

- Năng lực đạt được: Sinh viên nhận diện được các đặc điểm tâm lý con người nói chung và đặc điểm tâm lý học sinh THCS và THPT nói riêng; giải quyết được các tình huống nảy sinh trong hoạt động sư phạm, hình thành các phẩm chất và năng lực của người giáo viên trong tương lai...

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu tâm lý và vai trò của các hiện tượng tâm lý trong hoạt động, trong đời sống.

- Phân tích được các vấn đề trong tâm lý học như: hoạt động, giao tiếp, ý thức, nhân cách, nhận thức, tình cảm, ý chí, sự phát triển tâm lý, hoạt động học, sự phát triển trí tuệ, hành vi đạo đức...

- Giải thích được quan điểm của tâm lý học duy vật biện chứng về bản chất hiện tượng tâm lý người, về sự phát triển tâm lý và cơ chế hình thành, phát triển tâm lý, ý thức nhân cách qua các giai đoạn lứa tuổi.

- Trình bày được cấu trúc của hoạt động, cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức, cấu trúc nhân cách người thầy giáo...

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Lựa chọn được những phương pháp nghiên cứu phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu tâm lý các đối tượng trong hoạt động sư phạm..

- Giải thích được các hiện tượng tâm lý người nói chung và tâm lý lứa tuổi học sinh trung học cơ sở, học sinh trung học phổ thông nói riêng.

- Vận dụng được kiến thức Tâm lý học để giải quyết các nhiệm vụ học tập, các bài tập trong chương trình học và trong đời sống một cách khoa học.

- Vận dụng được kiến thức Tâm lý học vào việc hình thành, phát triển tâm lý, ý thức của bản thân cũng như việc tổ chức hoạt động sư phạm.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên có ý thức vận dụng kiến thức về tâm lý học vào giải quyết được các tình huống nảy sinh trong hoạt động sư phạm, hình thành các phẩm chất và năng lực của người giáo viên trong tương lai...

3. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN I: TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Chương 1: Tâm lý học là một khoa học.

1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học

1.1. Tâm lý học là gì ?

1.2. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học.

2. Bản chất, chức năng, phân loại hiện tượng tâm lý

2.1. Bản chất hiện tượng tâm lý người theo quan điểm TLH DVBC

2.2. Chức năng của tâm lý.

2.3. Phân loại các hiện tượng tâm lý.

3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý.

3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận chỉ đạo việc nghiên cứu tâm lý.

3.2. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý

Chương 2: Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức

1. Cơ sở tự nhiên của tâm lý người.

1.1. Di truyền và tâm lý.

1.2. Não và tâm lý.

2. Cơ sở xã hội của tâm lý người.

2.1. Nền văn hoá xã hội và tâm lý.

2.2. Hoạt động và tâm lý .

2.2.1. Khái niệm hoạt động.

2.2.2. Đặc điểm của hoạt động

2.2.3. Cấu trúc của hoạt động.

2.2.4. Vai trò của hoạt động đối với sự nảy sinh hình thành tâm lý.

2.3. Giao tiếp và tâm lý .

2.3.1. Khái niệm giao tiếp.

2.3.2. Các loại giao tiếp.

2.3.3. Vai trò của giao tiếp với sự nảy sinh, hình thành tâm lý.

3. Sự nảy sinh và hình thành phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể.
 - 3.1. Sự hình thành và phát triển tâm lý về phương diện cá thể .
 - 3.1.1. Quan điểm TLHDVBC về sự phát triển tâm lý.
 - 3.1.2. Các giai đoạn phát triển tâm lý.
 - 3.2. Sự hình thành phát triển ý thức .
 - 3.2.1. Khái niệm chung về ý thức.
 - 3.2.1.1. Ý thức là gì ?
 - 3.2.1.2. Cấu trúc của ý thức
 - 3.2.2. Các cấp độ của ý thức.
 - 3.2.3. Sự hình thành, phát triển ý thức cá nhân
4. Chú ý- Điều kiện của hoạt động có ý thức
 - 4.1. Khái niệm chú ý.
 - 4.2. Các thuộc tính của chú ý.
 - 4.3. Các loại chú ý.

Chương 3: Hoạt động nhận thức

1. Nhận thức cảm tính.
 - 1.1. Khái niệm chung về cảm giác, tri giác
 - 1.1.1. Định nghĩa cảm giác, tri giác.
 - 1.1.2. Đặc điểm cảm giác, tri giác.
 - 1.1.3. Đặc điểm nhận thức cảm tính.
 - 1.1.4. Phân loại cảm giác, tri giác
 - 1.2. Các quy luật của cảm giác, tri giác.
2. Nhận thức lý tính.
 - 2.1. Tư duy.
 - 2.1.1. Khái niệm chung về tư duy
 - 2.1.1.1. Định nghĩa tư duy
 - 2.1.1.2. Đặc điểm của tư duy
 - 2.1.2. Các giai đoạn của quá trình tư duy.
 - 2.1.3. Các thao tác của tư duy
 - 2.1.4. Các loại tư duy
 - 2.2. Tưởng tượng.
 - 2.2.1. Khái niệm chung về tưởng tượng
 - 2.2.1.1. Định nghĩa tưởng tượng
 - 2.2.1.2. Đặc điểm của tưởng tượng.
 - 2.2.2. Các cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng.
3. Trí nhớ.
 - 3.1. Khái niệm chung về trí nhớ.
 - 3.1.1. Định nghĩa.
 - 3.1.2. Đặc điểm trí nhớ.
 - 3.2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ
 - 3.2.1. Quá trình ghi nhớ.
 - 3.2.2. Quá trình giữ gìn.
 - 3.2.3. Quá trình nhận lại và nhớ lại.
 - 3.2.4. Sự quên và cách chống quên.
 - 3.3. Các biện pháp để rèn luyện trí nhớ.
4. Ngôn ngữ và nhận thức.
 - 4.1. Khái niệm ngôn ngữ.
 - 4.2. Chức năng của ngôn ngữ.
 - 4.3. Các dạng hoạt động ngôn ngữ.

4.4. Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức.

Chương 4: Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách

1. Khái niệm chung về nhân cách.
 - 1.1. Định nghĩa.
 - 1.2. Đặc điểm của nhân cách .
2. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách.
 - 2.1. Xu hướng.
 - 2.1.1. Khái niệm xu hướng.
 - 2.2.2. Các mặt biểu hiện của xu hướng.
 - 2.2. Năng lực.
 - 2.2.1. Năng lực là gì?
 - 2.2.2. Các mức độ của năng lực.
 - 2.2.3. Phân loại năng lực.
 - 2.2.4. Mối quan hệ giữa năng lực và tư chất, thiên hướng và tri thức, KN, KX
 - 2.3. Tính cách.
 - 2.3.1. Tính cách là gì?
 - 2.3.2. Cấu trúc của tính cách.
 - 2.4. Khí chất.
 - 2.4.1. Khí chất là gì?
 - 2.4.2. Các kiểu khí chất.
 - 2.5. Tình cảm, ý chí.
 - 2.5.1. Tình cảm.
 - 2.5.1.1. Khái niệm chung về tình cảm .
 - 2.5.1.2. Đặc điểm tình cảm
 - 2.5.1.3. Vai trò của tình cảm.
 - 2.5.1.4. Các mức độ của đời sống tình cảm
 - 2.5.1.5. Các qui luật của đời sống tình cảm.
 - 2.5.2. Ý chí.
 - 2.5.2.1. Ý chí là gì? Các phẩm chất của ý chí.
 - 2.5.2.2. Hành động ý chí.
 - 2.5.2.3. Hành động tự động hóa.
3. Sự hình thành và phát triển nhân cách.
 - 3.1. Giáo dục và nhân cách..
 - 3.2. Hoạt động và nhân cách.
 - 3.3. Giao tiếp và nhân cách
 - 3.4. Sự tự hoàn thiện nhân cách.

PHẦN II: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TLH LỨA TUỔI - SƯ PHẠM

Chương 5: Nhập môn TLH lứa tuổi- TLH sư phạm.

1. Khái quát về TLHLT và TLHSP.
 - 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của TLHLT và TLHSP
 - 1.2. Quan hệ giữa tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm.
2. Lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em
 - 2.1. Quan niệm về trẻ em.
 - 2.2. Quan niệm về sự phát triển tâm lý trẻ em.
 - 2.2.1. Các quan điểm sai lầm về sự phát triển tâm lý trẻ em.
 - 2.2.2. Quan điểm TLH DVBC về sự phát triển tâm lý.
 - 2.3. Qui luật chung của sự phát triển tâm lý trẻ em
3. Sự phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em.

- 3.1. Khái niệm về giai đoạn phát triển tâm lý.
- 3.2. Sự phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em

Chương 6: Tâm lý học tuổi học sinh THCS (Thiếu niên).

- 1. Vị trí, ý nghĩa của giai đoạn phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh THCS
- 2. Những điều kiện của sự phát triển tâm lý ở lứa tuổi học sinh THCS
 - 2.1. Sự cải tổ về mặt cơ thể.
 - 2.2. Sự thay đổi điều kiện sống.
- 3. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ.
 - 3.1. Đặc điểm hoạt động học tập ở trường THCS.
 - 3.2. Đặc điểm của sự phát triển trí tuệ ở tuổi học sinh THCS.
- 4. Hoạt động giao tiếp của học sinh THCS
 - 4.1. Giao tiếp của thiếu niên với người lớn
 - 4.2. Giao tiếp của thiếu niên với bạn cùng tuổi
- 5. Sự phát triển nhân cách của tuổi học sinh THCS.
 - 5.1. Sự hình thành tự ý thức
 - 5.2. Sự phát triển tình cảm

Chương 7: Tâm lý học tuổi học sinh THPT

- 1. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý tuổi học sinh THPT.
 - 1.1. Khái niệm tuổi thanh xuân.
 - 1.2. Đặc điểm phát triển cơ thể.
 - 1.3. Điều kiện xã hội của sự phát triển.
- 2. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ tuổi học sinh THPT.
 - 2.1. Đặc điểm hoạt động học tập.
 - 2.2. Đặc điểm của sự phát triển trí tuệ.
- 3. Những đặc điểm nhân cách chủ yếu
 - 3.1 Sự phát triển của ý thức.
 - 3.2. Sự hình thành thế giới quan
 - 3.3. Giao tiếp và đời sống tình cảm
- 4. Hoạt động lựa chọn nghề nghiệp
- 5. Một số vấn đề giáo dục lứa tuổi học sinh THPT

Chương 8: Tâm lý học dạy học

- 1. Hoạt động dạy
- 2. Hoạt động học.
 - 2.1. Khái niệm hoạt động học
 - 2.2. Đặc điểm hoạt động học
 - 2.3. Hình thành hoạt động học.
 - 2.3.1. Hình thành động cơ học tập
 - 2.3.2. Hình thành mục đích học tập
 - 2.3.3. Hình thành các hành động học
- 3. Sự hình thành khái niệm trong dạy học
 - 3.1. Khái niệm về khái niệm
 - 3.2. Bản chất tâm lý của quá trình hình thành khái niệm
 - 3.3. Sự hình thành khái niệm
 - 3.3.1. Một số nguyên tắc chung.
 - 3.3.2. Cấu trúc chung của quá trình hình thành khái niệm
- 4. Sự hình thành kỹ năng, kỹ xảo.
 - 4.1. Sự hình thành kỹ năng
 - 4.2. Sự hình thành kỹ xảo
- 5. Dạy học và sự phát triển trí tuệ

- 5.1. Khái niệm về sự phát triển trí tuệ
- 5.2. Các chỉ số của sự phát triển trí tuệ
- 5.3. Quan hệ giữa dạy học và sự phát triển trí tuệ
- 6. Tăng cường việc dạy học và sự phát triển trí tuệ.
 - 6.1. Hướng tăng cường một cách hợp lý hoạt động dạy.
 - 6.2. Hướng thay đổi một cách cơ bản nội dung và phương pháp của hoạt động dạy học.

Chương 9: Tâm lý học giáo dục.

- 1. Đạo đức và hành vi đạo đức
 - 1.1. Khái niệm đạo đức.
 - 1.2. Hành vi đạo đức.
 - 1.2.1. Khái niệm.
 - 1.2.2. Tiêu chuẩn đánh giá hành vi đạo đức.
- 2. Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức
 - 2.1. Tri thức và niềm tin đạo đức
 - 2.2. Động cơ và tình cảm đạo đức
 - 2.3. ý chí và thói quen đạo đức
- 3. Con đường giáo dục đạo đức cho học sinh
 - 3.1. Tổ chức giáo dục của nhà trường.
 - 3.2. Giáo dục đạo đức trong tập thể lớp học sinh.
 - 3.3. Giáo dục đạo đức trong gia đình
 - 3.4. Sự tự tu dưỡng là yếu tố quyết định trực tiếp trình độ đạo đức của mỗi học sinh.

Chương 10: Tâm lý học nhân cách người thầy giáo

- 1. Đặc điểm lao động sư phạm của người thầy giáo
 - 1.1. Nghề mà đối tượng quan hệ trực tiếp là con người.
 - 1.2. Nghề mà công cụ chủ yếu là nhân cách của chính mình.
 - 1.3. Nghề tái sản xuất mở rộng sức lao động xã hội
 - 1.4. Nghề đòi hỏi tính khoa học, tính nghệ thuật và tính sáng tạo.
 - 1.5. Nghề lao động trí óc chuyên nghiệp.
- 2. Cấu trúc nhân cách của người thầy giáo.
 - 2.1. Một số phẩm chất nhân cách của người thầy giáo
 - 2.2. Năng lực của người thầy giáo
 - 2.2.1. Năng lực dạy học
 - 2.2.2. Năng lực giáo dục
 - 2.2.3. .Năng lực tổ chức hoạt động sư phạm.
- 3. Giao tiếp sư phạm của người thầy giáo.
 - 3.1. Khái niệm về giao tiếp sư phạm.
 - 3.2. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm
 - 3.2.1. Nguyên tắc giao tiếp sư phạm là gì?
 - 3.2.2. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm
- 4. Sự hình thành uy tín của người thầy giáo.

4. Yêu cầu đối với môn học

- Yêu cầu sinh viên chuẩn bị đầy đủ tài liệu chính, tài liệu tham khảo và tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, các tiết thảo luận và làm bài tập. Làm đầy đủ các bài kiểm tra theo quy định.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan. Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu:

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Xuân Thúc (2008-chủ biên), *GT Tâm lý học đại cương*, NXB ĐHSP
2. Nguyễn Kế Hào (2005 - chủ biên), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB ĐH Sư phạm.

9.2. Tài liệu tham khảo:

3. Trần Trọng Thủy (2002 – chủ biên), *Bài tập thực hành tâm lý học*, NXB ĐHQG Hà Nội
4. Nguyễn Quang Uẩn (2006 - chủ biên), *Tâm lý học đại cương*, NXB ĐHSP.

9.19. GIÁO DỤC HỌC

- Mã học phần: 182005
- Số tín chỉ: 04 (36,48,0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần: Đối tượng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản và hệ thống các phương pháp nghiên cứu giáo dục học; vai trò của yếu tố di truyền, môi trường, giáo dục trong sự hình thành và phát triển nhân cách, các nhiệm vụ giáo dục ở nhà trường phổ thông; những vấn đề cơ bản của lí luận dạy học, giáo dục và chức năng nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp .

- Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích, tổng hợp được những tri thức về giáo dục học; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ giáo dục ở nhà trường; vận dụng được kiến thức giáo dục học trong công tác dạy học và giáo dục ở trường phổ thông.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Về kiến thức:

Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về các khái niệm, phạm trù của giáo dục học, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách ; mục đích và nhiệm vụ giáo dục. Cung cấp cho sinh viên những cơ sở lý luận khoa học cơ bản, hiện đại về quá trình dạy học và giáo dục, vai trò và nhiệm vụ của người GV và người GV Chủ nhiệm lớp trong nhà trường phổ thông để từ đó vận dụng một cách có hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

2.2. Về kỹ năng:

- Sinh viên biết liên hệ với thực tiễn dạy học và giáo dục trong nhà trường, giải thích được một số vấn đề về quan điểm, đường lối, chủ trương phát triển giáo dục - đào tạo của đảng, nhà nước ta hiện nay.

- Hình thành kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, kỹ năng chủ nhiệm lớp, kỹ năng thiết kế và lập kế hoạch chủ nhiệm, kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Sinh viên tích cực vận dụng kiến thức giáo dục học trong công tác dạy học và giáo dục ở trường phổ thông.

3. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC HỌC

CHƯƠNG I: GIÁO DỤC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC

1. Giáo dục là một hiện tượng đặc trưng của xã hội loài người
2. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu giáo dục học
 - 2.1. Đối tượng của giáo dục học
 - 2.2. Nhiệm vụ của giáo dục học
 - 2.3. Phương pháp nghiên cứu giáo dục học
3. Một số khái niệm cơ bản của giáo dục học
4. Hệ thống các khoa học về giáo dục và mối quan hệ của chúng với các khoa học khác

CHƯƠNG II: GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH

1. Sự phát triển nhân cách của con người
 - 1.1. Khái niệm con người, nhân cách
 - 1.2. Khái niệm về sự phát triển nhân cách
2. Vai trò của di truyền và môi trường trong sự phát triển nhân cách
3. Giáo dục và sự phát triển nhân cách
 - 3.1. Vai trò của giáo dục đối với sự hình thành và phát triển nhân cách
 - 3.2. Vai trò của hoạt động cá nhân đối với hình thành và phát triển nhân cách
 - 3.3. Giáo dục và các giai đoạn phát triển nhân cách của học sinh theo lứa tuổi

CHƯƠNG III: MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ GIÁO DỤC

1. Mục đích giáo dục
 - 1.1. Khái niệm mục đích giáo dục, mục tiêu giáo dục
 - 1.2. Mục tiêu giáo dục Việt Nam
 - 1.4. Mục tiêu ở cấp độ tổng quát
 - 1.5. Mục tiêu ở cấp độ hệ thống giáo dục
 - 1.6. Mục tiêu ở cấp độ chuyên biệt
2. Hệ thống giáo dục quốc dân
 - 2.1. Khái niệm hệ thống giáo dục quốc dân
 - 2.2. Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam
 - 2.3. Định hướng hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân
3. Nguyên lý giáo dục
 - 3.1. Khái niệm về nguyên lý giáo dục
 - 3.2. Nội dung nguyên lý giáo dục
 - 3.3. Phương hướng quán triệt nguyên lý giáo dục
4. Những nhiệm vụ giáo dục của nhà trường
 - 4.1. Giáo dục đạo đức và ý thức công dân
 - 4.2. Giáo dục trí tuệ
 - 4.3. Giáo dục thể chất
 - 4.4. Giáo dục lao động và hướng nghiệp
 - 4.5. Giáo dục thẩm mỹ

PHẦN 2: LÝ LUẬN DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN TRONG LÝ LUẬN DẠY HỌC

1. Quá trình dạy học

- 1.1. Khái niệm quá trình dạy học
- 1.2. Cấu trúc, bản chất của quá trình dạy học
- 1.3. Nhiệm vụ của quá trình dạy học
- 1.4. Động lực và lôgic của quá trình dạy học
2. Nguyên tắc và nội dung dạy học
 - 2.1. Nguyên tắc dạy học
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Hệ thống các nguyên tắc dạy học
 - 2.2. Nội dung dạy học
 - 2.2.1. Khái quát về nội dung dạy học
 - 2.2.2. Phương hướng xây dựng nội dung dạy học. Xu thế đổi mới nội dung dạy học
 - 2.2.3. Kế hoạch, chương trình dạy học, SGK và các tài liệu dạy học
3. Phương pháp dạy học
 - 3.1. Khái quát về phương pháp dạy học
 - 3.2. Hệ thống phương pháp dạy học
 - 3.3. Các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh
 - 3.4. Vấn đề đổi mới PPDH ở trường phổ thông
 - 3.5. Phương tiện dạy học
4. Các hình thức tổ chức dạy học
 - 4.1. Khái niệm
 - 4.2. Các hình thức tổ chức dạy học
5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh
 - 5.1. Khái niệm về kiểm tra, đánh giá
 - 5.2. Yêu cầu của việc kiểm tra, đánh giá
 - 5.3. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá

CHƯƠNG II: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA LÝ LUẬN GIÁO DỤC

1. Quá trình giáo dục
 - 1.1. Khái niệm, bản chất của quá trình giáo dục
 - 1.2. Cấu trúc, đặc điểm của quá trình giáo dục
 - 1.3. Động lực, lôgic của quá trình giáo dục
 - 1.4. Tự giáo dục và giáo dục lại
2. Nguyên tắc và nội dung giáo dục
 - 2.1. Nguyên tắc giáo dục
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục
 - 2.2. Nội dung giáo dục
 - 2.2.1. Những nội dung giáo dục cơ bản trong nhà trường phổ thông
 - 2.2.2. Một số nội dung giáo dục mới
3. Phương pháp giáo dục
 - 3.1. Khái niệm
 - 3.2. Hệ thống các phương pháp giáo dục
 - 3.3. Lựa chọn và sử dụng có hiệu quả các phương pháp giáo dục

PHẦN 3: NGƯỜI GIÁO VIÊN TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

CHƯƠNG 1: NGƯỜI GIÁO VIÊN TRUNG HỌC

- I. Vị trí, chức năng của người giáo viên
- II. Đặc điểm của lao động sư phạm
 1. Mục đích của hoạt động lao động sư phạm

2. Đối tượng của hoạt động lao động sư phạm
3. Công cụ của hoạt động lao động sư phạm
4. Sản phẩm của hoạt động lao động sư phạm
5. Một số đặc điểm khác

III. Nhiệm vụ và quyền hạn của người giáo viên

1. Những căn cứ để xác định Nhiệm vụ và quyền hạn của người giáo viên
2. Nhiệm vụ của người giáo viên
3. Các quyền của nhà giáo

IV. Những yêu cầu của người GV trung học.

1. Phẩm chất sư phạm
2. Năng lực sư phạm

V. Người GV và vấn đề nâng cao trình độ.

CHƯƠNG 2: CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM LỚP CỦA NGƯỜI GIÁO VIÊN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

I. Chức năng của người giáo viên chủ nhiệm lớp

II. Nhiệm vụ của GV chủ nhiệm lớp

III. Nội dung và phương pháp công tác của GV chủ nhiệm lớp

4. Yêu cầu đối với môn học

- Yêu cầu sinh viên chuẩn bị đầy đủ tài liệu chính, tài liệu tham khảo và tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, các tiết thảo luận và làm bài tập. Làm đầy đủ các bài kiểm tra theo quy định. Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan. Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu

9.1. Giáo trình chính:

[1]. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên). Giáo trình Giáo dục học. Tập 1,2. NXB ĐHSP, 2006.

[2]. Nguyễn Sinh Huy- Nguyễn Văn Lê. Giáo dục học đại cương. Tập 1,2. NXBGD, 1997.

[3]. Trần Bá Hoàn. Đánh giá trong giáo dục. NXBGD, 1997.

[4]. Phạm Viết Vượng. Giáo dục học. NXBĐHQG, 2008

9.2. Tài liệu tham khảo:

[5]. Phạm Viết Vượng. Bài tập Giáo dục học. NXBĐHQGHN, 2008.

[6]. Đỗ Thế Hưng. Tình huống dạy học môn GDH. NXB ĐHSP, 2007

[7]. Luật giáo dục năm 2005

[8]. <http://WWW.edu.net.vn>

9.20. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

- Mã học phần: 198000
- Số tín chỉ học tập: 02 (18,24,0)
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin, Tâm Lý học, giáo dục học.
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Giáo dục học

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần: Hệ thống lý luận cơ bản về tổ chức và hoạt động của Nhà nước; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về Giáo dục và đào tạo từ năm 2011 đến năm 2020, Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011- 2020; Luật công chức; Luật giáo dục; Điều lệ trường THCS & THPT theo quy định của Bộ Giáo dục & đào tạo đối với bậc học; Thực tiễn giáo dục ở địa phương về nhu cầu phát triển giáo dục & đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

- Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện và đánh giá được các điều luật, điều lệ giáo dục phổ thông, điều hành, điều chỉnh toàn bộ các hoạt động giáo dục nơi mình công tác sau này đúng định hướng chiến lược GD của Đảng để thực hiện mục tiêu giáo dục nước nhà.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Về kiến thức:

Trang bị cho sinh viên sự phạm những kiến thức cơ bản và mới nhất về quản Lý sử nhà nước và quản Lý sử giáo dục và đào tạo cụ thể là : Một số vấn đề cơ bản về nhà nước, quản Lý sử hành chính nhà nước, công vụ, công chức; Đường lối quan điểm của Đảng, nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT của bộ GD&ĐT và thực tiễn giáo dục địa phương trong giai đoạn hiện nay.

2.2. Về kỹ năng:

Hình thành ở người học một số kỹ năng cơ bản: Kỹ năng phân tích đánh giá, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn nghề nghiệp, kỹ năng thích ứng với những điều kiện, thay đổi thực tế. Nhận biết được vai trò của giáo dục đối với sự vận động và phát triển của đất nước.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Sinh viên tích cực vận dụng kiến thức về Quản lý hành chính và quản lý giáo dục trong công tác dạy học và quản lý ở trường phổ thông.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG I : MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC, QUẢN LÝ SỬ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ CÔNG VỤ, CÔNG CHỨC (4/8/0)

1. Một số vấn đề cơ bản về nhà nước và nhà nước XHCN

1.1. Lí luận chung về nhà nước

1.1.1. Khái niệm về nhà nước

1.1.2. Bản chất của nhà nước

1.1.3. Chức năng của nhà nước

1.2. Nhà nước XHCN Việt nam

1.2.1. Nhà nước là trung tâm quyền lực trong hệ thống chính trị XHCN

1.2.2. Bản chất của nhà nước cộng hòa XHCN Việt nam

1.2.3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nhà nước

1.2.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước cộng hòa XHCN Việt nam

2. Một số vấn đề cơ bản về quản lí hành chính nhà nước
 - 2.1. Khái niệm về quản lí hành chính nhà nước
 - 2.2. Tính chất chủ yếu của nền hành chính nhà nước
 - 2.3. Nội dung hoạt động chủ yếu của quản lí hành chính nhà nước
 - 2.4. Phương pháp, hình thức, phương tiện quản lí hành chính nhà nước.
3. Quản Lịch sử nhà nước về giáo dục và đào tạo
 - 3.1. Khái niệm quản Lịch sử nhà nước về giáo dục và đào tạo
 - 3.2. Nội dung quản Lịch sử nhà nước về giáo dục và đào tạo
 - 3.3. Hệ thống cơ quan quản Lịch sử nhà nước về GD & ĐT
 - 3.4. Phương hướng đổi mới quản Lịch sử nhà nước về GD & ĐT
4. Công vụ, công chức
 - 4.1. Công vụ
 - 4.1.1. Khái niệm công vụ
 - 4.1.2. Nội dung của công vụ
 - 4.1.3. Các nguyên tắc của công vụ
 - 4.2. Công chức
 - 4.2.1. Khái niệm
 - 4.2.2. Pháp lệnh cán bộ công chức
 - 4.2.3. Nghĩa vụ và quyền hạn cán bộ, công chức.
 - 4.2.4. Những việc cán bộ, công chức không được làm.
 - 4.2.5. Khen thưởng và xử Lịch sử vi phạm cán bộ, công chức.

CHƯƠNG II: ĐƯỜNG LỐI QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (4/6/0)

1. Thực trạng giáo dục Việt Nam hiện nay
2. Bối cảnh, thời cơ, thách thức đối với giáo dục nước ta giai đoạn 2011- 2020.
3. Những quan điểm chỉ đạo của Đảng, nhà nước về đổi mới sự nghiệp giáo dục & đào tạo
4. Mục tiêu phát triển giáo dục đến năm 2020
5. Các giải pháp phát triển giáo dục 2011 - 2020

CHƯƠNG III: LUẬT GIÁO DỤC

(3/4/0)

1. Khái niệm luật giáo dục
2. Nội dung cơ bản của Luật Giáo dục
 - 2.1 Những quy định chung
 - 2.2 Hệ thống giáo dục quốc dân
 - 2.3 Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác
 - 2.4 Nhà giáo
 - 2.5 Người học
 - 2.6 Nhà trường , gia đình và xã hội
 - 2.7 Quản Lịch sử nhà nước về giáo dục
 - 2.8 Khen thưởng và xử Lịch sử vi phạm
 - 2.9 Điều khoản thi hành
3. Những điểm mới bổ sung trong luật GD 2011

CHƯƠNG IV: ĐIỀU LỆ, QUY ĐỊNH, QUI CHẾ CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON VÀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG (4/6/0)

1. Điều lệ nhà trường
 - 1.1. Khái quát về bố cục Điều lệ nhà trường
 - 1.2. Nội dung cơ bản của Điều lệ nhà trường
 - 1.2.1. Điều lệ trường mầm non
 - 1.2.2. Điều lệ trường tiểu học
 - 1.2.3. Điều lệ trường trung học

thể

2. Quy định của Bộ GD & ĐT đối với các bậc học
 - 2.1. Quy định về giảng dạy, chủ nhiệm, đánh giá học sinh
 - 2.1.1. Trường mầm non
 - 2.1.2. Trường Tiểu học
 - 2.1.3. Trường trung học
 - 2.2. Quy định về tiêu chuẩn danh hiệu thi đua khen thưởng đối với cá nhân, tập thể
 - 2.2.1. Trường mầm non
 - 2.2.2. Trường Tiểu học
 - 2.2.3. Trường trung học

3. Quy chế về thanh tra, kiểm tra trong nhà trường mầm non và trường phổ thông

CHƯƠNG V : THỰC TIỄN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG (3/3/0)

1. Những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong thực tiễn giáo dục địa phương .
2. Những quy định và chỉ đạo của địa phương về giáo dục và đào tạo hiện nay

4. Yêu cầu đối với môn học

- Yêu cầu sinh viên chuẩn bị đầy đủ tài liệu chính, tài liệu tham khảo và tham gia đầy đủ các giờ học Lịch sử thuyết, các tiết thảo luận và làm bài tập. Làm đầy đủ các bài kiểm tra theo quy định. Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan. Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu.

9.1. Giáo trình:

- [1]. Phạm Viết Vượng. (Chủ biên) Quản Lịch sử hành chính nhà nước và quản Lịch sử ngành Giáo dục & đào tạo. NXB Đại học sư phạm, năm 2006 .
- [2]. Luật Cán bộ, công chức. Số 22/2008/QH12 ngày 13/ 11/ 2008.
- [3]. Luật Giáo dục 2005, 2010

9.2. Tài liệu tham khảo:

- Quyết hội nghị lần thứ 2 BCHTW khóa VIII - NXB CTQG, Hà nội 1997.
- [5]. Chiến lược phát triển giáo dục 2011- 2020. Ban hành kèm theo quyết định 711/TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012.
 - [6]. Điều lệ trường mầm non (2015), (Ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất 04/VBHN-BGDĐT).
 - [7]. Điều lệ trường tiểu học 2017
 - [8]. Điều lệ trường THCS, THPT (Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3 /2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

9.21. CƠ SỞ KHẢO CỔ HỌC

- Mã học phần: 124030

- Số tín chỉ: 2 (18, 24)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Đối tượng nghiên cứu khảo cổ học; lịch sử khảo cổ học; lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khảo cổ học; các thời đại khảo cổ học thế giới và Việt Nam.

- Năng lực đạt được: Sinh viên nhận biết trên thực tế một số loại hình di tích và di vật tiêu biểu của các giai đoạn, các nền văn hóa khảo cổ Thế giới và Việt Nam để hiểu và tôn trọng sự đa dạng văn hóa nhân loại. Thông qua việc học và nghiên cứu những di tích, di vật khảo cổ sẽ hiểu sâu và rộng hơn những ngành học khác của khoa học lịch sử và khoa học xã hội & nhân văn.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Cung cấp những kiến thức cơ bản về các vấn đề:

- Lịch sử luận về khảo cổ học:

Các khái niệm về khảo cổ học

Đối tượng của khảo cổ học

Mục đích của khảo cổ học

Lịch sử phát triển khảo cổ học trên thế giới và ở Việt Nam

- Văn hoá khảo cổ, nhóm di tích, tầng văn hoá

- Các di vật khảo cổ:

Đồ đá (mảnh tước, các loại rìu đá, đồ trang sức)

Đồ đồng (các loại vũ khí, công cụ sản xuất)

Đồ gốm (các loại hình, hoa văn, kỹ thuật, độ nung)

Đồ sắt (các loại vũ khí, công cụ)

- Sự phát triển của con người trên lãnh thổ Việt Nam thông qua các văn hoá khảo cổ học Việt Nam thuộc các thời đại:

Thời đá cũ

Thời đá mới

Thời đại đồng

Thời đại sắt

- Mối liên hệ văn hoá giữa các văn hoá khảo cổ:

Mối liên hệ giữa các tầng văn hoá khảo cổ

Mối liên hệ giữa các vùng văn hoá

Mối liên hệ văn hoá khu vực

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

+ Rèn luyện cho sinh viên những kiến thức cơ bản để phát hiện được các di tích khảo cổ.

- + Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh để phân biệt được các loại di vật khảo cổ từ công cụ bằng đá đến công cụ kim loại.
- + Phân loại được các loại đồ gốm, các mô típ hoa văn, các kỹ năng chế tạo đồ gốm, các nét điêu khắc, phân tích được các loại hình kiến trúc...
- + Sử dụng tư liệu khảo cổ vào việc học tập môn lịch sử cổ trung đại Việt Nam.
- + Rèn luyện các kỹ năng nhận thức cơ bản về các vấn đề thuộc lĩnh vực khảo cổ học.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Hình thành ý thức chủ động, tích cực trong việc tự học tập của bản thân.
- Hình thành động cơ đúng đắn trong học tập.
- Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với các hoạt động của nhóm.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Dẫn luận (1,1)

1. Khảo cổ học là gì ?

1.1. Khái niệm về khảo cổ học

1.2. Mối liên hệ giữa khảo cổ học và các ngành khoa học khác

2. Quá trình phát triển của khoa học khảo cổ

2.1. Trên thế giới

2.2. Ở Việt Nam

Chương 2: Di tích khảo cổ học và văn hoá khảo cổ học (2,2)

1. Di tích khảo cổ học

2. Tầng văn hoá

2.1. Khái niệm về tầng văn hoá

2.2. Các khái niệm khác xung quanh khái niệm tầng văn hoá: lớp đất phủ trên tầng văn hoá, lớp đất vô sinh, sinh thổ...

3. Văn hoá khảo cổ

3.1. Khái niệm về văn hoá khảo cổ

3.2. Các quan điểm khác nhau về văn hoá khảo cổ

4. Nhóm di tích

Chưa tập hợp đủ thành một văn hoá khảo cổ được gọi là nhóm di tích: nhóm di tích Đông Khôi, Cái Bèo, Thạch Lạc...

5. Các loại di tích khác

Chương 3: Các phương pháp nghiên cứu khảo cổ học (1,2)

1. Điều tra và khai quật khảo cổ học

1.1. Điều tra khảo cổ học

1.2. Khai quật khảo cổ học

2. Các phương pháp nghiên cứu khảo cổ học trong phòng

2.1. Phương pháp phân loại hiện vật

2.2. Phương pháp xác định niên đại

- *Niên đại tuyệt đối*

- *Niên địa tương đối*

2.3. Phương pháp so sánh

2.4. Phương pháp tổng hợp

Chương 4: Nguồn gốc loài người (2,2)

1. Các quan điểm về nguồn gốc loài người

2. Bằng chứng khoa học về nguồn gốc loài người
3. Vấn đề cái nôi của loài người
4. Xung quan vấn đề nguồn gốc loài người trên địa bàn lãnh thổ Việt Nam

Chương 5: Thời đại đồ đá cũ (2,3)

1. Khái niệm về thời đại khảo cổ học và niên đại
2. Thời đại đá cũ:
 - 2.1. Sơ kỳ thời đại đá cũ
 - 2.2. Trung kỳ thời đại đá cũ
 - 2.3. Hậu kỳ thời đại đá cũ
3. Thời đại đá cũ ở Việt Nam
 - 3.1. Sơ kỳ thời đại đá cũ ở Việt Nam
 - 3.2. Hậu kỳ thời đại đá cũ ở Việt Nam

Chương 6: Thời đại đồ đá giữa (2,2)

1. Những đặc điểm của thời đại đá giữa
2. Niên đại
3. Địa chất
4. Đặc điểm
 - 4.1. Con đường đá lớn
 - 4.2. Con đường đá nhỏ
5. Thời đại đá giữa ở Việt Nam

Chương 7: Thời đại đồ đá mới (2,3)

1. Những đặc trưng của thời đại đá mới
 - 1.1. Tiêu chí về địa chất
 - 1.2. Tiêu chí về kỹ thuật
 - 1.3. Tiêu chí về kinh tế
 - 1.4. Về mặt niên đại
2. Thời đại đá mới ở Việt Nam
 - 2.1. Sơ kỳ thời đại đá mới
 - 2.2. Trung kỳ thời đại đá mới
 - 2.3. Hậu kỳ thời đại đá mới

Chương 8: Thời đại đồ đồng (2,3)

1. Khái niệm về thời đại đồ đồng
 - 1.1. Thời đại đồng đỏ
 - 1.2. Thời đại đồng thau
2. Thời đại đồ đồng thau ở Việt Nam
 - 2.1. Sơ kỳ thời đại đồ đồng thau
 - 2.2. Trung kỳ thời đại đồ đồng thau
 - 2.3. Hậu kỳ thời đại đồ đồng thau

Chương 9: Thời đại đồ sắt (2,3)

1. Khái niệm về thời đại đồ sắt
2. Thời đại đồ sắt ở Việt Nam
 - 2.1. Đại cương về thời đại đồ sắt
 - 2.2. Sơ kỳ thời đại đồ sắt ở Việt Nam
 - 2.3. Văn hoá Đông Sơn
 - 2.4. Văn hoá Sa Huỳnh

2.5. Các nhóm di tích văn hoá sơ kỳ thời đại đồ sắt ở Nam Bộ

Chương 10: Khảo cổ học lịch sử Việt Nam (2,3)

1. Vai trò của khảo cổ học lịch sử trong nghiên cứu lịch sử Việt Nam
2. Các loại di tích, di vật khảo cổ học lịch sử
3. Khảo cổ học Chăm Pa
4. Khảo cổ học Óc Eo

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

1. Hán Văn Khẩn (chủ biên), *Cơ sở khảo cổ học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2007.
2. Đinh Ngọc Bảo (chủ biên), Phạm Văn Đẩu, *Giáo trình khảo cổ học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2007.
3. Lâm Thị Mỹ Dung, *Thời đại đồ đồng*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004.
4. Hán Văn Khẩn, *Văn hoá Phùng Nguyên*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2005.
5. Chử Văn Tần, *Văn hoá Đông Sơn - Văn minh Việt cổ*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1994.
6. Hà Văn Tấn, *Chùa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.
7. Hà Văn Tấn, *Theo dấu các văn hoá cổ*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1997.
8. Hà Văn Tấn (viết chung), *Đình Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1998.

9.22. CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

- Mã học phần: 124 050
- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Học phần tập trung giới thiệu các vấn đề cơ bản của dân tộc học dưới các góc độ: lịch sử tộc người, văn hóa tộc người, kinh tế tộc người, dân số tộc người. Phần kiến thức cơ bản gồm các nội dung: Những vấn đề chung về các dân tộc ở

Việt Nam; vấn đề lịch sử tộc người, dân số và phân bố dân cư; đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội tộc người; các dân tộc thuộc các ngữ hệ Nam Á, Thái, Hán – Tạng và Nam Đảo tại Việt Nam.

- Năng lực đạt được: Sinh viên phân biệt được bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam; khai thác được bản sắc văn hóa các dân tộc trong các hoạt động bảo tồn bản sắc văn hóa, hướng dẫn du lịch, phát triển cộng đồng...

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Qua học phần này Sinh viên nắm được hệ thống kiến thức cơ bản về:

- Trình bày kiến thức về Lịch sử tộc người, dân số và phân bố dân cư
- Trình bày kiến thức về Các tộc người thuộc các ngữ hệ khác nhau ở Việt nam
- Trình bày kiến thức về Đặc điểm kinh tế - xã hội các tộc người ở Việt nam
- Trình bày kiến thức về Đặc trưng văn hóa tộc người ở Việt Nam

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Kỹ năng bậc cao về các lĩnh vực chuyên sâu về dân tộc học
- Các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, tư duy độc lập

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Nhận thức được tính đa dạng của các dân tộc ở Việt Nam và trên thế giới
- Có thái độ trên trọng, bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa các dân tộc ở Việt Nam

3. Nội dung học phần

Nội dung 1. Những vấn đề chung về các dân tộc ở Việt Nam (2, 0)

1. Xung quanh việc sử dụng khái niệm dân tộc ở Việt Nam
2. Xung quanh các tiêu chí xác định tộc người
3. Đối tượng, nhiệm vụ và mục đích nghiên cứu của học phần

Nội dung 2. Điều kiện tự nhiên, lịch sử tộc người, dân số và phân bố dân cư (2, 3)

1. Điều kiện tự nhiên
2. Đặc điểm của lịch sử tộc người
3. Dân số và phân bố dân cư

Nội dung 3. Đặc điểm kinh tế truyền thống các dân tộc ở Việt Nam (2, 3)

1. Các loại hình kinh tế truyền thống
2. Vị trí của kinh tế truyền thống của các tộc người
3. Những biến đổi của kinh tế trong thời kỳ hiện đại

Nội dung 4. Đặc điểm xã hội truyền thống các dân tộc ở Việt Nam (2, 2, 1)

1. Các tộc người thiểu số ở phía Bắc
2. Các tộc người thiểu số ở phía Nam
3. Đặc điểm xã hội của người Kinh
4. Những biến đổi hiện nay

Nội dung 5. Đặc điểm văn hóa truyền thống các dân tộc ở Việt Nam (2, 2, 1)

1. Xung quanh khái niệm văn hóa và văn hóa tộc người
2. Đặc điểm văn hóa sản xuất
3. Đặc điểm văn hóa đảm bảo đời sống

4. Đặc điểm văn hóa chuẩn mực xã hội

5. Đặc điểm văn hóa nhận thức

Nội dung 6. Các tộc người thuộc ngữ hệ Nam Á ở Việt Nam (2, 2, 1)

1. Nhóm ngôn ngữ Việt – Mường

2. Nhóm ngôn ngữ Môn – Khơ Me

3. Nhóm ngôn ngữ Mông – Dao

4. Nhóm hỗn hợp

Nội dung 7. Các tộc người thuộc ngữ hệ Thái ở Việt Nam (2, 2, 1)

1. Người Thái

2. Người Tày, Nùng

3. Người Lào, Lự, Bố Y

4. Người Giáy

Nội dung 8. Các tộc người thuộc ngữ hệ Hán Tạng ở Việt Nam (2, 2, 1)

1. Nhóm ngôn ngữ Hoa

2. Nhóm ngôn ngữ Tạng – Miến

Nội dung 9. Các tộc người thuộc ngữ hệ Nam Đảo ở Việt Nam (2, 2, 1)

1. Người Cham

2. Người Gia Rai

3. Người Êđê

4. Người Churu, Raglai

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo chính:

1.Viện Dân tộc học. Các dân tộc ít người ở Việt nam (các tỉnh phía bắc). NXB Khoa học xã hội. 1978

2.Viện Dân tộc học. Các dân tộc ít người ở Việt nam (các tỉnh phía Nam). NXB Khoa học xã hội. 1984

3.Lê Sỹ Giáo (chủ biên). Dân tộc học đại cương. NXB Giáo dục Hà Nội. 1998

9.23. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. NHÂN HỌC ĐẠI CƯƠNG

- Mã học phần: 127070
- Số tín chỉ: 2 (18, 24)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Những kiến thức cơ bản về Dân tộc học, lịch sử phát triển của Dân tộc học thế giới, các trường phái trong Dân tộc học và lịch sử phát triển của Dân tộc học Việt Nam; về cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam; đặc điểm của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, sự phân bố và các đặc trưng văn hóa tộc người Việt Nam, những nét lớn về chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta, vị trí của vấn đề dân tộc trong tiến trình lịch sử dân tộc và trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Năng lực đạt được: Những nguyên tắc cơ bản của phương pháp và thao tác trong nghiên cứu Dân tộc học, vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề văn hóa và văn hóa tộc người.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Học phần trình bày một cách hệ thống những vấn đề cơ bản về nhân học đại cương. Trong đó bao gồm: Những vấn đề chung của nhân học (Định nghĩa, Đối tượng nghiên cứu, Phương pháp nghiên cứu, Lịch sử ngành Nhân học); Nhân học hình thể; Ngôn ngữ và nhân học ngôn ngữ; Văn hóa và nhân học văn hóa; Kinh tế và nhân học kinh tế; Tôn giáo và nhân học tôn giáo; Những vấn đề cơ bản của xã hội liên quan đến thân tộc, hôn nhân và gia đình; Nhân học ứng dụng.- Hiểu cách khái quát về khoa học Nhân học bao gồm định nghĩa, đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và lịch sử hình thành ngành Nhân học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Có kỹ năng cơ bản của phương pháp và thao tác trong nghiên cứu Dân tộc học, vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề văn hóa và văn hóa tộc người.

Sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề về do thực tiễn cuộc sống đặt ra trong từng lĩnh vực cụ thể theo đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Hình thành niềm say mê học tập, nghiên cứu môn học.
- Hình thành ý thức chủ động, tích cực trong việc tự học tập của bản thân.
- Hình thành động cơ đúng đắn trong học tập.

3 Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung 1: Những vấn đề chung của nhân học (2,2)

1. Đối tượng và quan điểm của Nhân học

2. Lịch sử hình thành và phát triển ngành nhân học, các lĩnh vực nghiên cứu

3. Mối quan hệ giữa nhân học và các ngành khoa học khác

4. Lịch sử thuyết và phương pháp nghiên cứu

Nội dung 2: Nguồn gốc và sự tiến hoá của loài người về sinh học và văn hoá (2,2)

1. Quá trình hình thành con người

2. Các chủng tộc loài người

Nội dung 3: Tộc người và các quá trình tộc người (2,3)

1. Khái niệm dân tộc trong khoa học nhân học và dân tộc học

2. Các tiêu chí của tộc người

3. Những nhân tố tác động đến tộc người

4. Các cấp độ của cộng đồng tộc người

5. Những quá trình tộc người

6. Các tộc người ở Việt Nam

Nội dung 4: Văn hóa (2,3)

1. Xung quanh khái niệm văn hóa, văn hóa học và nhân học văn hóa

2. Phân loại văn hóa

3. Một số Lịch sử thuyết về văn hóa trong nghiên cứu nhân học

4. Tính chất văn hóa

5. Một số lĩnh vực nghiên cứu liên quan đến văn hóa trong nhân học

6. Mối quan hệ giữa nghệ thuật - biểu tượng và tôn giáo

7. Nghệ thuật và biểu tượng trong văn hóa hiện đại.

Nội dung 5: Tôn giáo (2,2)

1. Khái niệm

2. Các loại hình tôn giáo trên thế giới

3. Một số tôn giáo tiêu biểu ở Việt Nam

4. Tôn giáo trong xã hội hiện đại

5. Một số khía cạnh của tôn giáo

Nội dung 6: Ngôn ngữ (2,3)

1. Khái niệm chung về ngôn ngữ và ý nghĩa của việc nghiên cứu ngôn ngữ trong nhân học

2. Vấn đề nguồn gốc và lịch sử phát triển của ngôn ngữ

3. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ, lịch sử, văn hóa và xã hội (nội dung chính của nhân học ngôn ngữ)

4. Bản đồ ngôn ngữ trên thế giới và Việt Nam

Nội dung 7: Kinh tế (2,3)

1. Mối quan hệ giữa con người với môi trường và kinh tế

2. Các phương thức tìm kiếm thức ăn (thực phẩm) của con người trên thế giới
3. Đặc điểm kinh tế cộng đồng tộc người ở Việt Nam

Nội dung 8: Thân tộc, hôn nhân và gia đình (2,3)

1. Thân tộc
2. Dòng họ
3. Hôn nhân
4. Gia đình

Nội dung 9: Nhân học ứng dụng (2,2)

1. Lịch sử về nhân học ứng dụng
2. Một số vấn đề ứng dụng nhân học
3. Vai trò trách nhiệm của nhà nhân học ứng dụng
4. Nhân học và nghề nghiệp

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

1. Nguyễn Văn Tiệp, Phan Thị Yến Tuyết (và cộng sự) (2008), *Nhân học đại cương*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Vũ Minh Chi (2004), *Nhân học văn hóa (con người với thiên nhiên, xã hội và thế giới siêu nhiên)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Ian Barnard (2005), *History and Theory in Anthropology*, Cambridge University Press, Cambridge, (bản in lần thứ sáu).
4. ant Evans (2001), *Bức khám văn hóa Châu Á, tiếp cận Nhân học* (Bản dịch), Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
5. mily A. Schultz & Robert H. Lavenda (2001), *Nhân học – Một quan điểm về tình trạng nhân sinh* (Bản dịch). Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – VNU, HN và Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – VNU, HCM City (2010), *Kỷ yếu hội thảo quốc tế: Nghiên cứu và đào tạo nhân học ở Việt Nam trong quá trình chuyển đổi và hội nhập quốc tế*, Hà Nội.

7. Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh (2010), *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam – Những cách tiếp cận nhân học*, quyển 1, 2, Nxb Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh.

8 Mạc Đường, *Đặc trưng nhân chủng tộc người ở Việt Nam*, Tạp chí Dân tộc học, số 3-1977, tr. 12-18.

B. NHẬP MÔN KHU VỰC HỌC

- Mã học phần: 124250
- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Bộ môn phụ trách: Lịch sử
- Học phần tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Những kiến thức nhập môn về lý thuyết khu vực học, hiện đang được áp dụng rộng rãi trong lĩnh vực KHXH&NV: Lịch sử hình thành và phát triển của khu vực học với tư cách là một khoa học liên ngành, những khái niệm cơ bản, vai trò của khu vực học trong xu thế phát triển của khoa học hiện nay; đối tượng của khu vực học; giới hạn, phạm vi nghiên cứu.

- Năng lực đạt được: Có phương pháp tiếp cận và những thao tác của nghiên cứu khu vực học để áp dụng vào thực tiễn, phục vụ các chương trình phát triển cũng như tổ chức các đề tài và chương trình nghiên cứu liên ngành.

2. Mục tiêu học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày được những kiến thức về Lịch sử thuyết và nắm vững một số phương pháp nghiên cứu Khu vực học hiện đang được áp dụng rộng rãi trong lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn và khoa học phát triển, đặc biệt hữu ích với những chuyên gia Việt Nam nghiên cứu theo hướng khu vực học.

- Lịch sử giải được đối tượng và phương pháp nghiên cứu khu vực khi thực hiện các đề tài nghiên cứu tổng hợp.

- Từ việc Lịch sử giải được tầm quan trọng của nhận thức tổng hợp (Comprehensive Understanding) bằng phương pháp liên ngành, khi triển khai nghiên cứu SV vận dụng được phương pháp nghiên cứu chuyên ngành với phương pháp liên ngành (Khu vực học).

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Mô tả cách tiếp cận các nhân tố tác động đến hoạt động của con người và mối quan hệ giữa tự nhiên và văn hoá.

- Vận dụng phương pháp nghiên cứu Khu vực học, SV sẽ ứng dụng vào thực tiễn phục vụ các chương trình nghiên cứu vùng và phát triển bền vững.

2. 3. Mục tiêu về thái độ:

- Hình thành niềm say mê học tập, nghiên cứu môn học.

- Hình thành ý thức chủ động, tích cực trong việc tự học tập của bản thân.
- Hình thành động cơ đúng đắn trong học tập, trong cuộc sống.

3. Nội dung học phần

Chương 1. DẪN LUẬN (4,6)

1. 1. Khu vực học là gì?

1. 1.1. Khái niệm về Khu vực học

Thuật ngữ tiếng Anh về Khu vực học (Area studies)

Đối tượng nghiên cứu của Khu vực học

Nhiệm vụ và vai trò của Khu vực học trong việc nghiên cứu không gian văn hoá

Các nguồn tài liệu và ưu thế của Khu vực học

Đặc điểm và những hạn chế của tài liệu Khu vực học

Mối liên hệ giữa các nguồn tài liệu

1. 1.2. Phân biệt khoa học chuyên ngành và Khu vực học

Khu vực học là môn khoa học liên ngành nên có nhiều mối liên hệ với các khoa học khác... nhưng giữa Khu vực học và các khoa học chuyên ngành có nhiều điểm khác biệt.

Điểm khác biệt được thể hiện ở các lĩnh vực: *Phương pháp nghiên cứu, mục đích nghiên cứu, nguồn tư liệu sử dụng.*

1. 2. Lịch sử hình thành và một số khái niệm cơ bản của KVH

1.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của khu vực học với tư cách một khoa học liên ngành

- Xu hướng chuyên ngành hoá (specialization) là quy luật tất yếu của khoa học.

- Phương pháp liên ngành được áp dụng để khắc phục tình trạng khu biệt của khoa học chuyên ngành và nâng cao năng lực nhận thức của khoa học, nhất là với những đề tài mang tính tổng hợp.

1.2.1.2. Thử nghiệm ban đầu của các nhóm nghiên cứu hỗn hợp (Research team) trong những năm 50 của thế kỷ XX.

- Nhu cầu nhận thức nhanh những khu vực còn trống vắng nhận thức khoa học.

- Cách thức tổ chức Research team trong giai đoạn sơ khai.

1.2.1.3. Khu vực học trở thành một khoa học liên ngành (Interdisciplinary Science).

- Quá trình hình thành nhận thức về đối tượng của khu vực học.

- Quá trình hoàn thiện phương pháp nghiên cứu khu vực.

1.2.1.4. Trường phái Khu vực học ở Hoa Kỳ và châu Âu.

- Sự hình thành và phát triển Khu vực học ở Bắc Mỹ.

- Quan niệm về khu vực học ở châu Âu.

1.2.1.5. Sự phát triển Khu vực học ở Nhật Bản và các nước ĐNA.

- Ảnh hưởng của Hoa kỳ đối với sự phát triển của khoa học Nhật bản sau chiến tranh II.

- Trung tâm Nghiên cứu Nam Á Kyoto (CSEAS).
- Trung tâm Nghiên cứu khu vực Nhật Bản (JCAS).
- Chương trình nghiên cứu và Hội thảo Quốc tế về đô thị cổ Hội An.

1. 2.1.6. Bước đầu vận dụng nghiên cứu khu vực ở Việt Nam.

- Chương trình nghiên cứu và Hội thảo Quốc tế về Phố Hiến.
- Chương trình hợp tác Việt - Pháp nghiên cứu Châu thổ Sông Hồng.
- Chương trình hợp tác Việt - Nhật nghiên cứu làng Bách Cốc (Nam Định).
- Chương trình hợp tác Việt - Nhật nghiên cứu làng Khánh Hậu (Long An).
- Việc giảng dạy về Khu vực học ở một số trường Đại học và cơ quan nghiên cứu.

1.2.2. Một số khái niệm cơ bản

1.2.1.1. Văn hoá (Culture).

- Phân biệt các dạng thức văn hoá: Vật chất - Tinh thần, Vật thể - phi vật thể.
- Các thành tố văn hoá.
- Các tác nhân tạo nên đặc trưng văn hoá: Con người - điều kiện tự nhiên và môi trường sinh thái - Hoàn cảnh lịch sử.

1.2.1. 2. Các loại hình tương tác văn hoá (Cultural Interaction).

- Giao thoa văn hoá (Cultural Interaction).
- Tiếp biến VH (Acculturation).
- Hỗn dung văn hoá (Multicultural Toleration).
- Đồng hoá văn hoá (Cultural Assimilation).

1.2.1.3. Văn hoá (Cuvilisation).

- Trung tâm (Center).
- Vùng ven (Outskirts).

1.3. Vai trò của Khu vực học trong xu thế phát triển hiện nay

1.3.1. Nhu cầu phát triển tự thân của khoa học hiện nay

- Những hạn chế và bất cập của khoa học chuyên ngành ở Việt Nam
- Xu thế phát triển của khoa học thế giới

1.3.2. Đòi hỏi của thực tiễn trong sự nghiệp công nghiệp hoá- hiện đại hoá

- Nhu cầu nhận thức tổng hợp vùng lãnh thổ
- Nhu cầu phát huy sức mạnh tổng hợp của các ngành khoa học để giải quyết các bài toán do thực tiễn đặt ra.
- Vẽ sơ đồ về tính ứng dụng của Khu vực học

Chương 2. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA KHU VỰC HỌC (8,8)

2. 1. Đối tượng của khu vực học: Không gian văn hoá (Cultural Space).

2. 1. 1. Khái niệm Văn hoá - Văn minh.

- Định nghĩa.
- Phân biệt các dạng thức văn hoá (Vật chất - tinh thần, Vật thể - phi vật thể).
- Tác nhân chi phối đặc trưng văn hoá (Con người - Tự nhiên - Môi trường xã hội - Hoàn cảnh lịch sử).
- Các thành tố văn hoá (Sản xuất của cải vật chất; Đảm bảo đời sống; Quy phạm; Tâm linh).
- Giao thoa văn hoá ((Cultural Interaction).
- Tiếp biến văn hoá (Acculturation).
- Hỗn dung văn hoá (Multicultural Toleration).
- Đồng hoá văn hoá (Cultural Assimilation).
- Văn minh (Civilisation).
- Trung tâm (Centre).
- Vùng ven (outskirts).
- Lịch sử thuyết vùng ven.

2.1.2. Không gian văn hoá, cấp độ không gian văn hoá.

2.2. Các lĩnh vực nghiên cứu

- Điều kiện tự nhiên và môi trường sinh thái.
- Hoàn cảnh lịch sử.
- Trạng thái kinh tế.
- Đời sống văn hoá.
- Thiết chế chính trị và hệ thống luật pháp.
- Sự biến đổi của cư dân và xã hội.

2.3. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

2.3.1. Nghiên cứu vĩ mô, chương trình tổng thể

- Nghiên cứu khu vực văn hoá (Cultural area study).
- Nghiên cứu vùng (Region study).
- Nghiên cứu một quốc gia (foreign Studies)

2.3.2. Nghiên cứu vi mô

- Nghiên cứu tiểu vùng (Sub-Region study).
- Nghiên cứu trường hợp (Case study).
- Nghiên cứu chọn mẫu (Selective Study).
- Nghiên cứu tiêu bản (Standard Sample Study).

2.4. Nghiên cứu cá nhân và nghiên cứu tập thể

2.4.1. Xây dựng kế hoạch nghiên cứu cá nhân

2.4.2. Xây dựng chương trình nghiên cứu tập thể

Chương 3: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHU VỰC (6,10)

3. 1. Những yếu tố cần đặt ra cho nghiên cứu khu vực.

3. 2. Xác định đề tài và lập kế hoạch nghiên cứu

3..2.1. *Xác định mục đích nghiên cứu (điều tra cơ bản, yêu cầu thực tiễn, nghiên cứu cơ bản).*

- Giới thiệu không gian nghiên cứu.
- Giới hạn lĩnh vực nghiên cứu.

3. 2.2. *Chọn đề tài: Giải thích sơ đồ về quan hệ tương tác giữa các yếu tố tạo nên đặc trưng văn hoá và việc xác định đề tài nghiên cứu.*

3.2.3. *Giới hạn phạm vi nghiên cứu của đề tài*

+ Giới hạn không gian.

1) Nghiên cứu vĩ mô, chương trình tổng thể.

- Nghiên cứu thế giới (thường là nghiên cứu khái quát như Ferdinand Brodel).
- Nghiên cứu khu vực văn hoá (Cultural area study).
- Nghiên cứu vùng (Region study).
- Nghiên cứu một quốc gia (foreign Studies).

2) Nghiên cứu vi mô (thường là mối quan tâm của NCS & HVCH).

- Nghiên cứu tiểu vùng (Sub-Region, study).
- Nghiên cứu trường hợp (Case study).

+ Lựa chọn khía cạnh chủ yếu.

- Trạng thái kinh tế (sản xuất của cải vật chất).

+ Hoạt động sản xuất.

+ Hoạt động kinh doanh.

- Đời sống văn hoá (Đảm bảo đời sống).
- Phong tục tập quán, thiết chế chính trị và hệ thống luật pháp (Quy phạm).
- Tôn giáo tín ngưỡng và đời sống tâm linh (tâm linh).

3) Nội dung nghiên cứu:

- Nội dung nghiên cứu theo các tác nhân tạo nên đặc trưng văn hóa
- Nội dung nghiên cứu theo các thành tố văn hóa

3.2.4. *Lập kế hoạch nghiên cứu*

- Nếu giả thuyết công tác (nếu có thể).

- Chọn chuyên gia, lập nhóm công tác (Research team) nếu là chương trình nghiên cứu tập thể.

- Phân bổ thời gian và tiến độ thực hiện.

- Chuẩn bị các bảng hỏi (Questionnaire).

3.3. Triển khai nghiên cứu

3.3.1. *Thu thập tài liệu trước khi xuống thực địa.*

- Tập hợp sách báo, tài liệu lưu trữ và các tài liệu có liên quan.

- Chuẩn bị bản đồ.

3.3.2. Khảo sát thực địa

- Phương pháp mô tả thực địa.

- Phương pháp thu thập tài liệu phỏng vấn.

- Phương pháp dùng bảng hỏi.

- Phương pháp đối chiếu, xác minh tư liệu.

3.3.3. Tổng hợp kết quả

- Phân tích và giải thích dữ liệu.

- Trình bày kết quả nghiên cứu.

3.3.4. Một số phương pháp xử Lịch sử tư liệu

- Bảng phương pháp thống kê.

- Bảng phương pháp tìm mối liên hệ: Hệ số tương quan hạng (Spirmen), Hồi quy tuyến tính, Ma trận alternatif...

3.3.5. Kiểm chứng tư liệu và chuẩn bị kế hoạch tiếp theo

- Phát hiện mâu thuẫn giữa các loại // nguồn tư liệu khác nhau.

- Đánh giá những kết quả đã thu được, đối chiếu với mục tiêu để tìm ra sự thiếu hụt, khiếm khuyết (cái cha đạt được) để có kế hoạch nghiên cứu bổ sung (Quick Studies).

- Kiểm chứng giả thuyết và bổ sung, xây dựng mô hình Lịch sử thuyết.

3.3.6. Tổng hợp kết quả

- Phân tích và giải thích dữ liệu.

- Trình bày kết quả nghiên cứu.

3.4. Loại hình nghiên cứu

3.4.1. Nghiên cứu trong phòng

- Tập hợp các tư liệu thư tịch

- Những lưu ý khi tập hợp tư liệu.

3.4.2. Nghiên cứu điền dã

Nghiên cứu thực địa tại không gian đã lựa chọn KVH có nguyên tắc:

* Field Work.

* Ngôn ngữ địa phương.

* Quan hệ với dân.

* Quan hệ với chính quyền.

3.4.3. Nghiên cứu chọn mẫu

1) Mẫu ngẫu nhiên:

* Mẫu tổng thể :

* Mẫu đại diện:

2) Cách chọn mẫu ngẫu nhiên.

* Ngẫu nhiên tuyệt đối:

* Ngẫu nhiên tương đối:

Tổng kết toàn bộ học phần:

- Khái quát lại toàn bộ chương trình

- Giải đáp thắc mắc.

4. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính

1. Trần Lê Bảo (2008), *Khu vực học và nhập môn Việt Nam học*, Nxb Giáo dục, HN.

9.2. Sách tham khảo

2. Đại học Quốc gia Hà Nội- Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2010), “Việt Nam hội nhập và phát triển”, *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần ba*, tập 6, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, HN.

3. Đại học Quốc gia Hà Nội (1996), *Văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, HN.

4. Vũ Minh Giang (2001), *Khu vực học với nghiên cứu Phương Đông*. Đông Phương học Việt Nam (Kỷ yếu Hội thảo toàn quốc lần thứ nhất), Nxb ĐHQG HN.

5. Ngô Đức Thịnh (2004), *Văn hoá vùng và phân vùng văn hoá ở Việt Nam*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.

6. Trần Ngọc Thêm (2000), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Tổng hợp, TP HCM, TP HCM.

7. Nguyễn Thị Thúy (2010), “Không gian văn hóa Tây Đô (Một số biến đổi từ sau khi trở thành Tây Đô”, *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần ba: Việt Nam hội nhập và phát triển*, tập 6, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, HN.

8. Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển- Đại học Quốc gia Hà Nội (2006), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế: Khu vực học: Cơ sở Lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu*, HN.

9. Yamada Matsuo (1997), *Area Study and Japan*, Tokyo.

9.24. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. TỔNG QUAN VỀ DI DẢN THẾ GIỚI

- Mã học phần: 124330

- Số tín chỉ: 2 (18, 24)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Khái quát về tổ chức UNESCO và Công ước Bảo vệ di sản thế giới, những tiêu chí để trở thành di sản thế giới. Những di sản tiêu biểu ở các quốc gia trên thế giới và hệ thống các di sản thế giới ở Việt Nam.

- Năng lực đạt được: Hiểu được những giá trị về mặt văn minh và sự cần thiết về việc bảo tồn của các di sản của nhân loại.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

+ Hiểu được các khái niệm, di sản, các loại hình di sản: di sản vật thể, phi vật thể, phân loại di sản.

+ Hiểu và nắm được tổng quan di sản về di sản trên thế giới, di sản thế giới ở Việt Nam.

+ Nắm được số lượng, các loại di sản vật thể trên thế giới và ở Việt Nam (di sản của các quốc gia, di sản đang bị đe dọa, di sản trong tình trạng nguy hiểm)

+ Trình bày được tổng quan về di sản phi vật thể ở thế giới (di sản của các quốc gia, di sản đang bị đe dọa, di sản trong tình trạng nguy hiểm)

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Cách tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học

-Sưu tầm, xử Lý sử các nguồn tài liệu cần thiết cho học tập nghiên cứu

- Phân tích, khái quát, vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.

- SV có các kỹ năng nghiên cứu khoa học – phân tích, tổng hợp, so sánh

- Kỹ năng tập hợp tư liệu từ các nguồn – sách vở, báo chí, internet, truyền hình, bảo tàng...

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Có thái độ trân trọng, gìn giữ, bảo tồn những di sản ở Việt Nam và thế giới.
- Hình thành niềm say mê học tập, nghiên cứu môn học.
- Có ý thức chủ động, tích cực trong việc tự học tập của bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: NHỮNG NÉT CHUNG VỀ DI SẢN VĂN HOÁ THẾ GIỚI (3,4)

1. Các khái niệm cơ bản
2. Điều kiện để trở thành di sản thế giới
3. Khái quát về di sản thế giới

Chương 2: CÁC LOẠI HÌNH DI SẢN THẾ GIỚI Ở CHÂU Á VÀ CHÂU ĐẠI DƯƠNG (4,5)

1. Khái quát chung
2. Danh sách các di sản ở châu Á và châu Đại Dương
3. Một số di sản văn hoá tiêu biểu ở châu Á
4. Một số di sản văn hoá tiêu biểu ở châu Đại Dương

Chương 3: CÁC LOẠI HÌNH DI SẢN VĂN HOÁ THẾ GIỚI Ở CHÂU ÂU VÀ BẮC MỸ (4,5)

1. Khái quát chung
2. Danh sách các di sản văn hoá ở châu Âu và Bắc Mỹ
3. Một số di sản văn hoá tiêu biểu ở châu Âu
4. Một số di sản văn hoá tiêu biểu ở Bắc Mỹ

Chương 4: CÁC LOẠI HÌNH DI SẢN VĂN HOÁ THẾ GIỚI Ở CHÂU PHI VÀ MĨ LA TINH (2,4)

1. Khái quát chung
2. Danh sách các di sản văn hoá ở châu Phi và Mĩ la tinh
3. Một số di sản văn hoá tiêu biểu ở châu Phi
4. Một số di sản văn hoá tiêu biểu ở Mĩ la tinh

Chương 5: CÁC LOẠI HÌNH DI SẢN VĂN HOÁ THẾ GIỚI Ở CÁC NƯỚC Ắ RẬP (BẮC PHI VÀ TRUNG ĐÔNG) (2,4)

1. Khái quát chung
2. Danh sách các di sản văn hoá ở Bắc Phi và Trung Đông
3. Một số di sản văn hoá tiêu biểu ở Bắc Phi
4. Một số di sản văn hoá tiêu biểu ở Trung Đông

Chương 6: CÁC LOẠI HÌNH DI SẢN VĂN HOÁ THẾ GIỚI Ở VIỆT NAM (3,4)

1. Khái quát chung
2. Di sản văn hóa vật thể
3. Di sản văn hóa phi vật thể
4. Di sản tư liệu thế giới

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

9.1. Giáo trình chính:

1. Bùi Đệp, 2005, Di sản thế giới, Tập 1 đến tập 10, NXB trẻ TPHCM.
2. Đức Hiếu – Mai Anh, 2008, 99 thắng cảnh nổi tiếng châu Á, NXB Hồng Đức, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo::

1. Almanach những nền văn minh thế giới, 1999, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
2. Vũ Dương Ninh, 2000, Lịch sử văn minh thế giới, NXB giáo dục, Hà Nội.
3. <http://whc.unesco.org/>
4. Wikipedia.org (Wikipedia Tiếng Việt).

B. KHÁI LƯỢC VĂN HÓA ĐÔNG NAM Á

- Mã học phần: 124105
- Số tín chỉ: 2 (18, 24)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử, khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Học phần Khái lược văn hóa Đông Nam Á cung cấp những kiến thức về văn hóa truyền thống của các dân tộc ở Đông Nam Á. Nội dung học phần sẽ đề cập đến các giai đoạn hình thành và phát triển của văn hóa Đông Nam Á, sự ảnh hưởng của văn hóa bên ngoài kết hợp với đặc điểm văn hóa nội địa tạo thành bản sắc văn hóa của khu vực và những thành tố chính của văn hóa Đông Nam Á.

- Năng lực đạt được:
 - + Kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá từ đó rút ra những đặc điểm của văn hóa Đông Nam Á.

- + Cách tiếp cận và giải quyết vấn đề một cách khoa học
- + Phân tích, khái quát, vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Học phần Khái lược văn hóa Đông Nam Á cung cấp những kiến thức về văn hóa truyền thống của các dân tộc ở Đông Nam Á. Nội dung học phần sẽ đề cập đến các giai đoạn hình thành và phát triển của văn hóa Đông Nam Á, sự ảnh hưởng của văn hóa bên ngoài kết hợp với đặc điểm văn hóa nội địa tạo thành bản sắc văn hóa của khu vực và những thành tố chính của văn hóa Đông Nam Á.

2.2. Mục tiêu về Kỹ năng:

- Kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá từ đó rút ra những đặc điểm của văn hóa Đông Nam Á
- Cách tiếp cận và giải quyết vấn đề một cách khoa học
- Kỹ năng tập hợp tư liệu từ các nguồn – sách vở, báo chí, internet, truyền hình, bảo tàng...
- Phân tích, khái quát, vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Có thái độ trân trọng, gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam và các dân tộc Đông Nam Á
- Có ý thức chủ động, tích cực trong việc tự học tập của bản thân.
- Hình thành động cơ đúng đắn trong học tập, trong cuộc sống.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương I: Đặc điểm tự nhiên và nguồn gốc tộc người (5.7)

1.1. Đặc điểm tự nhiên

- Vị trí địa lý
- Tính chất gió mùa nóng và ẩm
- Sự đối lập Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo
- Đông Nam Á có mạng lưới sông ngòi dày đặc
- Đông Nam Á là vùng giàu có về khoáng sản
- Đông Nam Á có vị trí đặc biệt quan trọng trên đường giao lưu quốc tế
- Những khó khăn, trở ngại do thiên nhiên gây ra.

1.2. Nguồn gốc các dân tộc Đông Nam Á - Chủ thể văn hóa Đông Nam Á

Chương II: Tiến trình lịch sử văn hóa Đông Nam Á (5.6)

2.1. Văn hóa Đông Nam Á thời tiền sử và sơ sử

- 2.1.1. Văn hóa Đông Nam Á thời tiền sử
- 2.1.2. Văn hóa Đông Nam Á thời sơ sử
- 2.1.3. Khái quát về những thành tựu chung của lớp văn hóa bản địa Đông Nam Á thời tiền sử và sơ sử.

2.2. Văn hóa Đông Nam Á từ buổi đầu lịch sử đến TK X

- 2.2.1. Bối cảnh lịch sử - văn hóa
- 2.2.2. Sự tiếp xúc và giao lưu với văn hóa Trung Hoa
- 2.2.3. Sự tiếp xúc và giao lưu với văn hóa Ấn Độ

2.3. Văn hóa Đông Nam Á từ TK X đến TK XIX

- 2.3.1. Bối cảnh văn hóa - lịch sử
- 2.3.2. Những thành tựu văn hóa
 - Sự xuất hiện của các tôn giáo mới ở Đông Nam Á: Hồi giáo và Kito giáo
 - Sự xuất hiện của một số bộ luật ở các quốc gia Đông Nam Á
 - Sự xuất hiện của các chữ viết mới của các dân tộc
 - Văn học Đông Nam Á hưng thịnh theo sự hưng thịnh của các quốc gia
 - Sự phát triển của văn hóa vật chất-tinh thần

2.4. Văn hóa Đông Nam Á từ sau TK XIX đến năm 1945

- 2.4.1. Bối cảnh văn hóa - lịch sử
 - Sự đô hộ của thực dân phương Tây
 - Sự xâm nhập của Nhật Bản
 - Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc
- 2.4.2. Các đặc điểm và thành tựu văn hóa
 - Văn hóa vật chất
 - Sự xuất hiện của báo chí, nhà in, nhà xuất bản
 - Văn học Đông Nam Á
 - Trào lưu cải cách xã hội

2.5. Văn hóa Đông Nam Á từ sau năm 1945 đến nay

- 2.5.1. Bối cảnh văn hóa - lịch sử
 - Một số đặc điểm văn hóa
 - + Cơ sở cho các hoạt động văn hóa được tăng cường
 - + Sự ra đời phát triển của văn hóa chuyên nghiệp
 - + Sự giao lưu văn hóa khu vực và thế giới ngày càng mở rộng
 - + Bảo tồn và tiếp thu văn hóa

Chương III: Các thành tố của văn hóa Đông Nam Á (8. 12)

3.1. Văn hóa vật chất phục vụ đời sống

3.1.1. Âm thực

3.1.2. Trang phục

3.1.3. Nhà cửa

3.2. Lễ hội - lễ tết

3.2.1. Lễ hội

3.2.2. Tết nguyên đán

3.3. Phong tục, tập quán

3.3.1. Hôn nhân

3.3.2. Tang lễ

3.3.3. Những phong tục tập quán khác

- Ăn trầu

- Tục cưa và nhuộm răng đen

- Các trò chơi giải trí

+ Chọi gà

+ Thả diều

+ Bơi thuyền

3.4. Tín ngưỡng - tôn giáo

3.4.1. Tín ngưỡng bản địa

- Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên

- Tín ngưỡng phồn thực

- Tín ngưỡng sùng bái người đã mất

3.4.2. Tôn giáo

- Khái quát

- Hồi giáo

- Phật giáo

- Kito giáo

3.4.3. Nghệ thuật

- Nghệ thuật tạo hình

- Nghệ thuật biểu diễn

3.4.4. Ngôn ngữ - chữ viết

- Ngôn ngữ

- + Ngữ hệ Nam đảo
- + Ngữ hệ Nam Á
- + Ngữ hệ Thái
- + Ngữ hệ Hán - Tạng

- Chữ viết

* *Tiểu kết về văn hóa Đông Nam Á*

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Mai Ngọc Chừ (1999), *Văn hóa Đông Nam Á*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
2. Nguyễn Tất Đắc (2000), *Văn hóa Đông Nam Á*, Nxb GD, Hà Nội.

9.2. Sách tham khảo

1. Lương Ninh (2002), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb DG, Hà Nội.
2. D.E.G Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb CTQG, Hà Nội.
3. Ngô Văn Doanh, Vũ Quang Thiện (1997), *Phong tục các dân tộc Đông Nam Á*. NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
4. Ngô Văn Doanh (1998), *Danh thắng và kiến trúc Đông Nam Á*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
5. Cao Xuân Phổ, Ngô Văn Doanh, Phan Ngọc, Tô Thế Phong (1992), *Văn hóa ba nước Đông Dương*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.

6. Châu Thị Hải (1993), *Dấu ấn trung Hoa trong các loại hình văn hóa nghệ thuật Đông Nam Á*. Trong cuốn, "Việt Nam - Đông Nam Á . Quan hệ lịch sử văn hóa", Nxb CTQG, Hà Nội.

9.25. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUYÊN THỦY ĐẾN THẾ KỶ X/

HISTORY OF VIETNAM: FROM PRIMITIVE TIMES TO THE X CENTURY

- Course code:
- Credit N⁰: 03 (27, 36)
- Department in charge: Department of History, Faculty of Social Sciences, Hong Duc University
- Prerequisite: None

1. Module description

The module provides students with knowledge of Vietnam history from the early ages to the tenth century. This historical process stretches from the primitive time to the tenth century. The contents include: primitive period in Vietnam domain, the period of founding and defending the country, the period of Chinese domination and the struggle against invaders.

Achieved capacity:

- Students are able to understand and analyze the knowledge of Vietnam history from primitive time to the tenth century, and draw lessons from history.

2. Module's objectives

2.1. Objectives of knowledge:

- Students are able to understand the evolution and progress of Vietnam history from the primitive times to the tenth century;
- Students are able to understand the cause, relationship, interaction amongst events, phenomena and historical processes during this period.
- Students are able to perceive and objectively evaluate the nature, characteristics of historical events and phenomena, the historical meanings and lessons in this period.

2.2. Objectives of skill:

This module helps student:

- To establish skill of recognition to evaluate historical events and phenomena.
- To know how to apply historical lessons from the past in the present

2.3. Objectives of attitude

- Students will appreciate characters and heroes who contribute to the nation's history.
- Students will perceive lessons that learned from the past to apply to country's current reformation.

2.4. Objectives of self-control and responsibility capacity

Students are able to analyze problems by themselves, be responsible for their study and work. They can work independently as well as work in team, set up a plan and implement it in socio-economic field.

3. Module's main content

Chapter 1: INTRODUCTION TO HISTORY OF VIETNAM (9 .12)

1. Concepts - research subjects and subject approaches.

1.1. Concept

1.2. Research subjects and subject approaches

2. Vietnam - a country with a long history

2.1. Feudal historian's perspective

2.2. Perspective of historian in French colonial period

2.3. Marxist historian's perspective

3. How to learn about Vietnam history?

3.1. Vietnam history includes all activities of human and society from the primitive times.

3.2 History of Vietnam is the history of Vietnamese people

4. The divergence of Vietnam history

4.1 Historical divergence systems

4.2. Divergence of ethnic history in the present

CHAPTER 2: THE PERIOD OF FOUNDING AND DEFENDING THE COUNTRY (9.12)

1. Dates and habitation of ancient Vietnamese in Hung Vuong period.

1.1. The dates

1.2 The habitation

2. The change of socio-economic situation

2.1 Economic situation

2.2 Social stratification

3. The emergence of Van Lang State

3.1 Van Lang State: the domain, name and resident

3.2 Economic development

3.3 Structure of social class

3.4 Socio-political institutions

3.5. Spirit cultural life

4. The resistance against Qin invader and the formation of Au Lac State

4.1 The resistance against Qin invader

4.2 The establishment of Au Lac State

5. Socio-economic situation and Van Lang -Au Lac civilization

- 5.1 Socio-economic situation
- 5.2 Van Lang – Au Lac civilization

6. Invasion of Zhao military

- 6.1 The invasion of Zhao military
- 6.2 The fall of Au Lac State

CHAPTER 3: THE PERIOD OF CHINESE DOMINATION AND THE STRUGGLE AGAINST THEIR RULE (9.12)

1. Overview of Chinese feudal dynasties

- 1.1 Some essential traits
- 1.2 The plot and invasion tactics of Chinese feudal forces.
- 2. The domination policy of Chinese feudal dynasties

- 2.1 Exploitation policy
- 2.2 Cultural assimilation policy

3. The changes of society, economy and culture

- 3.1 Economic changes.
- 3.2 Socio-cultural changes

4. Armed struggle for independence

- 4.1 The resistance movement of Vietnamese before the seventh century.
- 4.2 The national liberation movement of Vietnamese against Sui and Tang feudalism.

5. The struggle in the field of cultural ideology to protect national tradition and culture

Part II. Assignment and essay (0, 10)

Students must choose a scientific research topic related to the subject, create an outline in detail then present and defend it.

4. Subject requirements

Students are required to attend at least 80% of classes, including lecture, discussion, practice (with lecturer's instructions), complete the essay, take both midterm and final examination.

5. Teaching Method: Lecture, group discussion, practice

6. Consulting Plan

In the process of teaching, lecturer is responsible for instructing students to find and read relevant reference materials, and at the end of the module, he/she must arrange time to answer students' questions and queries.

7. Equipment

The classroom is large enough for discussion groups, it is fully equipped with board, projector, computer for practice and presentation; study materials are adequately provided at the library.

8. Method of assessment

- Regular evaluation and inspection: make up 30%.
- Mid-term examination and evaluation: make up 20%
- Final examination and evaluation: make up 50%.

Marking scale: 10

9. Study materials

9.1. Essential Books

1. Truong Huu Quynh (Chief author) (1997), *Overview of Vietnam History*, Volume 1. Education Publishing House.
2. Truong Huu Quynh, Nguyen Canh Minh (1999), *Vietnam History from the primitive time to 1858*, National University Publishing House, Hanoi.

9.2. Reference Books

1. Nguyen Quang Ngoc (Chief author) (2001), *Process of Vietnam History*, Education Publishing House, Hanoi.
2. Ngo Si Lien and historians of Le dynasty, *Complete Annals of Đại Việt*, the Social Sciences Publishing House, Hanoi, 1967-1968.
3. Luong Ninh (Chief author) (2000), *A Summary of Vietnam History*, National Political Publishing House, Hanoi.
4. Phan Huy Le (Chief author) (2012), *Vietnam History*, Volume 1 - From the primitive time to the end of the fourteenth century, Education Publishing House, Hanoi.

9.26. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ X ĐẾN 1858

- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 03 (27,36)
- Bộ môn phụ trách: BM Lịch sử, Khoa KHXH, trường ĐH Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến

TK X

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức về lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến năm 1858. Quá trình lịch sử này trải dài khoảng 10 TK từ TK X đến năm 1858 bao gồm các nội dung: Đất nước ở buổi đầu của thời đại phong kiến dân tộc, Nước Đại Việt thời Lịch sử, Trần, Hồ, Phong trào kháng chiến chống Minh và khởi nghĩa Lam Sơn, Nước Đại Việt thời Lê sơ, Đại Việt trong các thế kỷ bị chia cắt (XVI-XVIII), Phong trào nông dân TK XVIII và triều đại Tây Sơn, Triều Nguyễn nửa đầu TK XIX (1802-1858).

Năng lực đạt được:

- Sinh viên hiểu và phân tích được hệ thống tri thức về lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến 1858, từ đó, rút ra các bài học lịch sử.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm vững diễn biến, tiến trình lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến 1858
- Hiểu được nguyên nhân cũng như mối liên hệ, sự tác động qua lại giữa các sự kiện, hiện tượng và các quá trình lịch sử trong giai đoạn này.
- Nhìn nhận, đánh giá khách quan về bản chất, đặc điểm của các sự kiện, hiện tượng lịch sử, ý nghĩa và bài học lịch sử trong giai đoạn này

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Giúp sinh viên hình thành kỹ năng nhận biết đánh giá sự kiện, hiện tượng lịch sử.

- Biết vận dụng, liên hệ những bài học lịch sử từ quá khứ đến hiện tại

2. 3. Mục tiêu về thái độ:

- Biết trân trọng những nhân vật góp phần làm nên lịch sử của dân tộc.
- Thấy được các bài học lịch sử, bài học kinh nghiệm để vận dụng vào công cuộc đổi mới đất nước hiện nay

2. 4. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có khả năng tự phân tích vấn đề, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực kinh tế xã hội.

3. Nội dung học phần

Chương 1: ĐẤT NƯỚC BUỔI ĐẦU THỜI ĐẠI PHONG KIẾN DÂN TỘC(3,4)

1. Diễn trình lịch sử

- 1.1 Họ Khúc dựng nền tự chủ.
- 1.2 Cuộc kháng chiến của Dương Đình Nghệ.
- 1.3 Cuộc kháng chiến của Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng năm 938
- 1.4 Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân, bảo vệ đất nước thống nhất độc lập tự chủ.
- 1.5 Nhà Tiền Lê và cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược.

2. Xây dựng chính quyền tự chủ.

- 2.1 Tình hình kinh tế.
- 2.2 Quan hệ đối ngoại.
- 2.3 Diễn biến chính trị và tình hình kinh tế - xã hội

Chương 2. NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI LỊCH SỬ (1010 -1225) (3,4)

1.Sự thành lập triều Lịch sử

- 1.1 Tình hình đất nước những năm đầu thế kỷ XI
- 1.2 Sự thành lập triều Lịch sử.

2. Nhà Lịch sử xây dựng và củng cố thể chế trung ương tập quyền.

- 2.1 Ôn định chính trị
- 2.2 Xây dựng mô hình thể chế trung ương tập quyền.
- 2.3 Củng cố chế độ đẳng cấp.
- 2.4 Xây dựng quân đội.
- 2.5 Xây dựng luật pháp
- 2.6 Chính sách đoàn kết dân tộc.

3. Kinh tế Đại Việt thời Lịch sử.

- 3.1 Kinh tế nông nghiệp.
- 3.2 Thủ công nghiệp và trao đổi.

4. Kháng chiến chống quân Tống (1075 -1077)

- 4.1 Âm mưu và kế hoạch xâm lược Đại Việt của nhà Tống.

4.2 Kháng chiến chống quân xâm lược Tống.

5. Tình hình văn hóa xã hội.

5.1 Văn hóa – giáo dục.

5.2 Tư tưởng

Chương 3 : NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI TRẦN (1226-1400) (3,4)

1. Nhà Trần xây dựng và củng cố thể chế trung ương tập quyền.

1.1 Nhà Trần xây dựng và củng cố chế độ quân chủ quý tộc.

1.2 Thể chế trung ương tập quyền được hoàn thiện thêm một bước.

2. Tình hình kinh tế - xã hội .

2.1 Chính sách phát triển kinh tế.

2.2 Tình hình phân hóa xã hội.

1 .Tình hình phân hóa xã hội .

3. Tình hình văn hóa – xã hội.

3.1 Chính sách phát triển văn hóa giáo dục

3.2 Đòi sống tư tưởng.

4. Kháng chiến chống Mông – Nguyên ở thế kỷ XIII

4.1 Vài nét về đế quốc Mông – Nguyên

4.2 Ba lần kháng chiến chống Mông – Nguyên

4.3 Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử.

5. Sự khủng hoảng của xã hội Đại Việt cuối thế kỷ XIV.

6. Chương 4 : NHÀ HỒ VÀ CHÍNH SÁCH CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY

(3,4)

1. Triều Hồ thành lập.

1.1 Những yêu cầu khách quan của xã hội Đại Việt cuối thế kỷ XIV

1.2 Về kinh tế và chế độ ruộng đất.

1.3 Ổn định xã hội

1.4 Củng cố và hoàn thiện bộ máy nhà nước trung ương tập quyền.

2. Chính sách cải cách của Hồ Quý Ly.

2.1 Cải cách trên lĩnh vực chính trị - quân sự.

2.2 Cải cách trên lĩnh vực kinh tế.

2.3 Cải cách trên lĩnh vực văn hóa.

3. Cuộc xâm lược của nhà Minh và sự thất bại của nhà Hồ.

3.1 Cuộc xâm lược của nhà Minh

3.2 Sự thất bại của nhà Hồ.

Chương 5 : PHONG TRÀO KHÁNG CHIẾN CHỐNG MINH VÀ CUỘC

KHỞI NGHĨA LAM SƠN(3,4)

1. Chính sách đô hộ của nhà Minh (1407 -1427)

1.1 Chính sách thống trị tàn bạo.

1.2 Chính sách đồng hóa văn hóa sâu sắc.

2. Những phong trào kháng chiến của nhân dân ta trước khởi nghĩa Lam Sơn

2.1 Những phong trào khởi nghĩa do quý tộc nhà Trần lãnh đạo.

2.2 Phong trào đấu tranh của nhân dân đồng bằng Bắc Bộ.

2.3 Phong trào đấu tranh của nhân dân các dân tộc miền núi.

3. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 -1427)

3.1. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ.

3.2 Các giai đoạn phát triển của khởi nghĩa.

3.3 Khởi nghĩa giành thắng lợi hoàn toàn.

4. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

4.1 Nguyên nhân thắng lợi.

4.2 Ý nghĩa lịch sử.

Chương 6 : NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (1428 -1527) (3,4)

1. Nhà Lê xây dựng và hoàn thiện thể chế trung ương tập quyền.

- 1.1 Sự thành lập nhà Lê.
- 1.2 Sự xác lập quyền lực của giai cấp địa chủ trên vũ đài lịch sử.
- 1.3 Xây dựng và hoàn thiện mô hình nhà nước phong kiến quan liêu.
- 1.4 Cải cách và hoàn thiện cơ cấu hành chính trên cả nước.

2. Phục hồi và phát triển kinh tế.

- 2.1 Chính sách phục hồi và phát triển kinh tế nông nghiệp.
- 2.2 Phát triển kinh tế thủ công nghiệp và giao lưu trao đổi trong nước.
- 2.3 Chính sách ngoại thương.

3. Phát triển văn hóa dân tộc.

- 3.1 Phục hưng văn hóa dân tộc.
- 3.2 Đời sống tín ngưỡng , tôn giáo.
- 3.3 Sự phát triển của các ngành khoa học

Chương 7 : NƯỚC ĐẠI VIỆT TRONG CÁC THẾ KỶ BỊ CHIA CẮT (THẾ KỶ XVI –XVIII) (3,4)

1. Sự sụp đổ của nhà Lê và sự thành lập nhà Mạc.

- 1.1 Khủng hoảng chính trị xã hội đầu thế kỷ XV1.
- 1.2 Sự thành lập triều Mạc (1527 -1592)

2. Cục diện Nam –Bắc triều và tình trạng đất nước bị chia cắt ở thế kỷ XV1.

- 2.1 Chiến tranh Nam – Bắc triều.
- 2.2 Tình hình kinh tế xã hội Đại Việt thế kỷ XV1

3. Sự hình thành cục diện Đàng Ngoài – Đàng Trong và cuộc chiến tranh Trịnh –Nguyễn)

- 3.1 Sự hình thành cục diện Đàng Ngoài – Đàng Trong
- 3.2 Cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn.

4.Tình hình nông nghiệp và đời sống nhân dân.

- 4.1 Tình hình Đàng Ngoài.
- 4.2 Tình hình Đàng Trong
- 4.3 Đời sống nhân dân sa sút.

5. sự phát triển của công thương nghiệp trong các thế kỷ XV11 –XV111

5.1 Sự phát triển của công thương nghiệp trong các thế kỷ XV11 –XV111 Đàng Ngoài.

5.2 Sự phát triển của công thương nghiệp trong các thế kỷ XV11 –XV111 Đàng Trong

6. Chuyển biến văn hóa xã hội trong các thế kỷ XV1 –XX111.

- 6.1 Chuyển biến xã hội sâu sắc.
- 6.2 Đời sống văn hóa giáo dục
- 6.3 Đời sống văn hóa tín ngưỡng.
- 6.4 Văn học nghệ thuật và các ngành khoa học khác.

Chương 8 : PHONG TRÀO NÔNG DÂN CUỐI THẾ KỶ XVIII VÀ TRIỀU ĐẠI TÂY SƠN (3,4)

1. Sự khủng hoảng chế độ phong kiến Đại Việt.

- 1.1. sự khủng hoảng chế độ phong kiến Đại Việt.
- 1.2 Những yêu cầu khách quan của Xã hội Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII.

2. Phong trào nông dân khởi nghĩa ở thế kỷ XVIII

- 2.1 Phong trào khởi nghĩa của nông dân Đàng Ngoài.
- 2.2 phong trào nông dân khởi nghĩa ở Đàng Trong.

3. Phong trào nông dân Tây sơn.

3.1 Nguyên nhân bùng nổ

3.2 Các giai đoạn phát triển của khởi nghĩa.

3.3 Phong trào nông dân Tây Sơn với sự nghiệp giải phóng dân tộc.

3.4 Phong trào nông dân Tây Sơn với sự nghiệp thống nhất đất nước.

4. Triều đại Nguyễn – Tây Sơn và chính sách cải cách đất nước của vua Quang Trung.

4.1 Triều đại Nguyễn –Tây Sơn.

4.2 Chính sách cải cách đất nước của vua Quang Trung.

Chương 9: TRIỀU NGUYỄN NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX(1802 -1858) (3,4)

1. Sự thành lập triều Nguyễn.

1.2 Thiết lập đế quyền của dòng họ Nguyễn.

1.3 Chính sách trả thù Tây Sơn của họ Nguyễn.

2. Triều Nguyễn xây dựng và củng cố chế độ phong kiến.

1.1 Về chính trị.

1.2 về quân sự.

1.3 về pháp luật

2. Tình hình kinh tế.

2.1 kinh tế nông nghiệp.

2.2 Kinh tế thủ công nghiệp.

2.3 Thương mại.

3. Tình hình văn hóa.

3.1 Đời sống tư tưởng.

3.2 Văn học nghệ thuật

3.3 Sự phát triển của các ngành khoa học.

5 phong trào nông dân khởi nghĩa đầu thế kỷ XIX

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Trương Hữu Quỳnh (chủ biên)1997,*Đại cương lịch sử Việt Nam, tập 1*. Nxb Giáo dục.

2. Trương Hữu Quýnh, Nguyễn Cảnh Minh, (1999) *Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến 1858*, Nxb ĐHQG Hà Nội.

9.2. Sách tham khảo

1. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên)(2001), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB GD, HN.

2. Ngô Sĩ liên và các sử thần triều Lê ,*Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb KHXH ,Hà Nội, 1967-1968

3. Lương Ninh (chủ biên) 2000- *Lịch sử Việt Nam giản yếu*, Nxb. Chính trị quốc gia , Hà Nội

9.27. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1945

- Mã học phần: 124155

- Số tín chỉ: 4(36, 48)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử, khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Lịch sử Việt Nam từ TK X đến năm 1858

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức về lịch sử Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX đến năm 1945. Quá trình lịch sử này trải dài từ khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta cho đến ngày cách mạng tháng 8 thành công, bao gồm các nội dung như:

Quá trình xâm lược nước ta của thực dân Pháp, phong trào đấu tranh của nhân dân chống thực dân Pháp xâm lược và bình định; cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX; vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng, phong trào cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Năng lực đạt được: - Phân tích và tổng hợp những kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam cận đại (từ 1858 đến 1945)

- Nâng cao khả năng lập luận; khả năng tự nghiên cứu, thao tác tư duy độc lập, sáng tạo trong việc học tập, nghiên cứu Lịch sử

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm vững diễn biến, tiến trình lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1945

- Hiểu được nguyên nhân cũng như mối liên hệ, sự tác động qua lại giữa các sự kiện, hiện tượng và quá trình lịch sử trong giai đoạn 1858 - 1945

- Nhận nhận, đánh giá khách quan về bản chất, đặc điểm của sự kiện, hiện tượng lịch sử; vai trò, vị trí lịch sử của các cá nhân, tổ chức, đảng phái... trong giai đoạn 1858 - 1945

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Giúp sinh viên hình thành kỹ năng nhận biết, đánh giá sự kiện, hiện tượng lịch sử

- Biết vận dụng, liên hệ những bài học lịch sử từ quá khứ vào hiện tại

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Biết trân trọng những sự kiện, nhân vật góp phần làm nên lịch sử của dân tộc.

- Thấy được các bài học lịch sử, bài học kinh nghiệm để vận dụng vào công cuộc đổi mới đất nước hiện nay

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: CUỘC XÂM LƯỢC VŨ TRANG CỦA THỰC DÂN PHÁP VÀ PHONG TRÀO KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC Ở VIỆT NAM NỬA CUỐI THẾ KỶ XIX (9, 12)

I. Việt Nam trước âm mưu xâm lược của thực dân Pháp

1. Âm mưu xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp
2. Tình hình Việt Nam trước âm mưu xâm lược của thực dân Pháp

II. Quá trình xâm lược của thực dân Pháp, phong trào chống thực dân Pháp xâm lược và bình định ở Việt Nam

1. Quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp
2. Phong trào chống Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam
3. Phong trào vũ trang chống Pháp bình định cuối thế kỷ XIX

Chương 2: VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN HẾT CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (9, 12)

I. Việt Nam trong thời kỳ Pháp thực hiện khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 – 1914)

1. Tình hình thế giới những năm đầu thế kỷ XX
2. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất và những biến đổi về kinh tế, xã hội Việt Nam (1897 – 1914)

3. Sự du nhập tư tưởng dân chủ tư sản vào Việt Nam

II. Xu hướng phát triển của phong trào dân tộc đầu thế kỷ XX (1900 – 1914)

1. Xu hướng bạo động với Phan Bội Châu
2. Xu hướng cải cách với Phan Châu Trinh
3. Đông Kinh Nghĩa Thục và những cuộc đấu tranh tự phát của các lực lượng yêu nước

III. Việt Nam trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918)

1. Chính sách kinh tế thời chiến của thực dân Pháp ở Việt Nam
2. Phong trào giải phóng dân tộc chống Pháp trong những năm chiến tranh

Chương 3: PHONG TRÀO DÂN TỘC Ở VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (9, 12)

I. Tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất

1. Bối cảnh thế giới sau chiến tranh thế giới thứ nhất
2. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp (1919 – 1929)
3. Những biến đổi về cơ cấu giai cấp, xã hội Việt Nam

II. Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước và chuẩn bị cho sự ra đời Đảng cộng sản Việt Nam

1. Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước
2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam

III. Phong trào dân tộc ở Việt Nam từ 1919 đến 1929

1. Khuynh hướng tư sản
2. Khuynh hướng vô sản
3. Việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam

Chương 4: CUỘC VẬN ĐỘNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC THEO CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG VÔ SẢN Ở VIỆT NAM (1930 – 1945) (9, 12)

I. Phong trào cách mạng Việt Nam những năm 1930 - 1935

1. Tình hình thế giới, trong nước
2. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 và Xô viết Nghệ Tĩnh
3. Cuộc đấu tranh phục hồi lực lượng cách mạng (1932 – 1935)

II. Phong trào cách mạng Việt Nam những năm 1936 - 1939

1. Tình hình thế giới, trong nước
2. Phong trào dân chủ 1936 - 1939

III. Cuộc vận động cách mạng tháng 8

1. Những điều kiện lịch sử mới
2. Sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng cộng sản Việt Nam
3. Cao trào kháng Nhật cứu nước
4. Tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945
5. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, bài học kinh nghiệm cách mạng tháng 8 năm 1945

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Đinh Xuân Lâm (chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999.
2. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, , Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2001.

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Trần Bá Đệ, *Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến nay*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2001.

2. Đỗ Thanh Bình (chủ biên), *Con đường cứu nước trong đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2002.

3. Đinh Trần Dương, *Sự chuyển biến của phong trào yêu nước và giải phóng dân tộc Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2008.

4. Vũ Minh Giang, *Lịch sử Việt Nam truyền thống và hiện đại*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009

5. Nguyễn Văn Khánh, *Cơ cấu kinh tế xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858 – 1945)*, Nxb Đại học Quốc gia, HN, 1999

6. Nguyễn Văn Khánh, *Thời kỳ tìm tòi và định hướng*, Nxb Đại học Quốc gia, HN, 2007.

9.28. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

- Mã môn học: 124041

- Số tín chỉ: 04 (36, 48)

- Bộ môn phụ trách: Lịch sử

- Học phần tiên quyết: Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1945

1. Mô tả học phần

- Học phần này cung cấp cho Sv những kiến thức toàn diện, cơ bản, hệ thống về lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay. Các vấn đề chủ yếu trong các học phần này là: Một năm sau Cách mạng tháng Tám. Cuộc kháng chiến chống Pháp 1945 – 1954; hai miền Nam Bắc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng XHCN ở miền Bắc 1954 – 1975 và cả nước độc lập, thống nhất, đi lên CNXH từ 1975. Công cuộc đổi mới đất nước từ 1986 đến nay.

- Học phần cũng trang bị cho người học các kiến thức thực tế qua tham quan, học tập tại các di tích lịch sử - văn hoá, các địa danh lịch sử, các nhà bảo tàng tiêu biểu ở các tỉnh trong nước.

- Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và là một trong số học phần kiến thức ngành. Học phần được học kế tiếp sau khi SV hoàn thành học phần Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1945 và trước khi Kiến tập và Thực tập sư phạm.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Nhận thức được những khái niệm cơ bản của Lịch sử Việt Nam hiện đại từ 1945 đến nay.

- Tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam qua các giai đoạn từ: 1945-1954; 1954-1975 và từ năm 1975 đến nay.

2.1. Mục tiêu về kỹ năng

- Rèn luyện được các kỹ năng phân tích và phân biệt được các giai đoạn lịch sử

- Vận dụng quan điểm giai cấp để đánh giá khách quan các sự kiện lịch sử trong tiến trình lịch sử VN hiện đại

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Hình thành niềm say mê học tập, nghiên cứu môn học.

- Hình thành ý thức chủ động, tích cực trong việc tự học tập của bản thân.

- Hình thành động cơ đúng đắn trong học tập, trong cuộc sống.

3. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN MỘT: VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC VÀ XÂY DỰNG NỀN DÂN CHỦ CỘNG HÒA (1945-1954)

(12; 10)

Chương 1. Xây dựng và bảo vệ chế độ dân chủ cộng hoà (1945-1946)

1.1. Đặc điểm tình hình và nhiệm vụ mới của dân tộc Việt Nam khi chế độ dân chủ cộng hòa được thành lập

1.2. Mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng nền dân chủ cộng hòa

1.3. Đấu tranh chống lại âm mưu bành trướng và xâm lược của các thế lực đế quốc thực dân

Chương 2. Sự bùng nổ và tiến triển của cuộc kháng chiến trong toàn quốc (1946-1950)

2.1. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ

2.2. Xây dựng nền dân chủ cộng hòa

2.3. Chiến đấu trên mặt trận quân sự

Chương 3. Cuộc kháng chiến phát triển mạnh mẽ và kết thúc thắng lợi (1951-1954)

3.1. Đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ kéo dài chiến tranh xâm lược Đông Dương

3.2. Sự lớn mạnh của nền dân chủ cộng hòa

3.3. Đấu tranh quân sự và ngoại giao (1951-1954)

PHẦN HAI: VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ XÂY DỰNG MIỀN BẮC VÀ ĐẤU TRANH

THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC(1954 -1975)

(12; 12)

Chương 4. Xây dựng miền Bắc và đấu tranh cách mạng chống Mỹ - Diệm ở Miền Nam (1954 -1960)

4.1. Miền Bắc khôi phục kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa (1954-1960)

4.2. Đấu tranh chống Mỹ - Diệm ở miền Nam (1954-1960)

Chương 5. Đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chiến đấu chống “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam (1961-1965)

5.1. Đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc(1961-1965)

5.2. Chiến đấu chống “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ (1961-1965)

Chương 6 Chiến đấu chống “Chiến tranh cục bộ” và chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ, tiếp tục xây dựng CNXH ở miền Bắc(1965-1968)

6.1. Chiến đấu chống “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965-1968)

6.2. Miền Bắc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ, tiếp tục xây dựng CNXH, làm nghĩa vụ hậu phương (1965-1968)

Chương 7. Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh và chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ, khôi phục và phát triển kinh tế ở miền Bắc (1969-1973)

7.1. Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh và “Đông Dương hóa” chiến tranh của Mỹ (1969-1973)

7.2. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho miền Nam, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ (1969-1973)

7.3. Đấu tranh trên mặt trận ngoại giao, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam

Chương 8. Khôi phục phát triển kinh tế miền Bắc, cả nước dồn sức giải phóng hoàn miền Nam (1973-1975)

8.1. Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, ra sức chi viện cho miền Nam.

8.2. Đấu tranh chống địch “bình định lấn chiếm”, tạo thế và lực tiến tới giải phóng miền Nam

8.3.. Giải phóng hoàn toàn miền Nam, giành toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc

8.4. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

PHẦN BA: VIỆT NAM XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA từ 1975 đến 2016 (12; 12)

Chương 9. Việt Nam xây dựng lại đất nước (1975 -1986)

9.1. Việt Nam năm đầu sau đại thắng mùa xuân (1975 - 1976)

9.2. Đất nước bước đầu đi lên chủ nghĩa xã hội (1976 - 1986)

9.3. Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1975- 1979)

Chương 10. Đất nước trên con đường đổi mới (1986 - 2011)

10.1. Lịch sử do Đổi mới, quan điểm và chủ trương đổi mới...

10.2. Giai đoạn cụ thể

10.2.1 Giai đoạn 1986-1990

10.2.2 Giai đoạn 1991-1995

10.2.3. Giai đoạn 1996-2000

10.2.4 Giai đoạn 2001-2005

10.2.5. Giai đoạn 2006- 2010

10.2.6. Giai đoạn từ 2011

Chương 11. Tổng kết - Nhìn lại lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay

11.1 Nội dung, đặc điểm chủ yếu

11.2. Ý nghĩa lịch sử; Nhân tố thắng lợi; Bài học kinh nghiệm; Thời cơ và thách thức của dân tộc ta hiện nay.

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

9.1. Giáo trình chính:

1. Lê Mậu Hãn (Chủ biên) (1998), Trần Bá Đệ, Nguyễn Văn Thư, *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, Tập III, Nxb Giáo dục.

2. Nguyễn Quang Ngọc (Cb) (2001), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB GD, HN.

9.2. Tài liệu tham khảo :

1. Bộ quốc phòng- Viện LSQSVN (1994), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống Pháp 1945-1954*, (2 tập), Nxb QĐND, HN.

2. Bộ quốc phòng- Viện LSQSVN (1994), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975*, (4 tập), Nxb CTQG, HN.

3. Trần Bá Đệ (2001), *Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến nay*, NXB ĐHQGHN, HN.

4. Phạm Huy Dương, Phạm Bá Toàn (đồng chủ biên) (2005), *Ba mươi năm chiến tranh giải phóng những trận đánh đi vào lịch sử*, Nxb công an nhân dân, HN.

5. PGS.TS Vũ Như Khôi (2005), *75 năm Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb công an nhân dân, HN.

9.29. THỰC TẾ CHUYÊN MÔN 1

- Mã học phần:

- Số tín chỉ: 2 (14, 28)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến TK X và Lịch sử Việt Nam từ TK X đến năm 1858.

1. Mô tả học phần

Thực tế tại các tỉnh phía Bắc học tập tại các DTLS –VH, các địa danh lịch sử, các nhà bảo tàng tiêu biểu.

Học phần sẽ giúp sinh viên được học tập các giai đoạn lịch sử Việt Nam tại các thực địa là những địa danh đã xảy ra các thời kì, các biến cố lịch sử quan trọng như Ninh Bình, Cao Bằng, Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Nội....

Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích, giải thích được các kiến thức Lịch sử từ thực tiễn, giúp tổ chức tốt các hoạt động dạy học ngoài lớp và tham quan khi dạy học lịch sử; viết hoàn thành báo cáo thực địa. Qua đó, giúp cho sinh viên nhận thức sâu hơn về lịch sử Việt Nam qua các thời kì.

Thông qua chuyến đi, sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về chuyên ngành Lịch sử, các phương pháp nghiên cứu, sưu tầm và khai thác tư liệu lịch sử.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Học phần cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản nhất về đất nước, con người, các di sản văn hoá VN qua việc học tập tại thực địa ở một số địa danh văn hoá tiêu biểu (di tích lịch sử - văn hóa, danh thắng, các bảo tàng...) ở các tỉnh phía Bắc.

- Tích cực, ham mê học hỏi các thao tác nghiệp vụ từ kinh nghiệm của cán bộ hướng dẫn và cán bộ quản Lịch sử, cán bộ văn hóa tại những điểm đoàn tham quan, học tập thực tế

- Có thái độ đúng đắn đối với các di sản văn hóa của dân tộc và nhân loại

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Cách tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học

- Tìm kiếm, xử lý các nguồn tư liệu thực tế, kinh nghiệm điền dã cần thiết cho học tập nghiên cứu

- Phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp, khái quát và vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong học tập; có kỷ luật và tinh thần trách nhiệm thông qua các hoạt động tập thể.

- Có thái độ học tập nghiêm túc và tham gia tích cực các hoạt động trao đổi, thảo luận, thực hành trên lớp.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung 1: Công tác tổ chức (phân nhóm, đoàn,...), chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho đợt thực địa (3, 3)

1.1. Công tác tổ chức chung

- Công bố quyết định thành lập đoàn thực tế.

- Công bố lịch trình, nội dung và thời gian tiến hành thực địa.

- Phổ biến quy chế, nội quy thực địa.

1.2. Làm công tác tổ chức chuẩn bị cho thực địa.

- Phối hợp với Giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập, Ban cán sự lớp thăm dò, tìm hiểu thực trạng sức khoẻ của sinh viên.

- Phân chia nhóm, đoàn chuẩn bị cho đi thực địa.

1.3. Chuẩn bị phương tiện cho đợt thực địa.

- Trưởng đoàn cùng các CBGD tham gia quản Lịch sử, hướng dẫn phối hợp với Ban cán sự lớp liên hệ với các doanh nghiệp vận tải (tập thể hoặc tư nhân) hoặc nhà trường để tìm hiểu chất lượng, giá cả trên cơ sở đó lựa chọn, ký hợp đồng thuê xe. (Nên lập danh bạ điện thoại của các doanh nghiệp, tư nhân).

- Lập danh bạ điện thoại các nhà nghỉ, khách sạn ở các địa phương mà đoàn dự định nghỉ lại, liên hệ trước để nắm được giá cả, đăng ký chỗ nghỉ cho đoàn.

1.4. Dự kiến các chi phí:

- Cho mỗi cá nhân (ăn, uống, ngủ, nghỉ,...)

- Toàn đoàn (thuê xe, lệ phí vào cửa và các phí dịch vụ khác,...).

- Các chi phí phát sinh của cá nhân (chụp ảnh, mua sắm, ...) tự lo.

1.5. Các vấn đề cần chú ý khi đi thực địa (nếu có - ví dụ: tình hình dịch bệnh,... trong khu vực thực địa; lưu trú trong các khách sạn, nhà nghỉ,...).

Nội dung 2: Tập huấn các nội dung cần thiết phục vụ cho đợt thực địa (3,3)

2.1. Giới thiệu và nêu các nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các đồ dùng học tập như giấy, bút, phương tiện ghi âm, chụp ảnh... của cá nhân và các chi phí khác cần thiết cho đợt thực địa.

- Tìm hiểu, làm quen và biết cách khai thác, sử dụng các dụng cụ, phương tiện trên thực địa.

- Tham gia đầy đủ các tuyến thực địa.

- Nghe báo cáo, ghi chép các tư liệu,... tại các điểm thực địa; có sự tập hợp, thống nhất nội dung và tư liệu đã được chỉnh Lịch sử trong ngày.

- Dựa vào cơ sở các tư liệu đã thu thập được trên thực địa để viết báo cáo thu hoạch đợt thực tế.

2.2. Giới thiệu các giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho đợt thực địa

2.3. Tập huấn các nội dung khác phục vụ cho đợt thực địa.

2.4- Hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch thực địa.

Nội dung 3: Phần hướng dẫn cho sinh viên các hoạt động thực tế (8,22)

Phạm vi học tập thực tế: Các điểm học tập thực tế tại các tỉnh phía Bắc (Từ Thanh Hoá đến Ninh Bình-Nam Định-Hải Phòng-Quảng Ninh-Lạng Sơn-Tuyên Quang-Phú Thọ-Vĩnh Phúc-Hà Nội) với các điểm chính như sau:

- Hà Nội: Học tập tại Quốc Tử Giám, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Bảo tàng Dân tộc học, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Chùa Một Cột, Chùa Quán Sứ, Chùa Hương, Khu di tích Hoàng Thành Thăng Long, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh...

- Tỉnh Phú Thọ: Học tập tại Đền Hùng, Bảo tàng Phú Thọ, Bảo tàng Hùng Vương...

- Tỉnh Tuyên Quang: Học tập tại đình Tân Trào, đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào, lán Nà Lừa, Bảo tàng Tân Trào, Khu tưởng niệm Hồ Chí Minh - Tân Trào...

- Tỉnh Lạng Sơn: Cửa khẩu Lạng Sơn, Đồng Đăng - Kỳ Lừa, chùa Tam Thanh, Nhị Thanh...

- Tỉnh Quảng Ninh: Học tập tại Trung tâm Phật giáo Yên Tử, Vịnh Hạ Long, Đảo Tuần Châu...

- TP. Hải Phòng: Học tập tại Khu di tích núi Voi - Xuân Sơn, Thắng cảnh Tràng Kênh, Đền Nghè, Chùa Dư Hàng Kênh, bảo tàng Hải phòng.

- Tỉnh Bắc Ninh: Học tập tại quần thể đình, chùa, tháp: Chùa Dâu, Đình Bảng, Chùa Bút Tháp, Đền Lịch sử Bát Đế (Đền Đô)...

- Tỉnh Nam Định: Học tập tại Đền Trần, Quê hương Nhà Trần - Thiên Trường Nam Định...

- Tỉnh Ninh Bình: Tam Cốc Bích Động, Chùa Bái Đính, Cố đô Hoa Lư, Nhà Thờ Đá Phát Diệm...

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học Lịch sử thuyết và thực địa.

- Thực hiện đầy đủ các hoạt động, công việc được giao (cho cá nhân hay nhóm) trên thực địa, đúng thời gian quy định.

-Bài thu hoạch được viết bằng tay (hoặc đánh máy), sạch sẽ, rõ ràng. Nội dung bản thu hoạch bám sát hướng dẫn, thể hiện được các việc làm trên thực địa.

-Sinh viên được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu ở trên hay các website để hoàn chỉnh bài thu hoạch.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Máy ảnh, máy ghi âm, ghi hình, sổ ghi chép

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Thực tập giữa khóa được coi một học phần với thời lượng là 2 tín chỉ

- Điểm được chấm có sự thống nhất giữa cán bộ hướng dẫn và giáo viên bộ môn để đánh giá cả thái độ, tinh thần chuẩn bị trước, trong và sau chuyên đi cũng như chất lượng báo cáo. Cụ thể, tiêu chí đánh giá như sau:

+ Chuẩn bị thực tế: 20 %

+ Tinh thần, thái độ và phương pháp tác nghiệp trên thực tế: 50%

+ Báo cáo thực tế: 30%

- Điểm báo cáo thu hoạch thực tập: do giảng viên hướng dẫn chấm

- Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

1. Đại cương lịch sử Việt Nam: Toàn tập: Từ thời nguyên thủy đến năm 2000 / B.s., ch.b.: Trương Hữu Quỳnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn... - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục, 2009.

2. Một số hình ảnh di tích lịch sử Việt Nam. - H. : Giáo dục ; Công ty Mỹ thuật & Truyền thông, 2011.

3. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại / Huỳnh Công Bá. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2011.

4. Tìm hiểu một số chiếu chỉ các đời vua Việt Nam / Lê Thái Dũng. - H. : Quân đội nhân dân, 2011.

5. Những sự kiện lịch sử Việt Nam (từ 1945 - 2010) : Tháng 11 / B.s.: Minh An, Bình An. - H. : Thanh niên, 2010.

9.30. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỔ ĐẠI/ HISTORY OF THE ANCIENT WORLD

- Course code:

- Credit N^o: 03 (27, 36)

- Department in charge: Department of History, Faculty of Social Sciences, Hong Duc University

- Prerequisite: Basic Principles of Marxism-Leninism in History, Archeology

1. Module description

The module contains basic knowledge of ancient society and ancient countries such as Egypt, Mesopotamia, India, China, Greece, Rome,.... Thenceforth, students are

able to clarify the development of human society; analyze the economic, political and social characteristics; identify the contributions of ancient nations in the mankind history.

Achieved capacity:

Students have capacity of searching for historical materials, replicating and presenting historical events; analyzing and evaluating events, phenomena from a historical perspective; applying lessons from history to solve existing problems.

2. Module's objectives

2.1. Objectives of knowledge:

- Students are able to identify basic milestones in the history of human society, especially those in the primitive and ancient time.
- Students understand (present/analyze/evaluate) basic characteristics of each stage in the primitive and ancient society in eastern and western countries.
- Students gain lessons about historian concepts and rules relating to the subject.
- Students can apply lessons and knowledge that they have learned from the module for following modules or to solve problems in their present life.

2.2. Objectives of skill:

This module help student to establish and practice basic skills, such as collecting and processing historical materials, presenting historical issues, simulating historical events, using visual tools, evaluating and assessing,.... In addition, the module supports students to develop some soft skills such as teamwork, communication, dealing with certain situations, IT skill,....

2.3. Objectives of attitude

- After studying this module, students have a scientific and humanistic worldview, respect and preserve heritages of mankind.
- Students will grasp the role of labor and public in history.

2.4. Objectives of self-control and responsibility capacity

Students are able to independently study, self-control in research; use visual aids in teaching History; evaluate historical events, phenomena, and apply knowledge that they learned to solve historical problems

3. Module's main content

Chapter 1. The Primitive Society (3, 3)

- 1.1. Common issues
- 1.2. Evidence of human origin
- 1.3. Stages of development
- 1.4. The formation of class society and state

Chapter 2. Ancient Egypt (3, 4)

- 2.1. The foundation of ancient Egyptian states
- 2.2. Stages of development
- 2.3. Socio-economic characteristics
- 2.4. Cultural achievements

Chapter 3. Ancient Mesopotamia (2, 4)

- 2.1. The foundation of states in Mesopotamia

- 2.2. Stages of development
- 2.3. Socio-economic characteristics
- 2.4. Cultural achievement

Chapter 4. Ancient China (2, 4)

- 2.1. The foundation of states in China
- 2.2. Stages of development
- 2.3. Socio-economic characteristics
- 2.4. Cultural achievements

Chapter 5. Ancient India (2, 5)

- 2.1. The foundation of ancient Indian state
- 2.2. Stages of development
- 2.3. Socio-economic characteristics
- 2.4. Cultural achievements

Chapter 6. Ancient Greece and Romans (6, 10)

- 2.1. The foundation of the ancient Greek and Roman states
- 2.2. Stages of development
- 2.3. Socio-economic characteristics
- 2.4. Cultural achievements

4. Subject requirements

Students are required to attend at least 80% of classes, including lecture, discussion, and practice (with lecturer's instructions), complete the essay, take both midterm and final examination.

5. Teaching Method: Lecture, group discussion, practice

The main teaching method is to let student learn through activities of group work, discussion. In addition, students must initiatively complete their tasks and assignment with the advice, orientation and instruction of lecturers.

6. Consulting Plan

In the process of teaching, lecturer is responsible for instructing students to find and read relevant reference materials, and at the end of the module, he/she must arrange time to answer students' questions and queries.

7. Equipment

The classroom is large enough for discussion groups, it is fully equipped with board, projector, computer for practice and presentation; study materials are adequately provided at the library.

8. Method of Assessment

- Regular valuation and inspection: make up 30%.
- Mid-term examination and evaluation: make up 20%
- Final examination and evaluation: make up 50%.

Marking scale: 10

9. Study Materials

9.1. Essential books

1. Nguyen Gia Phu, Nguyen Van Anh ..., *History of the Ancient World*, Education Publishing House, 2000
2. Luong Ninh, Dinh Ngoc Bao, Dang Quang Minh, *History of the Ancient World*, Education Publishing House, 2006

9.2. Reference books

1. Almanach, *World Civilizations*, Culture and Information Publishing House, 1999
2. Luu Minh Han (Chief author), *History of the Medieval World*, Volume 1-2, Ho Chi Minh City Publishing House, 2002.
3. Thoi Lien Trong (Chief author), *History of the Ancient World*, Volume 1-2, Ho Chi Minh City Publishing House, 2002

9. 31. LỊCH SỬ THẾ GIỚI TRUNG ĐẠI

- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 3 (27, 36)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử thế giới cổ đại

1. Mô tả học phần

Bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử thế giới thời trung đại bao gồm: Tây Âu thời sơ kỳ trung đại, Tây Âu thời trung kỳ trung đại, Tây Âu thời mạt kỳ trung đại. Trung Quốc trung đại, Ấn Độ trung đại, Nhật Bản trung đại. Trong mỗi nước, mỗi khu vực, mỗi thời kỳ lịch sử đều được giới thiệu những vấn đề bao gồm: những diễn biến của tiến trình lịch sử, tôn giáo chính trị, kinh tế và xã hội. Ngoài ra, tùy theo đặc điểm lịch sử riêng biệt của từng nước, từng khu vực, từng thời kỳ, môn học cũng sẽ giới thiệu những vấn đề lịch sử điển hình của nước đó hay khu vực đó

Năng lực đạt được: Phân tích và tổng hợp những kiến thức cơ bản về lịch sử thế giới thời trung đại và nâng cao khả năng lập luận; khả năng tự nghiên cứu, thao tác tư duy độc lập, sáng tạo trong việc học tập, nghiên cứu Lịch sử.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- + Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về quá trình phát triển của xã hội loài người trong thời trung đại.
- + Người học hiểu được những quy luật phát triển của xã hội loài người và biểu hiện cụ thể của những quy luật đó trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa.

+ Người học nắm bắt được những phương pháp nghiên cứu lịch sử thế giới.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

+ Hình thành ở người học kỹ năng thuyết trình và nghiên cứu độc lập một vấn đề của lịch sử thế giới.

+ Người học có thể vận dụng những kiến thức về lịch sử thế giới vào lĩnh vực chuyên môn của mình.

+ Phân tích, khái quát, vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

+ Có khả năng nhận thức sâu sắc về bản chất, ưu, nhược điểm của các chế độ xã hội đã xuất hiện trong các thời kì lịch sử.

+ Có thái độ học tập nghiêm túc và tham gia tích cực các hoạt động trao đổi, thảo luận, thực hành trên lớp.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương I: Châu Âu phong kiến (8, 9)

I. Tây Âu thời sơ kì trung đại (V-XI)

1. Sự thành lập các quốc gia mới ở Tây Âu.

2. Quá trình phong kiến hoá ở vương quốc Frăng

II: Sự phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu thời trung kì trung đại (XII-XV)

1. Lãnh địa phong kiến

2. Thành thị trung đại

3. Giáo hội Kitô và phong trào Thập tự chinh

III: Sự khủng hoảng của chế độ PK Tây Âu thời hậu kì trung đại (XVI-XVII)

1. Các cuộc phát kiến địa lí lớn và sự hình thành chủ nghĩa thực dân (CNTD)

2. Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản (CNTB) ở Tây Âu

3. Tác động của phong trào sản xuất tư bản chủ nghĩa đối với chế độ phong kiến

4. Phong trào văn hoá Phục hưng

5. Phong trào cải cách tôn giáo

6. Chiến tranh nông dân ở Đức

7. Chế độ phong kiến chuyển từ trạng thái phân quyền sang tập quyền ở Pháp

Chương II: Cách mạng Nêđéc-lan (2, 4)

I. Tình hình Nêđéc-lan trước cách mạng

1. Vài nét về lịch sử

2. Tình hình kinh tế-xã hội

3. Chính sách thống trị của Tây Ban Nha

II. Diễn biến cách mạng

1. Cách mạng bùng nổ

2. Phong trào khởi nghĩa giành chính quyền ở các thành phố

3. Thắng lợi ở miền bắc và sự thành lập Cộng hoà Hà Lan

III. Tính chất, ý nghĩa và hạn chế

1. Tính chất

2. Ý nghĩa

3. Hạn chế

Chương III : Trung Quốc thời phong kiến (6,7)

I. Tình hình chính trị

1. Triều Tần (221-206 Tr.CN)

2. Triều Hán

3. Thời kỳ tam quốc: Ngụy, Thục, Ngô (220-280)

4. Triều Tấn (265-420)

5. Thời kỳ Nam Bắc Triều (420-589)

6. Triều Tùy (581-618)

7. Triều Đường

8. Thời kỳ ngũ đại (907-960)

9. Triều Tống (960- 1279)

10. Triều Nguyên (1271- 1368)

11. Triều Minh (1368- 1644)

12. Triều Thanh

II : Tình hình kinh tế, xã hội Trung Quốc thời phong kiến

I- Các ngành kinh tế

II - Chế độ ruộng đất

1. Ruộng đất của nhà nước

2. Ruộng đất của tư nhân

3. Quan hệ giai cấp

III : Văn hoá Trung Hoa thời phong kiến

1. Sự phát triển Nho học

2. Đạo Giáo

3. Đạo Phật

Chương IV : Ả Rập thời phong kiến (2,4)

I- Sự hình thành nhà nước Ả Rập

1. Tình hình bán đảo Ả Rập trước khi thành lập nhà nước

2. Quá trình thành lập nước Ả Rập

3. Đạo Hồi

II- Sự hình thành và tan rã của đế quốc Ả Rập

1. Sự hình thành của đế quốc Ả Rập

2. Sự tan rã của đế quốc Ả Rập

3. Vài nét về sự phát triển kinh tế và chế độ ruộng đất

4. Sự truyền bá của đạo Hồi

III- Văn hoá Ả Rập

Chương V. Ấn Độ phong kiến (5,6)

I- Sự hình thành và bước đầu củng cố chế độ phong kiến (thế kỷ IV-VII)

1. Từ triều đại Gupta (320- 500) đến triều đại Hác-sa (606- 648)

2. Kinh tế Ấn Độ từ thế kỷ IV- VII

3. Sự hình thành quan hệ phong kiến

II- Thời kỳ Ấn Độ bị chia cắt và bị ngoại tộc xâm nhập (giữa TK VII đến TK XII)

1. Các quốc gia phong kiến Ấn Độ từ thế kỷ VII - XII
2. Tình hình kinh tế xã hội Ấn Độ từ thế kỷ VII-XII
3. Sự suy sụp của đạo Phật và sự hình thành Ấn Độ giáo

III-Ấn Độ từ thế kỷ VIII đến đầu thế kỷ XVI

1. Nước Xuntan Đêli và sự thống trị của vương triều Hồi giáo (1206- 1526)
2. Kinh tế xã hội của nước Xuntan Đêli
3. Các quốc gia ở miền Nam Ấn Độ

IV - Ấn Độ từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XII

1. Quốc gia Đại Môngôn ở Ấn Độ
2. Kinh tế, xã hội của Ấn Độ trong các thế kỷ XVI-XVII
3. Sự xâm nhập của thực dân phương Tây

V- Văn hoá Ấn Độ thời kỳ phong kiến

Chương VI : Nhật Bản, Triều Tiên, Đông Nam Á thời phong kiến (4,6)

I : Nhật Bản thời kỳ phong kiến

1. Nhật Bản trước khi nhà nước hình thành.
2. Những nhà nước cổ đại ở Nhật Bản.
3. Cuộc cải cách Taica và sự thiết lập chế độ phong kiến.
4. Sự phát triển của chế độ phong kiến Nhật Bản trong các thế kỷ VIII-XII.
5. Thời kỳ Mạc Phủ (1192-1867)

II. Triều tiên

1. Triều Tiên trước khi hình thành chế độ phong kiến
2. Triều Tiên dưới chế độ phong kiến

III : Đông Nam Á thời trung đại

1. Thời kỳ hình thành các vương quốc cổ ở Đông Nam Á
2. Giai đoạn xác lập và phát triển các vương quốc dân tộc (thế kỷ X-XV)
3. Sự suy thoái của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á (thế kỷ XVI-XIX)

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

9.1. Giáo trình chính

1. Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Văn Ánh, Đỗ Đình Hằng, Trần Văn La, Lịch sử thế giới trung đại, NXB giáo dục, 2000.

2. Lê Minh Hàn (chủ biên), Lịch sử thế giới thời trung cổ, Tập 2, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2002.

9.2. Sách tham khảo

1. Vũ Dương Ninh (CB) Lịch sử văn minh thế giới, NXB GD, HN, 1998.

2. Nguyễn Quốc Hùng, Đỗ Đình Hằng, Đinh Trung Kiên: Những nền văn minh rực rỡ cổ xưa, Tập I, II, III, NXB QĐND, HN, 1993, 1996.

3. Đàm Gia Kiên: Lịch sử văn hóa Trung Quốc, NXB KHXH, HN, 1993.

4. Phan Ngọc Liên (chủ biên), Lược sử Đông Nam Á, NXB giáo dục, 1998.

5. Lê Giảng, Các triều đại Trung Hoa, NXB Thanh niên, 2002.

6. Almanach những nền văn minh thế giới, NXB Văn hóa thông tin, 1999.

9.32. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI/ HISTORY OF THE MODERN WORLD

- Course code: 124170

- Credit N^o: 4 (36, 48)

- Department in charge: Department of History, Faculty of Social Sciences, Hong Duc University

- Prerequisite: History of the Ancient and Medieval World

1. Module description

The module contains basic knowledge of the modern world history: the birth and development of capitalism; the development of the workers' movement; the conflict between capitalist countries leading to the First World War; the formation of colonialism and the early struggles against colonialism in Latin America.

Achieved capacity:

Students are able to analyze and synthesize basic knowledge of the modern world history and enhance the ability to reason; they have ability of self-study, independent thinking, creativity in learning and researching history.

2. Module's objectives

2.1. Objectives of knowledge:

+ This module provides students with the most basic knowledge of bourgeois revolutions in the modern era; the development of capitalism and the transition to imperialism; the essential features of Asian, African and modern Latin American countries such as the process of penetration, invasion and domination of European, American, Japanese colonists..., the national liberation movements of these countries.

+ The module helps students understand the basic concepts of "bourgeois revolution"; "Asia, Africa, Latin America"; "Middle East"; "colonial country"; "Semi-colonial, semi-feudal country"; "dependent territory"; "struggle against invasion"; "national liberation movement"; "Monroe Doctrine"...

2.2. Objectives of skill:

+ From above objectives, students can expand their knowledge by self-study, comprehend specialized subjects of the world history, and relate them with the history of modern Vietnam.

+ The module helps students to study and give lessons about the modern world history at high school.

2.3. Objectives of attitude

- Students will appreciate characters and heroes who contribute to the nation's history.

- Students will perceive lessons that learned from the past to apply to country's current reformation.

3. Module's main content

Part I. The Modern History of Western Countries (20, 26)

1. Some issues of the modern world history

1.1. Historical divergence

1.2. Main contents

2. Modern bourgeois revolutions

2.1. Some issues of bourgeois revolution

2.2. Bourgeois revolutions in the early modern period

2.2.1. Netherland bourgeois revolution

2.2.2. Bourgeois revolution in England in the middle of the 17th century

2.2.3. Industrial revolution in England in the 18th century

2.2.4. The liberation movements of the British Colonies in North America and the establishment of the United States

2.2.5. Bourgeois revolution in France in the late 18th century

2.3. Europe from 1815 to 1848

2.3.1. Vienna Conference in 1815

2.3.2. Bourgeois revolution in 1830

2.3.3. Bourgeois revolution from 1848 to 1849

2.4. Bourgeois revolutionary movements in Europe and America in the middle of the 19th century

2.4.1. The unification of Germany

2.4.2. The unification of Italy

2.4.3. The reform of serfs in Russia

2.5. American Civil War (1861-1865)

3. The movement of workers and socialism from the middle of the 19th century to the early 20th century

3.1. Workers' movement in the first half of the 19th century

3.2. The birth of scientific socialism

3.3. Workers' movement in the late 19th and early 20th centuries

4. European and American countries in the late 19th century and early 20th century

4.1. The development of capitalism from free competition to monopoly stage

4.2. Leading capitalist countries from 1870 to 1914

4.2.1. England

4.2.2. France

4.2.3. Germany

4.2.4. America

4.2.5. Russia

5. World War I (1914-1918)

5.1. International relations in the late 19th century and early 20th century

5.2. The root and nature of the war

5.3. The developments

5.4. The consequences

Part II. The Modern History of Eastern Countries (16, 18)

6. The Meiji Restoration in Japan

6.1. Japan before the Meiji Restoration

6.2. The Meiji Restoration

6.3. Results and implications of the Meiji Restoration

7. Modern China

7.1. Invasion of western countries in China

7.2. The Taiping Rebellion

7.3. The Weixin movement

7.4. The Yihetuan Yundong movement

7.5. The Xinhai Revolution

8. India and Southwest Asia in the modern time

8.1. India

8.2. Southwest Asia

9. South-East Asia in the modern time

9.1. Southeast Asia from the 16th century to the 19th century

9.2. The process of invading and ruling the Southeast Asian countries of western colonialism

9.3. The struggle for national liberation of Southeast Asian countries from the 16th century to 1945

10. African and Latin America countries in the modern time

10.1. Africa in the modern time

10.2. Latin America in the modern time

4. Subject requirements

Students are required to attend at least 80% of classes, including lecture, discussion, and practice (with lecturer's instructions), complete the essay, take both midterm and final examination.

5. Teaching Method: Lecture, group discussion, practice

6. Consulting Plan

In the process of teaching, lecturer is responsible for instructing students to find and read relevant reference materials, and at the end of the module, he/she must arrange time to answer students' questions and queries.

7. Equipment

The classroom is large enough for discussion groups, it is fully equipped with board, projector, computer for practice and presentation; study materials are adequately provided at the library.

8. Method of Assessment

- Regular valuation and inspection: make up 30%.
- Mid-term examination and evaluation: make up 20%
- Final examination and evaluation: make up 50%.

Marking scale: 10

9. Study Materials

9.1. Essential books

1. Vu Duong Ninh, Nguyen Van Hong, *History of the Modern World*, Education Publishing House, Hanoi 2009 (13th edition)
2. Pham Gia Hai, Pham Huu Lu, *History of the Modern World (1640 - 1918)*, 2 volumes, Education Publishing House, Hanoi, 1992.

9.2. Reference books

1. Luong Ninh (Chief author), *History of Southeast Asia*, Education Publishing House, Hanoi, 2005
2. Tran Van Tri, *French Revolution 1789*, Education Publishing House, Hanoi, 1992.
3. Le Minh Duc, Nguyen Nghi, *America History*, Culture and Information Publishing House, Hanoi, 1994.
4. Michel Beau, *History of Capitalism (1500-2000)*, The World Publisher, Hanoi, 2003.

9.33. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

- Mã học phần: 124550
- Số tín chỉ: 4 (36, 48)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử thế giới cận đại

1. Mô tả học phần

Bao gồm những kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về lịch sử thế giới từ CMXHCN tháng Mười Nga 1917 đến nay, bao gồm các vấn đề chủ yếu sau: Sự hình thành và phát triển của hệ thống XHCN, các nước tư bản chủ nghĩa từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất đến nay; phong trào công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc, những biến động của nhân loại trong thời kỳ hiện đại.

Năng lực đạt được: Phân tích và tổng hợp những kiến thức cơ bản về lịch sử thế giới hiện đại và nâng cao khả năng lập luận; khả năng tự nghiên cứu, thao tác tư duy độc lập, sáng tạo trong việc học tập, nghiên cứu các vấn đề Lịch sử thế giới

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về toàn bộ quá trình lịch sử thế giới giai đoạn từ năm 1917 đến nay.

Nắm vững sự lựa chọn con đường Xã hội Chủ nghĩa của Đảng và nhà nước ta. Vai trò và vị trí của cách mạng Việt Nam đối với cách mạng thế giới qua các thời kỳ lịch sử.

2.2. Mục tiêu về Kỹ năng:

- Sinh viên có khả năng thuyết trình về các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội cơ bản của giai đoạn lịch sử thế giới hiện đại

- Có tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết các nội dung/vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới hiện đại

- Có khả năng làm việc/thảo luận theo nhóm.

2.2. Mục tiêu về thái độ:

- Có thái độ khách quan, khoa học trong nhìn nhận các vấn đề quan hệ quốc tế, nâng cao nhận thức tư tưởng về nội dung thời đại, chống “diễn biến hoà bình”, giáo dục lòng yêu hoà bình

- Sinh viên biết vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và xây dựng nhân cách của mỗi người.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Cách mạng XHCN tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc XD CNXH ở Liên Xô (4,5)

I. Cách mạng XHCN tháng Mười Nga năm 1917

1. Nước Nga trước cách mạng

2. Cách mạng dân chủ tư sản tháng hai

3. Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng mười

4. Cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền Xô viết

5. ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga

II: Công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô (1921-1941)

1. Chính sách kinh tế mới và công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh

2. Công cuộc công nghiệp hoá XHCN

3. Công cuộc tập thể hoá nông nghiệp

4. Những thành tựu của CNXH (1933-1937)

Chương II: Hệ thống Vecxai-Oasinhton và việc phân chia lại thế giới giữa các nước đế quốc thắng trận sau chiến tranh thế giới thứ nhất và Các nước tư bản chủ yếu trong giai đoạn 1918-1939 (4,6)

1. Hội nghị hoà bình Vecxai

2. Hội nghị Oasinhton và những hiệp ước được kí kết

3. Các nước tư bản chủ yếu giai đoạn 1918-1929

4. Các nước tư bản chủ yếu giai đoạn 1929-1939

Chương III: Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa (1918-1945) (4,5)

1. Cao trào giải phóng dân tộc từ 1918-1945

2. Phong trào giải phóng dân tộc từ 1924-1929

3. Phong trào giải phóng dân tộc và phong trào mặt trận nhân dân chống phát xít trong những năm 1929-1939

4. Những phong trào cách mạng tiêu biểu

Chương IV: Quan hệ quốc tế dẫn đến chiến tranh và chiến tranh thế giới thứ hai (4,6)

I. Quan hệ quốc tế dẫn đến chiến tranh thế giới thứ hai

1: Sự sụp đổ của hệ thống Vecxai-Oasinhton và sự hình thành ba lò lửa chiến tranh

2. Sự hình thành hai khối đế quốc đối lập và những con đường dẫn tới chiến tranh

II. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945)

1. Giai đoạn thứ nhất: Đức đánh chiếm châu Âu (1-9-39/22-6-41)

2. Giai đoạn thứ hai: Đức tấn công Liên Xô, chiến tranh lan rộng ra toàn thế giới (22-6-41/19-11-42)

3. Giai đoạn thứ ba: Chiến thắng Xtalingrat và bước chuyển biến căn bản trong tiến trình chiến tranh thế giới thứ hai (19-11-42/24-12-1943)

4. Giai đoạn thứ tư: Những chiến thắng quyết định của phe đồng minh-Chủ nghĩa phát xít Hitle bị tiêu diệt

5. Giai đoạn thứ năm: Nhật đầu hàng, chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc (9-5-45/14-8-45)

Chương V: Liên Xô và các nước Đông Âu từ 1945 đến nay (4,5)

1. Liên Xô

2. Các nước Đông Âu

3. Quan hệ hợp tác giữa các nước XHCN

4. Nguyên nhân sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và Đông Âu

Chương VI: Các nước tư bản chủ yếu từ 1945 đến nay (4,5)

1. Các giai đoạn phát triển và đặc điểm của CNTB hiện đại

2. Nước Mỹ
3. Nhật Bản
4. Các nước TB Tây Âu

Chương VII: Các nước Á - Phi-Mỹ latin từ 1945 đến nay (6,7)

I. Các nước châu Á từ 1945 đến nay

1. Các nước Đông Bắc Á

- Trung Quốc
- Triều Tiên và Hàn Quốc

2. Các nước Đông Nam Á

- Khái quát chung
- Tình hình các nước Đông Nam Á sau khi giành độc lập đến nay
- ASEAN

3. Các nước Nam Á và Tây Á

- Ấn Độ
- Các nước Tây Á

II. Các nước châu Phi và Mỹ Latinh từ 1945 đến nay

1. Các nước châu Phi

1. Khái quát chung
 - Angiêri
 - Cộng hoà Nam Phi và Êtiôpia

2. Các nước Mỹ Latinh

- Khái quát chung
- Cu Ba
- Chilê và Nicaragoa

Chương VIII: Quan hệ quốc tế từ 1945 đến nay (4,6)

1. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh thế giới thứ hai

2. Những cuộc đấu tranh trong quan hệ quốc tế nhằm thực hiện những nguyên tắc đã cam kết về thanh toán chiến tranh và tổ chức hoà bình sau chiến tranh

3. Cuộc chiến tranh lạnh giữa hai cực Xô-Mỹ và hai khối Đông-Tây

4. Sự xuất hiện hai khối quân sự đối đầu và cuộc chạy đua vũ trang giữa hai khối

5. Quan hệ Xô-Mỹ trong thập niên 80

6. Quan hệ quốc tế từ 1991 đến nay

Chương IX: Cách mạng Khoa học kỹ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai (2,3)

I. Bối cảnh lịch sử

II. Nội dung đặc điểm

III. Ý nghĩa, tác động

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Anh Thái (chủ biên), Lịch sử thế giới hiện đại, NXB Giáo dục, H. 2001.
2. Từ Thiên Tân - Lương Chí Minh (chủ biên), Lịch sử thế giới thời đương đại (1945 - 2000), NXB Thành Phố Hồ Chí Minh, H. 2002.

9.2. Sách tham khảo:

1. Vũ Dương Ninh (chủ biên), Một số chuyên đề lịch sử thế giới, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, H. 2002.
2. Phan Huy Xu - Mai Phú Thanh, Các nước Tây Âu, NXB Giáo Dục, H.1995.
3. Phan Ngọc Liên (chủ biên) Lược sử Đông Nam Á, NXB Giáo dục, H.1998.
4. Paul Kennedy. Hưng thịnh và suy vong của các cường quốc, NXB Thông tin lí luận, H.1992.
5. Thomas J. McCormick, Nước Mỹ nửa thế kỉ chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ trong và sau Chiến tranh lạnh, NXB ST, H, 2004.
6. Phạm Giảng, Lịch sử quan hệ quốc tế (1945-1954), NXB Sử học, H.1962.
7. Vũ Dương Ninh (chủ biên), Lịch sử ấn Độ, NXB giáo dục, H, 1996.
8. Phan Ngọc Liên (Chủ biên), Đinh Ngọc Bảo, Đỗ Thanh Bình, Trần Thị Vinh, Lịch sử Nhật Bản, NXB Văn hoá thông tin, H, 1995.
9. Maridôn Tuarenơ, Sự đảo lộn của thế giới địa chính trị (địa chính trị thế kỉ XXI), NXB Chính trị Quốc gia, H, 1996.
10. Alvin Toffler. Làn sóng thứ ba, NXB thông tin lí luận, H, 1992.
11. Alvin Toffler. Thăng trầm quyền lực, NXB Thông tin Lịch sử luận, Ban Khoa giáo Xã hội, Thành uỷ TP Hồ Chí Minh, 1991.

9.34. THỰC TẾ CHUYÊN MÔN 2

- Mã học phần: 124058
- Số tín chỉ: 2 (14, 28)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay

1. Mô tả học phần

Thực tế chuyên môn 2 là đợt học tập thực tế giúp sinh viên học có điều kiện tiếp xúc với những kiến thức thực tế, những địa danh đã xảy ra các thời kì, các biến cố lịch sử quan trọng như: Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hòa, Lâm Đồng, TP Hồ Chí Minh.... những bài học lịch sử, văn hóa sinh động và giàu sức thuyết phục. Thông qua chuyến đi, sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

Năng lực đạt được: Người học có nhận thức sâu hơn về lịch sử Việt Nam qua các thời kì, đồng thời cung cấp cho sinh viên những kinh nghiệm, kĩ năng của việc bảo tồn và phát triển các khu di tích – danh thắng ở Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Học phần cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản nhất về đất nước, con người, các di sản văn hoá VN qua việc học tập tại thực địa ở một số địa danh văn hoá tiêu biểu (di tích lịch sử - văn hóa, danh thắng, các bảo tàng...) ở các tỉnh phía Nam.

- Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong học tập; có kỷ luật và tinh thần trách nhiệm thông qua các hoạt động tập thể

- Có thái độ trân trọng đối với các di sản văn hóa của dân tộc và nhân loại

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Cách tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học

- Tìm kiếm, xử lý các nguồn tư liệu thực tế, kinh nghiệm điền dã cần thiết cho học tập nghiên cứu

- Phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp, khái quát và vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong học tập; có kỷ luật và tinh thần trách nhiệm thông qua các hoạt động tập thể.

- Có thái độ học tập nghiêm túc và tham gia tích cực các hoạt động trao đổi, thảo luận, thực hành trên lớp.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Công tác tổ chức (phân nhóm, đoàn,...), chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho đợt thực tế

1.1. Công tác tổ chức chung

- Công bố quyết định thành lập đoàn thực tế.

- Công bố lịch trình, nội dung và thời gian tiến hành thực địa.

- Phổ biến quy chế, nội quy thực địa.

1.2. Làm công tác tổ chức chuẩn bị cho thực địa.

- Phối hợp với Giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập, Ban cán sự lớp thăm dò, tìm hiểu thực trạng sức khoẻ của sinh viên.

- Phân chia nhóm, đoàn chuẩn bị cho đi thực địa.

1.3. Chuẩn bị phương tiện cho đợt thực địa.

- Trưởng đoàn cùng các CBGD tham gia quản Lịch sử, hướng dẫn phối hợp với Ban cán sự lớp liên hệ với các doanh nghiệp vận tải (tập thể hoặc tư nhân) hoặc nhà trường để tìm hiểu chất lượng, giá cả trên cơ sở đó lựa chọn, ký hợp đồng thuê xe. (Nên lập danh bạ điện thoại của các doanh nghiệp, tư nhân).

- Lập danh bạ điện thoại các nhà nghỉ, khách sạn ở các địa phương mà đoàn dự định nghỉ lại, liên hệ trước để nắm được giá cả, đăng ký chỗ nghỉ cho đoàn.

1.4. Dự kiến các chi phí:

- Cho mỗi cá nhân (ăn, uống, ngủ, nghỉ,...)

- Toàn đoàn (thuê xe, lệ phí vào cửa và các phí dịch vụ khác,...).

- Các chi phí phát sinh của cá nhân (chụp ảnh, mua sắm, ...) tự lo.

1.6. Các vấn đề cần chú ý khi đi thực địa (nếu có - ví dụ: tình hình dịch bệnh,... trong khu vực thực địa; lưu trú trong các khách sạn, nhà nghỉ,...).

Nội dung 2: Tập huấn các nội dung cần thiết phục vụ cho đợt thực địa (3,3)

2.1. Giới thiệu và nêu các nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các đồ dùng học tập như giấy, bút, phương tiện ghi âm, chụp ảnh... của cá nhân và các chi phí khác cần thiết cho đợt thực địa.

- Tìm hiểu, làm quen và biết cách khai thác, sử dụng các dụng cụ, phương tiện trên thực địa.

- Tham gia đầy đủ các tuyến thực địa.

- Nghe báo cáo, ghi chép các tư liệu,... tại các điểm thực địa; có sự tập hợp, thống nhất nội dung và tư liệu đã được chỉnh Lịch sử trong ngày.

- Dựa vào cơ sở các tư liệu đã thu thập được trên thực địa để viết báo cáo thu hoạch đợt thực tế.

2.2. Giới thiệu các giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho đợt thực địa

2.3. Tập huấn các nội dung khác phục vụ cho đợt thực địa.

2.4- Hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch thực địa.

Nội dung 3: Phần hướng dẫn cho sinh viên các hoạt động thực tế (8,22)

Phạm vi học tập thực tế: Các điểm học tập thực tế tại các tỉnh phía Nam (Từ Thanh Hoá đến Quảng Nam - Đà Nẵng) với các điểm chính như sau:

- Tỉnh Nghệ An: Thăm quê Bác (làng Sen - Kim Liên - Nam Đàn - Nghệ An)

- Tỉnh Quảng Bình: Thăm Phong Nha - Kẻ Bàng

- Tỉnh Quảng Trị: Nghĩa trang Trường Sơn, Thành cổ Quảng Trị

- Tỉnh Thừa Thiên - Huế: Đại Nội, Lăng Minh Mạng, Lăng Tự Đức, Lăng Khải Định, Chùa Thiên Mụ, Bảo tàng tổng hợp Huế, Chợ Đông Ba, Cầu Tràng Tiền, Trường Quốc học Huế.

- Tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng: Bảo tàng kiến trúc Chăm, Thắng cảnh Ngũ Hành Sơn, Bán đảo Sơn Trà, Di sản văn hoá thế giới - Thánh địa Mỹ Sơn, Phố cổ Hội An.

- Tỉnh Khánh Hòa: Tháp Bà - Nha Trang, Viện Hải dương học, bảo tàng

- Tỉnh Lâm Đồng: Dinh bảo Đại, Trung tâm lưu trữ Quốc gia IV, bảo tàng Lâm Đồng...

- TP Hồ Chí Minh: Bảo tàng chứng tích chiến tranh, Dinh độc lập, Bến cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi...

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên phải có mặt trên lớp 80% thời gian học Lịch sử thuyết và thực địa.
- Thực hiện đầy đủ các hoạt động, công việc được giao (cho cá nhân hay nhóm) trên thực địa, đúng thời gian quy định.
- Bài thu hoạch được viết bằng tay (hoặc đánh máy), sạch sẽ, rõ ràng. Nội dung bản thu hoạch bám sát hướng dẫn, thể hiện được các việc làm trên thực địa.
- Sinh viên được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu ở trên hay các website để hoàn chỉnh bài thu hoạch.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Máy ảnh, máy ghi âm, ghi hình, sổ ghi chép

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Thực tập giữa khóa được coi một học phần với thời lượng là 2 tín chỉ
- Điểm được chấm có sự thống nhất giữa cán bộ hướng dẫn và giáo viên bộ môn để đánh giá cả thái độ, tinh thần chuẩn bị trước, trong và sau chuyến đi cũng như chất lượng báo cáo. Cụ thể, tiêu chí đánh giá như sau:

+ Chuẩn bị thực tế: 20 %

+ Tinh thần, thái độ và phương pháp tác nghiệp trên thực tế: 50%

+ Báo cáo thực tế: 30%

- Điểm báo cáo thu hoạch thực tập: do giảng viên hướng dẫn chấm

- Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Đại cương lịch sử Việt Nam: Toàn tập: Từ thời nguyên thủy đến năm 2000 / B.s., ch.b.: Trương Hữu Quỳnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn... - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục, 2009.

9.2. Sách tham khảo

1. Một số hình ảnh di tích lịch sử Việt Nam. - H. : Giáo dục ; Công ty Mỹ thuật & Truyền thông, 2011.

2. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại / Huỳnh Công Bá. - Huế : Nxb. Thuận Hoá, 2011.

**9.35. LÝ LUẬN DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG/
TEACHING HISTORY IN HIGH SCHOOLS - GENERAL ISSUES**

- Course code: 124106

- Credit N⁰: 04 (36, 48)

- Department in charge: Department of History, Faculty of Social Sciences, Hong Duc University

- Prerequisite: Scientific Research Methodology

1. Module description

This module contains basic knowledge of general issues in teaching history in high schools: concepts, basic contents of teaching method in History; function and mission of History in high schools; subject content, high school history textbooks; requirement and mission of a high school history teacher nowadays.

Achieved capacity:

Students are able to independently study matters relate to history teaching method, present basic issues of history teaching theory; apply skills and methods of teaching history.

2. Module's objectives

After finishing this module, with the guidance of lecturers and lessons from discussion, practice and self-study, students must achieve following objectives:

2.1. Objectives of knowledge

- Students are able to recognize that teaching method of history in high school is a science
- Students are able to summarize and explain the history of history teaching in high school in Vietnam
- Students are able to present and explain the subject objectives, principles of developing curriculum and the compilation of history textbooks, subject contents and history textbooks in high school.
- Students are able to describe and analyze three functions: the formation of historical knowledge, the education and development of History in high school.

2.2. Objectives of skill

Students are able to apply teaching methods in History; practice skills of analysis, synthesis and comparison; implement scientific research methods (teaching method in History); evaluate schedule and history textbooks.

3. Module's main content

Chapter 1. Teaching Method In History Is A Science (3,5)

- 1.1. Concept of teaching method in History
- 1.2. Object, function and mission of history teaching method
- 1.3. Research methodology in history teaching method
- 1.4. A brief history of history teaching method

Chapter 2. The History of History Teaching In Vietnam (3,5)

- 2.1. In feudal society
- 2.2. In French colonial period
- 2.3. From 1945 to the present

Chapter 3. Subject Objectives, Principles of Developing Curriculum and The Compilation of History Textbooks In High School (3,4)

- 3.1. Subject objectives of History in high school
- 3.2. Principles of curriculum development in History in high school
- 3.3. History textbooks in high school

Chapter 4. History Curriculum and Textbooks For High School (6,7)

- 4.1. History curriculum and textbooks for high school
- 4.2. Innovation of history curriculum and textbooks in high school today

Chapter 5. Developing Knowledge of History For Students (7.8)

- 5.1. Characteristics of historical knowledge
- 5.2. Creating events/ occurrence- the basis to develop historical knowledge
- 5.3. Creating a historical icon
- 5.4. Forming historical concept
- 5.5. Clarifying the rules and drawing lessons from history

Chapter 6. Education Function of History In High School (7,6)

- 6.1. History with the mission of educating young generation
- 6.2. The content of ideological education, revolutionary affection for high school students through History
- 6.3. Educating principles and methods in history teaching

Chapter 7. Enhancing Students' Capability of Learning and Practicing Through Studying History (7,7)

- 7.1. History with the mission of developing student's competence
- 7.2. Develop students' cognitive ability through studying History
- 7.3. Develop students' practical ability through studying history

4. Subject requirements

Students are required to attend at least 80% of classes, including lecture, discussion, and practice (with lecturer's instructions), complete the essay, take both midterm and final examination.

5. Teaching Method: Lecture, group discussion, practice

6. Consulting Plan

In the process of teaching, lecturer is responsible for instructing students to find and read relevant reference materials, and at the end of the module, he/she must arrange time to answer students' questions and queries.

7. Equipment

The classroom is large enough for discussion groups, it is fully equipped with board, projector, computer for practice and presentation; study materials are adequately provided at the library.

8. Method of Assessment

- Regular valuation and inspection: make up 30%.
- Mid-term examination and evaluation: make up 20%
- Final examination and evaluation: make up 50%.

Marking scale: 10

9. Study Materials

9.1. Essential books

1. Phan Ngoc Lien (Chief author) (2005), Methods of Teaching History, Volume 1, Pedagogical University Publishing House, Hanoi.

2. Nguyen Anh Dung- Tran Vinh Tuong (2003), General issues in the subject of teaching history in pedagogical colleges, Pedagogical University Publishing House, Hanoi

9.1. Reference books

1. Ministry of Education and Training (2015), History and Geography for Grade 4, 5, Education Publishing House.

2. Ministry of Education and Training (2015), History for Grade 6,7,8,9,10,11,12, Education Publishing House.

3. Phan Ngoc Lien (Chief author) (2005), Historical Methodology, VNU Publishing House, Hanoi.

9.36. HỆ THỐNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

- Mã học phần: 124107

- Số tín chỉ: 4 (30, 54)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử, khoa KHXH, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử luận dạy học môn Lịch sử

1. Mô tả học phần

HP giới thiệu những kiến thức cơ bản về: PPDH, PPDHLS ở trường THCS và THPT, việc sử dụng, cách tiến hành các PPDHLS ở trường THCS và THPT bao gồm nhóm các phương pháp thông tin-tái hiện lịch sử, nhóm các phương pháp phát triển năng lực nhận thức lịch sử và nhóm các phương pháp tìm tòi nghiên cứu

HP cũng trang bị cho người học những kỹ năng quan trọng đầu tiên của việc sử dụng các PPDHLS ở trường PT.

Năng lực đạt được: Sinh viên hình thành năng lực vận dụng các phương pháp DH cụ thể đối với môn lịch sử ở trường phổ thông.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Hiểu và Lịch sử giải được cơ sở Lịch sử luận của việc xác định và đổi mới PPDH LS ở trường PTTH

- Trình bày và Lịch sử giải được cơ sở phân loại hệ thống phương pháp dạy học lịch sử ở trường PTTH

- Mô tả khái niệm và rèn luyện kỹ năng, phương pháp tiến hành các nhóm PPDHLS: Nhóm các phương pháp thông tin-tái hiện lịch sử, nhóm các phương pháp phát triển năng lực nhận thức lịch sử và nhóm các phương pháp tìm tòi nghiên cứu

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá, tổng hợp...

- Bước đầu hình thành các kỹ năng vận dụng các PPDHLS ở trường PTTH

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Say sưa trong nghiên cứu khoa học, rèn luyện các PPDHLS.

- Yêu thích ngành nghề đã chọn, tích cực góp phần đổi mới PPDHLS.

2. 4. Về năng lực: Góp phần hình thành cho SV năng lực sử dụng các phương pháp, kỹ thuật DH đối với môn Lịch sử ở trường phổ thông.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. PPDH và quá trình dạy học ở trường THCS và THPT (3, 4)

1.1. Những quan niệm khác nhau về PPDH

1.2. Cơ sở Lịch sử luận của việc xác định hệ thống PPDHLS ở trường PTTH

Chương 2. Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử ở trường THPT (3, 5)

2.1. Cơ sở để phân loại hệ thống PPDHLS

2.2. Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử ở trường PTTH

Chương 3. Nhóm các phương pháp thông tin- tái hiện lịch sử (8, 15)

3.1. Phương pháp tường thuật

3.2. Phương pháp miêu tả

3.3. Phương pháp nêu đặc điểm của SKLS

3.4. Phương pháp giải thích sự kiện lịch sử

3.5. Những yêu cầu về mặt SP đối với việc trình bày miệng trong dạy học lịch sử

3.6. Phương pháp sử dụng đồ dùng trực quan

Chương 4. Nhóm các phương pháp phát triển năng lực nhận thức lịch sử (8, 15)

4.1. Vị trí, vai trò của nhóm các PP này.

4.2. Phương pháp sử dụng SGK lịch sử

4.3. Phương pháp sử dụng tài liệu tham khảo

4.4. Sử dụng tài liệu trên mạng Intenet trong dạy học lịch sử

4.5. Phương pháp sử dụng hệ thống câu hỏi trong dạy học lịch sử

4.6. Phương pháp trao đổi, đàm thoại.

Chương 5. Nhóm các phương pháp tìm tòi, nghiên cứu lịch sử (8, 15)

5.1. Dạy học liên môn

5.2. Dạy học nêu vấn đề

5.3. Thâm nhập thực tế xã hội

5.4. Tổ chức việc tự học lịch sử cho HS

5.5. Đổi mới PPDHLS ở trường PTTH

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Phương pháp chủ yếu là học qua trải nghiệm với các hoạt động chủ yếu là làm việc nhóm, thảo luận... SV chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập với sự tư vấn, định hướng và tổ chức các hoạt động học tập của giảng viên.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phân bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Phan Ngọc Liên (CB) (2005), Phương pháp dạy học lịch sử, Tập 1, NXB ĐHSP, HN.

2. Phan Ngọc Liên (CB) (2005), Phương pháp dạy học lịch sử, Tập 2, NXB ĐHSP, HN 2005.

9.2. Sách tham khảo:

1. Bộ GD&ĐT (2015), Lịch sử lớp 6,7,8,9,10,11,12, Nxb Giáo dục Việt Nam

2. Bộ GD&ĐT (2015), SGK Lịch sử 6-12, Nxb Giáo dục Việt Nam

3. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2010), Dự án Việt Bỉ, *Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

9.37. BÀI HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

- Mã học phần: 124108

- Số tín chỉ: 4 (30, 54)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử, khoa KHXH, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử luận dạy học môn Lịch sử

1. Mô tả học phần

HP giới thiệu những kiến thức cơ bản về bài học lịch sử ở trường phổ thông: các quan niệm về bài học lịch sử, hình thức tổ chức dạy học, các loại bài học... HP cũng hướng dẫn cho người học cách thiết kế bài học lịch sử, các biện pháp nâng cao hiệu quả bài học lịch sử ở trường phổ thông, phương pháp kiểm tra- đánh giá bài học lịch sử....

Năng lực đạt được: Sinh viên hình thành năng lực vận dụng những lí luận cơ bản về bài học lịch sử trong dạy học ở trường phổ thông để thiết kế bài học, vận dụng các biện pháp nâng cao hiệu quả bài học.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Hiểu và Lịch sử giải được những vấn đề Lịch sử luận về bài học lịch sử: quan niệm, các hình thức tổ chức dạy học, các loại bài học...

- Nhận diện và phân loại được các loại bài học lịch sử trong chương trình phổ thông
- Biết thiết kế bài học lịch sử
- Nhận thức được vai trò của kiểm tra đánh giá và vận dụng trong dạy học bộ môn
- Trình bày được một số giải pháp nâng cao hiệu quả bài học

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá, tổng hợp...
- Bước đầu hình thành các kỹ năng vận dụng các biện pháp nâng cao hiệu quả bài học ở trường THPT

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Say sưa trong nghiên cứu khoa học, rèn luyện các PPDHLS.
- Yêu thích ngành nghề đã chọn, tích cực góp phần đổi mới PPDHLS.

2. 4. Về năng lực: Góp phần hình thành cho SV năng lực sử dụng các hình thức, biện pháp DH tích cực đối với môn Lịch sử ở trường phổ thông.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Những vấn đề chung về bài học lịch sử ở trường phổ thông (10, 12)

- 1.1. Những quan niệm khác nhau về bài học lịch sử ở trường phổ thông
- 1.2. Hình thức tổ chức DH
- 1.3. Các loại bài học lịch sử ở trường phổ thông
- 1.4. Một số biện pháp nâng cao hiệu quả bài học.

Chương 2. Thiết kế bài học lịch sử ở trường THPT (10, 25)

- 2.1. Chuẩn bị bài học
- 2.2. Tiến hành bài học lịch sử ở trường phổ thông
- 2.3. Vận dụng các PPDH thiết kế bài học lịch sử

Chương 3. Kiểm tra, đánh giá bài học lịch sử ở trường phổ thông (10, 18)

- 3.1. Vai trò, ý nghĩa của việc kiểm tra đánh giá
- 3.2. Nội dung, yêu cầu của việc kiểm tra- đánh giá
- 3.3. Các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá
- 3.4. Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát huy năng lực của HS

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Phương pháp chủ yếu là học qua trải nghiệm với các hoạt động chủ yếu là làm việc nhóm, thảo luận... SV chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập với sự tư vấn, định hướng và tổ chức các hoạt động học tập của giảng viên.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Phan Ngọc Liên (CB) (2005), Phương pháp dạy học lịch sử, Tập 1, NXB ĐHSP, HN.
2. Phan Ngọc Liên (CB) (2005), Phương pháp dạy học lịch sử, Tập 2, NXB ĐHSP, HN 2005.

9.2. Sách tham khảo:

1. Bộ GD&ĐT (2015), Lịch sử lớp 6,7,8,9,10,11,12, Nxb Giáo dục Việt Nam
2. Bộ GD&ĐT (2015), SGK Lịch sử 6-12, Nxb Giáo dục Việt Nam
3. Nguyễn Thị Côi (Chủ biên) (1996), *Bài học lịch sử ở trường phổ thông trung học*, Đại học Huế.
4. Nguyễn Thị Côi (chủ biên) (2009), *Giáo trình các hình thức tổ chức dạy học lịch sử ở trường trung học cơ sở*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

9.38. NHẬP MÔN SỬ HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN SỬ HỌC

- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 3 (27, 36)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học

1. Mô tả học phần

HP trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về: Khái niệm, nội dung cơ bản của Nhập môn và phương pháp luận sử học; Tính chất, đặc trưng của nhận thức lịch sử xã hội; Sử học là một khoa học theo quan niệm của chủ nghĩa Mác-Lênin; Một số quan điểm phương pháp luận macxits- Lêninnít về nhận thức lịch sử; Một số vấn đề về phương pháp nghiên cứu lịch sử; Một số vấn đề về sử liệu học; Phương pháp định lượng trong nghiên cứu lịch sử và những vấn đề về phương pháp luận sử học trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Năng lực đạt được: SV nghiên cứu độc lập một vấn đề Lịch sử và Phương pháp luận sử học, trình bày được các quan điểm sử học Mác xít, vận dụng được những kỹ năng, phương pháp nghiên cứu sử học ban đầu, cơ bản trong học tập và nghiên cứu lịch sử

2. Mục tiêu của học phần.

Sau khi học xong HP, dưới sự hướng dẫn của GV, kết hợp với thảo luận, thực hành, tự nghiên cứu tài liệu, SV cần đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Trình bày lại được sơ lược lịch sử phát triển của Lịch sử, các khái niệm, nội dung cơ bản của phương pháp luận sử học mácxít

- Lịch sử giải được tính chất, đặc trưng của việc nhận thức lịch sử xã hội: Lịch sử là gì? Khả năng nhận thức của con người về lịch sử khách quan; Những điểm chung và những điểm khác nhau giữa đối tượng nhận thức lịch sử và các khoa học khác; Lịch sử của chủ thể hoá; Lịch sử giải được Lịch sử là một khoa học, theo quan niệm của chủ nghĩa Mác Lênin: Có đối tượng nghiên cứu, có chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu...

- Trình bày lại được một số quan điểm phương pháp luận Mác xít – Lêninnít về nhận thức lịch sử: Tính khoa học và tính đảng trong nghiên cứu lịch sử; Chủ nghĩa khách quan và chủ nghĩa chủ quan trong sử học; Từ hiểu biết sự kiện đến nhận thức quy luật lịch sử; Phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic trong công tác sử học; Phân kỳ lịch sử.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Bước đầu vận dụng vào học tập các phương pháp nghiên cứu lịch sử; Biết sưu tầm, phân loại và chọn lọc tư liệu lịch sử; Vận dụng được phương pháp định lượng trong nghiên cứu lịch sử. Quán triệt sâu sắc phương pháp luận sử học trong tư tưởng Hồ Chí Minh.; Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh; Bước đầu hình thành các phương pháp nghiên cứu lịch sử; Vận dụng các phương pháp luận sử học trong học tập và nghiên cứu khoa học.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Hình thành niềm say mê học tập, nghiên cứu môn học.
- Hình thành ý thức chủ động, tích cực trong việc tự học tập của bản thân.
- Hình thành động cơ đúng đắn trong học tập, trong cuộc sống.

3. Nội dung học phần.

BÀI MỞ ĐẦU. KHÁI LUẬN VỀ NHẬP MÔN SỬ HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN SỬ HỌC (1,1)

1. Giới thiệu chung về HP.

1.1. Nội dung chủ yếu của HP.

1.2. Ý nghĩa việc học tập HP

1.3. Phương pháp học tập

2. Khái quát sự phát triển của Lịch sử luận sử học trong khoa học lịch sử trên thế giới và ở Việt Nam

3. Phân biệt được các khái niệm “Phương pháp” và “Phương pháp luận”:

CHƯƠNG 1. TÍNH CHẤT, ĐẶC TRƯNG CỦA NHẬN THỨC LỊCH SỬ XÃ HỘI. (2,3)

1.1. Khái niệm “lịch sử”

1.2. Khả năng nhận thức của con người về lịch sử khách quan

1.3. Những điểm chung và khác nhau giữa đối tượng nhận thức của khoa học lịch sử và các khoa học khác

1.4. Lịch sử của chủ thể hoá

CHƯƠNG 2. LỊCH SỬ LÀ MỘT KHOA HỌC (2,3)

2.1. Đối tượng của khoa học lịch sử

2.2. Quan niệm của chủ nghĩa M-LN về đối tượng sử học

2.3. Chức năng, nhiệm vụ của khoa học lịch sử

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM PHƯƠNG PHÁP LUẬN MÁC XÍT-LÊNIN NIT VỀ NHẬN THỨC LỊCH SỬ (13,18)

3.1. Tính khoa học và tính đảng trong nghiên cứu lịch sử

3.2. Chủ nghĩa khách quan và chủ nghĩa chủ quan trong sử học

3.3. Từ hiểu biết sự kiện đến nhận thức quy luật lịch sử

3.4. Phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic trong công tác sử học

3.5. Phân kỳ lịch sử

CHƯƠNG 4. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ (5,7)

4.1. Sự phát triển của phương pháp nghiên cứu lịch sử

4.2. Tiến trình và phương pháp nghiên cứu lịch sử

CHƯƠNG 5. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ SỬ LIỆU HỌC (2,3)

5.1. Đại cương về sử liệu học

5.2. Tư liệu lịch sử

5.3. Công tác sưu tầm, phân loại và chọn lọc tư liệu

5.4. Vấn đề xác minh và phê phán tư liệu

CHƯƠNG 6. PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG TRONG NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ (2,3)

6.1. Ý nghĩa của phương pháp định lượng trong nghiên cứu lịch sử

6.2. Tiến hành phương pháp định lượng trong nghiên cứu lịch sử

CHƯƠNG 7. NHỮNG VẤN ĐỀ NHẬP MÔN SỬ HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN SỬ HỌC TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2,3)

7.1. Phương pháp luận Hồ Chí Minh

7.2. Nội dung phương pháp luận sử trong tư tưởng Hồ Chí Minh

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Phan Ngọc Liên (Cb) (2003), *Nhập môn sử học*, NXB ĐH Sư Phạm.
2. Phan Ngọc Liên (Cb) (2005), *Phương pháp luận sử học*, NXB ĐHQG, HN

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Phan Ngọc Liên (Cb) (2005), *Phương pháp dạy học lịch sử, tập 1, 2*, NXB ĐHSP, HN
2. Phan Ngọc Liên (Cb) (2005), *Nhập môn sử học*, NXB Giáo dục, HN
3. Hà Văn Tấn (2008), *Một số vấn đề Lịch sử luận sử học*, NXB ĐHQG Hà Nội,
4. Một số luận án TS, luận văn ThS, đề tài NCKH thuộc ngành Lịch sử (lưu tại phòng Tư liệu khoa KHXH và Thư viện Trường Đại học Hồng Đức)

9.39. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH LỊCH SỬ

- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 4 (36, 24, 24)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1, 2, 3

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh cơ bản được sử dụng trong học tập, nghiên cứu lịch sử. Học phần được chia thành các phần theo tiến trình lịch sử thế giới và Việt Nam. Ngoài ra, người học còn được thực tập dịch các tài liệu thường gặp trong quá trình nghiên cứu

Năng lực đạt được: Sinh viên có được hệ thống từ vựng, ngữ pháp về chuyên ngành lịch sử.

2. Mục tiêu của học phần

2. 1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm vững kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam và thế giới;
- Nắm vững vốn từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành lịch sử;
- Sử dụng và phát triển vốn từ vựng chuyên ngành có thể đọc hiểu tài liệu tham khảo hoặc nghe giảng các chủ đề trong lĩnh vực này;
- Sử dụng và phát triển kiến thức về ngữ pháp, cấu trúc câu và cấu tạo từ vựng trong tiếng Anh

2. 2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Trau dồi kỹ năng tiếng Anh cao cấp gồm nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh và dịch các tài liệu trong quá trình học tập, nghiên cứu
- Củng cố kỹ năng thuyết trình và tham gia các hoạt động nhóm

2. 3. Mục tiêu về thái độ:

- Thái độ tự tin và linh hoạt khi tham gia vào các cuộc thảo luận và làm việc nhóm;
- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ trong học tập và nghiên cứu;
- Ý thức tự học, tự nghiên cứu;

3. Nội dung học phần:

CHƯƠNG 1: WERTERN ANCIENT (4, 2, 3)

- 1.1. Greece
- 1.2. Roma

CHƯƠNG 2: ORIENTAL ANCIENT (4, 3, 2)

- 2.1. States in Asia
- 2.2. China, Indian

CHƯƠNG 3: FEUDAL STATES (4, 3, 2)

- 3.1. The West
- 3.2. The Orient
- CHƯƠNG 4: MORDERN SOCIATY (3, 2, 2)**
 - 4.1. Bourgeois democractic revolutions
 - 4.2. Innovation
- CHƯƠNG 5: THE WORLD IN CONTEMPORARY (4, 3, 3)**
 - 5.1. United State, Japan, Euro Union
 - 5.2. Tecnology revolution
- CHƯƠNG 6: VIETNAM IN THE ACIENT PERIOD (4, 3, 3)**
 - 6.1. Prinutive man in Vietnam
 - 6.2. The fisrt states
- CHƯƠNG 7: VIETNAM FROM THE FISRT CENTURY TO THE 10TH CENTURY (2, 2, 1)**
 - 7.1. Movement against Chinese
- CHƯƠNG 8: VIETNAM IN THE FEUDAL PERIOD (3, 2, 2)**
 - 8.1. Against aggression Chinese
 - 8.2. Ecnomic, social and culture
- CHƯƠNG 9: VIETNAM FROM 1858 TO 1945 (4, 2, 2)**
 - 9.1. Against French colony
 - 9.2. Change in social
- CHƯƠNG 10: VIETNAM FROM 1945 TO 1986 (3, 2, 2)**
 - 10.1. 1945-1954
 - 10.2. Vietnam war
 - 10.3. Innovation

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm, đóng vai.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Quang Bình, University, English for history, Internal use, Dong Hoi 2016

9.2. Sách tham khảo

1. Nguyễn Thị Tâm, Huỳnh Chính Xuân Nguyễn, English for history
[www.http://dspace.agu.edu.vn](http://dspace.agu.edu.vn)
2. Đại học tài nguyên và môi trường Hà Nội, English for history
[www.http://Hunre.lib.hunre.edu.vn](http://Hunre.lib.hunre.edu.vn)

9.40. CHỌN 1 TRONG 2 PHẠC PHẦN

A. CÁC BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 3 (18, 45)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử, khoa KHXH, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử luận dạy học môn Lịch sử, Hệ thống Phương pháp học lịch sử ở trường phổ thông, Bài học lịch sử ở trường phổ thông.

1. Mô tả học phần

HP trên cơ sở những vấn đề Lịch sử luận cần thiết đi sâu gợi mở cho SV các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả bài học ở trường phổ thông với các hình thức dạy học cơ bản: bài nội khoá trên lớp, nội khoá tại di sản và hoạt động ngoại khoá.

Năng lực đạt được: Sinh viên hình thành năng lực vận dụng các biện pháp dạy học cụ thể hocjnaang cao hiệu quả đối với môn lịch sử ở trường phổ thông.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Hiểu và phân tích được các vấn đề chung về Lịch sử luận: thế nào là hiệu quả bài học lịch sử, bản chất của quá trình DH, đổi mới phương pháp DH ở trường phổ thông hiện nay...

- Trình bày được các biện pháp nâng cao hiệu quả bài học ở trường phổ thông
- Vận dụng được một số biện pháp vào các loại bài học cụ thể

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá, tổng hợp...
- Bước đầu hình thành các kỹ năng vận dụng các biện pháp DH nâng cao hiệu quả bài học ở trường phổ thông

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Say sưa trong nghiên cứu khoa học, rèn luyện các PPDHLS.
- Yêu thích ngành nghề đã chọn, tích cực góp phần đổi mới PPDHLS.

2.4. *Về năng lực:* Góp phần hình thành cho SV năng lực vận dụng các biện pháp tích cực trong DH đối với môn Lịch sử ở trường phổ thông.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Hiệu quả bài học lịch sử ở trường phổ thông (5, 6)

- 1.1. Những thành tố của quá trình DH
- 1.2. Quan niệm về hiệu quả bài học lịch sử và nâng cao hiệu quả bài học lịch sử
- 1.3. Đổi mới phương pháp DH lịch sử ở trường phổ thông

Chương 2. Các biện pháp nâng cao hiệu quả bài học lịch sử đối với bài học nội khoá trên lớp (6, 14)

- 2.1. Cơ sở đề xuất các biện pháp
- 2.2. Một số biện pháp cụ thể
- 2.3. Thiết kế các hoạt động DH

Chương 3. Các biện pháp nâng cao hiệu quả bài học lịch sử đối với bài học nội khoá tại di sản (4, 9)

- 3.1. Cơ sở đề xuất các biện pháp
- 3.2. Một số biện pháp cụ thể

3.3. Thiết kế các hoạt động DH

Chương 4. Các biện pháp nâng cao hiệu quả bài học lịch sử đối với bài học ngoại khoá(5, 14)

3.1. Cơ sở đề xuất các biện pháp

3.2. Một số biện pháp cụ thể

3.3. Thiết kế các hoạt động ngoại khoá

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Phương pháp chủ yếu là học qua trải nghiệm với các hoạt động chủ yếu là làm việc nhóm, thảo luận, thực hành... SV chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập với sự tư vấn, định hướng và tổ chức các hoạt động học tập của giảng viên.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Phan Ngọc Liên (CB) (2005), Phương pháp dạy học lịch sử, Tập 1, NXB ĐHSP, HN.

2. Phan Ngọc Liên (CB) (2005), Phương pháp dạy học lịch sử, Tập 2, NXB ĐHSP, HN 2005.

3. Nguyễn Thị Côi (2006), *Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

9.2. Sách tham khảo:

1. Bộ GD&ĐT (2015), Lịch sử lớp 6,7,8,9,10,11,12, Nxb Giáo dục Việt Nam

2. Bộ GD&ĐT (2015), SGK Lịch sử 6-12, Nxb Giáo dục Việt Nam

3. Nguyễn Thị Côi (Chủ biên) (1996), *Bài học lịch sử ở trường phổ thông trung học*, Đại học Huế.

4. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2010), Dự án Việt Bỉ, *Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội

B. CÁC TÔN GIÁO LỚN TRÊN THẾ GIỚI

- Mã học phần:

- Số tín chỉ: 3 (27, 36)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử, khoa KHXH, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Học phần Những nguyên Lịch sử cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Lịch sử thế giới cổ trung đại, Lịch sử thế giới cận hiện đại, Lịch sử Việt Nam...

1. Mô tả học phần

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tôn giáo và các tôn giáo lớn trên thế giới (đạo Kitô, đạo Phật, đạo Hồi) với những nét cơ bản: khái niệm cơ bản, nguồn gốc của tôn giáo, các hình thức, vai trò, xu thế phát triển tôn giáo; cơ sở hình thành, giáo Lịch sử, giáo luật, quá trình phát triển và vai trò của các tôn giáo lớn trong lịch sử... Từ đó, nhận thức rõ tôn giáo là một hiện tượng lịch sử có quá trình hình thành, phát triển gắn với bối cảnh lịch sử.

Năng lực đạt được: Sinh viên hình thành năng lực phân tích đánh giá các hiện tượng tôn giáo theo quan điểm khoa học; vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề hiện tại...

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về tôn giáo và các tôn giáo lớn trên thế giới: khái niệm cơ bản, nguồn gốc của tôn giáo, các hình thức, vai trò, xu thế phát triển tôn giáo; cơ sở hình thành, giáo Lịch sử, giáo luật, quá trình phát triển của các tôn giáo lớn trong lịch sử

- Phân tích, đánh giá được vai trò của tôn giáo nói chung và những tôn giáo lớn trên thế giới nói riêng trong sự phát triển chung của lịch sử nhân loại

- Rút ra mặt tích cực, hạn chế của tôn giáo để vận dụng giải quyết các vấn đề của cuộc sống.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Học phần hình thành và rèn luyện cho HS các kỹ năng cơ bản như kỹ năng nhận diện các hiện tượng tôn giáo, kỹ năng trình bày vấn đề, kỹ năng phân tích, đánh giá...

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Góp phần xây dựng thế giới quan khoa học, biết quý trọng và gìn giữ những di sản của nhân loại.

- Có thái độ khách quan, khoa học, nhân văn đối với bộ phận dân cư theo các tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau.

2.4. Về năng lực: Góp phần hình thành cho SV năng lực tự học, tự chủ tiếp cận và giải quyết vấn đề; năng lực đánh giá sự kiện, hiện tượng tôn giáo trong đời sống và vận dụng những kiến thức học phần để giải quyết các vấn đề lịch sử và cuộc sống đặt ra.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Những vấn đề chung về tôn giáo (4, 6)

1.1. Một số khái niệm

1.2. Nguồn gốc, các hình thức phát triển

1.3. Chức năng, vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội

1.4. Xu thế phát triển của tôn giáo

Chương 2. Đạo Kitô (8, 11)

- 2.1. Cơ sở hình thành
- 2.2. Giáo Lịch sử, giáo luật
- 2.3. Quá trình phát triển
- 2.4. Những đặc điểm và vai trò lịch sử
- 2.5. Kitô giáo ở Việt Nam

Chương 3. Đạo Phật (8, 11)

- 3.1. Cơ sở hình thành
- 3.2. Giáo Lịch sử, giáo luật
- 3.3. Quá trình phát triển
- 3.4. Những đặc điểm và vai trò lịch sử
- 3.5. Phật giáo ở Việt Nam

Chương 4. Đạo Hồi (7, 8)

- 4.1. Cơ sở hình thành
- 4.2. Giáo Lịch sử, giáo luật
- 4.3. Quá trình phát triển
- 4.4. Những đặc điểm và vai trò lịch sử
- 4.5. Hồi giáo ở Việt Nam

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Phương pháp chủ yếu là học qua trải nghiệm với các hoạt động chủ yếu là làm việc nhóm, thảo luận... SV chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập với sự tư vấn, định hướng và tổ chức các hoạt động học tập của giảng viên.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Lương Kim Thoa, *Lịch sử ba tôn giáo lớn trên thế giới*, NXB ĐHQG, 2002
2. Mai Thanh Hải, *Tôn giáo thế giới và Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, 2000
2. Nhiều tác giả, *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, Trung tâm KHXH, 1992

9.2. Sách tham khảo:

1. Nhiều tác giả, *Về tôn giáo*, NXB KHXH, 1994
2. Nhiều tác giả, *Những vấn đề tôn giáo hiện nay*, NXB KHXH, 1998
3. Nhiều tác giả, *Tôn giáo lý luận xưa và nay*, NXB Tổng hợp, TP. HCM, 2005
4. Tổng cục chính trị QG, *Một số hiểu biết về tôn giáo*, NXB Quân đội, HN, 1998
5. Đặng Nghiêm Vạn (Cb), *Những vấn đề Lịch sử luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam*, NXB KHXH, 1998.

9.41. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. ĐÔNG NAM Á – LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI/ SOUTHEAST ASIA: THE HISTORY AND PRESENT

- Course code:
- Credit N^o: 03 (27, 36)
- Department in charge: Department of History, Faculty of Social Sciences, Hong Duc University
- Prerequisite: History of the Modern World

1. Module description

This module contains following contents: the simultaneous birth of ancient states in Southeast Asia (from the 1st to the 7th century), the formation of nations (from the 7th to the 10th century), the development period (from the 10th to the 15th century), the recession period and becoming colonies of the western countries (from the 16th to the 19th century), the period of national liberation movement (from the early 20th century to the middle of the 20th century), the development of Southeast Asian countries from 1945 following the development of ASEAN.

Achieved capacity:

Students have knowledge of history of Southeast Asia, have ability to lecture lessons about Southeast Asia history and have competitive capability in international integration conditions.

2. Module's objectives

2.1. Objectives of knowledge:

- In the ancient and middle ages (from the beginning of the Christian era to the end of the 15th century): Student are able to clarify the formation of ancient Southeast Asian nations in pre-historic period, the specific conditions and rules of historical factors, thenceforth, they can deeply understand the process of establishment and development of the first countries in the region from the 7th to the 10th century. Based on those understandings, they apprehend the development history of feudal dynasties in Southeast Asian nations, with periods of prosperity and recession.

- In the modern period (from the 16th century to the early 21st century): Students are able to comprehend fundamental issues of the history of modern Southeast Asian countries. In this period, they were invaded and dominated by western colonialism; also, this period was associated with struggles against the invasion and national liberation movements of Southeast Asian nations. After gaining independence, Southeast Asian nations have worked together to grow and develop in a regional organization called ASEAN. In the last decades of the 20th century and early 21st century, ASEAN countries have been developing intensively and operating effectively with the goal of cooperating, integrating and developing together.

2.2. Objectives of skill:

This module helps students to practice skills in:

- Synthesizing, comparing, analyzing and evaluating an issue, thenceforth, they are able to draw lessons about characteristics of development stages in Southeast Asia.
- Approaching and solving problems in a scientific way
- Gathering materials from various sources - books, newspapers, internet, television, museum ...
- Analyzing, generalizing, applying knowledge into their life.

3. Module's main content

Chapter I: Southeast Asia - The Region of Cultural and Historical Geographies (4,6)

- 1.1. The recognition of Southeast Asia region
- 1.2. Southeast Asia: The region of Cultural and Historical Geographies

Chapter II: The Formation and Development of Feudal Nations (from the early ages to the middle of the 19th century) (6, 8)

- 2.1. The formation of the ancient nations in Southeast Asia (from the early ages to the 10th century)
- 2.2. The establishment and prosperity of Southeast Asia nations (from the 10th century to the 15th century)
- 2.3. The decline of feudal nations in Southeast Asia

Chapter III: The Period of National Liberation Movements (from the middle of the 19th century to 1945) (6, 8)

- 3.1. The invasion of western colonialism in Southeast Asia
- 3.2. The process of colonial exploitation by European and American colonies and its consequences
- 3.3. The national liberation movements in Southeast Asia from the middle of the 19th century to 1945

Chapter IV: Southeast Asia from the end of World War II to the Present (a period of independence and development) (7, 8)

- 4.1. The victory of national liberation movements
- 4.2. Southeast Asian countries from the end of World War II to the present

Chapter V: ASEAN - AC – The Formation and Development (4, 6)

- 5.1. The formation of ASEAN
- 5.2. Organizational structure and operating rules
- 5.3. Stages and achievements of ASEAN – AC

4. Subject requirements

Students are required to attend at least 80% of classes, including lecture, discussion, and practice (with lecturer's instructions), complete the essay, take both midterm and final examination.

5. Teaching Method: Lecture, group discussion, practice

6. Consulting Plan

In the process of teaching, lecturer is responsible for instructing students to find and read relevant reference materials, and at the end of the module, he/she must arrange time to answer students' questions and queries.

7. Equipment

The classroom is large enough for discussion groups, it is fully equipped with board, projector, computer for practice and presentation; study materials are adequately provided at the library.

8. Method of Assessment

- Regular valuation and inspection: make up 30%.
- Mid-term examination and evaluation: make up 20%
- Final examination and evaluation: make up 50%.

Marking scale: 10

9. Study Materials

9.1. Essential books

1. Luong Ninh (2002), *Southeast Asian History*, Education Publishing House, Hanoi.
2. Phan Ngoc Lien (1998), *A summary of Southeast Asia History*, Education Publishing House, Hanoi.

9.2. Reference books

- D.E.G Hall (1997), *Southeast Asian History*, National Political Publishing House, Hanoi.
2. Pham Duc Thanh (2012), *Southeast Asian History*, vol. 5. Social Sciences Publishing House, Hanoi.
3. Ministry of Foreign Affairs, ASEAN Department (1995), *Association of Southeast Asian Nations (ASEAN)*, National Political Publishing House, Hanoi.
4. Christie Clivej (2000), *History of Modern Southeast Asia*, National Political Publishing House, Hanoi.

B. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA HOA KÌ TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NAY

- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 3 (27, 36)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử, Khoa khoa học xã hội, Trường Đại học Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử thế giới hiện đại

1. Mô tả học phần

Ngoài phần mở đầu khái quát về môn học, các khái niệm, nội dung cơ bản của học phần bao gồm: phần Lịch sử quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ, chính sách đối ngoại của Mỹ trước Chiến tranh thế giới thứ hai. Học phần khái quát và cung cấp những kiến thức cơ bản về chính sách đối ngoại Hoa Kỳ, tập trung tìm hiểu,

phân tích quá trình hoạch định chính sách và các giai đoạn lịch sử của chính sách đối ngoại.

Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ có tác động như thế nào đến quan hệ quốc tế cũng được phân tích. Đồng thời học phần đề cập đến quan hệ Việt Mỹ

Năng lực đạt được: Sinh viên phân biệt được chính sách đối ngoại với các khái niệm khác; giải thích được về khoa học; thuyết trình được chính sách đối ngoại trong một giai đoạn cụ thể của cường quốc đứng đầu thế giới

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm vững và trình bày kiến thức cơ bản về chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ trước Chiến tranh thế giới thứ hai

- Nắm được những cơ sở của việc hoạch định chính sách của Hoa Kỳ

- Thấy được sự khác nhau trong chính sách của Hoa Kỳ ở mỗi giai đoạn nhất định.

- Phân tích được sự mục tiêu, sự tác động của chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ đối với quan hệ quốc tế

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Phát triển khả năng tự nghiên cứu, thao tác tư duy độc lập, sáng tạo trong việc học tập, nghiên cứu Lịch sử và công tác giảng dạy Lịch sử sau này.

- Phát triển tư duy phê phán, năng lực phân tích, tổng hợp một vấn đề đối ngoại của một quốc gia cụ thể.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Hình thành niềm say mê học tập, nghiên cứu môn học.

- Hình thành ý thức chủ động, tích cực trong việc tự học tập của bản thân.

- Hình thành động cơ đúng đắn trong học tập, trong cuộc sống.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Giới thiệu môn học, đối tượng nghiên cứu (3, 2)

1.1. Khái niệm

1.2. Đối tượng nghiên cứu của môn học

1.3. Các cơ sở để hoạch định chính sách đối ngoại quốc gia

Chương 2. Sơ lược lịch sử Hoa Kỳ (3, 3)

2.1. Hoa Kỳ trước thế kỉ XVIII

2.1.1. Hoa Kỳ từ Chiến tranh giành độc lập đến trước Chiến tranh thế giới thứ nhất

2.1.2. Hoa Kỳ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới

2.2. Hoa Kỳ trong thời kỳ Chiến tranh lạnh

2.2.1. Hoa Kỳ hậu Chiến tranh lạnh

Chương 3. Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ trước năm 1945 (4, 3)

3.1. Cơ sở hoạch định chính sách đối ngoại

3.1.1. Các yếu tố khách quan

3.1.2. Cơ sở trong nước: thực lực kinh tế, quân sự...

3.2. Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ thế kỉ XVIII - XIX

3.3. Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ từ cuối thế kỉ XIX đến 1914

3.4. Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ từ 1918 đến 1945

Chương 4. Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ thời kỳ Chiến tranh lạnh (6,

6)

4.1. Cơ sở hoạch định chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ

4.1.1. Điều kiện trong nước

4.1.2. Các yếu tố khách quan

4.2. Chiến tranh lạnh và Chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ

4.2.1. Mục tiêu

4.2.2. Kết quả đạt được

4.3. Chính sách đối với đồng minh của Hoa Kỳ

4.3.1. Kế hoạch Marshall

4.3.2. Hình thành các khối quân sự

4.4. Tác động của chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ đối với quan hệ quốc tế

Chương 5. Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ hậu Chiến tranh lạnh

(6, 6)

5.1. Sự kết thúc Chiến tranh lạnh

5.2. Những yếu tố chi phối chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ sau Chiến tranh lạnh

5.2.1. Trong nước

5.2.2. Nước ngoài

5.3. Chính sách đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương

5.4. Đối với đồng minh châu Âu

5.5. Đối với Nga và khu vực Đông Âu

5.6. Đối với khu vực Mỹ Latinh

5.7. Tác động của chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ đối với trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh

Chương 6. Quan hệ Việt – Mỹ (5, 5)

6.1. Quan hệ Việt – Mỹ trong lịch sử

6.1.1. Giai đoạn trước 1858

6.1.2. Giai đoạn từ 1858 đến 1945

6.2. Quan hệ Việt – Mỹ từ 1945 đến 1954

6.3. Việt Nam – Mỹ trong chiến tranh (1954-1975)

6.4. Quá trình bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Mỹ

6.4.1. Những nhân tố tác động

6.4.2. Cơ sở bình thường hóa quan hệ hai nước

6.5. Quan hệ Việt – Mỹ từ 1995 đến nay

6.5.1. Về an ninh - chính trị

6.5.2. Về thương mại – đầu tư

6.5.3. Về văn hóa – giáo dục

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy:

Sử dụng giáo án điện tử kết hợp thuyết giảng, trao đổi, thảo luận.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính

1. Vũ Dương Huân (Chủ biên) (2002). Hệ thống chính trị Mỹ - cơ cấu hoạch định chính sách đối ngoại Mỹ. Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. Thomas J. McCormick (2004). Nước Mỹ nửa thế kỷ: Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ sau và trong Chiến Tranh lạnh.(Bản dịch). Nxb Chính trị QG.
3. Bruce W. Jentleson (2004). Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ: động cơ của sự lựa chọn trong thế kỷ XXI.(Bản dịch). Nxb Chính trị QG.

9.2. Sách tham khảo

1. Nguyễn Thái Yên Hương – Tạ Minh Tuấn (2010). Các vấn đề nghiên cứu về Hoa kỳ. Nxb Chính trị QG.
2. Trang web của Bộ Ngoại giao Việt Nam, Đại sứ quán Mỹ tại Việt Nam, Bộ Ngoại giao Mỹ - Thông liên bang 2013-2015
3. Zbigniew Brzezinski, (1999). Bàn cờ lớn. Nxb Chính trị QG.
4. Nguyễn Văn Quang (2005). Quan hệ Việt – Mỹ thời kỳ sau chiến tranh lạnh. Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
5. Trần Nam Tiến (2010). Quan hệ Việt Nam Hoa Kỳ thực trạng và triển vọng. Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
6. Bruce W. Jentleson, American Foreign Policy: The Dynamics of Choice in the 21st Century. W. W. Norton & Company, 2000.

9.42. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945/ THE AUGUST REVOLUTION IN 1945

- Mã học phần:
- Credit N⁰: 03 (27, 36)
- Department in charge: Department of History, Faculty of Social Sciences, Hong Duc University
- Prerequisite: History of Modern Vietnam

1. Module description

Besides a chapter of Literature review, documents and methodology, this module contains main contents, as follow:

- World War II - the new context in the world, in the region and in Vietnam
- The revolutionary strategy of Vietnamese Communist Party on the issue of national liberation, the National United Front and the armed uprising.
- The preparation for the August Revolution in aspects of political force, armed forces, and revolutionary bases.
- The August Revolutionary Movement: from a resistance against Japan to the August General Uprising.
- The feature and importance of the August Revolution.

Achieved capacity:

The students achieve competence to give lectures on the 1945 August Revolution; have ability to independently study and do research relating to the major or interdisciplinary fields.

2. Module's objectives

2.1. Objectives of knowledge:

This module helps students to:

- + Enhance the knowledge of related concepts and terminologies: the August Revolution, the August General Uprising and partial uprisings,....
- + Summarize the literature review of this issue, documents and methodology.
- + Improve students' knowledge to comprehend the nature and essence of the August Revolution – a milestone in national history as well as in the world history.

2.2. Objectives of skill:

This module helps students to:

- Build up their skills in recognizing and evaluating historical events and phenomena.
- Know how to apply historical lessons to the present.

3. Module's main content

Chapter 1: Literature Review, Documents and Methodology (4.6)

1.1. Literature review

1.1.1. In Vietnam

1.1.2. In foreign countries

1.2. Overview of documents and methodology

1.2.1. Documents

1.2.2. Methodology

Chapter 2: The Change of Historical Context and Revolutionary Strategy of Vietnamese Communist Party (1939 - 1941) (5, 6)

2.1. New context of history

2.1.1. The context of the world and the region

2.1.2. The context of Vietnam

2.2. Political attitudes of social classes

Chapter 3: The Process of The August Revolution (1939 - 1945) (6,8)

3.1. The change in direction of Vietnamese Communist Party

3.2 The preparation of Viet Minh Front

3.2.1. The preparation of political force

3.2.2. The preparation of armed forces

3.2.3 The preparation of revolutionary bases

3.2.4. The preparation of government apparatus

3.3. Operations of some political organizations and parties

3.3.1. Vietnam Restoration League

3.3.2. Tran Trong Kim Cabinet

Chapter 4: The August Revolutionary Movement: from a Resistance against Japan to the August General Uprising 8.10)

4.1. The resistance against Japan

4.1.1. Japan's coup d'état and the conditions leading up to the uprising

4.1.2. The development of the resistance against Japan

4.1.3. The historical meaning

4.2. The August General Uprising in 1945

4.2.1. The historical conditions

4.2.2. The developments

4.3. The reasons for victory, historical meanings and lessons

4.3.1. The reasons for victory

4.3.2. The historical meanings

4.3.3. The historical lessons

Chapter 5: The nature of The August Revolution (4, 6)

5.1. Ethnicity and democracy

5.2. Populace characteristic /5.2.Tính nhân dân

5.3. States of revolution: from partial uprisings to general uprising

5.4. The pinnacle of revolutionary strategy.

4. Subject requirements

Students are required to attend at least 80% of classes, including lecture, discussion, and practice (with lecturer's instructions), complete the essay, take both midterm and final examination.

5. Teaching Method: Lecture, group discussion, practice

6. Consulting Plan

In the process of teaching, lecturer is responsible for instructing students to find and read relevant reference materials, and at the end of the module, he/she must arrange time to answer students' questions and queries.

7. Equipment

The classroom is large enough for discussion groups, it is fully equipped with board, projector, computer for practice and presentation; study materials are adequately provided at the library.

8. Method of Assessment

- Regular valuation and inspection: make up 30%.
- Mid-term examination and evaluation: make up 20%
- Final examination and evaluation: make up 50%.

Marking scale: 10

9. Study Materials

9.1. Essential books

1. The Research institute of Marxism - Leninism (1995), *The History of The August Revolution in 1945*, National Political Publishing House, Hanoi.
2. Van Tao (Chief author) (1995), *The August Revolution: Some Historical Issues*, Social Sciences Publishing House, Hanoi.

9.2. Reference books

1. Vietnamese Communist Party (2000), *Communist Party Archives*, Volume 7, National Political Publishing House, Hanoi
2. Dinh Xuan Lam (Chief author) (2004), *Vietnam's General History*, Volume 2, Education Publishing House, Hanoi.
3. Tran Huu Dinh - Le Trung Dung (2000), *The 1945 August Revolution - Historical Events*, Social Sciences Publishing House, Hanoi
4. Tran Huy Lieu (1992), *A Memoir: Depriving Bao Dai's Seal and Sword*, Social Sciences Publishing House, Hanoi.
5. Tran Huy Lieu, Pham Khac Hoe (1997), *Last Days of Nguyen Dynasty*, Thuan Hoa Publishing House, Hue.
6. Pham Khac Hoe (1987), *From Hue Royal Court to Viet Bac War Zone*, Thuan Hoa Publishing House, Hue

B. ASEAN VÀ QUAN HỆ VIỆT NAM ASEAN

- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 3 (27, 36)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử, Khoa KHXH, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử thế giới hiện đại

1. Mô tả học phần

- Nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) về quá trình hình thành, phát triển, cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động và các thành viên của ASEAN (AC) qua các thời kỳ.

- Năng lực đạt được: Phân tích và tổng hợp những kiến thức cơ bản về ASEAN (AC) và nâng cao khả năng lập luận; khả năng tự nghiên cứu, thao tác tư duy độc lập, sáng tạo trong việc học tập, nghiên cứu Lịch sử nói chung, Đông Nam Á nói riêng.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

+ Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về quá trình phát triển của ASEAN (AC) và mối quan hệ Việt Nam – ASEAN (AC).

+ Sinh viên biết phân tích, đánh giá những thành tựu và khó khăn của ASEAN; so sánh ASEAN với các tổ chức liên minh khu vực khác.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

+ Người học có thể vận dụng những kiến thức về lịch sử khu vực, quan hệ quốc tế vào lĩnh vực chuyên môn của mình.

+ Phân tích, khái quát, vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương I. SỰ THÀNH LẬP VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ASEAN (9.12)

1. Bối cảnh quốc tế và khu vực từ sau chiến tranh thế giới thứ II đến năm 1967.

-Chiến tranh lạnh ảnh hưởng tới khu vực Đông Nam Á.

-Phong trào đấu tranh giành độc lập của các nước Đông Nam Á và yêu cầu phát triển đất nước.

-Chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam, Lào, Campuchia. Chính sách của các cường quốc khác.

-Chính sách đối ngoại của các nước Đông Nam Á.

2. Sự thành lập ASEAN.

-Các tổ chức hợp tác khu vực trước năm 1967: ASA và MAPHILINDO.

-Hội nghị Băng Cốc 8-8-1967, thành lập ASEAN, ý nghĩa, tôn chỉ, mục đích thành lập của ASEAN.

3.Cơ cấu tổ chức của ASEAN.

-Từ 1967-1975.

-Từ 1976-1991.

-Từ 1992 đến nay.

4.Nguyên tắc hoạt động.

- Các nguyên tắc căn bản trong quan hệ ASEAN và quốc tế.
- Các nguyên tắc điều phối hoạt động của ASEAN: consensus và một số nguyên tắc khác, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

*** Câu hỏi thảo luận và tự học.**

1. Trình bày bối cảnh quốc tế, khu vực sự dẫn đến sự thành lập của ASEAN ?
2. Tổ chức ASEAN được thành lập nhằm mục đích gì ?
3. Cơ cấu tổ chức và một số nguyên tắc hoạt động chính của ASEAN.

Chương II: QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA ASEAN VÀ MỐI QUAN HỆ VIỆT NAM ASEAN (1967-1991) (9.12)

1. Giai đoạn 1: Thử nghiệm mô hình hợp tác (1967-1975).

- Giải những vụ tranh chấp với các nước thành viên
- + Giải quyết bất đồng giữa Xingapo và Ấnônêxia.
- + Giải quyết tranh chấp Malaixia-Philippin.
- Vấn đề an ninh và ổn định trong toàn khu vực Đông Nam Á.
- + Tình hình cuộc chiến tranh Đông Dương (từ sau cuộc đảo chính ở Campuchia tháng 3-1970, nhân dân cả ba nước Đông Dương đều kháng chiến chống Mỹ. Mỹ ngày càng sa lầy ở Đông Dương, Nixon chủ trương Việt Nam hoá chiến tranh, tham gia Hội nghị Pari, khả năng mỹ rút khỏi Việt Nam đã lộ rõ.)
- + Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN ở Kuala Lumpur (11-1971) đã ra tuyên bố ZOPFAN nhằm biến ĐNA thành khu vực hoà bình, tự do và trung lập, không có sự can thiệp của nước ngoài
- Quan điểm của Việt Nam với ASEAN.
- + Giai đoạn đầu Việt Nam có phản ứng nghi ngại với tổ chức này

2. Giai đoạn 2: 1976-1990.

- Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN 1 (Bali, Ấnônêxia, 2-1976)
- Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN 2 (Kuala Lumpur, Malaixia, 8-1977)
- Kết nạp Brrunây (1-1984).
- Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN 3 (Manila, Philippin, 12-1987)

*** Câu hỏi thảo luận và tự học.**

1. Hãy trình bày các giai đoạn phát triển của ASEAN ?
2. Mối quan hệ Việt Nam-ASEAN diễn ra nh thế nào từ 1967-1992 ?

Chương III. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA ASEAN (AC) VÀ MỐI QUAN HỆ VIỆT NAM ASEAN (AC) (1991- đến nay) (9.12)

3.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực sau chiến tranh lạnh và sự điều chỉnh chính sách của các nước lớn và các nước trong khu vực.

+ Bối cảnh quốc tế và khu vực sau chiến tranh lạnh.

+ Sự điều chỉnh chính sách của các nước lớn và các nước trong khu vực.

3.2. Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN 4 (Xingapo, 27-2-1992), kết nạp Việt Nam (28-7-1995), ASEAN mở rộng tổ chức.

+ Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN 4.

+ Kết nạp Việt Nam, ASEAN mở rộng tổ chức.

3.3. Hợp tác ASEAN và các bên đối tác: AFTA, ARF, ASEM, ASEAN +3, APEC...

+ AFTA

+ ARF

+ ASEM...

3.4. Cộng đồng ASEAN

+ Cộng đồng chính trị an ninh

+ Cộng đồng kinh tế.

+ Cộng đồng văn hoá-xã hội

3.5. Hiến chương ASEAN

+ Bối cảnh ra đời

+ Nội dung cơ bản

+ Ý nghĩa

* Câu hỏi thảo luận và tự học.

1. Hãy nêu những nét chính về những thuận lợi và khó khăn khi ASEAN 6 phát triển thành ASEAN 10 ?

2. Hãy đánh giá vai trò của ASEAN trong quan hệ quốc tế và an ninh ở Đông Nam Á từ sau chiến tranh lạnh đến nay.

3. Quá trình thành lập, nội dung, mục tiêu, triển vọng của Cộng đồng ASEAN.

4. Hãy so sánh những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai tổ chức ASEAN và EU.

* Tự nghiên cứu:

Sinh viên sưu tầm nội dung cơ bản của các kì Hội nghị Thượng đỉnh từ lần thứ 4 đến nay.

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

9.1. Giáo trình chính

1. Bộ ngoại giao, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), NXB Chính trị quốc gia, H, 1995.

2. Vũ Dương Ninh, Việt Nam - ASEAN quan hệ song phương và đa phương, NXB Chính trị quốc gia, H, 2004.

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Các nước Đông Nam Á, lịch sử và hiện tại, NXB Sự thật, 1990

2. Phan Ngọc Liên, Lược sử các nước Đông Nam Á, NXBGD, 1998

3. D.G.E. Hall, Lịch sử Đông Nam Á, NXB CTQG, H, 1997.

4. Clive J. Christie Lịch sử Đông Nam Á hiện đại, NXB CTQG, H, 2000

9.43. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. CÁC CUỘC CẢI CÁCH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

- Mã học phần:

- Số tín chỉ: 03 (27, 36)

- Bộ môn phụ trách: Lịch sử

- Học phần tiên quyết: Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay

1. Mô tả học phần

Chuyên đề này giúp SV có nhận thức đúng đắn về Lịch sử luận các cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam. Sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của 10 cuộc cải cách, đổi mới trong LSĐT về điều kiện lịch sử, nhân vật tiến hành, thành tựu và tác động của nó đối với sự phát triển của dân tộc. Từ đó, liên hệ với hiện tại nhằm khẳng định đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước từ 1986 đến nay; các vấn đề đang đặt ra trong công cuộc đổi mới hiện nay.

Năng lực đạt được:

- Sinh viên phân tích được 10 cuộc cải cách, đổi mới lớn trong lịch sử Việt Nam, bao gồm: thời điểm lịch sử thực hiện cải cách, đổi mới; Nhân vật lịch sử thực hiện cuộc cải cách, đổi mới; Nội dung và thành tựu, tác dụng cuộc cải cách, đổi mới

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức :

- Sinh viên hiểu và vận dụng được kiến thức cần thiết để nhận dạng một vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế.

- Sinh viên nhận thức được những khái niệm cơ bản về các cuộc cải cách, đổi mới và cách mạng- Những phạm trù lịch sử và biện chứng

- Vận dụng thành tựu trên vào công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá thành công và hạn chế của các cuộc cải cách, đổi mới

- Có kỹ năng phát hiện, thiết lập vấn đề nghiên cứu kinh tế xã hội.

- Có kỹ năng thu thập, phân tích, xử Lý lịch sử thông tin kinh tế và thuyết trình.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Biết trân trọng những nhân vật góp phần làm nên lịch sử của dân tộc.

- Thấy được các bài học kinh nghiệm để vận dụng vào công cuộc đổi mới đất nước hiện nay

2.4. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có khả năng tự phân tích vấn đề, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực kinh tế xã hội.

3. Nội dung học phần

Phần I. Nội dung về Lịch sử thuyết và thảo luận

Phần thứ nhất

Nhận thức Lịch sử luận

1.Cải cách, đổi mới và cách mạng những phạm trù lịch sử và biện chứng (1,1)

1.1. Cách mạng

1.2. Cải cách

1.3. Đổi mới

Phần thứ hai: Mười cuộc cải cách, đổi mới lớn trong lịch sử Việt Nam

CHƯƠNG 1: CẢI CÁCH CỦA HỌ KHÚC VỚI SỰ NGHIỆP GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC THẾ KỶ X(2,3)

1.1. Thời điểm lịch sử thực hiện cải cách

1.2. Nhân vật lịch sử thực hiện cải cách

1.3.. Thực hiện cải cách để củng cố độc lập, phát triển đất nước

1.4.Thành công và hệ quả lâu dài của cải cách

CHƯƠNG 2: SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI CỦA LỊCH SỬ CÔNG UÂN ĐỔI MỚI TRIỀU ĐẠI – ĐỔI MỚI ĐẾ ĐÔ- ĐỔI MỚI XÃ(3,3)

2.1. Thời điểm lịch sử của sự nghiệp “đổi mới”

2.2. Nhân vật lịch sử thực hiện đổi mới

2.3. Ba sự nghiệp đổi mới:

a, Đổi mới triều đại

b, Đổi mới đế đô

c, Đổi mới xã hội

CHƯƠNG 3: TRẦN THỦ ĐỘ: ĐỔI MỚI XÃ HỘI CÙNG CỐ VƯƠNG TRIỀU – CHIẾN THẮNG NGOẠI XÂM (2,3)

- 3.1. Thời điểm lịch sử
 - 3.1.1. Khủng hoảng cung đình
 - 3.1.2 Khủng hoảng xã hội
 - 3.1.3 Ngoại xâm tàn phá, quấy rối biên cương
- 3.2. Nhân vật lịch sử thực hiện đổi mới
- 3.3. Nội dung và thành tựu đổi mới
 - 3.3.1. Đổi mới vương triều
 - 3.3.2. Đổi mới cơ chế quản lý xã hội
 - 3.3.3. Đổi mới về kinh tế
 - 3.3.4. Đổi mới văn hóa
- 3.4. Nhận xét đánh giá

CHƯƠNG 4: CẢI CÁCH XÃ HỘI CỦA HỒ QUÝ LY- THÀNH CÔNG VÀ HẠN CHẾ (3,3)

- 4.1. Những tiền đề yêu cầu phải cải cách:
 - 4.1.1 Tiền đề bên ngoài
 - 4.1.2. Mâu thuẫn sâu sắc bên trong:
 - Mâu thuẫn trong cơ cấu xã hội
 - Khủng hoảng hệ tư tưởng phong kiến và thiết chế chính trị
- 4.2. Vị thế xã hội của Hồ Quý Ly và thời điểm lịch sử tiến hành cải cách
- 4.3. Nội dung cải cách của Hồ Quý Ly
 - 4.3.1. Đổi mới triều đại, giải quyết khủng hoảng cung đình
 - 4.3.2. Cải cách thiết chế chính trị - xã hội và hệ tư tưởng phong kiến
 - 4.3.3. Cải cách kinh tế - xã hội:
 - Cải cách quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất, chủ yếu là quan hệ ruộng đất bằng chính sách “hạn điền”
 - Cải cách quan hệ sở hữu sức lao động bằng biện pháp “hạn nô”
 - Cải cách tiền tệ - phát hành tiền giấy
 - Cải cách về văn hóa – giáo dục
 - Cải cách về quân sự
 - 4.4. Một vài suy nghĩ về nguyên nhân mất nước
 - 4.4.1 Hạn chế khách quan
 - 4.4.2 hạn chế chủ quan

CHƯƠNG 5: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH THỜI LÊ THÁNH TÔNG – XÂY DỰNG MỘT NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN THỊNH TRỊ (3,3)

- 5.1. Yêu cầu lịch sử phải tiến hành cải cách
 - 5.1.1. Bối cảnh lịch sử
 - 5.1.2. Những yếu kém về quản lý xã hội và tiền đề về kinh tế
 - 5.1.3. Tiền đề bên ngoài
- 5.2. Nội dung cải cách
 - 5.2.1, Trước tiên là việc phân cấp quản lý đất đai
 - 5.2.2, Nhiệm vụ trung tâm của cải cách là xây dựng cho được một cơ cấu tổ chức hành chính, đáp ứng được yêu cầu độc lập, tự chủ và phát triển đất nước
 - 5.2.3, Xây dựng đội ngũ quan lại có chất lượng tốt trong bộ máy hành chính
 - 5.2.4, Định rõ qui tắc vận hành của bộ máy hành chính, qui chế phẩm phục triều nghi và ban hành hình luật
 - 5.2.5, Về văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa cử

CHƯƠNG 6: ĐÀO DUY TỪ- ĐỔI MỚI VỊ THẾ CỦA MÌNH ĐỂ GÓP PHẦN ĐỔI MỚI XÃ HỘI (2,3)

- 6.1. Tìm đường lập thân trước một xã hội khủng hoảng, trì trệ
- 6.2. Đào Duy Từ góp phần đổi mới xã hội Đàng Trong – dựng xây nên một nửa phần rất năng động của đất nước
- 6.3. Thành tựu cụ thể
- 6.4. Nhận xét đánh giá

CHƯƠNG 7: CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CỦA TRỊNH CƯƠNG (1716 – 1729) MỘT GIẢI PHÁP TÌNH THẾ CÓ HIỆU LỰC (2,3)

- 7.1. Bối cảnh lịch sử của việc tiến hành cải cách
- 7.2. Nhân vật lịch sử thực hiện cải cách
 - 7.2.1. Điều đáng quý nhất là tinh thần “quyết đoán”, “dám khẳng định quyền uy của mình” để thực hiện cải cách
 - 7.2.2. Phẩm chất thứ hai là có tác phong sâu sát, có đức tính chăm chỉ, cần mẫn
 - 7.2.3. Phẩm chất thứ ba là quý trọng nhân tài, biết dùng người giỏi
- 7.3. Nội dung Cải cách tài chính (1716 – 1729)
 - 7.3.1. Xoá bỏ phép “Bình lệ”
 - 7.3.2. Định phép chia đều thuế khóa và tạp dịch cho cả đình và điền
 - 7.3.3. Đánh thuế ruộng tư
 - 7.3.4. Thu thuế khai thác
 - 7.3.5. Giảm bớt viên chức để giảm chi lương bổng
 - 7.3.6. Thi hành phép đánh thuế tô, dung, điệu
 - 7.3.7. Đặt thêm sở tuần ti ở các trấn để tận thu thuế thương nghiệp
 - 7.3.8. Thu thuế các loại thổ sản khác, ngoài quế, đồng và muối (đã nói)
 - 7.3.9. Thu thuế đất ở đô thị
 - 7.3.10. Định ra các thể lệ giảm, miễn thuế
- 7.4. Thành quả của cải cách

CHƯƠNG 8: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA MINH MỆNH – THÀNH CÔNG VÀ HẠN CHẾ (3,3)

- 8.1. Những tiền đề dẫn tới cải cách
- 8.2. Quá trình và phương châm, phương pháp thực hiện cải cách
 - 8.2.1. Củng cố hệ tinh thần Khổng Giáo, Tống Nho
 - 8.2.2. Cải cách việc phân chia địa giới hành chính và các cấp bậc hành chính
- 8.3. Nội dung và thành tựu của cuộc cải cách
 - 8.3.1. Cải cách bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương
 - 8.3.2. Hiệu lực của bộ máy hành chính sau cải cách
 - + Ở cấp trung ương
 - + Giữa trung ương với các địa phương
 - + Quyền giám sát của Kinh lược đại sứ
- 8.4. Những hạn chế của cải cách
 - 8.4.1. Hạn chế thứ nhất và cơ bản nhất là không thay đổi được tư duy
 - 8.4.2. Hạn chế thứ hai là chú trọng củng cố vương quyền hơn là cải thiện dân sinh
 - 8.4.3. Tư tưởng củng cố đế nghiệp phong kiến đã lỗi thời trước yêu cầu phải mở cửa nhìn rộng ra thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây
 - 8.4.4. Kết luận chung

CHƯƠNG 9: TƯ DUY CẢI CÁCH CỦA NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - TƯ DUY ĐỔI MỚI CỦA THẾ KỈ XIX (4,3)

- 9.1. Thời điểm ra đời của “tư duy cải cách Nguyễn Trường Tộ”
- 9.2. Con người Nguyễn Trường Tộ với tư cách nhà đề xướng cải cách
 - 9.2.1. Nguyễn Trường Tộ - một trí thức bình dân thông minh, ham học
 - 9.2.2. Nguyễn Trường Tộ - một nhà yêu nước giàu lòng tự tôn, tự hào dân tộc, có tinh thần dũng cảm, dám nói, dám làm
 - 9.2.3. Nguyễn Trường Tộ - một nhà yêu nước không màng công danh, phú quý, đặt chữ “trung” lên trên chữ “hiếu”
 - 9.2.4. Nguyễn Trường Tộ - một nhà cải cách đi từ đổi mới tư duy đến đổi mới hành động
 - Tính ưu việt trong tư duy cải cách của Nguyễn Trường Tộ
 - Nhược, khuyết điểm của Nguyễn Trường Tộ
- 9.3. Công hiến của Nguyễn Trường Tộ đối với dân tộc
 - 9.3.1. Coi trọng phát triển lực lượng sản xuất xã hội
 - 9.3.2. Phát triển khoa học, kỹ thuật, công nghệ, đặc biệt coi trọng việc chuyển giao công nghệ

CHƯƠNG 10: PHONG TRÀO ĐỔI MỚI ĐẦU THẾ KỈ XX – NHỮNG CÔNG HIẾN MỚI VÀO TIẾN BỘ XÃ HỘI (2,3)

10.1. Thời điểm lịch sử

10.2. Phong trào đổi mới

- 10.2.1. Phan Bội Châu với Duy Tân Hội – Phong trào Đông Du – Việt Nam Quang Phục Hội
- 10.2.2. Phan Châu Trinh với cao trào đấu tranh đòi cải cách
- 10.2.3. Lương Văn Can với phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục (3/1907-12/1907)
- 10.2.4. Huỳnh Thúc Kháng với cuộc vận động cải lương yêu nước – tiếp nối phong trào Duy Tân đầu thế kỉ
- 10.3. Những công hiến vào phong trào đổi mới của Huỳnh Thúc Kháng.
 - 10.3.1. Đổi mới tư duy biểu hiện trong hoạt động cải lương yêu nước
 - 10.3.2. Cải mới trong biện pháp hành động
 - 10.3.3. Quan điểm của ĐCSVN với Huỳnh Thúc Kháng từ 1930-1946

Phần thứ ba: LIÊN HỆ VỚI HIỆN TẠI

1. ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI CỦA ĐẢNG – ĐẠI HỘI MỞ ĐẦU CHO THỜI KÌ ĐỔI MỚI(2,3)

- 1.1. Đại hội – một Diên Hồng dựng nước
- 1.2. Đại hội thành công về đổi mới tư duy
- 1.3. Đại hội – sự bàn giao thế hệ
- 1.4. Đại hội - mở đầu cho nấc thang mới của thời kì quá độ

2. MẤY VẤN ĐỀ VỀ HIỆN THỰC CÔNG NHÂN – NÔNG DÂN – TRÍ THỨC – VĂN HOÁ – NHÀ NƯỚC(2,3)

- 2.1. Công nhân ta trong đổi mới
- 2.2. “Dân chủ và kỉ cương”, “ổn định và phát triển” trong đổi mới nông thôn
- 2.3. Trí thức Việt Nam và “vận động trí thức” trong đổi mới
- 2.4. Xây dựng con người văn hoá Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới
- 2.5. Đổi mới cơ cấu xã hội, bổ sung thiết chế xã hội góp phần làm lành mạnh tổ chức của Đảng, cơ chế của Nhà nước

Phần II. Nội dung bài tập lớn, tiểu luận (0, 10)

Lựa chọn một vấn đề nghiên cứu khoa học liên quan đến chuyên ngành được đào tạo, xây dựng đề cương chi tiết, trình bày và bảo vệ quan điểm.

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Văn Tạo (2006), *Mười cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam*, Nxb Đại học Sư Phạm.
2. Trương hữu Quỳnh(2000), *Mười cuộc cải cách trong lịch sử dân tộc*, Nxb ĐHQG,HN.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Tôn Quang Phiệt(1957), *Phan Bội Châu, Phan châu Trinh*, Nxb KHXH, HN.
2. Lê Minh Quốc(2000), *Những nhà cải cách VN*, TPHCM Nxb Trẻ,
3. Đặng Huy Vận, Trương Thâu(1961), *Những đề nghị của Nguyễn Trường Tộ cuối TK XIX*, H Giáo dục.
4. Trần Bá Đệ (2000), *Đổi mới đất nước 1986 đến nay*, Nxb Giáo dục, HN.
6. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên)(2001), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB GD, HN.

B. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ RUỘNG ĐẤT TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 3 (27, 36)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử, khoa KHXH, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử thế giới hiện đại

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Trang bị kiến thức cho sinh viên về chính sách, biện pháp của của các thời kỳ lịch sử Việt Nam nhằm quản lý đất đai cũng như tình hình sở hữu, sử dụng, chiếm hữu đất đai..., đánh giá những tác động của vấn đề ruộng đất đối với quốc

gia dân tộc trên tất cả các phương diện: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... Rút ra những đặc điểm chung và riêng của chế độ ruộng đất qua các thời kỳ lịch sử.

- Năng lực đạt được: Nắm vững được các chính sách về ruộng đất, tình hình sở hữu, chiếm hữu và sử dụng đất đai qua các thời kỳ lịch sử dân tộc; Tác động của vấn đề ruộng đất đối với đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của quốc gia dân tộc. từ thời kỳ dựng nước đến thời kỳ đổi mới;

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- *Kiến thức:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Chính sách quản lý ruộng đất trên phạm vi toàn bộ lãnh thổ qua các thời kỳ lịch sử dân tộc; nắm một cách hệ thống về tình hình sở hữu, chiếm hữu, sử dụng đất đai... và tác động của vấn đề ruộng đất đối với đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của quốc gia dân tộc từ thời kỳ dựng nước đến đổi mới hiện nay.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Học phần trang bị cho viên viên phương pháp tiếp cận, khai thác xử lý tư liệu, xây dựng đề cương để nghiên cứu, giảng dạy về vấn đề ruộng đất; kỹ năng phân tích đánh giá tác động của vấn đề ruộng đất đối với quốc gia dân tộc.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

Góp phần xây dựng thế giới quan khoa học, biết quý trọng và gìn giữ nguồn tài nguyên, đất đai quý giá của dân tộc.

2. 4. Về năng lực: Góp phần hình thành cho SV năng lực tự học, tự chủ tiếp cận và giải quyết vấn đề; năng lực đánh giá tác động của vấn đề ruộng đất đến kinh tế nông nghiệp và đời sống xã hội qua các thời kỳ lịch sử. Đồng thời, vận dụng những kiến thức học phần để giải quyết các vấn đề về ruộng đất và cuộc sống đặt ra trong thời kỳ Hội nhập quốc tế.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. CHÍNH SÁCH RUỘNG ĐẤT QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ DÂN TỘC (11. 14)

1.1. Khái quát về vấn đề ruộng đất ở Việt Nam trước thế kỷ XI

1.1.1.. Khái quát về vấn đề ruộng từ thời Văn Lang - Âu Lạc đến thế kỷ X

1.1.2. Vài nét về vấn đề ruộng đất từ năm 905 đến năm 1009

1.2. Chính sách ruộng đất của các triều đại: Lý - Trần - Hồ

1.2.1. Thời Lý (1009 -1225)

2.1.2. Thời Trần (1225 -1400)

2.1.3. Thời Hồ (1400 -1407)

1.3. Chính sách ruộng đất từ thời Lê đến thời Nguyễn

1.3.1. Chính sách thời Lê sơ (1427 -1527)

1.3.2 Chính sách ruộng đất thời Mạc

1.3.3. Chính sách ruộng đất của vua Lê - chúa Trịnh ở Đàng ngoài

1.3.4. Chính sách ruộng đất của các chúa Nguyễn ở Đàng trong

1.3.5. Chính sách ruộng đất vương triều Tây Sơn

1.3.5. Chính sách ruộng đất của vương triều Nguyễn (1802 -1884)

1.4. Chính sách ruộng đất từ 1884 đến nay

1.4.1. Chính sách ruộng đất thời thuộc Pháp

1.4.2. Chính sách ruộng đất từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến nay

Chương 2. CÁC HÌNH THỨC SỞ HỮU, CHIÊM HỮU, SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ (9.12)

2.1. Các hình thức sở hữu đất đai

2.1.1. Đất đai thuộc sở hữu nhà nước

2.1.2. Đất đai thuộc sở hữu công làng xã

2.1.3. Đất đai thuộc sở hữu tư nhân

2.1.4. Các loại hình sở hữu đất đai khác

2.2. Tình trạng chiếm hữu và sử dụng đất đai ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử

2.2.1. Thời kỳ trước thế kỷ XI

2.2.2. Thời Lý -Trần - Hồ

2.2.3. Thời Lê Sơ và thời Mạc

2.2.4. Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII

2.2.5. Thời Nguyễn (1802 - 1884)

2.2.6. Từ kỳ thuộc Pháp (1884 đến 1945)

2.2.7. Từ 1945 đến nay

Chương 3. TÁC ĐỘNG CỦA RUỘNG ĐẤT ĐỐI VỚI KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI VIỆT NAM (7. 10)

3.1. Tác động của ruộng đất đối với kinh tế

3.1.1. Đối với nông nghiệp

3.1.2. Đối với tiểu thủ công nghiệp và buôn bán trao đổi

3.2. Tác động của ruộng đất đối với chính trị - xã hội

3.2.1. Tác động của ruộng đất đối với chính quyền trung ương

3.2.2. Tác động của ruộng đất đối với các tầng lớp, giai cấp trong xã hội

3.3. Tác động của ruộng đất đối với sự phát triển giáo dục

3.4. Tác động của ruộng đất đối với tín ngưỡng, tôn giáo

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Phương pháp chủ yếu là học qua trải nghiệm với các hoạt động chủ yếu là làm việc nhóm, thảo luận... SV chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập với sự tư vấn, định hướng và tổ chức các hoạt động học tập của giảng viên.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Viện sử học (1977), *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử*. tập 1, Nxb KHXH, HN.
2. Viện sử học (1978), *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử*. tập 2, Nxb KHXH, HN.
3. Phan Huy Lê, Phan Đại Doãn (1981), *Tình hình ruộng đất ở nước ta từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIX*, 2 tập, Nxb KHXH, HN.

9.2. Sách tham khảo:

1. Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời* (1993), Nxb Thuận Hóa, Huế.
2. Nguyễn Trãi toàn tập (1977), NXB KHXH, HN.
3. Phan Huy Chú (2003), *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb KHXH, HN.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Nxb KHXH, HN.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb Giáo dục, HN.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn (1992), *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
7. Bùi Xuân Đỉnh (1985), *Lệ làng phép nước*, Nxb Pháp lý, HN.

9.44. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM

- Mã học phần: 124088
- Số tín chỉ: 2 (18, 24)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử, khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: học sau học phần Lịch sử Việt Nam hiện đại

1. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức toàn diện, cơ bản, hệ thống về quá trình xây dựng và hình thành đường lối CMDTDC nhân dân của Đảng và thực tiễn của đường lối đó. Từ đó rút ra những nhận xét, đánh giá. Nhìn lại việc nghiên cứu Lịch sử luận và thực tiễn của đường lối.

Năng lực đạt được: Người học phân tích được bối cảnh, đặc điểm, nội dung, tác động của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam, có tiềm lực để học tập, nghiên cứu Lịch sử Việt Nam và thế giới ở trình độ cao hơn.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức toàn diện, cơ bản, hệ thống về quá trình xây dựng và hình thành đường lối CMDTDC nhân dân của Đảng và thực tiễn của đường lối đó.

Từ đó rút ra những nhận xét, đánh giá. Nhìn lại việc nghiên cứu Lịch sử luận và thực tiễn của đường lối.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Rèn luyện cho sinh viên phương pháp nghiên cứu các vấn đề lịch sử đường lối.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Biết trân trọng những nhân vật góp phần làm nên lịch sử của dân tộc.
- Thấy được các bài học kinh nghiệm để vận dụng vào công cuộc đổi mới đất nước hiện nay

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Quá trình xây dựng và hình thành đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của Đảng Cộng sản Việt Nam. (8,10)

I. Những luận điểm tư tưởng của Hồ Chí Minh đã đặt nền móng cho việc hình thành đường lối CMDTDCND.

- Khái niệm.
- Những luận điểm tư tưởng Hồ Chí Minh đặt nền tảng cho việc hình thành đường lối

II. Đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của Đảng được xây dựng và hình thành

- Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng
- Luận cương chính trị tháng 10-1930 của Đảng do đồng chí Trần Phú soạn thảo.

Chương 2. Đường lối của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của Đảng được bổ sung, phát triển và hoàn chỉnh qua các thời kỳ cách mạng. (11, 14)

I. Thời kỳ Đảng lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giành chính quyền cách mạng (1930-1945)

- Thời kỳ 1930-1931
- Thời kỳ 1932-1935
- Thời kỳ 1936-1939
- thời kỳ 1939-1945

II. Đảng lãnh đạo nhân dân ta kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược

- Thời kỳ kháng chiến chống Pháp xâm lược 1946-1954.
- Thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược 1954-1975

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Trường Chinh, *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, Trường Chinh, Nxb Sự thật, HN, 1975

9.2. Sách tham khảo

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, H, 2000.

2. Lê Duẩn, *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, NXB Sự thật, HN, 1970

3. Lê Duẩn, *Thư vào Nam*, Nxb Sự Thật, HN, 1995.

4. Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và T tởng Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị Quốc gia, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 1+2, Nxb Chính trị Quốc gia, HN, 1995.

B. LÀNG XÃ VIỆT NAM

- Mã học phần: 124089
- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Bộ môn phụ trách: Lịch sử
- Học phần tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về làng xã Việt Nam qua các thời kỳ: các nhân tố tác động (yếu tố tự nhiên, chính trị và xã hội) trong quá trình hình thành và phát triển của làng xã.

- Học phần tập trung trình bày về lịch sử hình thành phát triển của làng xã, phân tích vị trí, vai trò của làng xã đối với lịch sử dân tộc, nêu một số đặc điểm, tính chất của làng xã, phương pháp tiếp cận nghiên cứu về làng xã.

- Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Phần Lịch sử luận cơ bản về quá trình hình thành làng xã trong lịch sử; Phần nội dung kiến thức cơ bản về diện mạo, vị trí và đặc điểm của làng xã; Phần thực tế, thực địa khảo sát một số làng xã tiêu biểu Việt Nam.

- Học phần thuộc khối kiến thức ngành và là một trong số 6 học phần tự chọn thay thế tốt nghiệp. Đối với SV không đủ điều kiện hoặc không làm khoá luận tốt nghiệp, học phần được học kế tiếp sau khi SV hoàn thành các học phần chuyên ngành và kết thúc trước khi thực tập sư phạm.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày được quá trình hình thành làng xã trong lịch sử Việt Nam. Đặc trưng của làng xã qua các thời kỳ: Quá trình hình thành, cấu trúc, diện mạo làng xã, kết cấu dân cư, đời sống kinh tế- xã hội, văn hóa, tư tưởng...

- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Lịch sử hình thành, phát triển của làng xã Việt Nam; Phân tích, đánh giá vai trò vị trí của làng xã trong công cuộc dựng nước và giữ nước, một số đặc điểm chung và riêng của làng xã.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Học phần trang bị cho người học phương pháp tiếp cận, khai thác các nguồn tư liệu để nghiên cứu về lịch sử hình thành và phát triển của làng xã, kỹ năng phân tích đánh giá vai trò, vị trí của làng xã đối với quốc gia dân tộc, rút ra những đặc điểm chung và riêng của làng xã.

- Tổng hợp kiến thức và hiểu biết về lịch sử làng xã, các nhân tố tác động về kinh tế- xã hội để phân tích và giải thích các đặc điểm của làng xã Việt Nam.

- Vận dụng những tri thức đã học, đưa ra những giải pháp để xây dựng làng văn hoá, nông thôn Việt Nam hiện đại.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung học phần

Chương 1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA LÀNG XÃ VIỆT NAM

(4,6)

1.1. Làng xã Việt Nam trước thế kỷ X

1.1.1. Làng xã thời Văn Lang - Âu Lạc

1.1.2. Làng xã Việt Nam thời Bắc thuộc (179 TCN - 905)

1.2. Làng xã Việt Nam từ thế kỷ X đến cuối thế kỷ XIX

1.2.1. Làng xã Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XV

1.2.2. Làng xã Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII

1.2.3. Làng xã Việt Nam từ đầu thế kỷ XIX đến 1884

1.3. Vài nét về làng xã Việt Nam thời cận - hiện đại

1.3.1 Khái quát về làng xã Việt Nam thời cận đại

1.3.2. Vài nét về làng xã Việt Nam thời hiện đại.

Chương 2. DIỆN MẠO CỦA LÀNG XÃ VIỆT NAM (8,8)

2.1. Cơ cấu của làng Việt cổ truyền

2.1.1. Dân cư và các mối quan hệ chủ yếu của cư dân làng xã

2.1.2. Kết cấu kinh tế ở làng xã

2.1.3. Kết cấu xã hội

2.2. Văn hoá làng xã

2.2.1. Văn hoá vật chất

2.2.2. Văn hoá tinh thần

Chương 3. VỊ TRÍ, VAI TRÒ VÀ MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA LÀNG XÃ VIỆT NAM

(6,10)

3.1. Vị trí, vai trò của làng xã đối với lịch sử dân tộc

3.1.1. Làng xã trong công cuộc trị thủy- thủy lợi

3.1.2. Làng xã trong sự nghiệp đấu tranh chống ngoại xâm

3.1.3. Làng xã với việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá vật chất và tinh thần

3.2. Một số đặc điểm của làng xã

3.2.1. Một số đặc điểm chung

3.2.2. Một số đặc điểm riêng

3.3. Một số vấn đề về làng xã hiện nay

3.3.1. Những giá trị văn hoá truyền thống của làng xã cần được phát huy

3.3.2. Những tồn tại, hạn chế của làng xã cần khắc phục

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính

1. Nguyễn Quang Ngọc (2009), *Một số vấn đề làng xã Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

9.2. Sách tham khảo

1. Vũ Minh Giang, *Lịch sử Việt Nam truyền thống và hiện đại* (2009), NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
2. Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam- Viện sử học (1997), *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử* (Nghiên cứu xã hội nông thôn truyền thống), (2 tập) NXB KHXH, Hà Nội.
3. Hoàng Chí Bảo (Chủ biên) (2004), *Hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Phan Đại Doãn, Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên) (1993), *Kinh nghiệm tổ chức quản lý Lịch sử nông thôn Việt Nam trong lịch sử*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Bùi Xuân Đỉnh, *Hành trình về làng Việt cổ* (2008), NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
6. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2001), *Cộng đồng làng xã Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Vũ Ngọc Khánh (Chủ biên) (2001), *Làng văn hoá cổ truyền Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

9.45. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN ĐẠI

- Mã học phần: 124083
- Số tín chỉ: 02 (18, 24)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử, Khoa Khoa học xã hội, Trường Đại học Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành các học phần Lịch sử thế giới

1. Mô tả học phần

Ngoài phần mở đầu giới thiệu khái quát về học phần, những vấn đề cần lưu ý khi học tập, nghiên cứu học phần này, học phần cung cấp những kiến thức về các giai đoạn phát triển của CNTB từ 1919 đến nay, đặc biệt là từ 1945 đến nay, những biểu hiện mới của CNTB như vấn đề toàn cầu hóa, cách mạng khoa học công nghệ, các công ty xuyên quốc gia...; tác động của các yếu tố này đến các nước tư bản nói riêng và nhân loại nói chung. Học phần cũng tìm hiểu những vấn đề nội tại của CNTB như: phong trào công nhân trong một số quốc gia tư bản chủ yếu, mâu thuẫn của CNTB... Từ đó người học có những nhận thức mới về CNTB trong thời kì hiện đại và đưa ra những nhận định về xu hướng phát triển của CNTB trong tương lai

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Qua học phần này SV nắm vững các vấn đề sau:
- Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản (CNTB) từ 1919 đến 1945, 1945 đến 1973 và từ 1973 đến nay
 - CNTB hiện đại và những bước phát triển mới của nó: cách mạng khoa học kỹ thuật, xu thế toàn cầu hóa, các công ty xuyên quốc gia...; những tác động to lớn của các yếu tố này ở các nước TBCN
 - Tính chất, đặc điểm của CNTB hiện đại

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Tập hợp, khai thác, xử Lịch sử tư liệu
- Có kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng khác nhau trong lòng CNTB
- Rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu khoa học lịch sử.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương I: Khái quát về CNTB (3, 2)

- I. Một số vấn đề chung
- II. Sự thay thế chế độ phong kiến bằng CNTB là một tất yếu lịch sử
- III. Những chặng đường phát triển của CNTB thời cận đại
 1. CNTB tự do cạnh tranh
 2. Chủ nghĩa đế quốc
- IV. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mac-Lenin về CNTB

Chương II. CNTB giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (3, 3)

- I. Bối cảnh chung của tình hình thế giới sau Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917
 - II. Sự khủng hoảng chính trị của CNTB sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1918-1923)
 1. Tình hình chung
 2. Đức
 - III. CNTB trong thời kì ổn định (1924-1929)
 1. Ổn định kinh tế
 2. Ổn định về chính trị
 - IV. Cuộc khủng hoảng kinh tế TBCN (1929-1933)

Chương III: CNTB từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay (4, 3)

- I. Khái quát chung
 1. Tình hình thế giới sau chiến tranh
 2. Sự thay đổi tương quan lực lượng trong thế giới tư bản giai đoạn 1945-1973
 3. Khủng hoảng năng lượng 1973
 4. Các nước tư bản từ đầu thập niên 90 thế kỉ XIX đến nay
- II. Mỹ
 1. Tình hình kinh tế
 2. Sự phát triển khoa học kĩ thuật, quân sự và văn hóa
 3. Chính trị xã hội
 4. Chính sách đối ngoại
- III. Các nước tư bản Châu Âu từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay
- IV. Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay
 1. Sự phát triển kinh tế, văn hóa và khoa học kĩ thuật
 2. Tình hình chính trị và chính sách đối ngoại.

Chương IV: Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước (2, 2)

- I. CNTB độc quyền nhà nước và nguyên nhân hình thành
 1. Khái niệm và bản chất của CNTB độc quyền nhà nước
 2. Nguyên nhân ra đời
- II. Những đặc điểm kinh tế chủ yếu
 1. Kinh tế tư bản nhà nước và sở hữu nhà nước tư sản
 2. Sự điều chỉnh kinh tế của nhà nước tư sản
- III. Vai trò và xu hướng vận động của CNTB độc quyền nhà nước
 1. Vai trò của CNTB độc quyền nhà nước

2. Xu hướng vận động.

Chương V: Toàn cầu hóa (3, 3)

I. Khái niệm

1. Toàn cầu hóa
 2. Toàn cầu hóa kinh tế
- II. Bản chất của toàn cầu hóa kinh tế
- III. Tác động của toàn cầu hóa kinh tế
1. Tác động tích cực
 2. Tác động tiêu cực

Chương VI: Các công ty xuyên quốc gia (4, 3)

I. Khái niệm

II. Sự hình thành các công ty xuyên quốc gia

III. Vai trò của các công ty xuyên quốc gia trong nền kinh tế thế giới

Chương VII: Cách mạng khoa học công nghệ (4, 3)

và xu thế phát triển mới của lực lượng sản xuất

I. Cách mạng khoa học công nghệ

1. Khái niệm
2. Lịch sử phát triển
3. Đặc thù của cách mạng khoa học và công nghệ
4. Tác động của cách mạng khoa học công nghệ đối với kinh tế xã hội

II. Kinh tế tri thức

Chương VIII: Khủng hoảng kinh tế TBCN (4, 4)

I. Quan điểm về khủng hoảng kinh tế TBCN

II. Những yếu tố tác động đến khủng hoảng của CNTB

III. Những đặc trưng mới của khủng hoảng chu kì CNTB hiện đại

IV. Khủng hoảng tài chính, tiền tệ châu Á

1. Thực chất của khủng hoảng
2. Nguyên nhân khủng hoảng
- V. Tác động của các cuộc khủng hoảng kinh tế TBCN và những bài học đối

với Việt Nam

1. Tác động của khủng hoảng
2. Những bài học đối với Việt Nam

Chương IX: Tiềm năng, giới hạn và mâu thuẫn của CNTB hiện đại (4, 3)

I. Tiềm năng của CNTB hiện đại

1. Biểu hiện của những tiềm năng
2. Nguyên nhân của việc khai thác được những tiềm năng

II. Giới hạn của CNTB hiện đại

III. Mâu thuẫn của CNTB hiện đại

Chương X: Đặc điểm của CNTB hiện đại (3, 2)

I. CNTB đang trong bước quá độ từ cơ sở vật chất truyền thống sang cơ sở vật chất hoàn toàn mới về chất

II. Quá trình tập trung hóa

III. Biến đổi trong đội ngũ người lao động

IV. Vai trò kinh tế của nhà nước có những thay đổi

V. Đa dạng hóa và quốc tế hóa các hình thức sở hữu

VI. Sự liên hợp quốc tế

VII. Quan hệ giữa các nước tư bản phát triển với các nước đang phát triển có những thay đổi

4. Yêu cầu của môn học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận

5. Phương pháp giảng dạy:

Sử dụng giáo án điện tử kết hợp thuyết giảng, trao đổi, thảo luận.

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính

9.1.1. Nguyễn Anh Thái, Chủ nghĩa tư bản hiện đại (3tập), NXB CTQG, HN, 1998

9.1.2. Đỗ Lộc Diệp, Đào Duy Quát..., Chủ nghĩa tư bản đầu thế kỉ XIX, NXB KHXH, HN, 2003

9.1.3. Đỗ Lộc Diệp (CB), Chủ nghĩa tư bản ngày nay: Mâu thuẫn nội tại, xu thế, triển vọng, NXB KHXH, HN, 2003

9.2. Sách tham khảo

9.2.1. Lê Văn Sang..., Chủ nghĩa tư bản hiện đại (3tập), NXB CTQG, HN, 1995

9.2.2. Lê Bộ Lĩnh (CB), Chủ nghĩa tư bản hiện đại: Khủng hoảng kinh tế và điều chỉnh, NXB KHXH, HN, 2002

9.2.3. Nguyễn Khắc Thân (CB), Tập bài giảng về chủ nghĩa tư bản hiện đại, NXB CTQG, HN, 2002

9.2.4. Viện thông tin khoa học xã hội, Chủ nghĩa tư bản mới hay những diện mạo của chủ nghĩa tư bản, NXB KHXH, 2002

B. ĐẶC ĐIỂM QUAN HỆ QUỐC TẾ TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ 2 (1945) ĐẾN NAY

- Mã học phần: 124385
- Số tín chỉ: 2 (18, 24)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử thế giới hiện đại

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm tình hình, đặc điểm của quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới lần thứ II (1945) đến nay. Nội dung học phần chỉ ra đặc trưng của mối quan hệ quốc tế trong giai đoạn này là quan hệ đối đầu giữa hai khuynh hướng phát triển tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa và Quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh

Năng lực đạt được: Sinh viên có quan điểm đúng đắn về các mối quan hệ quốc tế đã diễn ra từ 1945 đến nay, từ đó vận dụng những kinh nghiệm của các mối quan hệ quốc tế để giải quyết những vấn đề có liên quan trong giảng dạy và công tác.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ 2 là sự tổng hợp những mối quan hệ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội... của các chủ thể trong cộng đồng quốc tế, bao gồm các nhà nước, các tập đoàn chính trị, các tổ chức khu vực, các tổ chức quốc tế. Sinh viên cần nắm được 3 nội dung cơ bản sau đây:

Quá trình xác lập trật tự hai cực Ianta mà thực chất là sự phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa hai cực Xô-Mỹ, tình trạng chiến tranh lạnh và những biểu hiện của nó. Xu hướng hoà hoãn Đông-Tây, sự kết thúc tình trạng chiến tranh lạnh và sự giải thể trật tự hai cực Ianta.

Những nét khái quát về quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh, những mâu thuẫn mới nảy sinh và sự chuyển hoá của những mâu thuẫn cũ trong quan hệ quốc tế. Cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ sau sự kiện 11-9-2001 và tác động đối với quan hệ quốc tế.

Cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật sau chiến tranh thế giới thứ hai, xu thế toàn cầu hoá và tác động của nó đối với sự phát triển của quan hệ quốc tế.

2.2. Về kỹ năng: Học phần giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng

- Kỹ năng phân tích, đánh giá sự kiện lịch sử, liên hệ với tình hình giới đang diễn ra

- Cách tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học

- Sưu tầm, xử lý Lịch sử các nguồn tài liệu cần thiết cho học tập nghiên cứu

- Phân tích, khái quát, vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương I: Khái quát về quan hệ quốc tế trước năm 1945 (4, 6)

I. Khái niệm về quan hệ quốc tế và lịch sử hình thành quan hệ quốc tế

II. Quan hệ quốc tế giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

1. Sự hình thành thế giới mới sau CTTG I (1919-1929)

2. Hệ thống hòa ước Vecsxai (1919-1920)

3. Hệ thống hiệp ước Oasinhton (1921-1929)

4. Trật tự thế giới trong thập niên 20

5. Quan hệ quốc tế của nước Nga Xô viết sau cách mạng tháng Mười (1917-1929)

6. Sự sụp đổ của hệ thống Vecsxai-Oasinhton và con đường dẫn đến chiến tranh thế giới thứ hai (1929-1939)

7. Sự hình thành 3 lò lửa chiến tranh thế giới

8. Con đường dẫn đến chiến tranh thế giới thứ 2

9. Quan hệ quốc tế của LX trong thập niên 30

III. Quan hệ quốc tế trong chiến tranh thế giới thứ 2.

1. Đức tấn công Ba Lan, xâm chiếm các nước Bắc-Tây Âu

2. Phe trục cùng cố liên minh và mở rộng xâm lược ở Đông Nam Âu, Đông Á, Bắc Phi (9-40/6-41)

3. Quan hệ của LX với một số nước Đông Âu (1939-1940)

4. Sự hình thành mặt trận đồng minh chống phát xít

5. Phong trào kháng chiến của nhân dân các nước bị phát xít chiếm đóng

6. Hội nghị cấp cao Têhêran (11-43)

7. Hội nghị thượng đỉnh Ianta và Pôtxđam

8. Kết cục của chiến tranh thế giới thứ 2

Chương II: Sự hình thành và sụp đổ của trật tự thế giới hai cực Ianta (8, 10)

I. Sự hình thành trật tự thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai.

1. Hội nghị Ianta.

2. Hội nghị Pôtxđam và Hội nghị ngoại trưởng 5 cường quốc tại Matxcova.

3. Hội nghị Xan Phranxico và việc thành lập Liên Hợp Quốc

4. Hội nghị 5 ngoại trưởng 5 cường quốc tại Matsxcova

5. Cuộc đấu tranh trong QHQT nhằm thực hiện những nguyên tắc đã cam kết về việc thanh toán chiến tranh và tổ chức lại hòa bình thế giới sau chiến tranh.

II. Chiến tranh lạnh giữa hai cực Xô - Mỹ và hai khối Đông - Tây.

1. Chủ nghĩa Truman.

2. Chính sách ngăn chặn và việc chia cắt nước Đức, Triều Tiên.

3. Sự xuất hiện hai khối quân sự đối đầu.

4. Những cuộc xung đột khu vực.

5. Quan hệ Xô - Mỹ trong thập kỉ 80

6. Xô-Mỹ chấm dứt chiến tranh lạnh.

7. Sự sụp đổ hai cực Ianta.

Chương III: Quan hệ quốc tế từ sau chiến tranh lạnh đến nay (6, 8)

1. Liên Xô rút quân khỏi Ápanixtan.

2. Vấn đề Campuchia.

3. Cuộc chiến tranh vùng vịnh.

4. Việc lập lại hoà bình ở Trung đông.

5. Cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ sau sự kiện 11-9-2001.

6. Vai trò của EU, Trung Quốc, Nhật Bản trong bối cảnh mới.

7. Mâu thuẫn trong QHQT sau chiến tranh lạnh

8. Xu thế phát triển của QHQT sau chiến tranh lạnh.

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Trần Nam Tiến (Chủ biên), Nguyễn Tuấn Khanh, Trần Phi Tuấn (2008), *Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (1945 - 2000)*, NXB Giáo Dục.

2. Vũ Dương Ninh (Chủ biên), Phan Văn Ban, Nguyễn Văn Tân (2006), *Lịch sử quan hệ quốc tế*, tái bản lần thứ 1, NXB Giáo Dục.

9.2. Sách tham khảo

1. Mẫn Văn Mai, Nguyễn Tuấn Dũng, Vũ Ngọc Đức (2001), *Quan hệ quốc tế : Giáo trình đào tạo bậc đại học*, NXB Quân đội nhân dân.

2. Vũ Quốc Khánh, Đoàn Tử Diễm, Đồng Quang Tiến (2001), *Mười một tháng 9 thảm họa nước Mỹ*, NXB Thông tấn.

3. Paul R. Viotti, Mark V. Kauppi (2003), *Lịch sử luận quan hệ quốc tế* : Học viện Quan hệ quốc tế. Bộ Ngoại giao dịch, NXB Lao động.

4. Một số nội dung môn học quan hệ quốc tế : Sách tham khảo / Lê Doãn Tá, Hà Văn Thanh (Ch.b), Vũ Dương Ninh,... - H. : Chính trị Quốc gia, 1999.

5. Lê Minh Châu (Chủ biên), Mai Đình Chiến, Phạm Thanh Nghị (2002), *Quan hệ quốc tế đại cương*, NXB Chính trị Quốc gia.

6. Hoàng Văn Hiến, Nguyễn Việt Thảo (1998), *Quan hệ quốc tế từ 1945 đến 1995*, NXB Chính trị quốc gia.

7. Durosell J.B (2004), *Lịch sử ngoại giao (từ 1919 đến nay)*. Học viện quan hệ quốc tế.

9.46. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ BIÊN SOẠN LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG

- Mã học phần: 124205

- Số tín chỉ: 2 (18, 24)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Phương pháp luận sử học

1. Mô tả học phần

HP trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về Lịch sử luận phương pháp nghiên cứu và biên soạn lịch sử địa phương: Khái niệm Lịch sử địa phương, ý nghĩa của việc nghiên cứu phương pháp biên soạn lịch sử địa phương, phương pháp sưu tầm tư liệu, biên soạn và lịch sử địa phương ở trường phổ thông.

Năng lực đạt được: SV nghiên cứu độc lập một vấn đề về PP nghiên cứu và biên soạn lịch sử địa phương, trình bày được các vấn đề cơ bản của Lịch sử luận nghiên cứu và biên soạn lịch sử địa phương, vận dụng được những kỹ năng, phương pháp biên soạn lịch sử địa phương cơ bản trong thực hiện một đề tài khoa học (tiểu luận) về lịch sử Thanh Hóa.

2. Mục tiêu của học phần.

Sau khi học xong HP, dưới sự hướng dẫn của GV, kết hợp với thảo luận, thực hành, tự nghiên cứu tài liệu, SV cần đạt được các mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Trình bày lại được vị trí của công tác nghiên cứu và biên soạn lịch sử địa phương ở trường địa phương, sơ lược tình hình việc dạy học, nghiên cứu lịch sử địa phương ở trường phổ thông

- Trình bày và Lịch sử giải được các phương pháp nghiên cứu, biên soạn lịch sử địa phương chủ yếu, như sưu tầm tư liệu, biên soạn...

- Trình bày và Lịch sử giải được các phương pháp giảng dạy lịch sử địa phương ở trường phổ thông

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Bước đầu vận dụng các phương pháp nghiên cứu, biên soạn và dạy học lịch sử địa phương; Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh; Bước đầu hình thành các phương pháp nghiên cứu, biên soạn LSDP

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung chi tiết học phần.

CHƯƠNG 1. KHÁI LUẬN VỀ LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG (2, 3)

1.1. Khái niệm lịch sử địa phương và đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu

1.2. Vị trí công tác nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương ở trường phổ thông

1.3. Tình hình nghiên cứu lịch sử địa phương

CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ BIÊN SOẠN LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG. (5, 7)

2.1. Tổ chức nghiên cứu lịch sử địa phương

2.2. Công tác sưu tầm tư liệu

2.3. Biên soạn lịch sử địa phương

CHƯƠNG 3. BIÊN SOẠN VÀ GIẢNG DẠY LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG (5,7)

3.1. Vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương ở trường phổ thông

3.2. Biên soạn bài giảng lịch sử địa phương ở trường phổ thông

CHƯƠNG 4. BIÊN SOẠN LỊCH SỬ NHÀ TRƯỜNG, XÂY DỰNG PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ PHÒNG HỌC LỊCH SỬ (5,7)

4.1. Ý nghĩa, yêu cầu về việc biên soạn lịch sử nhà trường, xây dựng phòng truyền thống, phòng học lịch sử.

4.2. Tổ chức nghiên cứu, biên soạn lịch sử nhà trường

4.3. Xây dựng phòng truyền thống của nhà trường

4.4. Xây dựng phòng học lịch sử.

CHƯƠNG 5. THỰC HÀNH LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG. (2, 3)

5.1. Vị trí, tầm quan trọng của công tác thực hành lịch sử địa phương.

5.2. Nội dung, hình thức thực hành lịch sử địa phương

5.3. Phương pháp tiến hành các hoạt động thực hành lịch sử địa phương

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình chính

1. Nguyễn Cảnh Minh- Đỗ Hồng Thái- Hoàng Thanh Hải (2010), *Giáo trình Lịch sử địa phương*, Nxb ĐHSP, HN

2. Nguyễn Cảnh Minh- Đỗ Hồng Thái- Hoàng Thanh Hải (2012), *Phương pháp nghiên cứu và biên soạn Lịch sử địa phương*, Nxb ĐHSP, HN

9.2. Sách tham khảo

1. Phan Ngọc Liên (CB) (2005), *Phương pháp luận sử học*, NXB ĐHQG, HN

2. Phan Ngọc Liên (CB) (2005), *Phương pháp dạy học lịch sử, tập 1, 2*, NXB ĐHSP,

HN

3. Bộ GD&ĐT (2015), *Lịch sử và Địa Lịch sử lớp 4, 5*, Nxb Giáo dục Việt Nam

4. Bộ GD&ĐT (2015), *Lịch sử lớp 6,7,8,9,10,11,12*, Nxb Giáo dục Việt Nam

B. CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

- Mã học phần: 124086

- Số tín chỉ: 2 (12, 30)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử, khoa KHXH, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Lý luận dạy học môn Lịch sử

1. Mô tả học phần

HP giới thiệu những vấn đề cơ bản về hoạt động trải nghiệm sáng tạo ở trường phổ thông: quan niệm, bản chất của trải nghiệm trong hoạt động trải nghiệm sáng tạo, vai trò vị trí trong việc phát triển năng lực HS, hình thức, phương pháp tổ chức, phương pháp đánh giá... Trên cơ sở đó, SV được hướng dẫn và thực hành việc thiết kế, tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm nâng cao hiệu quả dạy học bộ môn.

Năng lực đạt được: Sinh viên hình thành năng lực vận dụng những lí luận cơ bản về lí luận DH bộ môn thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS phổ thông.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Phân tích được bản chất của trải nghiệm trong hoạt động giáo dục và hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

- Phân tích được bản chất của sáng tạo và phát triển sự sáng tạo trong các hoạt động trải nghiệm.

- Nhận thức được vai trò, ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong việc hình thành và rèn luyện năng lực cho người học.

- Xác định được các hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo

- Nắm vững quy trình thiết kế và tổ chức chương trình TNST cho HS các trường phổ thông.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá.

- Hình thành các kỹ năng tổ chức, vận dụng Lịch sử luận chung của học phần để thiết kế và tổ chức chương trình trải nghiệm phù hợp cho HS phổ thông.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Say sưa trong rèn luyện các PPDHLS.

- Yêu thích ngành nghề đã chọn, tích cực góp phần đổi mới PPDHLS.

2. 4. Về năng lực: Góp phần hình thành cho SV năng lực tổ chức các hoạt động tập thể.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Những vấn đề chung về hoạt động trải nghiệm sáng tạo (3, 3)

1.1. Một số quan niệm về hoạt động TNST

1.2. Bản chất của hoạt động TNST

1.3. Vị trí, vai trò của hoạt động TNST trong phát triển năng lực HS

1.4. Hoạt động TNST trong chương trình giáo dục phổ thông

Chương 2. Mục tiêu, yêu cầu, nội dung chương trình, hình thức, phương pháp hoạt động TNST cho HS phổ thông (4, 6)

2.1. Mục tiêu và yêu cầu cần đạt

2.2. Xây dựng nội dung chương trình cho hoạt động TNST ở trường phổ thông

2.3. Hình thức tổ chức các hoạt động TNST

2.4. Phương pháp tổ chức các hoạt động TNST

Chương 3. Đánh giá các hoạt động TNST của HS trường phổ thông (3, 6)

3.1. Vai trò, ý nghĩa của việc đánh giá

3.2. Nội dung, yêu cầu của việc đánh giá

3.3. Xây dựng các tiêu chí chất lượng cho các năng lực cần đánh giá

3.4. Các hình thức, phương pháp và công cụ đánh giá

Chương 4. Thiết kế các hoạt động TNST của HS trường phổ thông (2, 9)

4.1. Thiết kế hoạt động TNST cho HS THCS

4.2. Thiết kế hoạt động TNST cho HS THPT

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ Lịch sử thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:

Phương pháp chủ yếu là học qua trải nghiệm với các hoạt động chủ yếu là làm việc nhóm, thảo luận... SV chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập với sự tư vấn, định hướng và tổ chức các hoạt động học tập của giảng viên.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Phan Ngọc Liên (CB) (2005), PP dạy học lịch sử, Tập 1- 2, NXB ĐHSP.

2. Bộ GD và ĐT (2006), Chương trình giáo dục phổ thông- Hoạt động trải nghiệm sáng tạo NGLL, Hà Nội

9.2. Sách tham khảo:

1. Bộ GD và ĐT (2013), Đề án Đổi mới Chương trình và SGK sau năm 2015, HN.

2. Bộ GD và ĐT Hàn Quốc (2009), Chương trình Hàn Quốc- Hoạt động ngoại khoá sáng tạo, Seoul, Hàn Quốc.

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

10.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;

- Đào tạo hình thức giáo dục thường xuyên: Áp dụng quy chế đào tạo giáo dục thường xuyên và thời gian đào tạo kéo dài thêm từ 6 đến 12 tháng;

- Đào tạo liên thông, văn bằng 2: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;

- Thực hiện việc xét miễn học phần, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

10.2. Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trưởng các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có

trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Căn cứ thực tế hiện có và yêu cầu điều kiện về phòng thực hành, thí nghiệm, tài liệu dạy học phục vụ đào tạo, Trường phòng QT,VT-TB, Giám đốc TT TTTV xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung trình Hiệu trưởng quyết định.

10.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa Lịch sử thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

10.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

9.5. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản Lịch sử đào tạo). Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 10 năm 2018



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Thị Mai